[...]NG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA
[...]I KHOA HỌC MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GIÁO TRÌNH

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

N[...]HÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA
CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GIÁO TRÌNH

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2010

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đồng chí **Đào Duy Tùng,** Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, **Chủ tịch**;
2. Đồng chí **Nguyễn Đức Bình**, giáo sư, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách khối Tư tưởng - Văn hoá và Khoa giáo, **Phó Chủ tịch**;
3. Đồng chí **Nguyễn Đình Tứ**, giáo sư, phó tiến sĩ, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, **Phó Chủ tịch**;
4. Đồng chí **Nguyễn Khánh**, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, **Phó Chủ tịch**;
5. Đồng chí **Nguyễn Duy Quý**, giáo sư, tiến sĩ, Uỷ viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, **Tổng thư ký**;
6. Đồng chí **Đặng Xuân Kỳ**, giáo sư, Uỷ viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Mác-Lênin, Uỷ viên;
7. Đồng chí **Trần Chí Đáo,** phó giáo sư, phó tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Uỷ viên;
8. Đồng chí **Trần Ngọc Hiên**, giáo sư, phó tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc, Uỷ viên;
9. Đồng chí **Trần Xuân Trường**, giáo sư, Giám đốc Học viện Chính trị - Quân sự, Uỷ viên;
10. Đồng chí **Dương Phú Hiệp**, phó giáo sư, phó tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Uỷ viên;
11. Đồng chí **Hà Học Hợi,** phó giáo sư, Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Uỷ viên;
12. Đồng chí **Nguyễn Văn Phùng**, giáo sư, Uỷ viên;
13. Đồng chí **Đỗ Nguyên Phương**, phó giáo sư, phó tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc, Uỷ viên.

(Theo Quyết định số 255-CT ngày 13-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

BAN BIÊN SOẠN:

GS. TS. **Đỗ Nguyên Phương** - Trưởng Ban
PGS. **Hà Học Hợi** - Phó Trưởng Ban
PGS. TS. **Nguyễn Đức Bách** - Uỷ viên Thư ký
GS. TS. **Trịnh Quốc Tuấn** - Uỷ viên
GS. **Đỗ Tư** - Uỷ viên
PGS. **Đặng Quang Uẩn** - Uỷ viên
PGS. TS. **Hoàng Chí Bảo** - Uỷ viên
GS. TS. **Phạm Ngọc Quang** - Uỷ viên
TS. **Phạm Quang Nghị** - Uỷ viên

CỘNG TÁC VIÊN:

TS. **Phan Thanh Khôi**
TS. **Nguyễn Đức Lữ**
GS. **Phạm Thành**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử vinh quang và đầy sóng gió của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội được bắt nguồn từ tư tưởng của C. Mác. Hơn một thế kỷ qua, tuy gặp không ít khó khăn, thậm chí ở đây đó đã vấp phải sai lầm, thất bại, nhưng *trước* sau xu *hướng* này vẫn thể hiện sức sống mãnh liệt của nó. Lý tưởng về một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội mà "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" vẫn là ngọn cờ tư tưởng của hàng triệu, triệu con người đang phấn đấu xây dựng một cuộc sống công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội không hề đơn giản. Con đường đi tới chủ nghĩa xã hội không bằng phẳng, trơn tru mà đầy khó khăn và trở lực. Tính chất cực kỳ khó khăn và trở lực trên con đường đó đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nói đến. Tuy nhiên, phạm vi, quy mô và mức độ của nó không ai có thể lường hết được. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình tìm kiếm và không ngừng tìm kiếm, khám phá. Chủ nghĩa xã hội là một hệ thống mở. Do từ trong bản chất, nó luôn biết tự phê phán và thường xuyên tự đổi mới, tự phát triển, tự hoàn thiện.

Với thực tiễn đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày một rõ ràng và đầy đủ hơn. Điều này, trên thực tế, đã trở thành một nguồn lực đặc biệt có ý nghĩa bảo đảm cho mỗi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Nhận thức bao giờ cũng là một quá trình đi từ giản đơn đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Hơn thế nữa, chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng mới mẻ đang vận động, sinh thành trong lịch sử loài người. Bởi vậy, bám sát thực tiễn, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học là yêu cầu to lớn và cấp bách mà thực tiễn đang đặt ra.

Để giúp việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn ***Chủ nghĩa xã hội khoa học*** một cách có hệ thống trên cơ sở đổi mới cả về cách tiếp cận và phân tích lý luận cũng như cố gắng cập nhật với thực tiễn của thời đại, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Ban biên soạn giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học gồm các nhà khoa học đầu đàn trên lĩnh vực này, do GS.TS. Đỗ Nguyên Phương chủ biên, đã nỗ lực rất lớn với tinh thần trách nhiệm cao đã bước đầu hoàn thành việc biên soạn ***Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học.***

Giáo trình gồm 16 chương, được biên soạn công phu, trình bày theo lôgích hợp lý, các nội dung bảo đảm tính khoa học và được cân nhắc thận trọng. Giáo trình này được coi là cái "khung" cơ bản và cơ sở khoa học để các cơ sở giáo dục - đào tạo, các trường biên soạn chương trình giảng dạy và học tập môn ***Chủ nghĩa xã hội khoa học*** cho phù hợp với đối tượng và thời gian học tập cụ thể.

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản có sửa chữa, bổ sung ***Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học***, mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc nhằm góp phần làm cho giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Tháng 7 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI MỞ ĐẦU

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VIII) khi xác định nhiệm vụ của các lĩnh vực khoa học và công nghệ thì *trước tiên* đã chỉ rõ:

"Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh *để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học*... Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam".

Sau những năm lãnh đạo và tổ chức công cuộc đổi mới đạt được những thành quả rất quan trọng, tạo thế và lực mới cho đất nước và dân tộc ta, Đảng ta có nhận định: Công cuộc đổi mới về cơ bản là đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng có những biểu hiện chệch hướng cụ thể ở mức độ này hay mức độ khác, ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác.

Cùng với việc chỉ rõ những thời cơ, thuận lợi mới, Đảng ta cũng chỉ rõ những khó khăn, thách thức và nguy cơ, trong đó có *nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa*. Một trong những nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta có chệch hướng xã hội chủ nghĩa hay không chính là do có nhận thức về chủ nghĩa xã hội nói chung và về con đường lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta... có đúng hay không.

Điều rất cần lưu ý là, nếu không nhận thức một cách cơ bản,

có hệ thống ngày càng đúng đắn và đầy đủ hơn *về chủ nghĩa xã hội nói chung* thì không thể có lòng tin, lý tưởng và bản lĩnh xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa vững vàng trong mọi tình huống của quá trình cách mạng cũng không thể có đủ cơ sở khoa học và bản lĩnh để biết vận dụng sáng tạo và phát triển đúng đắn lý luận về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hơn nữa, qua thực tiễn lịch sử cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta có thể nhận định rằng, nhiều biểu hiện cơ hội, xét lại... đều do một trong những nguyên nhân cơ bản là không có nhận thức đúng đắn, không có lòng tin và lý tưởng thật sự đối với chủ nghĩa xã hội nói chung và với lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng.

Các bộ môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều trang bị cho người học nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở những góc độ và chức năng khác nhau, nhưng có liên quan và nhất quán với nhau. Song, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học lại là môn trực tiếp nhất trong việc trang bị một cách tổng hợp và toàn diện những nhận thức về chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trang bị lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động. Về những ý nghĩa khái quát trên đây, chính V.I. Lênin đã coi chủ nghĩa xã hội khoa học, theo nghĩa rộng, tức là chủ nghĩa Mác.

Thực tiễn cũng cho thấy rõ, việc nghiên cứu giảng dạy các bộ môn khoa học Mác-Lênin qua hàng thập kỷ qua đều rất phức tạp, khó khăn, nhất là việc gắn liền lý luận với thực tiễn đất nước và thời đại. Song, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học thường là môn phức tạp và khó khăn nhất, thậm chí còn bị xem nhẹ nhất!

Khi chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào tạm thời, khi cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức... ngày càng phát triển... thì những biểu hiện dao động, hoài nghi, phủ nhận chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học càng nhiều hơn. Vì thế, việc giảng dạy, học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - một môn *trực tiếp mang tên chủ nghĩa xã hội* - cũng càng phức tạp, khó khăn hơn với những yêu cầu ngày càng đặt ra cao hơn về sức thuyết phục khoa học và thực tiễn.

Tiến hành biên soạn giáo trình quốc gia môn Chủ nghĩa xã hội khoa học dưới sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của "Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh", Ban Biên soạn và các cộng tác viên đã nỗ lực rất nhiều với ý thức trách nhiệm cao, tổ chức hàng trăm hội thảo khoa học, nghiên cứu thực tiễn trong và ngoài nước, đọc và tra cứu lại một cách nghiêm túc, có hệ thống và chuẩn xác hơn kho tàng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng ta... và, qua hơn 10 lần bản thảo mới có được giáo trình này. Tập thể các nhà giáo, các nhà khoa học đầu đàn có uy tín về lĩnh vực này đã nhiều lần cân nhắc kỹ, lựa chọn hệ thống những phạm trù, khái niệm, quy luật, những nội dung cơ bản nhất của môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, cố gắng đổi mới cả về cách tiếp cận và phân tích lý luận cũng như cố gắng "cập nhật" hơn về thực tiễn của thời đại hiện nay... để có *16 chương* giáo trình với lôgích sắp xếp như hiện nay. Giáo trình quốc gia môn Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm phục vụ giảng dạy và học tập cho *đối tượng là những cử nhân (đại học) chính trị Mác-Lênin* nói chung. Từ giáo

trình quốc gia này làm cái "nền" cơ bản - hệ thống để có căn cứ thống nhất cho các cơ sở giáo dục - đào tạo, các trường trên cả nước ta vận dụng, biên soạn các giáo trình, bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở các trình độ thấp hơn hoặc cao hơn, phù hợp với đối tượng và thời gian học tập cụ thể.

Tập thể các tác giả biên soạn đã có rất nhiều nỗ lực song chắc chắn giáo trình vẫn còn nhiều điều chưa thoả mãn đối với nhiều người nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn này, nhất là chưa thể giải đáp được nhiều vấn đề của thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đang tiếp tục đặt ra.

Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp xây dựng cho giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng có chất lượng cao hơn.

BAN BIÊN SOẠN

CHƯƠNG I

VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là *một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin*. Trước khi chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời đã có những trào lưu, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng. Vào giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản có những bước phát triển, đồng thời bộc lộ những mâu thuẫn ngày càng rõ rệt và cũng xuất hiện những tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở hiện thực ấy, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã có đủ những căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn để sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ đó chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sản xuất và phong trào công nhân, vừa phản ánh, vừa soi sáng con đường giai cấp công nhân tiến lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Giai cấp công nhân và Đảng của nó lãnh đạo cách mạng Việt Nam có những thắng lợi rất to lớn về nhiều mặt... đã góp phần làm cho chủ nghĩa xã hội khoa học có sức mạnh trong thực tiễn và ngày càng phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết 15 năm đổi mới (1986-2000) đã nêu một trong bốn bài học kinh nghiệm là "*... trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*"[1]. Hồ Chí Minh lại đặc biệt coi trọng chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng, rằng: "Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng"[2]. Bởi vậy, việc nghiên cứu, vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học ở nước ta hiện nay càng có ý nghĩa quan trọng hơn.

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC - MỘT BỘ PHẬN HỢP THÀNH CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Chủ nghĩa xã hội khoa học (hay chủ nghĩa cộng sản khoa học) *theo nghĩa rộng* là chủ nghĩa Mác-Lênin, luận giải trên các góc độ triết học, kinh tế và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Điều ấy nói lên sự thống nhất, tính hoàn chỉnh về mặt cấu trúc của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chính hiểu chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.81.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.92.

mà V.I. Lênin đánh giá khái quát về bộ *Tư bản* của C. Mác rằng: bộ ""Tư bản" - tác phẩm chủ yếu và cơ bản... trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học"[1]; rằng, *chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác*, hoặc chủ nghĩa Mác chính là chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin. Điều này đã được Ph. Ăngghen và V.I. Lênin khẳng định trong một số tác phẩm. Trong cuốn *Chống Đuyrinh*, tác phẩm mang tính tổng hợp, Ph. Ăngghen viết theo *ba phần*: "triết học", "kinh tế chính trị", "chủ nghĩa xã hội". Khi phân tích nguồn gốc *ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác,* V.I. Lênin viết: "Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỷ XIX, đó là triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp"[2].

Vì vậy có thể thấy rằng, quá trình xây dựng và phát triển học thuyết của mình, trong tư duy của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã hình thành *ba bộ phận* để nghiên cứu: *Triết học* (gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử), *Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Tuy có những tác phẩm đi sâu vào bộ phận này, bộ

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t.1, tr. 226.

2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1980, t.23, tr.50.

phận khác nhưng nhìn chung *ba bộ phận ấy xuất hiện và phát triển gắn bó với nhau, bổ sung cho nhau, mỗi bộ phận có vị trí riêng.*

1. Triết học Mác-Lênin, với phát kiến vĩ đại đầu tiên là chủ nghĩa duy vật lịch sử đã chỉ ra việc sản xuất kinh tế là cơ sở để xem xét sự thay đổi các chế độ xã hội, từ đó hình thành lý luận về hình thái kinh tế - xã hội và kết luận rằng sự thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội đã diễn ra trong lịch sử là do sự phát triển của các phương thức sản xuất kế tiếp nhau quyết định. Nhờ đó, những quan điểm duy vật lịch sử đã vượt qua được tính chất không tưởng, thần bí, duy tâm của các môn phái xã hội trước nó.

Chủ nghĩa xã hội khoa học, dựa vào lý luận và phương pháp luận của duy vật lịch sử rút ra kết luận: cũng như các hình thái kinh tế - xã hội trước nó, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa chỉ là một trong những nấc thang của sự phát triển trong lịch sử xã hội loài người. Nó có quá trình phát sinh, phát triển, tiêu vong, trước sau nó sẽ được thay thế bằng một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Đó là hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Kinh tế học chính trị Mác-Lênin. Cùng với chủ nghĩa duy vật lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đi sâu nghiên cứu sự vận động của xã hội tư bản chủ nghĩa, làm rõ một trong những bản chất của giai cấp tư sản trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là bóc lột

giá trị thặng dư. Nhờ bóc lột giá trị thặng dư mà giai cấp công nhân đã tạo ra, giai cấp tư sản đã đẩy mạnh phát triển kinh tế và bước vào cuộc cách mạng công nghiệp làm tăng năng suất lao động, nhưng đồng thời cũng làm cho lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hoá ngày càng cao, mâu thuẫn với tính chất chật hẹp của chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì càng làm cho mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất càng gay gắt. Xét *về mặt kinh tế* thì chỉ có thể giải quyết triệt để mâu thuẫn đó khi có cuộc cách mạng giành những tư liệu sản xuất chủ yếu vào tay xã hội quản lý, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. *Về mặt xã hội*, người có sứ mệnh lịch sử thực hiện quá trình cách mạng xã hội đó là giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp; có mâu thuẫn đối kháng về lợi ích với giai cấp tư sản và đại diện cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến của thời đại mới.

Học thuyết giá trị thặng dư luận chứng một cách khoa học từ nguồn gốc kinh tế của sự diệt vong chủ nghĩa tư bản, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin nói: "Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa"[1].

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1980, t.23, tr.58.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học là thành quả lý luận nhất quán về lôgích với triết học và kinh tế học chính trị Mác-Lênin. Nó vừa dựa trên cơ sở triết học và kinh tế học chính trị Mác-Lênin, vừa bổ sung và hoàn tất các học thuyết ấy, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin mang tính hoàn chỉnh, cân đối. Chủ nghĩa xã hội khoa học như một bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin không những chỉ nhằm nhận thức thế giới một cách đúng đắn mà còn trực tiếp đề cập nhiều vấn đề trong quá trình cải tạo thế giới theo những quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người, đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo quá trình đó là giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử của mình là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Nếu triết học và kinh tế học chính trị luận chứng tính tất yếu, những nguyên nhân sâu xa, khách quan về sự ra đời của chủ nghĩa xã hội thì *việc chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội phải được thực hiện như thế nào, đặc biệt là do giai cấp nào đảm nhiệm vai trò chủ đạo - trực tiếp giải quyết vấn đề đó... là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học. Do vậy chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo nghĩa hẹp là hệ thống lý luận chính trị - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin.*

Đánh giá vai trò quan trọng của chủ nghĩa xã hội

khoa học, V.I. Lênin chỉ ra rằng: "Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa"[1].

Cũng như các bộ phận khác của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học là sự thống nhất giữa khoa học và cách mạng. Song, ở chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thống nhất ấy đòi hỏi phải được thực hiện trong thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân. Do đó, chủ nghĩa xã hội khoa học càng đòi hỏi sự thống nhất chặt chẽ giữa khoa học và cách mạng, giữa lý luận và thực tiễn, giữa tính khoa học và tính giai cấp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học

Những quy luật hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không chỉ là đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học mà còn của nhiều môn khoa học xã hội khác. Trước khi làm rõ đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học cần làm rõ ranh giới của nó với các bộ

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1980, t.23, tr.1.

môn khoa học khác, nhất là những bộ môn gần gũi với nó.

Với triết học Mác-Lênin

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho tất cả các môn khoa học, đặc biệt là các khoa học xã hội. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở lý luận và phương pháp luận trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học. Song, giữa chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học có phạm vi nghiên cứu khác nhau.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử nghiên cứu những quy luật chung tác động trong tất cả các giai đoạn phát triển của lịch sử loài người hay trong nhiều hình thái kinh tế - xã hội như: tác động qua lại giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; giữa đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, v.v..

Nghiên cứu quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đều có sự tham gia của nhiều môn khoa học, trong đó có triết học Mác-Lênin, kinh tế học chính trị Mác-Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ nghiên cứu những quy luật đặc thù như: đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, v.v..

Với kinh tế học chính trị Mác-Lênin

Chủ nghĩa xã hội khoa học và kinh tế học chính trị Mác-Lênin đều nghiên cứu sự quá độ của loài người lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song, kinh tế học chính trị Mác-Lênin chủ yếu nghiên cứu những quan hệ kinh tế, những quy luật kinh tế, những hình thức kinh tế nhằm làm rõ bản chất, những mâu thuẫn và tính nhất thời về mặt lịch sử của chế độ tư bản chủ nghĩa; làm rõ tính tất yếu kinh tế dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế học chính trị Mác-Lênin còn nghiên cứu bản chất và những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và những quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ. Trên cơ sở những thành quả đó của kinh tế học chính trị Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học chủ yếu đi sâu nghiên cứu các quan hệ, các quy luật chính trị - xã hội trong quá trình từng bước vượt qua chủ nghĩa tư bản, tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Với các môn khoa học xã hội chuyên ngành như: Chính trị học, Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, v.v..

Các môn khoa học trên, mỗi môn nghiên cứu một lĩnh vực tương đối hẹp của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội khoa học không đi sâu vào những lĩnh vực trên mà đóng vai trò một môn học cơ bản, cùng

với triết học và kinh tế học chính trị cung cấp cơ sở lý luận và phương pháp luận cho các môn chuyên ngành đó.

Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời đánh dấu sự chuyển biến căn bản trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội đã có trước đó. Chủ nghĩa xã hội không còn là sự phát hiện ngẫu nhiên của những bộ óc thiên tài nào đó, mà ra đời từ những thành quả và quá trình giải quyết các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, từ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân lật đổ giai cấp tư sản để "giải phóng những nhân tố của xã hội mới đã phát triển trong lòng xã hội tư sản cũ đang sụp đổ"[1].

Chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học nghiên cứu sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song quá trình khách quan, có tính chất lịch sử tự nhiên này lại chỉ có thể thực hiện bằng việc phát huy nhân tố chủ quan, thông qua *sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân* do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Vì vậy, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra: Chủ nghĩa xã hội khoa học "*là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản*" trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, là "sự khái quát lý luận về những điều kiện

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.456.

giải phóng của giai cấp vô sản"[1] và gắn với giải phóng nhân loại.

Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: đấu tranh lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập chuyên chính vô sản, triển khai sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản. *Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học có thể nêu lên một cách khái quát là*: luận chứng một cách khoa học tính tất yếu về mặt lịch sử sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, địa vị, vai trò của quần chúng lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh cách mạng xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội khoa học còn luận giải một cách khoa học về phương hướng và các nguyên tắc chủ yếu của chiến lược và sách lược của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó trong các giai đoạn đấu tranh vì chủ nghĩa cộng sản, về con đường và các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân và của cách mạng xã hội chủ nghĩa, về vai trò, nguyên tắc tổ chức và hình thức thích hợp của chuyên chính vô sản, về những tiền đề và điều kiện

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr. 399.

của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về những quy luật, bước đi và các hình thức, phương pháp của việc tổ chức xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa, về các mối quan hệ gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc, các phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa trong quá trình cách mạng thế giới. Một nhiệm vụ quan trọng khác của chủ nghĩa xã hội khoa học là phê phán và ngăn chặn những trào lưu tư tưởng chống cộng và chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và những thành quả cách mạng.

Ph. Ăngghen đã nêu một cách cô đọng nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học như sau: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại. Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy, và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về mặt lý luận của phong trào vô sản"[1].

Từ những nội dung trình bày trên đây, có thể nêu lên một cách khái quát đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ yếu là: *Các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát*

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.20, tr.393.

sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập, được V.I. Lênin tiếp tục phát triển trong điều kiện lịch sử mới của thời kỳ đế quốc chủ nghĩa và thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin đã phát triển lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chiến lược, sách lược chính trị của phong trào cộng sản, về các quy luật cơ bản và các con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này đã làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học. Kế thừa những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và tổng kết kinh nghiệm công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp tại Mátxcơva năm 1957 đã khái quát những tính quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó những quy luật chính trị-xã hội là: Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là Đảng mácxít-lêninnít đối với quần chúng lao động tiến hành cách mạng vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác, kiến lập nên chuyên chính vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác; liên minh

của giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác; thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, và đào tạo một tầng lớp trí thức đông đảo trung thành với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động, với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ sự áp bức dân tộc và xây dựng sự bình đẳng và tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của các kẻ thù bên ngoài và bên trong; sự đoàn kết của giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, tức là chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Thực hiện những quy luật phổ biến là điều bắt buộc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, song sự vận dụng những quy luật ấy phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này, hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội.

Nhiệm vụ của Đảng mácxít-lêninnít là tuân theo những quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, song phải biết cân nhắc những đặc điểm

vốn có của từng quốc gia dân tộc, xác định những hình thức, phương pháp và bước đi phù hợp, hiệu quả để tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

2. Phương pháp của chủ nghĩa xã hội khoa học

Là một bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học dựa vào phương pháp luận triết học mácxít là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là phương pháp chung để luận giải quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, những quy luật chính trị - xã hội của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Song, để xây dựng hệ thống lý luận của mình, chủ nghĩa xã hội khoa học vừa phải vận dụng phương pháp luận chung một cách phù hợp vừa phải sử dụng một cách tổng hợp nhiều phương pháp khác nhau.

Phương pháp kết hợp lịch sử - lôgích

Chủ nghĩa xã hội khoa học được C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập dựa trên hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư. Nhờ hai phát hiện ấy các ông đã đi đến kết luận một cách lôgích rằng: chủ nghĩa xã hội trước sau sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Nhưng chủ nghĩa xã hội sẽ ra đời như thế nào C. Mác và Ph. Ăngghen chưa thể nêu lên cụ thể, mà chỉ mới đưa ra những dự báo khoa học. Vì vậy, các ông phải sử dụng phương

pháp lịch sử, đi vào phong trào công nhân, khái quát kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp công nhân, thường xuyên bổ sung và phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. Những cuộc chiến đấu lớn của giai cấp công nhân như cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pari năm 1848, sự ra đời của Công xã Pari 1871 là những cột mốc làm sáng tỏ mục tiêu, con đường đấu tranh của giai cấp công nhân. Tất nhiên, chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp lịch sử không phải chỉ để trình bày các sự kiện lịch sử, mà chủ yếu là từ thực tế lịch sử rút ra những kinh nghiệm có tính chất điển hình, phát hiện lôgích cuộc đấu tranh giai cấp, khái quát thành những nguyên lý lý luận, trong đó có những dự báo khoa học.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thành công ở Nga, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu trong thực tế, bằng phương pháp lôgích kết hợp với lịch sử. V.I. Lênin đã làm phong phú rất nhiều những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Quan hệ giữa lôgích và lịch sử cũng chính là quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Để tránh những sai lầm nghiêm trọng trong nghiên cứu, nhất là khi vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, phải tính đến những điều kiện lịch sử cụ thể của một đất nước, một dân tộc nhất định với những đặc điểm về truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá để tìm con đường, phương pháp và bước đi phù hợp

nhằm từng bước thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những hiệu quả ngày càng cao trên thực tế.

Kế thừa và tiếp thu có chọn lọc những giá trị tư tưởng của quá khứ và những giá trị mới của thời đại. Chủ nghĩa Mác được hình thành trên cơ sở kế thừa, cải tạo, nâng cao lên một bước mới về chất triết học cổ điển Đức, kinh tế học chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Cùng với việc kế thừa những di sản của các nhà tư tưởng tiền bối, C. Mác và Ph. Ăngghen đã tập trung nghiên cứu và tổng kết thực tiễn; đồng thời sàng lọc và tiếp thu một khối lượng kiến thức đồ sộ của những nhà khoa học đương thời, từ đó sáng lập được học thuyết của mình. Sau này, V.I. Lênin lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nga, không những kế thừa, bảo vệ, phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, mà còn nhắc nhở những người cộng sản rằng muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải biết làm giàu trí tuệ của mình bằng cả kho tàng kiến thức của nhân loại.

Chủ nghĩa xã hội không xuất phát từ mơ ước, nảy sinh một cách "hư vô" từ đầu óc con người mà chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ yêu cầu của thực tế đời sống, từ những thành quả tích cực của thực tiễn quá trình phát triển nhân loại. Giữa mối liên hệ khách quan, giữa cái cũ và cái mới theo quy luật biện chứng phủ định của phủ định, nghĩa là không bác bỏ hoàn

toàn cái cũ mà bảo tồn và phát triển hơn nữa cái hợp lý, cái tiến bộ đã đạt được trong giai đoạn trước, không như thế thì không thể có sự vận động tiến lên trong thực tiễn cũng như trong tư duy.

Vừa qua, bên cạnh những thành tựu to lớn không thể phủ nhận được, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã phạm không ít sai lầm khuyết điểm liên quan đến mặt này.

Khi chủ nghĩa xã hội ở vào thời kỳ cao trào đã chối bỏ một cách cực đoan những giá trị tích cực của chủ nghĩa tư bản, không biết tiếp thu những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ mới. Sai lầm đó đã đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến chỗ trì trệ, ngày càng bị các nước tư bản chủ nghĩa bỏ xa về trình độ phát triển lực lượng sản xuất. Ngược lại, khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, tiến hành "cải tổ", lại phủ định chính mình, bôi đen quá khứ, đi tìm giải pháp ở ngoài những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Những sai lầm ấy đã làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm mất lòng tin của quần chúng, gây mất ổn định về chính trị, tạo ra cơ hội tốt cho các lực lượng thù địch bên trong và bên ngoài chống phá chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, kế thừa một cách đúng đắn những giá trị của quá khứ, tiếp thu có chọn lọc những giá trị thời đại là phương pháp quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học hiện nay. Thực hiện phương pháp này

cần chống việc phủ nhận một cách hư vô chủ nghĩa đối với những di sản tốt đẹp, đồng thời cũng chống việc tiếp thu một cách mơ hồ, không tỉnh táo trước những cái mới.

Kết hợp sử dụng các phương pháp cụ thể khác để nghiên cứu xã hội, đặc biệt là phát hiện và tổng kết những vấn đề chính trị - thực tiễn, góp phần phát triển lý luận.

Nghiên cứu xã hội cụ thể là phương pháp được nhiều môn khoa học sử dụng. Đối với chủ nghĩa xã hội khoa học, phương pháp này giúp cho việc khái quát lý luận có cơ sở vững chắc dựa trên những dữ kiện, những công trình điều tra, khảo sát, những số liệu thống kê, những việc thăm dò dư luận xã hội, v.v.. Phương pháp này còn có cách làm giàu trí tuệ của những người nghiên cứu bằng kiến thức phong phú trong đời sống thực tế của xã hội.

Để xây dựng học thuyết của mình, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã phải dày công nghiên cứu, thu thập, phân tích rất nhiều tư liệu, tài liệu, số liệu thống kê, phải đọc không biết bao nhiêu sách báo, qua bao nhiêu thư viện, thâm nhập không biết bao nhiêu nhà máy, công xưởng, v.v..

Đối với chủ nghĩa xã hội khoa học ngày nay, một vấn đề cấp bách là phải triển khai nhiều công trình tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận để phát triển lý luận làm cho chủ nghĩa xã hội khoa học phản

ánh đúng thực trạng và xu thế của xã hội, của đất nước, của loài người, soi sáng con đường đi lên của cách mạng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành và phát triển trong mối liên hệ chặt chẽ với thực tiễn sản xuất và đấu tranh của phong trào công nhân, của nhân dân lao động; đồng thời đấu tranh quyết liệt với những tư tưởng và hoạt động thù địch dưới nhiều màu sắc.

Trong quá trình tham gia vào các cuộc chiến đấu của giai cấp công nhân, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học thường xuyên gắn chặt với cuộc đấu tranh chống các loại tư tưởng thù địch; và trong khi đấu tranh chống các loại tư tưởng thù địch, nhiều nguyên lý sắc bén của chủ nghĩa xã hội khoa học đã được hình thành và phát triển.

Những tấm gương ấy của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đến nay vẫn mang tính thời sự. Trước thoái trào của chủ nghĩa xã hội và sự tiến công điên cuồng về mọi mặt của các loại kẻ thù, nếu những người cộng sản xa rời cuộc đấu tranh về lý luận và trong thực tiễn từ phong trào cách mạng sẽ sa vào thế bị động, lúng túng và không tránh khỏi bế tắc, không tìm thấy con đường. Để lấy lại sức sống của phong trào, phải nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, vận dụng và phát triển nó một cách linh hoạt, sáng tạo trong suốt quá trình đấu

tranh trên mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chính trị - thực tiễn, lĩnh vực đấu tranh tư tưởng vô cùng phức tạp hiện nay. Đặc biệt là phải đấu tranh chống các quan điểm "phi chính trị hoá", "phi ý thức hệ" là những quan điểm cực kỳ tác hại cho quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Về mặt lý luận

Nghiên cứu triết học và kinh tế học chính trị Mác-Lênin đồng thời phải tiếp tục nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học mới hiểu được chủ nghĩa Mác-Lênin một cách cân đối và hoàn chỉnh.

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm xuất hiện những điều kiện và khả năng thực tế để giải phóng loài người khỏi ách thống trị của nó. Đó là lực lượng sản xuất hùng hậu, là khoa học - kỹ thuật tiên tiến, là giai cấp công nhân hiện đại gắn với lực lượng quần chúng lao động đông đảo.

Nhưng để biến khả năng thành hiện thực, giai cấp công nhân cần phải được trang bị vũ khí lý luận để tìm ra con đường giải phóng. Vũ khí lý luận ấy là chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chúng ta biết rằng, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu triết học và kinh tế học chính trị không dừng lại ở mục tiêu vì lý luận, vì học thuật, không dừng lại ở chỗ nhận thức xu thế phát triển của xã hội, mà quan trọng hơn là vì mục tiêu cải tạo xã hội theo xu thế khách quan ấy - xu thế xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Chính C. Mác đã khẳng định rằng: học thuyết của ông khác với các nhà triết học trước, không dừng lại ở chỗ giải thích thế giới mà còn nhằm cải tạo thế giới. Học thuyết về cải tạo thế giới mà Mác thể hiện rõ và trực tiếp nhất là chủ nghĩa xã hội khoa học hiểu theo cả nghĩa rộng lẫn nghĩa hẹp của nó.

2. Về mặt thực tiễn

Nghiên cứu, giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học hiện nay là một việc khó khăn, khi mà chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào khủng hoảng, thoái trào tạm thời. Cần và có khả năng xây dựng một lực lượng đủ mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở hiểu đúng và đầy đủ hơn về chủ nghĩa Mác-Lênin gắn với những vấn đề thực tiễn của thời đại hiện nay.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng nhiệm vụ: "Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã

hội khoa học;... Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam"[1].

Vậy, việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, vận dụng và phát triển nó là rất quan trọng đối với nước ta trong công cuộc đổi mới.

Là khoa học về những quy luật, con đường, hình thức và bước đi của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở lý luận trực tiếp giúp cho các Đảng Cộng sản xác định mục tiêu, đường lối chiến lược của cách mạng. Những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học như: kết hợp cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động do Đảng Cộng sản lãnh đạo; thực hiện sự liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản: xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ những thành quả của cách mạng, v.v. đều là những căn cứ khoa học để Đảng ta xây dựng mục tiêu, đường lối chiến lược cách mạng ở nước ta.

Vì vậy, nghiên cứu và phổ cập những nội dung cơ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.56.

bản của chủ nghĩa xã hội khoa học chẳng những giúp cho tập thể lãnh đạo đất nước hoạch định đường lối, quan điểm chiến lược cách mạng mà còn giúp cho đông đảo quần chúng tiếp thu đường lối, quan điểm ấy một cách tự giác.

Đất nước ta đang trong quá trình đổi mới và hội nhập với thế giới mà thế giới hiện nay chủ yếu không phải là các nước xã hội chủ nghĩa, nên công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nảy sinh nhiều vấn đề phải giải quyết mà chưa có tiền lệ. Nếu không nghiên cứu, nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học do đó không có bản lĩnh vững vàng sẽ dễ mắc sai lầm trong việc xây dựng đường lối, chính sách và chỉ đạo thực tiễn quá trình bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, bên cạnh nhiều mặt tích cực có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng đi lên, còn có những biểu hiện tiêu cực có tác dụng như những lực cản lớn. Đáng chú ý là một số người, kể cả một số người cộng sản, phai nhạt lý tưởng, mơ hồ, dao động, hoài nghi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Một số khác lại có biểu hiện suy thoái về đạo đức và lối sống. Việc giáo dục chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần tích cực vào việc đề phòng và ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực nêu trên. Bởi vì, chủ nghĩa xã hội khoa học là "biểu hiện lý luận của lập trường giai cấp vô

sản" (như chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ). Tiến hành thường xuyên giáo dục về chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giữ vững và nâng cao giác ngộ giai cấp, lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, lòng tin vào sự nghiệp cách mạng, nhiệt tình, đạo đức và tình cảm cách mạng... cho bản thân giai cấp công nhân, cho Đảng Cộng sản, cán bộ nhà nước và cho toàn thể nhân dân lao động trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta càng củng cố và phát triển đúng đắn những nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa xã hội khoa học... thì càng thể hiện rõ sự thống nhất ý chí và hành động trong quá trình chủ động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế trong thời đại "kinh tế tri thức" và toàn cầu hoá hiện nay.

CHƯƠNG II

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHÔNG TƯỞNG[1]

Chế độ tư hữu về ruộng đất và về các tư liệu sản xuất chủ yếu khác của xã hội là cơ sở hiện thực cho sự phân chia xã hội thành những kẻ giàu, người nghèo; giai cấp thống trị và giai cấp bị trị; tình trạng không bình đẳng và chế độ áp bức, bất công giữa người và người.

Từ thời cổ đại đến thời trung đại và thời cận đại, những mong ước nói trên của quần chúng lao khổ đã được thể hiện dưới nhiều dạng thức. Đặc biệt, đến đầu thế kỷ XIX đã có những luận điểm và tiên đoán đặc sắc của nhiều nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng - phê phán được C. Mác và Ph. Ăngghen nghiên cứu, phân tích trên cơ sở khoa học và thừa nhận là những tiền đề tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

---

1. Cách nói gọn về "*chủ nghĩa xã hội không tưởng*" (Bao hàm cả tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng). (T.G).

I. NHỮNG MẦM MỐNG VÀ KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHÔNG TƯỞNG THỜI CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

1. Trong thời cổ đại

Những tư tưởng mang tính chất xã hội chủ nghĩa có một quá trình phát sinh, phát triển lâu dài, mang những nội dung, khuynh hướng khác nhau, do những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi thời kỳ khác nhau quy định.

Trong thời đại của các thị tộc nguyên thuỷ, tính cộng đồng về kinh tế tự nhiên và về tộc loại là đặc trưng cơ bản của đời sống tập thể. Vào thời đại này, chưa có cơ sở kinh tế, xã hội cho sự nảy sinh những tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Lần đầu tiên, những ước mơ về một đời sống ấm no, bình đẳng giữa người và người xuất hiện vào thời sơ kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ. Những ước mơ ấy của quần chúng nghèo khổ vừa là sự phản kháng tiêu cực đối với xã hội bất công đương thời vừa là một hoài vọng về cuộc sống thời nguyên thuỷ.

Quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ là hình thức quan hệ phát triển cao hơn so với thời cộng đồng thị tộc. Nền kinh tế chia thành các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, v.v. và đã xuất hiện quan hệ hàng hoá - tiền tệ, kẻ giàu, người nghèo.

Giai cấp chủ nô bao gồm chủ ruộng đất, chủ công trường thủ công, quý tộc, tăng lữ, bọn con buôn, bọn cho vay lãi, v.v. họp lại thành lực lượng áp bức, bóc lột giai cấp nô lệ và các tầng lớp lao động khác. Chế độ chiếm hữu nô lệ cổ đại là một bước phát triển tất yếu của lịch sử. Ở phương Đông, chế độ ấy ra đời vào khoảng 4.000 - 3.000 năm trước Công nguyên, tại các khu vực Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại... Ở phương Tây, chế độ ấy ra đời muộn hơn, vào khoảng các thế kỷ XI - IX trước Công nguyên mà tiêu biểu là Cổ Hy Lạp, Cổ La Mã, v.v..

Trong thời cổ đại, từ những huyền thoại về "*thời đại hoàng kim nguyên thuỷ*" đã nảy sinh những ý nghĩ về trạng thái tự nhiên và do những áp bức, bóc lột rất tàn nhẫn, dã man của những chủ nô, ở khắp nơi, đã nhiều phen có những phong trào bạo động và khởi nghĩa của những người nô lệ.

Ở phương Đông, những "Kim tự tháp" Kêốp, Lơphêren ở Ai Cập; Vạn lý trường thành, Cung A Phòng, lăng tẩm Tần Thuỷ Hoàng ở Trung Quốc, v.v. vừa là những di tích tiêu biểu cho nền kiến trúc cổ đại kỳ vĩ, vừa là những chứng tích hùng hồn nói lên tội ác tày trời của các chế độ chiếm hữu nô lệ.

Ở phương Tây, vào thế kỷ I trước Công nguyên đã diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa lớn của dân nô lệ, nổi bật là cuộc khởi nghĩa do Xpáctacút làm thủ lĩnh, đã được V.I. Lênin đánh giá: "... Xpáctacút, gần hai

nghìn năm về trước, là một trong những vị anh hùng lỗi lạc nhất của một trong những cuộc khởi nghĩa lớn nhất của nô lệ"[1].

Ở La Mã cổ đại, vào thế kỷ đầu Công nguyên, đạo Cơ Đốc sơ kỳ ra đời trên đất Do Thái phản ánh nguyện vọng của quần chúng nô lệ và những người lao động bị mất đất, chống các thế lực bóc lột và đế quốc La Mã xâm lược. Nếu là có thật, thì những công xã của các tập đoàn Cơ Đốc giáo sơ kỳ được coi như những tổ chức cộng sản tiêu dùng bình quân khổ hạnh mà sau này được các "*Thánh kinh*" mệnh danh là "*Giang sơn ngàn năm của Chúa*".

Thi vị hoá chế độ cộng đồng nguyên thuỷ là một đặc điểm của những tư tưởng sơ khai mang tính chất xã hội chủ nghĩa thời cổ đại. Không hài lòng với xã hội đương thời, lại chưa có điều kiện, khả năng tìm ra những con đường *"cứu khổ, cứu nạn"* có hiệu quả ngay từ trong thực tế, những người nô lệ dễ có tâm lý nhìn về quá khứ và cầu viện đến tôn giáo. Song chỉ là vô vọng.

Có thể kết luận, trong xã hội cổ đại, người ta chưa thể có những điều kiện và khả năng vươn tới một tương lai tốt đẹp theo mơ ước chủ quan của mình và cuộc đấu tranh giai cấp triền miên giữa giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ đã được kết thúc bằng sự tiêu vong của cả hai giai cấp ấy.

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.39, tr.88.

2. Trong thời trung đại

Ở phương Đông, thời trung đại bắt đầu từ thế kỷ I - II, tiêu biểu là ở Trung Quốc. Ở phương Tây, thời trung đại ra đời muộn hơn và tồn tại từ thế kỷ V đến thế kỷ XV.

Vào thời gian đầu của thời đại này, vai trò của thành thị chưa mạnh. Quan hệ kinh tế hàng hoá - tiền tệ chưa có điều kiện phát triển rộng rãi; đời sống nông thôn và quan hệ phong kiến - gia trưởng chiếm ưu thế. Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ - phong kiến và nông dân, thợ thủ công. Mức độ đối kháng xã hội chưa thật gay gắt và ý thức mang tính chất xã hội chủ nghĩa của các giai cấp bên dưới cũng chưa xuất hiện đậm nét.

Phải đến nửa sau của thời đại này, bắt đầu từ thế kỷ XI, nền kinh tế hàng hoá - tiền tệ và thương nghiệp dần dần phát triển với những mức độ khác nhau giữa các nước.

Ở phương Tây, tại lục địa châu Âu, tình hình kinh tế - xã hội có khác với phương Đông. Nền sản xuất công nghiệp từng bước được tập trung ở thành thị, chủ yếu là các phường hội thủ công nghiệp và không còn hoàn toàn phụ thuộc vào giai cấp phong kiến như ở nửa đầu thời trung đại. Trong các phường hội, có thợ cả và các thợ bạn. Thông thường, sau một thời gian học việc, thợ bạn có thể trở thành thợ cả; vì vậy

thợ cả và thợ bạn trong phường hội chưa phải là đại biểu cho hai giai cấp đối lập.

Nền kinh tế hàng hoá - tiền tệ và thương nghiệp ngày càng phát triển, thị trường ngày càng mở rộng và thủ công nghiệp ngày càng rơi vào tình trạng bị tư bản thương nghiệp chi phối cả về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Sức mạnh thương nghiệp tác động cả ở nông thôn, *một mặt*, tạo tiền đề cho sự giải phóng một số nông dân và nông nô, *mặt khác* kích thích giai cấp địa chủ tăng cường bóc lột số còn lại bằng đủ mọi thủ đoạn kinh tế và phi kinh tế. Một bộ phận nông dân có điều kiện chuộc lại tự do cho mình bằng tiền hoặc bằng một thời gian lao động không công cho các chúa đất. Còn đa số bị tước đoạt ruộng đất, sa vào cảnh bị bần cùng hoá, tụ tập ở các thành thị mới hình thành nhưng chưa đủ sức thu hút tất cả những nông dân phá sản vào sản xuất. Bộ phận "*tay trắng*" này của dân cư hợp thành lớp người cùng quẫn nhất và mang nặng tâm lý chống đối chế độ đương thời. Vì vậy, trong những phong trào mang tính cách mạng của nửa sau thời trung đại không phải đã là tầng lớp tiền vô sản trong phường hội, mà vẫn là tầng lớp tiền vô sản ngoài phường hội. Những phong trào này thường mang những đặc điểm chung như: tính chất cộng sản tiêu dùng khổ hạnh trong phạm vi từng công xã nhỏ,

ít nhiều khuynh hướng vô chính phủ và mang màu sắc dị giáo.

Phải chờ đến đầu thế kỷ XVI, với phong trào chiến tranh nhân dân rộng lớn ở Đức, dưới sự lãnh đạo của Tômat Muynx thì chủ nghĩa cộng sản dị giáo, vẫn phải nương dưới sắc cờ tôn giáo, nhưng có những điều thuộc về giáo lý khác với Cơ Đốc giáo chính thống, mới trở thành phong trào mang tính chất cách mạng rõ nét hơn, nhưng vẫn chưa thể đi đến thắng lợi.

II. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG THỜI CẬN ĐẠI

Thời cận đại ở châu Âu bắt đầu từ thế kỷ XVI đến hết những năm 30 của thế kỷ XIX. Thời kỳ này được ghi nhận như một cái mốc lịch sử với sự xuất hiện những công trường thủ công, tiền đề cho sự ra đời của nền công nghiệp cơ khí hoá. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ra đời; nhiều cuộc cách mạng dân chủ tư sản nổ ra, báo hiệu sự suy tàn và sụp đổ của chế độ quân chủ chuyên chế.

Công trường thủ công mang tính chất chuyên môn hoá, thay thế tính chất hợp tác sản xuất giản đơn trong phường hội, nên sự phân hoá giai cấp được bộc lộ rõ hơn và kéo theo những xung đột về lợi ích giữa tầng lớp tư sản và các tầng lớp tiền thân của giai cấp vô sản bắt đầu hình thành.

Đến thời cận đại, ở nhiều nhà xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng, những quan điểm thần học đã nhường chỗ cho những quan điểm duy lý "*thế tục*" và cái gọi là "*giang sơn ngàn năm của Chúa*" cũng được thay thế bằng những mô hình khác về một xã hội lý tưởng trong tương lai.

1. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII

Tômát Morơ (1478 - 1535) - người mở đầu các trào lưu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cận đại.

Vào đầu thế kỷ XVI, so với các nước thuộc lục địa châu Âu, nước Anh đã sớm có một nền kinh tế nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, thông qua quá trình ruộng đất của nông dân bị tước đoạt bằng bạo lực. Đó là thời kỳ tích lũy ban đầu của tầng lớp tư sản mới xuất hiện.

Thủ công nghiệp thành thị có những chuyển biến mới về trình độ sản xuất, đặc biệt là ngành dệt len. Một bộ phận đông đảo nông dân, thợ thủ công bị phá sản trở thành những người lao động làm thuê - bộ phận tiền thân của giai cấp công nhân hiện đại.

Phản ánh sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản là những tư tưởng tự do tư sản chống mọi đặc quyền, đặc lợi, quan hệ sản xuất, lễ giáo phong kiến và cả tổ chức Giáo hội Cơ Đốc chính thống. Trong nhiều trào lưu tư tưởng vào thời kỳ này, nổi bật là những tư tưởng nhân đạo mà tiêu biểu là những tư tưởng của Tômát Morơ.

Tác phẩm chủ yếu khiến cho Morơ là đại biểu hàng đầu cho chủ nghĩa cộng sản không tưởng vào thế kỷ XVI là cuốn *Không tưởng* (Utopie) theo nguyên nghĩa tiếng Hy Lạp là "*chưa tồn tại ở đâu cả*", được viết dưới hình thức văn học viễn tưởng.

Tác giả đã dành toàn phần thứ nhất để trình bày bức tranh toàn cảnh về trật tự chính trị và xã hội thối nát đang thống trị ở nước Anh quân chủ chuyên chế và nhiều nước khác ở Tây Âu vào thế kỷ này.

Điều đáng chú ý của *Không tưởng* là từ một nhận thức sâu sắc về thực trạng xã hội, Morơ đã nêu ra được nguyên nhân chung của thực trạng đó, nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội đương thời, là sự thống trị của chế độ tư hữu. Vào đầu thế kỷ XVI mà nhận thức được nguồn gốc của bất bình đẳng xã hội là chế độ tư hữu chứ không phải tình trạng giàu, nghèo trên bề nổi xã hội và muốn có bình đẳng xã hội thì phải xoá bỏ chế độ tư hữu, thì chỉ với quan điểm đó thôi, cũng đủ để thừa nhận Tômát Morơ là người thuộc đội ngũ những người có tư tưởng cộng sản.

Vào buổi bình minh của chủ nghĩa tư bản, với tác phẩm *Không tưởng*, Morơ chẳng những là người đầu tiên có thái độ dũng cảm phê phán sự bất công của chế độ quân chủ chuyên chế, mà còn lấy nguyên tắc cộng đồng và bình đẳng xã hội để đối lập với những nguyên tắc do chế độ tư hữu tạo ra. Thực tế lịch sử ấy chứng minh Morơ có vị trí nổi bật trong số những

nhân vật có tư tưởng cộng sản chủ nghĩa còn rất hiếm vào thế kỷ này.

Tômadô Campanenla (1568-1639).

Tômadô Campanenla sinh trưởng ở miền Nam Italia. Di sản văn học của ông để lại khá nhiều, nhất là về triết học và chính trị học. Ông đã bị các thế lực cầm quyền trong nước và bọn xâm lược Tây Ban Nha cầm tù nhiều lần, lâu nhất là sau khi mưu đồ khởi nghĩa chống quân xâm lược Tây Ban Nha bị đổ vỡ năm 1598. Trong thời gian bị giam cầm, ông đã viết tác phẩm nổi tiếng *Thành phố mặt trời*.

Campanenla cũng quan niệm nguồn gốc đầu tiên của tồn tại là Chúa, nhưng theo khuynh hướng phiếm thần luận: Chúa là đồng nhất với thiên nhiên. Ông đã thần thánh hoá mặt trời, coi mặt trời là nơi thể hiện ý chí của Chúa đối với muôn loài. (Có lẽ vì thế, ông đã đặt tên cho thành phố lý tưởng của ông là *Thành phố mặt trời*). Ông còn cho rằng con người cần được cung cấp một lý trí cao hơn nữa, rằng tôn giáo không nên là cái bịa đặt ra, mà phải là sự phù hợp với quy luật của thiên nhiên.

Triết học của ông là sự kết hợp những tư tưởng tiến bộ của thời đại ông, đang được nhen nhóm trong lòng xã hội phong kiến, những tư tưởng duy lý, với những tư tưởng tôn giáo thần bí và lạc hậu mà ông chưa thể rũ bỏ hết được.

Khác với Tômát Morơ, Campanenla có ý thức đối với việc sử dụng kỹ thuật để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho con người. Quan điểm phân phối tiêu dùng của ông cũng là phân phối bình quân theo nhu cầu.

Giống Tômát Morơ, tư tưởng nổi bật của Campanenla là phủ nhận chế độ tư hữu. Ông mơ ước một xã hội được xây dựng trên nền tảng mọi tài sản là của chung.

Những hạn chế và khuyết điểm của ông là khó tránh khỏi. Nhưng, với chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng về bình đẳng xã hội và tự do, Campanenla xứng đáng được lịch sử ghi nhận là một trong những đại biểu của chủ nghĩa cộng sản không tưởng của thế kỷ XVII.

Giêrắcdơ Uynxtenli (1609-1652).

Năm 1640, cách mạng tư sản đã thắng lợi ở nước Anh và được ghi vào lịch sử như cái mốc mở đầu thời kỳ thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến.

Mùa xuân năm 1649, nước Cộng hoà được tuyên bố thành lập trên cơ sở phái "*Nghị viện*" đã thắng phái "*Bảo hoàng*". Những thắng lợi của phái "*Nghị viện*" không đem lại lợi ích gì cơ bản và thiết thực cho dân nghèo thành thị và nông thôn. Sau khi nền thống trị của chế độ cộng hoà tư sản được thiết lập, cuộc đấu tranh giữa các thế lực tư sản ôn hoà cầm quyền và các trào lưu dân chủ cấp tiến lại diễn ra. Cuộc nội chiến 10 năm làm cho dân chúng kiệt quệ.

Tình hình ấy đã khơi dậy ý thức đấu tranh của các tầng lớp đang vô sản hoá trong xã hội. Trong hoàn cảnh ấy, sự thức tỉnh của những tầng lớp tiền thân của giai cấp vô sản là tất nhiên. Giêrắcdơ Uynxtenli - nhà lý luận có khuynh hướng cộng sản không tưởng của phái "*Đào đất*" - đã xuất hiện trên vũ đài chính trị ở nước Anh. Uynxtenli thuộc gia đình một nhà buôn tơ lụa tại thị trấn Uiga, tỉnh Lancaisia. Gia đình bị phá sản, ông lâm vào cuộc sống nửa "*vô sản*" suốt nhiều năm. Hoạt động chính trị của ông bắt đầu từ năm 1648. Từ mùa xuân năm 1649, ông thực sự trở thành lãnh tụ của phái "*Đào đất*". Tên gọi này được đặt ra cho một nhóm dân nghèo từ nhiều nơi đến cư trú và canh tác trên những mảnh đất hoang hoặc vắng chủ ở gần Luân Đôn.

Đa số các tác phẩm của ông dành cho sự luận chứng những yêu sách của phái "*Đào đất*" và bênh vực hành động của họ. Những người thuộc phái này tự nhận là những người chủ trương bình đẳng chân chính, bình đẳng cả về phương diện kinh tế - xã hội, chứ không phải chỉ về chính trị. Phong trào của họ là phong trào hoà bình và không có ý đồ trở thành một cuộc cách mạng mới.

Song, phong trào ấy vẫn gặp phải sự phản kháng và chống phá của các thế lực "*bề trên*" và của các chính sách đàn áp của lực lượng tư sản cầm quyền.

Uynxtenli trốn thoát sự lùng bắt. Ông tiếp tục

hoạt động và viết nhiều tác phẩm mới. Tác phẩm chủ yếu của ông là cuốn *Luật tự do.* Đó là một cương lĩnh nhằm cải tạo triệt để xã hội bằng cách thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, xây dựng một chế độ cộng hoà của nền sản xuất nhỏ dựa trên cơ sở sử dụng chung ruộng đất và những sản phẩm làm ra.

Căn cứ vào khuynh hướng tư tưởng và quá trình hoạt động thực tiễn của ông, Giêrắcdơ Uynxtenli được ghi nhận là một đại biểu cộng sản không tưởng ở nước Anh vào thế kỷ XVII.

Đương nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực có ý nghĩa lịch sử của ông, nhìn chung, hệ tư tưởng của ông vẫn bị bao phủ bởi chủ nghĩa duy tâm; bởi ảo tưởng đổi mới xã hội bằng con đường cải cách hoà bình.

2. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XVIII

Từ giữa thế kỷ XVII, nền quân chủ chuyên chế ở Pháp đã phát triển đến trình độ cao để chuẩn bị đi vào giai đoạn suy tàn vào thế kỷ XVIII.

Vào thế kỷ XVIII đã xuất hiện những nhà xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng tiêu biểu như Giăng Mêliê, Phơrăngxoa Môrenly, Gabrien Đơ Mably, Grắccơ Babớp, v.v..

Giăng Mêliê (1664-1729)

Ông đã để lại một luận văn nổi tiếng - tức là cuốn *Những di chúc của tôi* vào những năm cuối đời.

Trong luận văn, ông lý giải rằng trong đời sống, có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa người và người, nhưng sự phụ thuộc ấy không thể đi đến tạo ra những bất bình đẳng về quyền lợi. Theo ông, sự bất bình đẳng không phải là do tự nhiên ban phát, trái lại, nó sinh ra từ chính con người.

Khác với nhiều nhà không tưởng trước đó, thường có xu hướng hoà bình, ông nhận thức được rằng nông dân chỉ có thể tự giải phóng bằng con đường đấu tranh cách mạng. Có thể nói Mêliê là người đã báo trước một cuộc cách mạng và mong ước của ông về việc lật đổ ngôi vua đã được cuộc cách mạng dân chủ tư sản Pháp năm 1789 thực hiện.

Với tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về của cải, Mêliê được coi là nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng đầu tiên của nước Pháp, mặc dù từ năm 23 tuổi ông được phong làm mục sư nông thôn sau khi đã theo học tại một trường dòng. Ở ông, những tư tưởng nhân đạo, bình đẳng xã hội đã thắng những tư tưởng thần học huyền hoặc.

Môrenly

Cho đến nay, giới sử học vẫn chưa biết rõ họ, tên thật và ngày sinh của Môrenly. Tác phẩm chủ yếu mà ông còn để lại là *Bộ luật của tự nhiên*. Trong tác phẩm này, ông đã trình bày một hệ thống quan điểm cộng sản không tưởng trên cơ sở lý thuyết về quyền bình đẳng tự nhiên. Ông cho rằng trong giai đoạn tồn

tại đầu tiên, loài người đã sống trong các cộng đồng và đương thời vẫn còn những bộ lạc nào đó trên thế giới sống theo những luật lệ tự nhiên; rằng chế độ tư hữu xuất hiện đã làm tiêu tan những luật lệ xa xưa, những quan hệ bình đẳng tự nhiên, sự gắn bó với nhau bởi những quan hệ thân tộc.

Gabrien Đơ Mably (1709-1785)

Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc, nhưng đã từ bỏ hoạt động tôn giáo để đi vào nghiên cứu lịch sử và chính trị. Gần giống như Môrenly, lý thuyết về quyền tự nhiên giữ một vị trí quan trọng trong tư duy xã hội - chính trị của ông. Chính Ph. Ăngghen đã nhận định rằng ở nước Pháp vào thế kỷ XVIII, với những hệ thống luận điểm của Môrenly và Mably thì *"đã có những lý luận trực tiếp có tính chất cộng sản chủ nghĩa"*[1].

Grắccơ Babớp (1760 - 1797)

Đến thời kỳ sôi sục của cách mạng năm 1789, văn học xã hội chủ nghĩa ở Pháp không có điều kiện tiếp tục phát triển mà tạm thời bị giảm sút, vì lẽ trong các giai cấp xã hội (tư sản, nông dân, thợ thủ công...) bước vào cuộc đấu tranh cho dân chủ, tự do không có một lực lượng nào có khả năng lấy chủ nghĩa xã hội làm nền tảng tư tưởng cho cương lĩnh của mình. Giai cấp vô sản còn quá yếu và chưa tách khỏi các tầng lớp

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1994, t.20, tr.32.

nhân dân và dân nghèo mà từ đó nó đã xuất hiện. Những trí thức tiểu tư sản trước đây ít nhiều có quan hệ về mặt lý luận với các tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì cảm thấy lịch sử đang đòi hỏi phải giải quyết trong thực tế yêu cầu đã chín muồi là lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế.

Thực tiễn cách mạng dần dần dẫn đến tình hình lực lượng vô sản bước đầu hình thành cần tách khỏi khối quần chúng trung gian nghèo khổ với tính cách là một sức mạnh độc lập. Đại biểu cho lực lượng chính trị mới này là *Grắccơ Babớp.*

Có thể nói với sự ra đời của phái Babớp, lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, vấn đề chủ nghĩa xã hội đã được đặt ra như một thực tiễn, chứ không còn chỉ là ước mơ, nguyện vọng, hoặc cầu mong. Babớp đã vạch "*Tuyên ngôn của những người bình dân*", nêu ra một cương lĩnh hành động gồm những biện pháp cụ thể cần thực hiện ngay trong quá trình cách mạng. Ví dụ: tổ chức việc sản xuất bánh mỳ để cứu đói quần chúng nghèo khổ; tịch thu nhà ở của bọn giàu có phân phối cho những gia đình thợ thuyền; đòi trả lại cho mọi người nghèo các đồ vật đã phải mang cầm cố; chiếm lĩnh kho bạc nhà nước, bưu điện, các dinh thự của các quan chức, các kho hàng của Nhà nước, của các nhà tư sản để phân phát cho quần chúng cách mạng, v.v..

Babớp chủ trương thiết lập nền "*Chuyên chính*

cách mạng của những người lao động" và coi đó là công cụ cần thiết để tiến hành cải tạo xã hội cũ.

Mặc dù sự nghiệp của Babớp chưa thể hoàn thành, bản thân ông bị xử tử hình, song chủ nghĩa Babớp được xem như một bước phát triển quan trọng trong lịch sử tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, được xem như một khâu chuyển tiếp từ chủ nghĩa cộng sản cũ đến một chủ nghĩa cộng sản mới - chủ nghĩa cộng sản khoa học về sau này.

3. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán thế kỷ XIX ở Pháp và Anh

Từ cuối thế kỷ XVIII đến những thập niên đầu thế kỷ XIX, ở nước Pháp là một thời kỳ liên tiếp diễn ra những biến động chính trị, một thời kỳ đấu tranh giai cấp gay gắt giữa các thế lực phong kiến, tư sản, tự do, dân chủ cách mạng; là thời kỳ chủ nghĩa tư bản chiến thắng nhưng chưa hoàn toàn thắng lợi về chính trị, là thời kỳ của lực lượng tiền thân của giai cấp vô sản hiện đại bắt đầu thức tỉnh về sứ mệnh lịch sử của mình, tự tách khỏi khối quần chúng nghèo khổ nói chung để suy nghĩ về vai trò của chính mình. Trong hoàn cảnh ấy, đã xuất hiện Hăngri Xanh Ximông và Sáclơ Phuriê.

Cơlôđơ Hăngri Đơ Xanh Ximông (1760-1825).

Một trong những nội dung quan trọng trong học

thuyết chính trị của Xanh Ximông là lý luận về giai cấp và xung đột giai cấp, một yếu tố mới mẻ trong lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho đến lúc bấy giờ. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội phức tạp và trình độ tư duy của bản thân chưa cho phép ông quan niệm được thật chính xác nguồn gốc và những đặc điểm kinh tế - xã hội của các giai cấp.

Theo C. Mác nhận xét, với tác phẩm cuối cùng của ông là: *Đạo Cơ đốc mới,* ông đã "*trực tiếp biểu hiện ra là người phát ngôn của giai cấp cần lao*", và ông tuyên bố rằng "*giải phóng giai cấp cần lao là mục đích cuối cùng của những nỗ lực của ông*".

Phê phán cuộc Cách mạng dân chủ tư sản năm 1789, ông cho rằng nó chưa thiết lập được một chế độ phù hợp với quyền lợi của "*giai cấp nghèo khổ và đông đảo nhất*", cho nên cần có một cuộc cách mạng mới: vì hạnh phúc của toàn xã hội, một cuộc cách mạng triệt để, một cuộc "*Tổng cách mạng*".

Nhưng để thực hiện được điều đó, ông lại chủ trương giải quyết bằng con đường thuần tuý hoà bình.

Ông mơ ước xây dựng một xã hội trong đó "*chế độ sở hữu phải được tổ chức sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội về mặt tự do và về mặt kinh tế*". Nhưng ông lại không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu. Theo ông, vấn đề đặt ra chỉ là xoá bỏ sự chênh lệch quá đáng về tài sản giữa mọi người, là phổ biến hoá chế độ tư hữu, để bảo đảm cho ai cũng có cơ sở vật chất kinh tế, ai

cũng có điều kiện lao động sản xuất và khắc phục được tình trạng phân chia thành những người quá giàu và những người quá nghèo.

Ph. Ăngghen một mặt nhận xét rằng Xanh Ximông "*Có một tầm mắt rộng thiên tài*" và mặt khác chỉ rõ "Chủ nghĩa Xanh Ximông chỉ có thể gọi là *thơ ca xã hội* mà thôi"[1].

Phơrăngxoa Mari Sáclơ Phuriê (1772-1837).

Sáclơ Phuriê mang nhiều ý nghĩ và tư tưởng mà như Ph. Ăngghen đã nói, tiếng Pháp lúc bấy giờ vẫn "*chưa tạo ra được những từ tương ứng để diễn đạt*".

Một trong những nội dung sắc sảo trong học thuyết *Phuriê* là sự phê phán và lên án xã hội tư sản. Ông nhận định xã hội tư sản là một "*trạng thái vô chính phủ của công nghiệp*" trong đó người lao động được hưởng quá ít còn các tầng lớp ăn bám thì được hưởng quá nhiều. Một luận điểm nổi tiếng của Phuriê là ông đã nói trong cái vòng luẩn quẩn của chủ nghĩa tư bản "*sự nghèo khổ sinh ra từ chính bản thân sự dồi dào...*". Trong tác phẩm *Chống Đuyrinh,* Ph. Ăngghen đánh giá: "*Phuriê nắm phép biện chứng một cách cũng tài tình như Hêghen là người đương thời với ông*". Theo ông, tiến trình phát triển của lịch sử đã qua bốn giai đoạn (mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh tư sản). Ông dự đoán thêm rằng

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t. 1, tr. 725.

chế độ văn minh tư sản phải chuyển sang một giai đoạn mới của lịch sử loài người, tức giai đoạn của "*chế độ xã hội được bảo đảm*".

Phuriê mong muốn xây dựng một xã hội được ông gọi là "*xã hội bảo đảm*", "*xã hội hài hoà*" trong đó có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, mỗi con người riêng biệt có thể tìm thấy điều có lợi cho họ trong cái lợi chung của toàn xã hội.

Tương tự như *Xanh Ximông,* ông không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu và phản đối bạo lực. Việc quá độ lên khối liên hiệp mà ông hướng tới sẽ diễn ra một cách hoà bình.

Rôbớc Ôoen (1771-1858)

Ở nước Anh, cuộc Cách mạng công nghiệp đã dẫn đến biến đổi lớn trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và trong cơ cấu giai cấp - xã hội. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản hiện đại, gắn liền với công nghiệp cơ khí đã bắt đầu hình thành.

Từ nửa sau những năm 30 đến những năm 40, đã diễn ra phong trào đòi cải cách tuyển cử sôi nổi của công nhân. Đó là phong trào Hiến chương nổi tiếng trong lịch sử lao động thế giới.

Trong hoàn cảnh đấu tranh giai cấp ít ồn ào hơn so với nước Pháp, ở nước Anh, đã xuất hiện một nhà cải cách có khuynh hướng cộng sản sáng danh - đó là *Rôbớc Ôoen* - người có tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu tư sản.

Rôbớc Ôoen đã đề xướng với Chính phủ tư sản Anh "*Luật công xưởng nhân đạo*" và suốt 5 năm liền ông đã đấu tranh không mệt mỏi cho việc thực hiện luật đó.

Sau tất cả những cố gắng vô hiệu quả nhằm cải cách chế độ lao động hà khắc của xã hội tư bản chủ nghĩa, ông chuyển sang lập trường xã hội chủ nghĩa. Với tư cách là một giám đốc nhà máy, ông đã thực hành tinh thần "*Luật lao động nhân đạo*" trong nhà máy của mình ở Măngsetxtơ. Bị phá sản, năm 1824, ông sang Mỹ và tại bang Inđiana, ông lại thử nghiệm một công xã lao động mới. Ông đã dốc hết tài sản còn lại của mình vào đó. Nhưng, rút cuộc, đến năm 1829 ông đã hoàn toàn thất bại và khánh kiệt.

Trở về nước Anh, *Rôbớc Ôoen* tiếp tục hoạt động tích cực vì lợi ích của giai cấp công nhân cho đến hơi thở cuối cùng. Đánh giá công lao của ông, Ph. Ăngghen viết: "Mọi phong trào xã hội, mọi thành tựu thực sự đã diễn ra ở Anh vì lợi ích của công nhân, đều gắn liền với tên tuổi của Ôoen"[1] vào thời bấy giờ. Đáng tiếc là lẽ ra chủ nghĩa xã hội của Ôoen cần được kết hợp với phong trào Hiến chương, nhưng nó đã tách rời phong trào ấy, khiến cho cả hai đều không phát triển được hơn nữa.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1994, t. 20, tr. 365.

III. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ NHỮNG HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG

1. Những giá trị

Chủ nghĩa xã hội không tưởng trước chủ nghĩa Mác đã có một quá trình phát triển qua nhiều thế kỷ, đặc biệt là trong những năm 30 của thế kỷ XIX.

- Nhìn chung, các nhà không tưởng đều thể hiện tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, không còn chỉ là nhân đạo chủ nghĩa tư sản mà là chủ nghĩa nhân đạo ngày càng có nhiều giá trị mới đã vượt khỏi khuôn khổ hệ tư tưởng tư sản.

- Các nhà không tưởng, với mức độ khác nhau, đều mang tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đương thời.

- Một số người đã thể hiện tinh thần "*xả thân*" vì chính nghĩa, chân lý và tiến bộ xã hội, thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng.

- Đặc biệt là ba nhà không tưởng của đầu thế kỷ XIX đã để lại nhiều quan điểm tư tưởng sắc sảo về quá trình phát triển của lịch sử và những dự đoán tài tình về xã hội tương lai mà về sau này, trên cơ sở phân tích khoa học, chủ nghĩa Mác đã chứng minh là đúng.

Giá trị lịch sử hàng đầu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng, chủ yếu là của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê

phán đầu thế kỷ XIX, như C. Mác và Ph. Ăngghen đã thừa nhận, đó là những tiền đề tư tưởng của chủ nghĩa xã hội hiện đại.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

Những hạn chế:

- Nhiều nhà tư tưởng tư sản của thế kỷ XVIII, nhất là những nhà tư tưởng của "*Phái Ánh sáng*" ở nước Pháp, đã quan niệm lý tính và công lý vĩnh cửu là yếu tố quyết định xây dựng một xã hội "*tự do - bình đẳng - bác ái*". Nhưng thật ra sự thống trị của lý tính vĩnh cửu đối với xã hội chỉ là sự thống trị của giai cấp tư sản đã được lý tưởng hoá mà thôi. Thực tế cho thấy sau cuộc Cách mạng dân chủ tư sản 1789, những nghịch cảnh xã hội vẫn diễn ra trái ngược với những mong muốn của quần chúng lao động nghèo khổ. Chịu ảnh hưởng của họ, các nhà không tưởng tiếp tục nghĩ rằng người ta còn phải "*nối gót*" đi tìm *"lý tính và chân lý vĩnh cửu"*.

Đối với họ, chủ nghĩa xã hội được quan niệm như là biểu hiện của lý tính, của chân lý, của chính nghĩa tuyệt đối có sẵn ở đâu đó; chỉ cần người ta phát hiện ra được rồi dựa vào đó mà thuyết phục mọi người, ắt là có thể xây dựng được một xã hội tốt đẹp. Theo họ, chân lý, lý tính, chính nghĩa ấy không phụ thuộc vào điều kiện không gian, thời gian nào của tiến trình lịch sử cả. Chúng đã tồn tại và còn tồn tại mãi mãi.

Chỉ cần có những người "*tài ba xuất chúng*" là sẽ phát hiện ra được. Về cơ bản, những nhà không tưởng chưa thoát khỏi những quan niệm duy tâm về lịch sử.

- Hầu hết những nhà không tưởng có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng thuyết giáo, cải cách pháp luật, thực nghiệm xã hội, thậm chí hy vọng vào "*từ tâm*" của những người giàu và vào cả những kẻ đang cầm quyền. Một số ít đã thể hiện được nhiệt tình cách mạng bằng *hành động* khởi nghĩa nhưng chưa phải đã là một quá trình chuẩn bị thật sự tự giác, nên nói chung đều không thể đi đến những kết quả theo ước nguyện.

Vì vậy, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng, như V.I. Lênin đã nhận định, *không thể vạch ra được một lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và cũng không tìm thấy lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới.*

Nguyên nhân của những hạn chế:

- Những trào lưu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng ra đời trong điều kiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa phát triển đầy đủ. Công nghiệp lớn chỉ mới bắt đầu rõ nét ở nước Anh. Do đó, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai

cấp vô sản cũng chưa thật chín muồi và những thủ đoạn để giải quyết mâu thuẫn cũng chưa xuất hiện đầy đủ.

- Trong điều kiện kinh tế - xã hội như vậy, lý luận về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cũng chưa thể chín muồi, thể hiện ở chỗ họ không nhận thấy, ở phía giai cấp vô sản, một tính chủ động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị nào của bản thân giai cấp vô sản...

Ngày nay, người ta không thể đòi hỏi gì hơn ở những người không tưởng khi mà những hạn chế của họ hoàn toàn do những điều kiện lịch sử khách quan quy định.

CHƯƠNG III

SỰ HÌNH THÀNH VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là bộ phận thể hiện tập trung nhất tính chính trị - thực tiễn sinh động của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Các phạm trù, nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, *một mặt*, phản ánh những hiện thực chính trị xã hội diễn biến trong quá trình giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, *mặt khác*, là sự kế thừa, phát triển những tinh hoa nhân loại ngay trong quá trình giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử đó.

Trong mỗi nước khác nhau và mỗi giai đoạn khác nhau của thời kỳ quá độ từ chế độ tư bản chủ nghĩa (hoặc trước tư bản chủ nghĩa) lên chế độ xã hội chủ nghĩa đích thực và hoàn chỉnh, nói chung, nội dung của các phạm trù và nguyên lý về cơ bản là không thay đổi, nhưng do điều kiện lịch sử có những thay đổi, nên thường có những vấn đề cụ thể, những mối liên hệ mới nảy sinh thêm cần được khảo sát, nghiên cứu, tổng kết và phát triển về lý luận.

Vì vậy, việc thường xuyên quan tâm xuất phát từ thực tế khách quan để vận dụng lý luận của khoa học cách mạng là một yêu cầu quan trọng nhằm giữ gìn và phát huy sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin, cũng là sự thể hiện sinh động của quy luật phát triển khoa học, phát triển xã hội theo hướng tiến bộ, văn minh.

I. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ VĂN HOÁ TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Những điều kiện kinh tế, xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, phương thức sản xuất và trao đổi tư bản chủ nghĩa châu Âu phát triển mạnh gắn liền với tiến bộ của công nghiệp cơ khí.

Giai cấp tư sản và giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng, trở thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội, vừa nương tựa vào nhau để cùng tồn tại, vừa có mâu thuẫn đối kháng với nhau về lợi ích.

Giai cấp công nhân đã trải qua nhiều bước phát triển và cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ khi họ mới ra đời, đi từ trình độ tự phát vì những lợi ích kinh tế riêng tư, trước mắt, chưa vì ý thức chính trị, dần dần đến trình độ tự giác, có tổ chức mang tính chất độc lập của cả giai cấp là vì

mục đích đánh đổ giai cấp tư sản, giành chính quyền, lãnh đạo, tổ chức xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp ấy ngày càng phát triển và chiếm vị trí hàng đầu trong lịch sử chính trị ở các nước tư bản phát triển. Những cuộc nổi dậy sôi nổi của công nhân thành phố Lyông (Pháp) vào năm 1831, của công nhân Đức tại vùng Xilêdi vào năm 1844, đặc biệt là phong trào Hiến chương của những người lao động ở Anh đã kéo dài từ năm 1835 đến năm 1848. Phong trào Hiến chương là một phong trào mang tính chất dân chủ, chứ chưa phải là đã mang tính chất xã hội chủ nghĩa, với yêu cầu đưa ra những kiến nghị sửa đổi pháp luật của giai cấp tư sản cầm quyền một cách có lợi cho cuộc sống của những người lao động. Theo Ph. Ăngghen, *Phong trào Hiến chương đã trở thành một phong trào công nhân thuần tuý... Về bản chất phong trào Hiến chương là một hiện tượng có tính chất xã hội... tất cả công nhân công nghiệp... đều nhất trí rằng họ là những "working men" (công nhân) - đó là danh hiệu họ rất tự hào, danh hiệu phổ biến trong những cuộc hội họp của phái Hiến chương-, rằng họ họp thành giai cấp độc lập có những lợi ích và nguyên tắc riêng, có thế giới quan riêng, là giai cấp đối lập với mọi giai cấp có của, đồng thời cũng là giai cấp làm cơ sở cho sức mạnh và khả năng phát*

triển sau này của dân tộc[1].

Những sự kiện lịch sử ấy cho thấy mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất, mang tính chất xã hội và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất đã được thể hiện trên bề nổi xã hội thành mâu thuẫn không thể điều hoà giữa giai cấp tư sản bóc lột thống trị và giai cấp những người lao động làm thuê bị bóc lột.

Tình hình thực tế lịch sử đó báo hiệu rằng xã hội không thể sống yên ổn dưới sự thống trị của giai cấp tư sản, rằng bản thân giai cấp tư sản là không thể tương dung với sự tồn tại của một xã hội đang đòi hỏi cần có sự công bằng và bình đẳng giữa người với người.

Giai cấp tư sản là một lực lượng đã góp phần công sức có ý nghĩa quyết định vào sự hình thành nền công nghiệp lớn, có ý nghĩa lịch sử trọng đại như một vũ khí thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng nó đã không thấy rằng nền công nghiệp lớn còn là điều kiện vật chất bảo đảm cho giai cấp công nhân thoát khỏi tình trạng phân tán để đoàn kết nhau lại và hơn nữa, còn là điều kiện vật chất quyết định sự sụp đổ không thể tránh khỏi trong tương lai của bản thân giai cấp tư sản cầm quyền.

---

1. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.2, tr. 619.

Đó là những cơ sở kinh tế, xã hội khách quan cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học để thay thế cho các trào lưu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa đã tỏ rõ là lỗi thời, không có khả năng đáp ứng những yêu cầu chính trị cấp bách của giai cấp công nhân.

2. Những tiền đề văn hoá và tư tưởng

Cơ sở kinh tế và cơ cấu xã hội tư bản chủ nghĩa là mảnh đất hiện thực cho chủ nghĩa xã hội khoa học sinh thành. Song, chưa đủ, nó còn có những tiền đề tư tưởng cần thiết để ra đời.

Vào đầu thế kỷ XIX, loài người đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Có ba phát minh quan trọng: định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết về tế bào và học thuyết tiến hoá của Đácuyn. Những phát minh này đã có tác dụng trực tiếp phục vụ quá trình chinh phục thiên nhiên, phát triển sản xuất và tiến bộ xã hội. Đồng thời, trong lĩnh vực khoa học xã hội vào thời gian này cũng hình thành nhiều thành quả khoa học có ý nghĩa lịch sử như nền triết học cổ điển Đức mà tiêu biểu là Hêghen và Phoiơbắc, nền kinh tế chính trị học cổ điển Anh mà tiêu biểu là Ađam Xmít và Đavít Ricácđô và các học thuyết xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng - phê phán mà tiêu biểu là Hăngri Đơ Xanh Ximông, Sáclơ Phuriê và Rôbớc Ôoen.

Nhìn chung, những cống hiến của những nhà tư tưởng tiêu biểu nói trên trong triết học, kinh tế học, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng đã góp phần quý báu vào kho tàng lịch sử tư tưởng của nhân loại.

Những mặt hạn chế, bất cập, nhược điểm của họ, do những điều kiện khách quan và chủ quan nào đấy quy định, là điều không tránh khỏi.

Vào đầu thế kỷ XIX, tương ứng với một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ mới bắt đầu phát triển, với những quan hệ giai cấp đối lập chưa thật gay gắt, thì lý luận của họ cũng chưa thể thành thục.

Không hề đánh giá thấp những di sản trí tuệ của họ, những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã xem đó là những tiền đề tư tưởng cho học thuyết của mình.

Riêng đối với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng-phê phán, Ph. Ăngghen đã cho rằng: chủ nghĩa xã hội lý luận Đức không bao giờ quên rằng nó là sự tiếp nối Xanh Ximông, Phuriê và Ôoen, ba nhà tư tưởng - mặc dầu tất cả tính chất ảo tưởng và không tưởng trong các học thuyết của họ - thuộc về những trí tuệ vĩ đại nhất... và đã tiên đoán được một cách thiên tài vô số những chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học...

II. C. MÁC (1818 - 1883) VÀ PH. ĂNGGHEN (1820 - 1895) - NHỮNG NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học

Đây là kết quả của quá trình hoạt động lý luận gắn liền với hoạt động thực tiễn của C. Mác và Ph. Ăngghen từ buổi đầu những năm 40 của thế kỷ XIX.

C. Mác đã vận dụng và phát triển thành công những quan điểm duy vật và phương pháp biện chứng từ nền triết học thời cổ Hy Lạp đến nền triết học cổ điển Đức vào việc nghiên cứu đời sống xã hội; nhờ vậy đã phát hiện ra những quy luật vận động của lịch sử, trước hết là quy luật về sự chuyển biến của các hình thái kinh tế - xã hội và sự kế tiếp nhau giữa các hình thái kinh tế-xã hội. C. Mác và Ph. Ăngghen đã sáng lập ra *chủ nghĩa duy vật lịch sử.*

Tiến thêm một bước nữa C. Mác đã vận dụng những quan điểm duy vật về lịch sử và những yếu tố hợp lý của nền kinh tế học cổ điển Anh vào việc nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa một cách toàn diện và mang tính phê phán triệt để. Hai ông đã sáng lập ra *học thuyết về giá trị thặng dư.*

Sau này, Ph. Ăngghen đã xác định: "Hai phát hiện

vĩ đại ấy - quan niệm duy vật về lịch sử và việc dùng giá trị thặng dư để bóc trần bí mật của sản xuất tư bản chủ nghĩa - là công lao của *Mác*. Nhờ hai phát hiện ấy, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một khoa học mà ngày nay, vấn đề trước hết là phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi mối liên hệ của nó"[1].

Trong thời gian từ năm 1842 đến khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời vào đầu năm 1848, thông qua nhiều tác phẩm viết riêng và viết chung của C. Mác và Ph. Ăngghen từng bước thể hiện sự chín muồi những phạm trù và những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là cột mốc lịch sử ghi nhận sự hình thành về cơ bản, chứ chưa phải là đỉnh cao của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nội dung của *Tuyên ngôn* bắt đầu từ luận điểm nói rằng từ khi xã hội phân chia thành giai cấp "*Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp*". Những cuộc đấu tranh đã đi đến một giai đoạn - giai đoạn tư bản chủ nghĩa - mà "*giai cấp vô sản không thể tự giải phóng nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội thoát khỏi tình trạng phân chia thành giai cấp, áp bức, bóc lột giai cấp và đấu tranh giai cấp*". Đó là mục đích lý tưởng của giai cấp vô sản.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.19, tr. 305.

Phạm trù giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó được xem như phạm trù xuất phát, từ đó hình thành một cách lôgích các phạm trù và nguyên lý cơ bản khác như Đảng Cộng sản, cách mạng vô sản, sự thiết lập chính quyền vô sản, thái độ của Đảng Cộng sản đối với các đảng dân chủ và tiến bộ khác, sự chuyển biến không ngừng từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc chiến lược "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"...

Tuyên ngôn được thừa nhận là cương lĩnh chính trị đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Kể từ đây, chủ nghĩa xã hội không còn bị xem như một phát hiện ngẫu nhiên của một khối óc "*kiệt xuất*" nào. Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội không còn là ở chỗ phải "nặn" ra từ đầu óc một người "*toàn thiện toàn mỹ*" nào đó, mà là ở chỗ phải nghiên cứu quá trình kinh tế - lịch sử đã tất nhiên sản sinh ra giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, cũng như cuộc đấu tranh không thể điều hoà giữa hai giai cấp ấy. Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học còn là ở chỗ cần tìm ra được trong thực tế những yêu cầu thiết thực, những thủ đoạn, những giải pháp có hiệu quả nhằm giải quyết mọi xung đột. Chủ nghĩa xã hội khoa học không phải chỉ có nhiệm vụ dự kiến những mục tiêu lý tưởng mà còn là ở chỗ tạo ra được những điều kiện

vật chất và tinh thần cần thiết để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

Từ sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát hiện thêm nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học trên nhiều khía cạnh. Hai ông đã cho thấy thêm rằng: giai cấp công nhân cần đập tan bộ máy quan liêu trong nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản (một phạm trù mà hai ông chưa đề xuất trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*) xem như công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội; cần thực hiện liên minh công nông để hình thành lực lượng cách mạng; cần nhận thức rõ mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, tính chất giai cấp và mục đích chính trị của các cuộc chiến tranh dân tộc khác nhau; cần nhận thức rõ giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản là một *"Thời kỳ cải biến cách mạng"* từ xã hội nọ sang xã hội kia và thích ứng với thời kỳ đó là một *"Thời kỳ quá độ chính trị"*, trong đó nhà nước không phải là gì khác ngoài *"chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"*...

Song công trình khoa học lớn nhất bao trùm gần toàn bộ cuộc đời của cả C. Mác và Ph. Ăngghen chính là bộ *Tư bản*. Sau nhiều chục năm nghiên cứu liên tục, với sự ra đời của bộ *Tư bản* mà nền tảng là nội dung lý luận về giá trị thặng dư trong phương thức tư

bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen, chủ yếu và trước hết là Mác, đã củng cố vững chắc thêm hệ thống quan điểm duy vật về lịch sử, đồng thời mở đường cho sự hình thành hệ thống lý luận kinh tế học trên lập trường giai cấp công nhân.

Sau này, V. I. Lênin khẳng định thêm rằng: "... từ khi bộ Tư bản ra đời... quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý đã được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra được một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và sự phát triển của một hình thái xã hội nào đó - của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa, v.v., thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ là đồng nghĩa với khoa học xã hội"[1]. V.I. Lênin còn cho rằng, bộ *Tư bản* là "tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học"[2]. Điều này có ý nghĩa khái quát là bộ *Tư bản* đã làm sáng tỏ quy luật hình thành, tồn tại, phát triển và diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, đồng thời chỉ ra rằng sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là

1, 2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1974, t.1, tr. 166.

lực lượng xã hội quyết định sự lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, đã là những người mácxít chân chính, không ai cho rằng C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ có ưu điểm và không hề có khuyết điểm nào trong suy nghĩ cũng như trong lời nói và hành động, chỉ có những kẻ "*điên đầu*" mới đòi hỏi hai ông phải biết tất cả, phải nói và làm đúng tất cả và vào bất cứ thời gian nào.

Không ai hiểu đúng bản thân mình hơn là chính C. Mác và Ph. Ăngghen. Hai ông không bao giờ cho rằng học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều "*nhất thành bất biến*" hay là một tập "*thánh thư*" để lại cho đời sau tụng niệm. Trái lại, đã nhiều lần hai ông chỉ rõ đó chỉ là "gợi ý" cho mọi sự suy nghĩ và hành động mà thôi.

Trong *Lời nói đầu viết cho tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850*" của C. Mác, Ph. Ăngghen đã thẳng thắn tự phê bình rằng chính hai ông đã có sai lầm khi đánh giá về khả năng nổ ra của những cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu; vì lẽ "*Lịch sử đã chỉ rọ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*"[1].

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.22, tr.761.

III. V.I. LÊNIN (1870 - 1924) TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VÀ VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VÀO THỰC TIỄN TRONG THỜI ĐẠI ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

V.I. Lênin đã tiếp tục làm giàu thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và trong hoàn cảnh mà chủ nghĩa Mác đã dành được ưu thế trong phong trào công nhân quốc tế.

V.I. Lênin còn là người mácxít đầu tiên vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn đấu tranh xây dựng chính quyền cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cải tạo xã hội cũ và bắt đầu đi vào xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực.

Nếu C. Mác và Ph. Ăngghen đã có công làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học, thì Lênin lại có công phát triển và bảo đảm cho lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trở thành sức mạnh vật chất trong đời sống xã hội. Thực tế lịch sử đã chứng minh đất nước Xôviết do V.I. Lênin và những người đồng chí của Người cùng toàn thể nhân dân Xôviết xây dựng nên đã tồn tại và phát triển trong suốt 70 năm qua với tư cách là một quốc gia xã hội chủ nghĩa, một lực lượng góp phần quyết định sự thúc đẩy tiến trình phát triển của xã hội loài người theo chiều hướng hợp với quy luật của lịch sử.

Trên cơ sở những di sản lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã xây dựng một hệ thống

nguyên tắc cho một đảng mácxít kiểu mới của giai cấp công nhân.

Lúc sinh thời C. Mác và Ph. Ăngghen xuất phát từ những điều kiện của thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang phát triển theo chiều hướng đi lên và mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa chưa sâu sắc, đã cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thành công cùng một lúc trong nhiều nước. Không phải là chống lại quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen, trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin đã khẳng định cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra và thành công ở một số ít nước, thậm chí ở một nước. Nhận định này là sự thể hiện tư tưởng mácxít trong điều kiện lịch sử mới.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* tư tưởng về cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ mới có nghĩa là những người cộng sản cần ủng hộ giai cấp tư sản làm cuộc cách mạng nhằm lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. Sau khi giai cấp tư sản thắng lợi, giai cấp công nhân mới chuyển sang làm cách mạng chống giai cấp tư sản cầm quyền. Xuất phát từ thực tế nước Nga trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin chủ trương làm cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới vừa nhằm đánh bại thế lực phong kiến chuyên chế vừa nhằm cô lập, làm suy yếu thế lực tư sản phản động, một cuộc cách mạng không vì thắng lợi của giai cấp tư sản, không nhằm củng cố

chế độ tư bản chủ nghĩa, mà triển vọng là chuyển ngay sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin dành nhiều thời gian cho sự luận giải về chuyên chính vô sản, chủ yếu là nhằm xác định rõ bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản, mối quan hệ không tách rời nhau giữa hai chức năng cơ bản của chuyên chính vô sản là chức năng giáo dục, tổ chức, xây dựng và chức năng cưỡng chế, trừng trị bằng mệnh lệnh hành chính, bằng bạo lực đối với mọi đối tượng thù địch với một chừng mực thoả đáng trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

V.I. Lênin là người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản được xem như một hệ thống cơ cấu tổ chức, đồng thời là một hệ thống cơ cấu quan hệ giữa Đảng Cộng sản Bônsêvích lãnh đạo, Nhà nước Xôviết quản lý và tổ chức công đoàn - nguồn sức mạnh của cả Đảng và Nhà nước.

V.I. Lênin đã luận giải rõ ràng luận điểm của Mác nói về thời kỳ quá độ chính trị từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa.

V.I. Lênin đã nhiều lần dự thảo cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nga, nêu ra nhiều luận điểm độc đáo như: cần có *những bước quá độ nhỏ* trong thời kỳ quá độ nói chung lên chủ nghĩa xã hội; *giữ vững Chính quyền xôviết và tiến hành điện khí hoá*

toàn quốc là những nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định để đi lên chủ nghĩa xã hội; liên minh công nông là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản; trí thức là một lực lượng quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; "Cần học tập các chuyên gia tư sản, kể cả các chuyên gia quân sự tán thành Chính quyền Xôviết", v.v..

V.I. Lênin đặc biệt coi trọng vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều sắc tộc khác nhau. Ba nguyên tắc cơ bản trong *Cương lĩnh dân tộc* nổi tiếng của Đảng Cộng sản do V.I. Lênin soạn thảo là: quyền bình đẳng dân tộc, quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc. Khi Quốc tế cộng sản quyết định thay khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!" thành khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại". V.I. Lênin đã khẳng định "Đứng trên quan điểm chính trị hiện nay thì khẩu hiệu mới đó là đúng"[1].

Sau thời kỳ nội chiến và chống lại kẻ thù xâm lược, từ tháng 3-1921, Nhà nước xôviết chuẩn bị chuyển sang thời kỳ thực hiện chính sách kinh tế mới. Nội dung của chính sách kinh tế mới chẳng những nhằm ổn định và phát triển kinh tế mà còn nhằm củng cố khối liên minh công nông.

Những năm cuối đời, V.I. Lênin đã dành cho việc

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1979, t.42, tr.86.

tổng kết những kinh nghiệm hoạt động chính trị, chủ yếu là việc nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn bộ máy nhà nước, phát huy năng lực và quyền làm chủ của các đoàn thể quần chúng cách mạng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, những phương hướng hành động có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp chung đó là ra sức nâng cao đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống mọi tệ quan liêu, tham ô, lãng phí, khắc phục bệnh xa rời quần chúng, mệnh lệnh hành chính, "*nói cách mạng suông*".

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, V.I. Lênin được lịch sử ghi nhận là vị lãnh tụ chính trị đứng ở hàng đầu phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của thế kỷ XX. Dù sao, V.I. Lênin cũng không tránh được những khuyết điểm, hạn chế về nhận thức tư tưởng và vận dụng lý luận vào thực tiễn, mỗi khi nhận định tình hình hoặc trong việc hoạch định những chủ trương, chính sách cụ thể, nhất là trong một, hai năm trước và sau Cách mạng Tháng Mười. Ví dụ: Trong bài *Một trong những vấn đề căn bản* viết vào tháng tư năm 1917, V.I. Lênin khẳng định "*nước Nga nhất định sẽ thực sự chuyển lên chủ nghĩa xã hội và thắng lợi của bước chuyển lên đó sẽ được bảo đảm*". Hoặc, về nông nghiệp thì chỉ đến tháng ba năm 1918 V.I. Lênin đã có dự kiến "*chuyển dần lên chế độ canh tác tập thể và lên nền nông nghiệp xã hội*

chủ nghĩa đại quy mô". Thực tế cho thấy trong những thời kỳ vận động cách mạng sôi nổi, những lời cổ động, những dự kiến chưa thích hợp với điều kiện hiện thực cho phép là khó tránh khỏi. Phải ba, bốn năm sau Cách mạng Tháng Mười, V.I. Lênin mới thấy rõ đi lên chủ nghĩa xã hội là rất lâu dài và phức tạp; và việc đưa nông dân vào con đường hợp tác hóa cũng không phải là đơn giản, nếu trình độ văn hoá của họ chưa được nâng cao.

V.I. Lênin từng nói rằng, những người cộng sản không phải là những ông thánh, họ cũng có những khuyết điểm, sai lầm và họ cũng phải sửa chữa những cái đó. Vào lúc cuối đời, có lần V.I. Lênin tuyên bố: "Ngày nay chúng ta... buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản"[1].

Theo V.I. Lênin, sự thay đổi về căn bản đó chỉ là ở chỗ trước kia chính trị là đấu tranh giành chính quyền, là tiến hành nội chiến và chống mọi hoạt động vũ trang can thiệp của các đế quốc bên ngoài, thì nay chính trị là chuyển sang công tác hoà bình tổ chức văn hoá, giáo dục, hoàn thiện bộ máy hành chính nhằm xây dựng đất nước, trước hết là xây dựng kinh tế theo chính sách mới... Đó là thực chất của luận điểm

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.428.

lêninnít trên đây chứ hoàn toàn không phải như những kẻ ác ý đã xuyên tạc rằng "*như vậy là V.I. Lênin muốn quay về với chế độ tư bản chủ nghĩa!*".

IV. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Giai đoạn đầu của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới

86 năm đã qua từ sau khi V.I. Lênin từ trần, đời sống chính trị quốc tế đã chứng kiến nhiều chuyển biến quan trọng.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai do các thế lực đế quốc phản động cực đoan gây ra kéo dài từ năm 1939 đến năm 1945, dẫn đến những hậu quả cực kỳ khủng khiếp cho nhân loại.

Trong phe đồng minh chống phátxít, Liên Xô đã góp phần cống hiến có ý nghĩa quyết định nhất để chiến thắng và đưa chủ nghĩa phátxít trên thế giới đến thảm bại, giải thoát hàng ngàn triệu người thoát khỏi tai họa chiến tranh tàn khốc.

Từ cuối những năm 1940 qua những năm 1950, từng bước hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, tạo ra một tình hình so sánh lực lượng quốc tế có lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành đối trọng mà phe đế quốc chủ nghĩa không thể coi thường.

Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp tại Mátxcơva tháng 11 năm 1957 đã nhất trí thông qua chín tính quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên tinh thần những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Sự thống nhất lực lượng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế còn được chứng minh bằng Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân tại Mátxcơva vào tháng giêng năm 1960. Những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học đã được vận dụng vào sự phân tích tình hình quốc tế, phân tích nội dung và đặc điểm của thời đại. Hội nghị khẳng định: "*Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu của những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại hiện nay*". Hội nghị đặc biệt quan tâm đến vấn đề đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới, chống mọi nguy cơ chiến tranh còn có khả năng xảy ra khi trên thế giới còn tồn tại những thế lực đế quốc chủ nghĩa. Hội nghị năm 1960 đã nêu ra một vấn đề cấp thiết mà Hội nghị năm 1957 chưa đề cập tới. Đó là vấn đề xây dựng cơ sở vật chất cần thiết, xây dựng sức sản xuất cao trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến, điện khí hoá nền kinh tế quốc dân, cơ giới hoá và tự động hoá sản xuất.

Những hội nghị nói trên là những dấu hiệu tích cực đối với yêu cầu xây dựng sự thống nhất, đoàn kết của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Song, không phải là về mọi mặt đều suôn sẻ cả, không phải là giữa các nước xã hội chủ nghĩa đều đã có sự nhất trí cao về những vấn đề quan trọng như: xác định biên giới quốc gia, xác định những bước đi lên của từng nước khác nhau, thiết lập những quan hệ hợp tác, tương trợ trên cơ sở bình đẳng trong giao lưu kinh tế, khoa học, kỹ thuật, v.v..

Một sự kiện đáng chú ý là ngay trong Hội nghị 81 Đảng Cộng sản và công nhân năm 1960, "*Liên đoàn những người cộng sản Nam Tư*" đã bị lên án là đi theo con đường của chủ nghĩa xét lại hiện đại, là tự tách ra khỏi hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong nhiều năm tiếp theo, còn nảy sinh những hiện tượng mất đoàn kết giữa một số nước, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau và có trường hợp đã dẫn đến những xung đột quyết liệt.

Tiếp đến những năm cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực rất phức tạp từ bên trong và bên ngoài, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu lần lượt bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, thoái trào.

2. Sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học qua những thử thách mới

Chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung, chủ nghĩa xã

hội khoa học nói riêng đã và đang đi vào một thời kỳ thử thách nghiêm trọng. Trên phạm vi quốc tế đã diễn ra nhiều chiến dịch tấn công của các thế lực chống cộng vào lĩnh vực này.

Song, chủ nghĩa xã hội khoa học mang sức sống của quy luật lịch sử, đã và sẽ không có thế lực phản động nào có thể tiêu diệt được. Sự sụp đổ của một số nước xã hội chủ nghĩa do mang nhiều khuyết tật trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội khoa học đã bị những kẻ cơ hội và phản bội trong nước cũng như kẻ thù chống cộng bên ngoài lợi dụng thời cơ để rắp tâm phá hoại. Tình hình đó không chứng minh cho sự kết thúc của chủ nghĩa xã hội.

Trước những thử thách lớn hiện nay, những người mácxít-lêninnít chân chính đã thể hiện rõ tinh thần kiên trì lý tưởng cao đẹp của mình. Ở nhiều nước, mặc dù gặp nhiều khó khăn trở lực, các Đảng Cộng sản đã và đang từ trong thực tế của đất nước mình, tìm kiếm những phương hướng, biện pháp đấu tranh mới, những con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thích hợp với những điều kiện đặc thù của nước mình. Nhiều đảng mácxít - lêninnít kiên trinh đã chủ động trực tiếp gặp gỡ nhau để thông cảm lẫn nhau, cùng nhau cam kết giữ gìn truyền thống đoàn kết theo lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Ở Việt Nam, mọi thắng lợi cách mạng của nhân dân ta từ trước đến nay đều là thắng lợi của chủ

nghĩa Mác-Lênin, của chủ nghĩa xã hội khoa học được vận dụng đúng đắn vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, thông qua quá trình lãnh đạo sáng tạo của Đảng ta - một đảng mácxít-lêninnít do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

Được thành lập từ đầu năm 1930, Đảng ta không chỉ là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân, mà - như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói - còn là sự kết hợp với phong trào yêu nước ở nước ta. Do vậy, Đảng ta vừa mang bản chất giai cấp của giai cấp công nhân, vừa mang tính chất nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Quyết định Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là biểu hiện của sự vận dụng tổng hợp những luận điểm của V.I. Lênin về những điều kiện chính trị khách quan và chủ quan nhằm bảo đảm cho cách mạng có thể nổ ra và thắng lợi, về tầm quan trọng của yêu cầu kịp thời chớp lấy thời cơ để khởi nghĩa thành công. Điều đó đã được phản ánh rõ trong bản chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Đảng ngày 12 tháng 3 năm 1945.

Chiến lược cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới của V.I. Lênin đã được Đảng ta thực hiện thích hợp với yêu cầu và điều kiện riêng biệt của nước ta, theo con đường đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa từ phạm vi nửa nước rồi tiến lên phạm vi cả nước.

Mục tiêu chính trị trước mắt của Cách mạng Tháng Tám không phải chỉ là độc lập dân tộc mà còn là thống nhất Tổ quốc, và sau khi cách mạng thắng lợi, chế độ xã hội ở nước ta về bản chất là chế độ dân chủ nhân dân mang định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một đặc điểm quan trọng của nước ta là đã phải trải qua hơn 30 năm chiến tranh chống các đế quốc bên ngoài xâm lược, đã bị tạm chia thành hai miền, mỗi miền có một chế độ xã hội - chính trị khác nhau. Cho nên, ở miền Nam, đối lập với các chính phủ bù nhìn làm tay sai bán nước cho các đế quốc, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ta, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam đã được thành lập để trực tiếp tiến hành cuộc kháng chiến, giải phóng miền Nam.

Từ 30-4-1975, đất nước ta hoàn toàn độc lập và thống nhất, nhân dân cả nước đi vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian đầu, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nước ta đã không tránh khỏi những khuyết điểm sai lầm nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực cải tạo quan hệ sản xuất cũ và thực hiện nguyên tắc phân phối. Nguyên nhân chính của những sai lầm đó là bệnh giáo điều, tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí, khiến cho lực lượng sản xuất phát triển rất chậm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta năm 1986 đã mở ra những phương hướng tháo gỡ khó khăn, đổi mới tư duy và hoạt động thực tiễn, nhằm ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, phát huy quyền và khả năng làm chủ của nhân dân ta.

Qua mười năm đổi mới (1986-1996), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã nêu ra sáu bài học kinh nghiệm lớn:

1. Giữ vững độc lập và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

3. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Mở rộng khối đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của dân tộc.

5. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

6. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Sáu bài học kinh nghiệm lớn trên đây là kết tinh của nhiều nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học gắn liền với những thu hoạch rút ra được từ thực tiễn của Đảng ta trong quá trình khảo sát những đặc điểm mới của đời sống chính trị quốc tế và của nước ta nhằm phục vụ thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG IV

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những cống hiến vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác.

Khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột trong cuộc đấu tranh từng bước xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là lập trường chính trị của những người mácxít-lêninnít chân chính, là ranh giới phân biệt họ với những người cải lương và những phần tử cơ hội, xét lại.

Trước sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, nhiều người đã bộc lộ sự dao động và hoài nghi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Bọn cơ hội, xét lại và các thế lực chống cộng có cơ hội mới để phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy vấn đề làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nhất là trong bối

cảnh lịch sử mới đang được đặt ra một cách bức thiết trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ ý nghĩa và nội dung căn bản, cụ thể của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam thể hiện trong giai đoạn mới là: "Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa..."[1].

I. KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Để hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết cần làm rõ khái niệm giai cấp công nhân. Chính C. Mác và Ph. Ăngghen đặt vấn đề nghiên cứu rất khoa học ngay từ đầu, rằng: "Vấn đề là ở chỗ tìm hiểu xem giai cấp vô sản thực ra là gì, và phù hợp với tồn tại ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử"[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.22.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.2, tr.56.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... như những cụm từ *đồng nghĩa* để biểu thị một khái niệm: Giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. C. Mác và Ph. Ăngghen còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp: công nhân khoáng sản, công nhân công trường thủ công, công nhân công xưởng, công nhân nông nghiệp, v.v..

Dù khái niệm giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) có nhiều thuật ngữ biểu đạt khác nhau như thế nào thì theo C. Mác và Ph. Ăngghen vẫn chỉ mang hai nội hàm cơ bản:

- *Về phương thức lao động, phương thức sản xuất của giai cấp này*: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao. C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu lên nội hàm này khi hai ông mô tả quá trình phát triển của giai cấp công nhân từ những người thợ thủ công thời

trung cổ đến những người thợ trong công trường thủ công và cuối cùng đến những công nhân trong công nghiệp hiện đại. Trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc[1]. Khi nói về tiêu chí này, C. Mác và Ph. Ăngghen luôn luôn nhấn mạnh đến người công nhân công nghiệp công xưởng, coi là bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân hiện đại. Chúng ta có thể thấy rõ điều này trong những luận điểm sau đây của C. Mác và Ph. Ăngghen: "Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp"[2]; "công nhân cũng là một phát minh của thời đại mới, giống như máy móc vậy... Công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại"[3].

- *Về vị trí trong quan hệ sản xuất của giai cấp này trong chủ nghĩa tư bản,* đó là những người lao động không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột về giá trị thặng dư. Đối diện với nhà tư bản, công nhân là những người lao động tự do, những người bán sức lao động

1. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.23, tr.605.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.610.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1993, t.12, tr.11.

của mình để kiếm sống. C. Mác và Ph. Ăngghen đặc biệt nhấn mạnh nội hàm này vì chính điều này khiến cho người công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản. "Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại - tức là giai cấp chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản - cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường"[1]. Vì nội hàm thứ hai này nói lên một trong những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa nên C. Mác và Ph. Ăngghen còn gọi giai cấp công nhân là giai cấp vô sản.

Ngày nay, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nửa sau của thế kỷ XX, bộ mặt của giai cấp công nhân hiện đại có nhiều thay đổi khác trước. Sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội hiện nay đã vượt xa trình độ văn minh công nghiệp trước đây. Sự xã hội hoá và phân công lao động xã hội mới, cơ cấu của giai cấp công nhân hiện đại, các hình thức bóc lột giá trị thặng dư... đã làm cho diện mạo của giai cấp

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr. 605.

công nhân hiện đại không còn giống với những mô tả của Mác trong thế kỷ XIX. Thế nhưng, nếu từ những biến đổi đó mà đi đến dao động, phủ nhận khái niệm giai cấp công nhân, phủ nhận sự tồn tại của giai cấp công nhân thì hoàn toàn là sai lầm. Giai cấp công nhân hiện đại vẫn tồn tại, vẫn có sứ mệnh lịch sử của mình trong xã hội tư bản hiện đại. Cần phải tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận về giai cấp công nhân và sứ mệnh của giai cấp công nhân, nhưng những nội hàm cơ bản của giai cấp công nhân mà C. Mác đã phát hiện ra vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo phương pháp luận trong việc nhận thức giai cấp công nhân hiện đại.

Hiện nay, cơ cấu ngành nghề của giai cấp công nhân đã có những thay đổi to lớn: bên cạnh công nhân của nền công nghiệp cơ khí đã xuất hiện công nhân của nền công nghiệp tự động hoá, với việc áp dụng phổ biến công nghệ thông tin vào sản xuất. Song, dù cho trình độ kỹ thuật có thay đổi như thế nào thì xét theo nội hàm kinh tế - xã hội, giai cấp công nhân vẫn tồn tại như là một giai cấp đặc thù. Bên cạnh công nghiệp đã phát triển ngày càng nhiều các loại ngành dịch vụ và ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ngành này chiếm từ 50 - 70% lao động, nhưng điều đó không hề làm giảm vai trò của giai cấp công nhân trong nền kinh tế và ngay cả tỷ trọng của giai cấp công nhân trong dân cư. Bởi vì, một bộ phận lớn những người làm

thuê trong các ngành dịch vụ gắn liền với công nghiệp và hoạt động theo lối công nghiệp, vẫn là công nhân xét cả về hai tiêu chí cơ bản đã nói ở trên.

Cùng với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, giai cấp công nhân có xu hướng "trí thức hoá" ngày càng tăng, và cũng ngày càng tiếp thu đông đảo thêm những người thuộc tầng lớp trí thức vào hàng ngũ của mình. Nhưng, trình độ tri thức không làm thay đổi bản chất của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản, với tính cách là giai cấp làm thuê cho giai cấp tư sản trong hoạt động sản xuất công nghiệp. Trước kia công nhân bản sức lao động chân tay là chủ yếu thì nay họ bán cả sức lao động chân tay và lao động trí óc thậm chí một số chủ yếu là bán sức lao động với kỹ thuật rất cao, giá trị ngày càng lớn và do đó càng bị bóc lột giá trị thặng dư theo chiều sâu.

Do sự phát triển của sản xuất và văn minh, đời sống công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có những thay đổi quan trọng. Phần đông họ không còn là những người vô sản trần trụi với hai bàn tay trắng. Một số công nhân đã có một số tư liệu sản xuất phụ có thể cùng gia đình làm thêm để làm các công đoạn phụ cho các xí nghiệp chính. Một số công nhân có cổ phần ở xí nghiệp và tựa hồ phần nào cũng là người làm chủ xí nghiệp. Nhưng tất cả tình hình ấy không hề làm thay đổi một sự thật là toàn bộ tư liệu sản xuất cơ bản nhất, quyết định nhất đối với

nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản, và giai cấp công nhân về cơ bản vẫn không có tư liệu sản xuất cho nên phải bán sức lao động cho giai cấp tư sản, cả sức lao động trí óc và chân tay để kiếm sống, do đó vẫn bị bóc lột giá trị thặng dư, dù cho những hình thức bóc lột giá trị thặng dư ngày nay tinh vi và khó thấy hơn.

Giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển hiện nay bao gồm một loạt những người làm thuê cho giai cấp tư sản trong những ngành nghề hết sức khác nhau của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, ngày càng tự động hoá với những trình độ khác nhau. Đó là những người trực tiếp đứng máy, làm việc bấm nút và theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh hoạt động của hệ thống máy tự động; đó là những người không trực tiếp đứng máy, không nằm trong dây chuyền sản xuất tự động, những hoạt động nhằm bảo đảm những điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hệ thống máy tự động, do đó không thể thiếu đối với hoạt động của dây chuyền tự động; đó là những chuyên gia vừa trực tiếp chăm lo nghiên cứu, sáng chế cải tiến từng bộ phận hay cả dây chuyền sản xuất, vừa trực tiếp vận hành, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm (gọi là "công nhân trí thức"); đó là những người hoạt động ở các ngành dịch vụ trực tiếp phục vụ cho sản xuất như bưu điện, viễn thông, giao thông vận tải, v.v. hoặc gián tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển như một số khâu trong thương

nghiệp; đó là những người lao động làm thuê trong những ngành dịch vụ đang được công nghiệp hoá trở thành những ngành công nghiệp thực sự như du lịch, thông tin, tài chính ngân hàng, v.v.; đó cũng còn là những nhân viên thừa hành làm công ăn lương phục vụ cho hệ thống quản lý của các công ty, v.v.. Bên cạnh những công nhân làm việc trong các cơ sở sản xuất hiện đại, ở các nước tư bản phát triển vẫn còn tồn tại với những tỷ trọng khác nhau những lớp "công nhân truyền thống" hoạt động trong các ngành "công nghiệp truyền thống" như Mác đã mô tả, thậm chí cả trong một số nghề thủ công. Dĩ nhiên, ở các nước đang phát triển chiếm 3/4 dân số thế giới, giai cấp công nhân chủ yếu vẫn là những công nhân công nghiệp truyền thống, công nhân thủ công và chỉ có một phần nhỏ là những công nhân làm việc trong một số ít các nhà máy công nghệ hiện đại.

Căn cứ nội hàm cơ bản của khái niệm giai cấp công nhân như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể coi những người lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân. Còn những người làm công ăn lương phục vụ trong các ngành khác như y tế, giáo dục, văn hoá, dịch vụ (không liên quan trực tiếp đến sản xuất công nghiệp)... là những người lao động nói chung, đang được thu hút vào tổ chức công đoàn nghề nghiệp, nhưng không phải là công nhân.

Sau khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, không còn ở địa vị giai cấp bị bóc lột nữa, mà đã trở thành giai cấp thống trị, giai cấp lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất cơ bản đã được công hữu hoá. Trải qua một thời kỳ quá độ rất lâu dài, khi xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, bản thân giai cấp công nhân cũng sẽ không còn là một giai cấp riêng biệt nữa. Lúc đó công nhân sẽ như mọi người lao động được giải phóng, đều có điều kiện phát triển tự do và toàn diện. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có đặc trưng chủ yếu thuộc nội hàm thứ nhất, còn theo nội hàm thứ hai, nếu xét toàn bộ giai cấp, thì giai cấp công nhân đã là người làm chủ, nhưng trong điều kiện tồn tại nhiều thành phần kinh tế, thì còn có một bộ phận công nhân làm thuê trong các doanh nghiệp tư nhân. Những người này về danh nghĩa tham gia làm chủ cùng toàn bộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhưng xét về mặt cá nhân, họ vẫn là những người làm công, ăn lương và với những mức độ nhất định, họ vẫn bị những chủ sở hữu tư nhân bóc lột về giá trị thặng dư.

Những quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về nội hàm cơ bản của giai cấp công nhân cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là cơ sở phương pháp luận để chúng

ta nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại, đặc biệt là để làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Căn cứ hai nội hàm cơ bản nói trên, chúng ta có thể định nghĩa: Giai cấp công nhân là một loại giai cấp hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp ngày càng gắn hiện đại vào với lực lượng sản xuất có tính chất xã hội ngày càng cao; là lực lượng sản xuất cơ bản tiên tiến, trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, chủ yếu là sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng lãnh đạo và tổ chức tiến trình lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ.

II. NỘI DUNG SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ ẤY

1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã

khẳng định giai cấp công nhân hiện đại là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất, có khả năng tổ chức và lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động tiến hành cuộc cải biến cách mạng, từ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng nhân loại khỏi ách áp bức, bất công và mọi hình thức bóc lột. Nói một cách khái quát, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là: xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Ph. Ăngghen viết: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại"[1]. V.I. Lênin cũng chỉ rõ: "Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa"[2].

Ở những nước như nước ta, giai cấp công nhân trước hết phải làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phải lãnh đạo cuộc cách mạng đó thông qua đội tiên phong của mình, giành chính quyền, thiết lập

---

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1994, t. 20, tr.393.

2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1980, t.23, tr.1.

nền chuyên chính dân chủ nhân dân, "phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"[1]. Không thông qua giai đoạn cách mạng đó giai cấp công nhân không thể chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân từng bước lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không có người bóc lột người, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công.

2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Học thuyết C. Mác - Ph. Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là luận chứng khoa học về địa vị kinh tế - xã hội và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, về những mục tiêu và con đường để giai cấp đó hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Học thuyết ấy chứng minh rằng, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định bởi những điều kiện kinh tế - xã hội khách quan: Đó là "cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t. 4, tr.624.

Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau"[1].

Luận thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đã được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày sâu sắc trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trên những quan điểm cơ bản như sau:

Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới chủ nghĩa tư bản. Và, với tính cách như vậy, nó là lực lượng quyết định phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sau khi giành chính quyền, giai cấp công nhân, đại biểu cho sự tiến hoá tất yếu của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Giai cấp công nhân, *con đẻ của nền sản xuất công nghiệp hiện đại* được nền công nghiệp hiện đại rèn luyện, đoàn kết và tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh. Bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột nặng nề, họ là giai cấp trực tiếp đối kháng với giai cấp tư sản, và xét về bản chất họ là giai cấp cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa. Điều kiện sinh hoạt khách quan của họ quy định rằng, họ chỉ có thể tự giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.4, tr.613.

nghĩa. Trong cuộc cách mạng ấy, họ không mất gì ngoài xiềng xích và được cả thế giới về mình.

- *Địa vị kinh tế - xã hội khách quan* không chỉ khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp cách mạng triệt để nhất mà còn tạo cho họ khả năng làm việc đó. Đó là khả năng đoàn kết thống nhất giai cấp, khả năng đạt tới sự giác ngộ về địa vị lịch sử của mình, khả năng hành động chính trị để từng bước đạt mục tiêu cách mạng. Đó là khả năng đoàn kết các giai cấp khác trong cuộc đấu tranh chống tư bản. Đó là khả năng đi đầu trong cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân lao động và của dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là khả năng đoàn kết toàn thể giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên quy mô quốc tế theo chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Lịch sử thế giới đã chứng minh những kết luận của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là đúng đắn. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình không phải diễn ra một cách bằng phẳng, thuận buồm xuôi gió.

Ngày nay, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội và một số người cơ hội, xét lại đang phủ nhận học thuyết Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Theo họ giai cấp công nhân ngày nay đã "teo đi", đã "tan biến" vào các giai tầng xã hội khác; địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân đã thay đổi nhiều,

phần đông trong giai cấp này đã "trung lưu hoá" v.v.. Thực tế chứng minh rằng, quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa dù có mở rộng và hiện đại hoá đến đâu, những hình thức của nó có thay đổi thế nào chăng nữa thì nó vẫn không ngừng tái sinh ra quan hệ tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lòng chế độ tư bản đang diễn ra hết sức gay gắt. Giai cấp tư sản đã và đang tìm mọi cách để điều chỉnh các quan hệ tư bản chủ nghĩa hòng cứu vãn chế độ thống trị của chúng. Chúng có thể đạt được một số thành tựu và kết quả nào đấy nhưng vẫn không sao khắc phục được mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản. Ở nơi này hay nơi khác, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn còn khả năng phát triển, nhưng phải thường xuyên đương đầu với các cuộc khủng hoảng nặng nề, với nhiều cơn suy thoái và nạn thất nghiệp thường xuyên không tránh khỏi của hàng chục triệu người. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân tuy đang đứng trước những thử thách hết sức nặng nề, nhưng bức tranh toàn cảnh của sự phát triển lực lượng sản xuất thế giới vẫn đang chuẩn bị những tiền đề khách quan cho giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình dù có trải qua những bước thăng trầm, quanh co, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo quy luật khách quan của lịch sử. Đặc điểm lớn nhất của thời đại hiện nay là giai cấp công nhân đã, đang và sẽ vươn lên

nắm quyền lực nhà nước bằng nhiều con đường khác nhau. Bởi lẽ, nó là giai cấp duy nhất đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến. Giai cấp công nhân là người đại diện cho lợi ích và quyền lực của nhân dân, của nhân loại tiến bộ.

Trong các nước đang phát triển, giai cấp công nhân đang không ngừng tăng nhanh cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế. Tuy nhiên, điều quyết định việc hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chủ yếu không phải là số lượng, mặc dù số lượng là yếu tố cần thiết. Trên thực tế, sức mạnh của giai cấp công nhân lớn hơn nhiều so với số lượng của nó, nếu giai cấp công nhân thống nhất được lực lượng của chính giai cấp mình và thực hiện được sự liên minh chặt chẽ với quần chúng lao động bị áp bức.

Phải chăng, hiện nay trong các nước tư bản phát triển, giai cấp công nhân không còn bị bóc lột như trước, đã "trung lưu hoá" và có cổ phần trong xí nghiệp, cho nên giai cấp công nhân không có tinh thần cách mạng như trước, không còn có thể đóng vai trò lãnh đạo cách mạng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa Mác-Lênin không quan niệm một giai cấp có khả năng lãnh đạo cách mạng vì nó nghèo khổ nhất. Mưu toan đem sự nghèo khổ để luận giải sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự xuyên tạc trắng trợn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đúng là ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đời sống của một bộ phận không nhỏ trong giai cấp công nhân đã được cải thiện. Họ có thu nhập cao. Một bộ phận công nhân ở các nước trên đã có mức sống "trung lưu hóa". Song điều đó không có nghĩa là công nhân ở các nước ấy không còn bị bóc lột hoặc bị bóc lột không đáng kể. Một số công nhân có cổ phần trong công ty tư bản, hoặc có một số tư liệu sản xuất phụ nào đó. Nhưng tất cả tình hình ấy không hề làm thay đổi một sự thật là toàn bộ tư liệu sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản. Giai cấp công nhân về cơ bản vẫn không có tư liệu sản xuất vẫn phải bán sức lao động cho giai cấp tư sản, cả sức lao động trí óc lẫn chân tay để kiếm sống, do đó vẫn bị bóc lột giá trị thặng dư. Bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Hiện nay, với sự ứng dụng của thành quả khoa học - công nghệ hiện đại vào sản xuất, người công nhân phải lao động với cường độ cao (cả lao động trí tuệ và cơ bắp) đã tạo ra một khối lượng sản phẩm gấp bội so với trước đây. Do đó, các ông chủ tư bản đã bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp công nhân nhiều hơn trước. Họ chỉ bớt một phần rất nhỏ lợi nhuận để cải thiện đời sống công nhân. Sự thật là, ở chính ngay những nước tư bản phát triển, tình trạng công nhân nghèo khổ, thất nghiệp, mù chữ, thiếu nhà ở, sống trong điều kiện bấp bênh vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ.

Một thực tế đã, đang và còn tồn tại ngày càng sâu

sắc ở các nước tư bản phát triển, đó là sự bất công, bất bình đẳng và thu nhập càng cách xa giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Dù có cố gắng tìm cách "thích nghi" và mọi biện pháp xoa dịu nhưng giai cấp tư sản không thể khắc phục được mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Thực tế, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vẫn diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa dưới nhiều hình thức phong phú, với những nội dung khác nhau.

Cũng có quan điểm cho rằng, luận điểm của Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trước đây có thể đúng nhưng không còn đúng trong thời đại ngày nay. Theo họ, thời đại ngày nay là thời đại của nền "văn minh trí tuệ", của "kinh tế tri thức", do đó trí thức mới là lực lượng tiền phong, có vai trò lãnh đạo cách mạng.

Tất nhiên, trí thức có vai trò quan trọng trong mọi thời đại. Trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, vai trò trí thức ngày càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Song, trí thức không thể đóng vai trò lãnh đạo thay thế giai cấp công nhân. Bởi lẽ:

- Trong xã hội, trí thức chỉ là một tầng lớp xã hội đặc biệt và không thuần nhất. Nó không đại biểu cho một phương thức sản xuất độc lập, không phải là một lực lượng kinh tế, chính trị độc lập trước các giai cấp và tầng lớp xã hội khác. Do đó, trí thức không có hệ tư tưởng riêng. Nó phải phục tùng và chịu ảnh hưởng hệ tư tưởng của giai cấp nào thống trị xã hội. Do địa

vị kinh tế - xã hội của nó, trí thức không thể là người lãnh đạo cách mạng; mặc dù tất cả các giai cấp thống trị trong lịch sử đều cần đến trí thức và đào tạo ra một đội ngũ trí thức của mình để thực hiện vai trò của nó đối với xã hội.

- Trí thức không có lợi ích đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, trí thức cũng là người làm thuê và bị bóc lột, nhưng lại là tầng lớp làm thuê đặc biệt, được giai cấp tư sản đào tạo, sử dụng và có một bộ phận được chế độ tư bản ưu đãi. Trí thức không phải là tầng lớp xã hội có tinh thần cách mạng triệt để như giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

- Thực tế lịch sử cho thấy chưa bao giờ có một tầng lớp trí thức nào có thể thay thế một giai cấp để lãnh đạo một cuộc cách mạng xã hội nhằm thay thế chế độ này bằng một chế độ xã hội khác. Trí thức bao giờ cũng là trí thức của một giai cấp nhất định và thường là của giai cấp thống trị xã hội.

III. VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất hiện một cách khách quan, song, để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua những nhân tố chủ quan. Trong những nhân tố chủ quan ấy,

việc thành lập ra Đảng Cộng sản trung thành với sự nghiệp, lợi ích của giai cấp công nhân là yếu tố quyết định nhất đảm bảo cho giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

1. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển Đảng của giai cấp công nhân

Chỉ khi nào giai cấp công nhân đạt tới trình độ tự giác bằng việc tiếp thu lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin thì phong trào cách mạng của nó mới thật sự là một phong trào chính trị. Trình độ lý luận đó cho phép giai cấp công nhân nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, nguồn gốc tạo nên sức mạnh và biết tạo nên sức mạnh đó bằng sự đoàn kết, nhận rõ mục tiêu, con đường và những biện pháp giải phóng giai cấp mình, giải phóng cả xã hội và giải phóng nhân loại.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định rằng, thông qua cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, giai cấp công nhân phát triển từ trình độ tự phát lên trình độ tự giác, chuyển từ giai cấp "tự nó" thành giai cấp "vì nó". Quá trình đó tất yếu phải diễn ra ở mọi phong trào công nhân. Thế nhưng quá trình đó diễn ra nhanh hay chậm, thuận lợi hay khó khăn thì điều đó phụ thuộc vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin diễn ra như thế nào, chủ nghĩa đó có chiến thắng được các trào lưu xã hội - dân chủ và cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân hay

không. Nếu phong trào chỉ dừng ở trình độ "tự nó", thì phong trào công nhân mới mang ý thức công liên chủ nghĩa mà thôi. Phải có chủ nghĩa Mác soi sáng, giai cấp công nhân mới đạt tới trình độ nhận thức lý luận về vai trò lịch sử của mình. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân dẫn đến sự hình thành chính đảng của giai cấp công nhân. Lênin chỉ ra rằng, Đảng là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tuỳ theo điều kiện không gian và thời gian. Ở nhiều nước thuộc địa, nửa thuộc địa, chủ nghĩa Mác thường kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước hình thành ra Đảng Cộng sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, ở nước ta thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng: Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930.

Chỉ có Đảng Cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác trong mỗi hành động với tư cách một giai cấp tự giác và thực sự cách mạng. C. Mác đã nhấn mạnh rằng, trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập của mình chống lại

quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một đảng độc lập với tất cả mọi chính đảng cũ do giai cấp hữu sản lập ra thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp được.

2. Mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân

Trước hết phải nói rằng, không có một giai cấp nào khi giữ vai trò lãnh đạo xã hội mà lại không thông qua chính đảng của mình. Đảng chính trị đó là tổ chức cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân, đảng đó là Đảng Cộng sản, chẳng những đại biểu trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động và dân tộc.

Cho nên phải có một đảng chính trị vững vàng, kiên định và sáng suốt, có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn thể hiện lợi ích của toàn giai cấp và toàn bộ phong trào để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội - giai cấp của Đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của Đảng, Đảng là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp, là biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc. Giữa Đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ, không thể tách rời. Những đảng viên của Đảng Cộng sản có thể không phải là công nhân

nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

Với một Đảng Cộng sản chân chính thì sự lãnh đạo của Đảng chính là sự lãnh đạo của giai cấp. Đảng với giai cấp là thống nhất, nhưng Đảng có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo cả giai cấp và dân tộc; vì thế không thể lẫn lộn Đảng với giai cấp. Đảng đem lại giác ngộ cho toàn bộ giai cấp, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành động cách mạng của toàn bộ giai cấp, trên cơ sở đó lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của Đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh của mình; từ bản thân giai cấp công nhân cho đến mỗi người công nhân cần thường xuyên vươn lên, trưởng thành về các mặt: tư tưởng, chính trị, lập trường giai cấp, văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề... Các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, thường xuyên phát triển vững mạnh... ngay trong quá trình phát triển sản xuất công nghiệp hiện đại, v.v..

IV. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay thường có những vấn đề chung nhất được đặt

ra là: Tại sao giai cấp công nhân Việt Nam còn tương đối non trẻ, nhỏ bé lại có thể lãnh đạo cách mạng Việt Nam? Nói Đảng Cộng sản lãnh đạo thì đúng, nhưng nói giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo thì có đúng không? Để lý giải đúng những vấn đề chung nhất đó, cần phân tích một cách khách quan - khoa học một số nội dung cơ bản sau đây:

Với chính sách khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời từ đầu thế kỷ này, trước cả sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam và là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp. Sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới sự thống trị của đế quốc Pháp, một thứ chủ nghĩa tư bản thực lợi không quan tâm mấy đến phát triển công nghiệp ở nước thuộc địa, nên giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm.

Mặc dù số lượng ít, trình độ nghề nghiệp thấp, còn mang nhiều tàn dư của tâm lý và tập quán nông dân, song giai cấp công nhân Việt Nam đã nhanh chóng vươn lên đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng ở nước ta do những điều kiện sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam sinh ra trong lòng một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Ở giai cấp công nhân, nỗi nhục mất nước cộng với nỗi khổ vì ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản đế quốc làm cho lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc

kết hợp làm một, khiến động cơ cách mạng, nghị lực cách mạng và tính triệt để cách mạng của giai cấp công nhân được nhân lên gấp bội.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sôi sục của một loạt phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp liên tục nổ ra từ khi chủ nghĩa đế quốc Pháp đặt chân lên đất nước ta: phong trào Cần Vương và cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, của Hoàng Hoa Thám, các cuộc vận động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, v.v. đã có tác dụng to lớn đối với việc cổ vũ tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất và quyết tâm đập tan xiềng xích nô lệ của toàn thể nhân dân ta. Nhưng tất cả các phong trào ấy đều thất bại và sự nghiệp giải phóng dân tộc đều lâm vào tình trạng bế tắc về đường lối.

- Vào lúc đó, phong trào cộng sản và công nhân thế giới phát triển, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ thắng lợi và ảnh hưởng đến phong trào dân tộc dân chủ ở nước khác, nhất là ở Trung Quốc. Chính vào lúc đó, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc trên hành trình tìm đường cứu nước đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin bí quyết thần kỳ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ta. Từ đó, Người đã đề ra con đường duy nhất đúng đắn cho cách mạng Việt Nam - con đường

cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân theo đúng hướng xã hội chủ nghĩa.

Tấm gương cách mạng Nga và phong trào cách mạng ở nhiều nước khác đã cổ vũ giai cấp công nhân non trẻ Việt Nam đứng lên nhận lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng nước ta và đồng thời cũng là chất xúc tác để nhân dân ta dễ tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin và đi theo con đường cách mạng của giai cấp công nhân. Từ đó giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Giai cấp công nhân Việt Nam, mà tuyệt đại bộ phận là xuất thân từ nông dân lao động và những tầng lớp lao động khác, nên có mối liên hệ tự nhiên với đông đảo nhân dân lao động bị mất nước, sống nô lệ, nên cũng là điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng nên khối liên minh công nông vững chắc và khối đoàn kết dân tộc rộng rãi bảo đảm cho sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta.

Lịch sử Việt Nam cũng chứng minh rằng, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời chưa được bao lâu ngay cả khi nó chưa có Đảng mà đã tổ chức một cách tự phát nhiều cuộc đấu tranh chống bọn tư bản thực dân và được nhân dân ủng hộ. Cuộc bãi công của 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn năm 1922 mà Nguyễn Ái Quốc coi đó mới chỉ là "do bản năng tự vệ" của những người công nhân "không được giáo dục và tổ chức" nhưng đã

là "dấu hiệu... của thời đại"[1]. Năm 1927, có gần chục cuộc bãi công với hàng trăm người tham gia. Năm 1928-1929, có nhiều cuộc bãi công khác với hàng nghìn người tham gia, trong đó tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của công nhân xi măng Hải Phòng, sợi Nam Định, xe lửa Trường Thi (Vinh), AVIA (Hà Nội), Phú Riềng (Bình Phước). Những cuộc đấu tranh như thế không chỉ giới hạn trong công nhân mà còn tác động sâu sắc đến các tầng lớp khác, đặc biệt là đến giai cấp nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động, thanh niên, sinh viên làm cho bọn thống trị thực dân hoảng sợ.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta vào những năm 30 thế kỷ XX. Đảng đã đem yếu tố tự giác vào phong trào công nhân, làm cho phong trào cách mạng nước ta có một bước phát triển nhảy vọt về chất.

Giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi nói giai cấp công nhân lãnh đạo là nói đến toàn bộ giai cấp như một chỉnh thể chứ không phải từng nhóm, từng người. Để có thể lãnh đạo, giai

---

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t. 2, tr.114.

cấp công nhân phải có lực lượng, có tổ chức tiêu biểu cho sự tự giác và bản chất giai cấp của mình. Lực lượng đó là Đảng Cộng sản. Xét về thành phần xuất thân thì nước ta có nhiều đảng viên không phải là công nhân. Nhưng, bất cứ đảng viên nào cũng phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân thể hiện ở lý tưởng, ở lý luận Mác-Lênin và đường lối cách mạng, ở tinh thần kiên quyết cách mạng trong cuộc đấu tranh để thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng của giai cấp công nhân nước ta đã lãnh đạo toàn dân hoàn thành thắng lợi trọn vẹn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và đang tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ lịch sử khó khăn, phức tạp nhất.

Trong giai đoạn hiện nay, đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt Nam bao gồm những người "lao động chân tay" và "lao động trí óc" hoạt động sản xuất trong các ngành công nghiệp và dịch vụ công nghiệp thuộc các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, hay thuộc khu vực tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài. Họ hình thành một giai cấp công nhân thống nhất đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, thông qua Đảng Cộng sản Việt Nam được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

đang lãnh đạo công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Họ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là cơ sở xã hội chủ yếu nhất của Đảng và Nhà nước ta, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chúng ta không phủ nhận những nhược điểm của giai cấp công nhân Việt Nam (như số lượng còn ít, chưa được rèn luyện nhiều trong công nghiệp hiện đại, trình độ văn hoá và tay nghề còn thấp...) mà nguồn gốc sâu xa là ở trình độ phát triển kinh tế chưa cao ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Nhưng điều đó không thể là lý do để phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Để khắc phục những nhược điểm ấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII của Đảng ta, một nghị quyết gắn trực tiếp vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá với vấn đề xây dựng phát triển giai cấp công nhân đã chỉ rõ phương hướng xây dựng giai cấp công nhân nước ta trong giai đoạn hiện nay là: "Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động

đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình"[1].

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Giai cấp công nhân đang đi đầu trong việc xây dựng xã hội mới, nhất là trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là bằng chứng chỉ rõ năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân nước ta, vai trò không thể thay thế được của nó trong sự nghiệp... "lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng một xã hội mới, trong đó nhân dân lao động làm chủ, đất nước độc lập và phồn vinh xoá bỏ áp bức bất công, mọi người đều có điều kiện phấn đấu cho cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc"[2].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội chỉ rõ: "Đối với *giai cấp công nhân*, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.98, 33.

chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hoá công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới..."[1].

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khoá X), Đảng ta đưa ra *mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020* có những nội dung đáng chú ý là: 1) Giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức cộng sản, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho văn hoá dân tộc... 2) Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam... 3) Phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng..., ngày càng "trí thức hoá"..., có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức..., cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.124-125.

2. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.49-50.

CHƯƠNG V

HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

C. Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng triệt để quan niệm duy vật về lịch sử vào nghiên cứu đời sống xã hội, xây dựng được học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Sự ra đời của học thuyết này là một cuộc cách mạng trong quan niệm về lịch sử xã hội.

Trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học đã phân chia tiến trình lịch sử thành những hình thái kinh tế - xã hội nhất định, xác định những dấu hiệu đặc trưng của các hình thái đó, vạch ra những quy luật phát triển đặc thù của chúng.

Với thắng lợi của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng lật đổ chính quyền các giai cấp bóc lột và bắt tay cải tạo xã hội cũ, từng bước hình thành những quan hệ xã hội, với chuẩn mực của chủ nghĩa xã hội thì hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa cũng hình thành để thay thế cho hình thái kinh tế - xã hội tư bản và tiền tư bản.

Nghiên cứu sự ra đời, các giai đoạn phát triển và

đặc điểm của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có ý nghĩa to lớn trong việc bảo đảm sự định hướng xã hội chủ nghĩa cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

I. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI VÀ SỰ PHÂN KỲ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Điều kiện ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác đã tập trung phân tích hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Chính sự "giải phẫu" của Mác đối với xã hội tư bản chủ nghĩa và các quy luật vận động của nó đã cho phép ông dự báo một cách khoa học sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Bởi vậy, khi tìm hiểu căn cứ để C. Mác dự đoán về sự phát triển tương lai của chủ nghĩa cộng sản trong tiến trình lịch sử xã hội, V.I. Lênin chỉ ra rằng C. Mác xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra - giai cấp công nhân hiện đại. "Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mảy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được. Mác đặt vấn đề chủ nghĩa

cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó"[1].

Trong một loạt tác phẩm của mình, đặc biệt trong các tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Chống Đuyrinh*..., các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định rằng sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất mà biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại đã tạo ra cho đến lúc đó[2]. Nhưng, như C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra, trong xã hội đầy đối kháng giai cấp đó, con người càng chinh phục tự nhiên, cải tạo tự nhiên bao nhiêu thì tình trạng người áp bức, bóc lột người càng được mở rộng bấy nhiêu. Sự phát triển của kinh tế - kỹ thuật đi liền với sự suy đồi về đạo đức; sự giàu có, thừa thãi của một số ít người đẩy số đông người vào cảnh cùng khổ.

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1976, t.33, tr. 104.
2. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.603.

Lực lượng sản xuất càng được cơ khí hoá, hiện đại hoá và, do vậy, càng mang tính xã hội hoá cao bao nhiêu thì những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từ chỗ đóng vai trò là yếu tố mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển ngày càng trở thành vật chướng ngại đối với sự phát triển hơn nữa của nó bấy nhiêu. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản.

Tính gay gắt của mâu thuẫn trên lĩnh vực kinh tế quy định tính gay gắt ngày càng tăng của mâu thuẫn trên lĩnh vực xã hội giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên căng thẳng. Khi tiếp thụ chủ nghĩa xã hội khoa học, phong trào công nhân đã chuyển từ tự phát sang tự giác. Toàn bộ hoạt động mang tính phủ định của nó đối với chủ nghĩa tư bản bắt đầu được hướng vào việc lật đổ nhà nước tư sản để xác lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Như vậy, sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp cơ khí và cùng với nó, sự trưởng thành cả về chất và lượng của giai cấp công nhân - vốn là sản phẩm của chính chủ nghĩa tư bản - đã tạo ra tiền đề

kinh tế và xã hội để tiến tới thủ tiêu chủ nghĩa tư bản. Diễn đạt tư tưởng đó, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng giai cấp tư sản không chỉ tạo ra vũ khí để giết mình, mà còn sinh ra những người sử dụng vũ khí ấy: những công nhân hiện đại, những *người vô sản*[1].

Phần nào ý thức được sự quy định của mâu thuẫn trên lĩnh vực kinh tế đối với mâu thuẫn trên lĩnh vực xã hội, giai cấp tư sản đã cố gắng điều chỉnh quan hệ sản xuất với hy vọng làm cho nó phù hợp với tính xã hội hoá của lực lượng sản xuất và, nhờ vậy, làm dịu bớt sự căng thẳng của mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản. Những công ty cổ phần, "chế độ tham dự" lần lượt xuất hiện, những doanh nghiệp nhà nước ra đời. Song, sở hữu nhà nước trong chủ nghĩa tư bản thực chất chỉ là giai cấp tư sản nhân danh nhà nước để nắm tư liệu sản xuất. Do vậy, mâu thuẫn đối kháng trong kinh tế và trong lĩnh vực xã hội không hề suy giảm, thậm chí còn tăng lên. Mâu thuẫn đó chỉ có thể được giải quyết, theo Ph. Ăngghen, một khi toàn bộ các tư liệu sản xuất biến thành của chung thông qua cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Khi luận chứng tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đồng thời vạch rõ tính chất ảo tưởng của niềm hy vọng vào sự tự sụp đổ của

---

1. Xem: C.Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.605.

chủ nghĩa tư bản. Các ông thấy rõ rằng, giai cấp tư sản lỗi thời sẽ kiên quyết bảo vệ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng đủ mọi phương tiện mà chúng có trong tay. Vì vậy, muốn thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, cần phải có hành động cách mạng tự giác của quảng đại quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Đó chính là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Điều đó giải thích vì sao ngay từ năm 1844, C. Mác đã cho rằng chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được, nếu không tiến hành cách mạng.

Như vậy, trong khi kiên quyết bác bỏ những quan điểm thiếu hiện thực của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng về khả năng chuyển hoà bình lên chủ nghĩa xã hội, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa được nảy sinh một cách hợp quy luật từ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và là cực điểm của cuộc đấu tranh ấy.

Mặt khác, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học cũng cương quyết chống lại mọi khuynh hướng cách mạng phiêu lưu, không tính đến trình độ phát triển hiện thực, làm cách mạng mà không có sự chuẩn bị khi chưa có những điều kiện cần thiết cho cuộc cách mạng.

Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ được hình thành thông qua cách mạng vô sản để thực hiện bước quá độ từ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế - xã

hội cộng sản chủ nghĩa. C. Mác đã coi cách mạng vô sản là cái mốc chấm dứt giai đoạn tiền sử lâu dài của loài người - một giai đoạn đầy thảm hoạ bên trong, và mở đầu giai đoạn lịch sử đầy sáng tạo có ý thức của loài người.

Do tính sâu sắc và triệt để của nó, cách mạng vô sản chỉ giành được thắng lợi, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ bắt đầu được xác lập, nếu những tiềm năng sáng tạo hùng hậu của giai cấp vô sản được tự do phát triển, nếu hàng chục triệu quần chúng nhân dân lao động đi theo lá cờ của giai cấp công nhân để thực hiện những cuộc cải tạo xã hội to lớn nhằm thoát khỏi cảnh phục tùng bọn bóc lột để mang lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho chính mình.

2. Phân kỳ hình thành kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Trong các tác phẩm ban đầu, C. Mác và Ph. Ăngghen còn chưa đặt vấn đề về sự khác nhau giữa các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, các ông chỉ cố gắng bằng việc phê phán thế giới cũ để tìm ra thế giới mới.

Trong *Hệ tư tưởng Đức* (1846), C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng, quá trình phát triển lịch sử phức tạp đầy mâu thuẫn không thể quy về sơ đồ trừu tượng hay những trừu tượng lý luận mà xem nhẹ cơ sở thực tế của nó. Đối lập với quan điểm trừu tượng, duy tâm

và không tưởng về chủ nghĩa cộng sản, C. Mác, Ph. Ăngghen đã khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực nhằm thủ tiêu trạng thái hiện tồn. Hơn nữa, chủ nghĩa cộng sản được các ông xem là nấc thang cao nhất của phong trào cách mạng, theo đuổi những mục tiêu tốt đẹp nhờ những phương tiện thực tiễn.

Dựa trên quan điểm khoa học đó, trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, căn cứ vào sự phát triển cụ thể của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cùng kiến trúc thượng tầng tương ứng, C. Mác , Ph. Ăngghen không chỉ phân chia lịch sử loài người thành các hình thái kinh tế - xã hội, mà còn phân các hình thái kinh tế - xã hội thành các giai đoạn phát triển nhất định. Mỗi giai đoạn ấy lại được chia thành các thời đoạn khác nhau (trong đó, có những vấn đề đã là thực tế lịch sử, có những vấn đề là *dự báo khoa học* cũng từ thực tế lịch sử mà có).

Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, theo C. Mác và Ph. Ăngghen thì:

- Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao, từ giai đoạn xã hội chủ nghĩa lên giai đoạn cộng sản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa xã hội, chế độ kinh tế và sự phát triển văn hoá mới đạt tới giới hạn bảo đảm cho xã hội thực hiện nguyên tắc: "*Làm theo năng lực, hưởng theo lao động*". Trong chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn cao của

hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa), con người không còn bị lệ thuộc một cách phiến diện và cứng nhắc vào sự phân công lao động, còn lao động không chỉ là phương tiện sinh sống mà trở thành nhu cầu bậc nhất của cuộc sống; sự phát triển phi thường của lực lượng sản xuất tạo ra một năng suất lao động ngày càng tăng, các nguồn của cải tuôn ra dào dạt; sự bất bình đẳng xã hội, sự đối lập giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay không còn; xã hội có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để thực hiện nguyên tắc: "*Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*". Trong xã hội đó, sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

- Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội xã hội chủ nghĩa có một thời kỳ quá độ từ xã hội nọ sang xã hội kia. Xã hội của thời kỳ quá độ là xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội mà về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần,... còn mang những *dấu vết của xã hội cũ* nó đã lọt lòng. Đó là xã hội chưa phát triển trên cơ sở của chính nó. Chính vì thế, thời kỳ quá độ là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia.

- Công cụ để thực hiện sự cải biến đó là nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

- Thời kỳ quá độ, do đó, là thời kỳ sinh đẻ lâu dài và đau đớn để loại bỏ dần những cái cũ, xây dựng và

củng cố dần những cái mới; là thời kỳ tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần để hình thành một xã hội mới, cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Sau này, trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước*, trên cơ sở diễn đạt tư tưởng của C. Mác, khi xác định vị trí của thời kỳ quá độ trong quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa V.I. Lênin viết:

I. Những cơn đau đẻ kéo dài.

II. Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

III. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa[1].

Thống nhất với C. Mác về cách phân chia về các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, xuất phát từ tình hình thực tế là cách mạng vô sản lại chưa nổ ra ở nước có chủ nghĩa tư bản phát triển cao, nên V.I. Lênin đã làm sâu sắc hơn nữa tính phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi đề cập tới vấn đề này, V.I. Lênin cho rằng đối với các nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển cao, "cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"[2]. Tính phức tạp, lâu dài của nó được quy định bởi chỗ nó không chỉ phải làm những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà còn phải thực

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1976, t.33, tr.223.

2. V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.38, tr.464.

hiện cả một loạt nhiệm vụ mà đáng lẽ ra chủ nghĩa tư bản đã phải làm trước khi cách mạng vô sản nổ ra, như xoá bỏ những tàn tích phong kiến, kiến lập nền đại công nghiệp cơ khí hoá,...

Như vậy, V.I. Lênin đã phát triển lý luận của C. Mác về sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, làm rõ hơn vấn đề quá độ từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, khi nhận thức về vị trí, giới hạn của thời kỳ quá độ, về mặt phương pháp luận, cũng cần ghi nhớ điều căn dặn của C. Mác đó là: Những thời kỳ lịch sử của xã hội cũng giống như những thời kỳ lịch sử của trái đất, đều không có những ranh giới trừu tượng nào thật rành mạch cả.

Cùng với tư tưởng về tính tất yếu, vị trí của thời kỳ quá độ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin luôn nhấn mạnh rằng, trong thời kỳ quá độ không tránh khỏi sự phản kháng của giai cấp bóc lột, nên giai cấp công nhân rất có thể bị thất bại. Các ông cũng chỉ ra những tập quán tản mạn, vô chính phủ; hay hoang mang, dao động của đông đảo quần chúng tiểu tư sản; lối sống thiếu văn hoá, không tôn trọng pháp luật, tệ tham ô, hối lộ, quan liêu; thói lười biếng, tính kiêu ngạo cộng sản... là những hiện tượng khó tránh khỏi của thời kỳ quá độ.

Để dần dần thoát khỏi tình trạng đó, theo C. Mác,

Ph. Ăngghen và đặc biệt là V.I. Lênin, nhiệm vụ trung tâm là phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và tuỳ theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mang tính xã hội hoá, phải từng bước xoá bỏ các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cải tạo dần dần các quan hệ sản xuất trung gian, thiết lập các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đưa nông dân vào con đường tập thể trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, giáo dục, thuyết phục và nêu gương. Đó là quá trình lâu dài và dần dần.

Cùng với tư tưởng về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin còn đề cập đến *con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa,* tức là sự quá độ từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội.

Trong *Lời tựa* viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga cuốn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đặt vấn đề: liệu công xã nông thôn Nga, cái hình thức đã bị phân giải ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thuỷ, có thể chuyển thẳng lên hình thức cao hơn - cộng sản chủ nghĩa - về sở hữu ruộng đất không, hay là trước hết, nó cũng phải trải qua quá trình tan rã như nó đã trải qua trong tiến trình phát triển lịch sử của phương Tây? Các ông cho rằng lời giải đáp duy nhất cho câu

hỏi ấy là: Nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản phương Tây, và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau, thì chế độ ruộng đất công cộng ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa.

Phát triển hơn nữa tư tưởng đó Ph. Ăngghen cho rằng với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng, các dân tộc lạc hậu có thể rút ngắn được khá nhiều quá trình phát triển của mình để tiến lên chủ nghĩa cộng sản, tránh được những đau khổ và phần lớn các cuộc đấu tranh mà các nước phát triển hơn ở Tây Âu đã phải trải qua.

Như vậy, theo các nhà kinh điển, không riêng gì nước Nga mà cả các nước lạc hậu, các nước tiền tư bản chủ nghĩa đều có thể đi lên chủ nghĩa cộng sản bằng con đường phát triển bỏ qua sự phát triển tư bản chủ nghĩa với những điều kiện tiên quyết nhất định, một trong số đó là các nước tiền tư bản phải được sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến.

Kế thừa và phát triển tư tưởng trên đây của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã nhiều lần phê phán những kẻ nói đến chủ nghĩa xã hội nhưng lại "không biết nhìn thẳng vào sự thật", hoặc chỉ tự hạn chế ở chỗ đem "chủ nghĩa tư bản" đối lập một cách trừu tượng với "chủ nghĩa xã hội", chứ không nghiên cứu

những hình thức cụ thể về thực chất của bước quá độ, không tự hỏi rằng bước quá độ ấy xuất phát từ đâu và dẫn đến đâu[1].

Trong điều kiện lịch sử mới được hình thành sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, V.I. Lênin đã khẳng định: "Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xôviết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"[2].

Thực tiễn những năm đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Nga đã cho phép V.I. Lênin rút ra kết luận rằng, được quyết định bởi quy luật nội tại của nó, tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng "không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội"[3]. Điều đó hoàn toàn tuỳ thuộc vào chỗ quan hệ đại tư bản chiếm ưu thế hay nền kinh tế nhỏ chiếm ưu thế trong nước. Xuất phát từ kết luận

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.43, tr.254-256.
2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.41, tr.295.
3. V.I. Lênin: *Sđd,* 1981, t.30, tr.160.

đó, V.I. Lênin đã nêu ra quan điểm về *hai hình thức quá độ* lên chủ nghĩa xã hội: *quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp*. Theo V.I. Lênin, chỉ ở những nước có chủ nghĩa tư bản phát triển cao, giai cấp công nhân đã trưởng thành mới có đủ những tiền đề xã hội, kinh tế và chính trị cho sự chuyển trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Trái lại, những nước lạc hậu chỉ có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bằng quá độ gián tiếp.

Đối với những nước thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải trải qua nhiều bước trung gian, quá độ mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. "Chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề"[1].

Trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin và xuất phát từ bối cảnh mới của quốc tế và trong nước, ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng ta đã dứt khoát lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, khẳng định sự thống nhất hữu cơ giữa đấu tranh cho độc lập dân tộc và đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Sự lựa chọn đó được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong *Chánh cương*

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.43, tr.274.

vắn tắt của Đảng: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1]. Sau đó, tư tưởng này được trình bày trong Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng coi đó là sự lựa chọn của chính lịch sử, bởi nó phản ánh đúng những quy luật phát triển khách quan của cách mạng nước ta trong thời đại ngày nay.

Đi theo con đường đã chọn, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1954 và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ sau Đại thắng mùa Xuân ngày 30-4-1975.

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và nhân dân ta đã nỗ lực phấn đấu, từng bước xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng và văn hoá phù hợp. Trong quá trình tìm tòi, xác định mô hình, cách thức, hình thức, bước đi, có vấp váp, sai lầm là khó tránh khỏi. Từ các bài học đúc rút qua những thành công và chưa thành công của chủ nghĩa xã hội thế giới và của bản thân mình, Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.3, tr.1.

Đây là lối thoát duy nhất, sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta.

Ngày nay, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, làm cho con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nhân loại trở nên quanh co, phức tạp... Song tuyệt nhiên điều đó không có nghĩa là "sự kết thúc của lịch sử" thế giới.

Đành rằng, chủ nghĩa tư bản trong mấy thập kỷ qua, do biết "tự điều chỉnh" và sử dụng triệt để những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ nên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những thành tựu đó nói lên rằng chủ nghĩa tư bản còn những tiềm năng nhất định cho sự phát triển. Nhưng đó không phải là chế độ tương lai của nhân loại, bởi chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn mang bản chất bóc lột, phản dân chủ, vô nhân đạo làm tha hoá con người. Chính phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa tiềm chứa những mâu thuẫn cơ bản, nan giải, trước hết là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá - quốc tế hoá ngày càng cao với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động.

Từ những thực tế trên đây có thể khẳng định rằng đối với Việt Nam, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa vẫn là sự lựa chọn duy nhất đúng.

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong quá trình xây dựng học thuyết của mình, các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học đã phác thảo ra một số nét về xã hội tương lai. Các ông đã đưa ra quan niệm về quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa cộng sản, mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của nó, là điểm bắt đầu lịch sử chân chính của loài người.

Dựa trên quan niệm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, có thể nêu lên 6 đặc trưng sau đây của chủ nghĩa xã hội:

1. Cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, mỗi chế độ xã hội đều có một cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng, phản ánh trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của nó.

Nếu công cụ thủ công là đặc trưng cho cơ sở vật chất - kỹ thuật của các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa thì nền đại công nghiệp cơ khí là cơ sở vật chất của chủ nghĩa tư bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa nảy sinh với tính cách là phủ định biện chứng chủ nghĩa tư bản, thì cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải là nền đại công nghiệp phát triển và hoàn thiện trên một trình độ cao của nó.

2. Chủ nghĩa xã hội xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác, Ph. Ăngghen đã cho rằng: thủ tiêu chế độ tư hữu là cách nói vắn tắt nhất, tổng quát nhất về thực chất của cuộc cải tạo xã hội theo lập trường của giai cấp vô sản. Tuy nhiên, đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xoá bỏ chế độ sở hữu nói chung mà là xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

Theo Ph. Ăngghen, việc thủ tiêu chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất sẽ dẫn tới việc thủ tiêu nền sản xuất hàng hoá; nền kinh tế có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội sẽ được thiết lập.

Ở Liên Xô, mặc dù vào năm 1918 có lúc V.I. Lênin đã nêu ra tư tưởng phải phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, mở rộng quan hệ hàng hoá tiền tệ,... nhưng thực tế bức bách của tình hình những năm 1918-1921, trong điều kiện nội chiến và chiến tranh can thiệp của 14 nước đế quốc hòng bóp chết Chính quyền xôviết, V.I. Lênin đã buộc phải áp dụng chính sách đặc biệt: Chính sách cộng sản thời chiến. Những kết quả do chính sách đó mang lại trong chiến tranh đã khiến cho V.I. Lênin có lúc nghĩ rằng có thể bằng những chính sách như thế mà có thể trực tiếp đạt tới những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Đến năm 1921, sau khi kết thúc nội chiến,

trước thực tế kinh tế - xã hội khủng hoảng nghiêm trọng, V.I. Lênin đã sớm nhận ra tính sai lầm của quan niệm đó và dứt khoát chuyển sang Chính sách kinh tế mới (NEP). Tinh thần căn bản của NEP là đẩy mạnh phát triển nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần nên sử dụng thị trường và thương nghiệp; giải phóng mọi tiềm năng sản xuất của xã hội để phát triển lực lượng sản xuất; quan tâm lợi ích thiết thân của người lao động...

3. Chủ nghĩa xã hội tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới

Trong sự nghiệp kiến thiết chế độ xã hội mới, các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học rất quan tâm và coi trọng việc tổ chức lao động và kỷ luật lao động nhằm khắc phục những tàn dư của tình trạng lao động bị tha hoá trong xã hội cũ, xây dựng thái độ lao động mới phù hợp với địa vị làm chủ của người lao động. Các ông nhấn mạnh rằng, chỉ có tổ chức hết sức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm ngặt mới dẫn tới chủ nghĩa xã hội. Theo các ông, lao động được tổ chức có kế hoạch và kỷ luật tự giác, tự nguyện là đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

4. Chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động

Theo nguyên tắc này, mỗi người sản xuất sẽ được nhận từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng trị giá ngang số lượng, chất lượng và hiệu quả

lao động mà họ đã cung cấp cho xã hội, sau khi đã trừ đi một số khoản đóng góp nhất định cho hoạt động vì lợi ích chung. Trong chủ nghĩa xã hội còn sử dụng nguyên tắc này, bởi vì trong xã hội đó, của cải làm ra chưa đạt tới mức thật dồi dào như trong chủ nghĩa cộng sản.

Phân phối theo lao động là nguyên tắc thể hiện sự công bằng dưới chủ nghĩa xã hội.

5. Nhà nước trong chủ nghĩa xã hội là nhà nước kiểu mới, thể hiện sâu sắc bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đề cập tới khái niệm chuyên chính vô sản khi xác định bản chất, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước kiểu mới - nhà nước được xác lập do thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực chất của chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân đối với Nhà nước và toàn xã hội nhằm bảo vệ và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

6. Chủ nghĩa xã hội giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, thực hiện sự bình đẳng xã hội, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện

Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải

phóng con người khỏi mọi ách bóc lột về kinh tế và nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Nhờ xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất cơ bản khi lực lượng sản xuất đã phát triển tới mức cho phép thực hiện được sự xoá bỏ đó và, do vậy, xoá bỏ đối kháng giai cấp, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản sẽ loại bỏ tai họa lớn nhất của loài người: tình trạng người bóc lột người, tình trạng nô dịch và áp bức dân tộc; thực hiện được sự công bằng, bình đẳng xã hội, trước hết là bình đẳng về địa vị xã hội của con người. Chủ nghĩa xã hội tạo ra sự bình đẳng nam - nữ, thực hiện mối quan hệ bình đẳng và hữu nghị giữa các dân tộc. Trên cơ sở toàn bộ những cải biến xã hội lịch sử nói trên, chủ nghĩa xã hội tạo ra những điều kiện để từng bước tiến tới giải phóng triệt để con người.

Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được các nhà kinh điển đưa ra là kết quả của việc nhận thức tình hình kinh tế - xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong sự đối chiếu, so sánh với chủ nghĩa tư bản đương thời. Những đặc trưng đó đã thể hiện trình độ phát triển cao hơn, tốt đẹp hơn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản.

III. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ được

quy định bởi chỗ: với điểm xuất phát về kinh tế, xã hội của xã hội tiền tư bản và tư bản, sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành chủ thể cầm quyền, trong xã hội đó còn chưa có đủ những tiền đề vật chất, văn hoá và tinh thần cần thiết để thực hiện những chuẩn mực của xã hội xã hội chủ nghĩa mà trên đây đã nêu ra. Muốn đạt những đặc trưng đó, phải trải qua quá trình tổ chức, xây dựng để từng bước cải tạo các quan hệ kinh tế - xã hội tư bản và tiền tư bản, phát triển lực lượng sản xuất và thay đổi tương ứng trên lĩnh vực quan hệ sản xuất, phát triển một cơ cấu xã hội tiến bộ, đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh phù hợp với nhu cầu giải phóng con người. Nói riêng trên lĩnh vực kinh tế, toàn bộ sự phát triển của sản xuất và các quan hệ vật chất, tinh thần khác cho phép áp dụng một cách phổ biến nguyên tắc *phân phối theo lao động*.

2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trên lĩnh vực kinh tế: sự phát triển chưa đồng đều của lực lượng sản xuất trong thời kỳ này quy định tính tất yếu khách quan trong sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó có thành phần đối lập. Khi đề cập tới đặc điểm này, V.I. Lênin viết: "Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành

phần, những bộ phận, những mảnh của *cả* chủ nghĩa tư bản *lẫn* chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có. Song không phải mỗi người thừa nhận điểm ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế - xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào. Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở chỗ đó"[1]. Phù hợp với thực tế ở nước Nga, V.I. Lênin cho rằng trong thời kỳ quá độ ở đó đồng thời tồn tại 5 thành phần kinh tế sau: kinh tế gia trưởng, kinh tế hàng hoá nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực xã hội: do kết cấu kinh tế trên đây quy định, trong xã hội còn nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, trong đó, có sự đối lập - đối kháng nhất định.

Trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá: còn tồn tại nhiều loại tư tưởng, văn hoá tinh thần khác nhau, có cả sự đối lập.

Tương ứng với tính phức tạp trong kết cấu kinh tế - xã hội, tư tưởng tinh thần đó, thời kỳ quá độ là thời kỳ đấu tranh giai cấp chưa kết thúc. Trong thời kỳ này vẫn diễn ra cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, giữa con đường phát triển đất nước lên chủ nghĩa xã hội hay lên chủ nghĩa tư bản. Song, đây là cuộc đấu tranh diễn ra trong *điều kiện*

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t. 36, tr. 362.

mới (giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền), với *nội dung mới* (mà trung tâm là xây dựng toàn diện xã hội mới, trong đó, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cơ bản nhất) và *hình thức mới* (cơ bản là hoà bình tổ chức xây dựng).

Cùng với những bước tiến trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các thành phần, nhân tố mang tính chất xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng phát triển và vươn lên vị trí chi phối trên mọi lĩnh vực; con đường xã hội chủ nghĩa sẽ giữ vai trò chủ đạo.

Từ đó có thể nói, thời kỳ quá độ là thời kỳ, xét trên mọi phương diện, còn tồn tại nhiều yếu tố khác nhau, đối lập nhau, thâm nhập vào nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy xét về xu hướng tất yếu, các yếu tố mang tính chất xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng phát triển, nhưng không loại trừ khả năng ở những lúc, những nơi nhất định, cái cũ tạm thời lấn át cái mới; trong đó, tính tự phát tư bản chủ nghĩa còn có cơ sở rộng lớn. Trình độ thấp trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội quy định tính khó khăn, lâu dài của thời kỳ này. Trong quá trình đó, sự phát triển tiến bộ có thể đan xen với những sự thoái lui tạm thời; những tìm tòi, thử nghiệm nhiều khi phải làm đi, làm lại mới xác định được giá trị chân thực của nó trong quá trình xây dựng xã hội mới. Khi đề cập tới khả năng đó, V.I. Lênin viết: "Còn chúng ta thì biết

rằng việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh vô cùng khó khăn. Nhưng chúng ta sẵn sàng chịu đựng hàng nghìn khó khăn, thực hiện hàng nghìn lần thử, và khi chúng ta đã thực hiện được một nghìn lần thử rồi, thì chúng ta sẽ thực hiện cái lần thử thứ một nghìn lẻ một"[1].

Như vậy, xét về bản chất, mục tiêu nhất quán của các chế độ xã hội từ khi có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nằm trong giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

IV. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mở ra giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc: chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của đế quốc, Tổ quốc thống nhất, cả nước có hoà bình và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc đã hoàn thành. Trước khi đạt được thắng lợi có tính chất bước ngoặt trong phạm vi cả nước như vậy, miền Bắc đã có trên 20 năm cải tạo xã hội cũ và từng bước xây dựng các mặt của xã hội mới.

Trong những năm dưới chính quyền cách mạng (lúc đầu ở chiến khu Việt Bắc, sau tháng 10-1954 là

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.36, tr.505.

trên phạm vi miền Bắc, từ ngày 30-4-1975 là trên phạm vi cả nước), nhân dân miền Bắc đã làm nhiều việc trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam và đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngay trên miền Bắc...; chủ nghĩa Mác-Lênin đã thâm nhập vào quần chúng cách mạng như một hệ tư tưởng chính thống; những tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn dưới sự lãnh đạo của chính đảng mácxít đã hoạt động và đạt những thành tựu nhất định; cơ sở kinh tế quốc doanh và tập thể mặc dù non yếu nhưng cũng đóng góp đáng kể, nhất là trong giai đoạn chiến tranh; hệ thống giáo dục quốc dân đã đào tạo và bồi dưỡng nhiều thế hệ, tạo ra một lớp trí thức mới cho xã hội; nhân dân lao động, trước hết là nông dân đã có mấy chục năm đi theo Đảng, lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã ăn sâu vào máu thịt của họ...

Mặc dù có những mặt chưa hoàn thiện trong tổ chức và hoạt động của mình, chính quyền nhà nước kiểu mới không phải là chính quyền nằm trong tay giai cấp đối kháng với quảng đại nhân dân. Đó là bước ngoặt đáng kể làm thay đổi bộ mặt dân chủ về chính trị trong xã hội ta.

Tất cả những nhân tố chính trị, kinh tế, văn hoá tinh thần đó, trong sự thống nhất của chúng *tạo nên khuynh hướng mới, con đường mới.* Và dù với trình

độ khác nhau, các nhân tố đó bước đầu đã mang tính chất tiến bộ, hợp với trào lưu tiến hoá của thời đại. Phát triển theo đúng quy luật khách quan, nhất định *tính chất xã hội chủ nghĩa của các nhân tố đó sẽ ngày càng tăng lên,* quy mô tồn tại ngày càng mở rộng.

Thêm vào đó, chúng ta đang sống trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ với những thời cơ và thách thức lớn đang được triển khai trên toàn thế giới. Sự giúp đỡ có hiệu quả cả về vật chất lẫn tinh thần của những nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như sự cổ vũ của phong trào đấu tranh của nhân dân tiến bộ trên thế giới... mang lại cho chúng ta không ít những nhân tố thuận lợi cho sự phát triển của đất nước.

Sự kết hợp những nhân tố bên trong và bên ngoài đó tạo ra khả năng cho phép chúng ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Song, xã hội nước ta còn một mặt khác.

Nền kinh tế nước ta chưa thoát khỏi tình trạng kém phát triển.

Miền Nam trước ngày giải phóng đã đi vào quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Sự ra đời của kinh tế tư bản đã làm nảy sinh và phát triển giai cấp tư sản, tư tưởng tư sản. Trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến, sức mạnh của con đường tư bản chủ

nghĩa ở miền Nam còn được nhân lên do bọn đế quốc xâm lược. Ngày nay, khi bọn đế quốc đã phải rút khỏi nước ta, sức mạnh của tư sản vẫn được tiếp sức bởi sự ủng hộ của giai cấp tư sản quốc tế và các thế lực phản động khác.

Nền sản xuất nhỏ có lực lượng xã hội đại diện là tầng lớp tiểu tư sản thành thị và nông thôn, trong đó, đông đảo nhất là nông dân. Với điều kiện sản xuất, kinh doanh hiện nay, lực lượng này không phải là tự nhiên sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội nếu không có sự tác động quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng.

Gắn liền với cơ cấu xã hội nảy sinh trên nền tảng kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến đó, tư tưởng tiểu tư sản thâm nhập mọi tầng lớp nhân dân...

Khuynh hướng phát triển tư bản chủ nghĩa tồn tại trong hầu hết tất cả các nhân tố đó; nó thâm nhập vào và tồn tại *ngay trong hầu hết các yếu tố của xã hội; chúng tạo thành khả năng khách quan cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.*

Như vậy, xét trên nhiều phương diện, ở nước ta hiện nay có sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau của nhiều yếu tố và khuynh hướng khác nhau, đối lập nhau (những yếu tố và khuynh hướng tư bản chủ nghĩa với những yếu tố và khuynh hướng xã hội chủ nghĩa). Theo tính chất và khuynh hướng phát triển của chúng, tất cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa tồn tại trong các yếu tố đó tạo thành *hai khuynh hướng cơ bản*

trái ngược nhau: khuynh hướng tư bản chủ nghĩa và khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Trạng thái đó của xã hội được khái quát là "thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Và sự liên hệ, tác động qua lại giữa những khuynh hướng đối lập vừa nêu tạo thành *bản chất của toàn bộ thời kỳ quá độ ở nước ta.*

Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, cải biến xã hội nhằm tăng cường sức mạnh cho khuynh hướng, con đường xã hội chủ nghĩa. Song, do nhận thức không đầy đủ về hình thức, bước đi... nên chúng ta cũng phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng. Những sai sót chủ quan cộng với những di sản quá khứ nặng nề do chiến tranh để lại và tác động tiêu cực của bối cảnh quốc tế đã đưa đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 thế kỷ XX.

Phát hiện ra tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) của Đảng đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước nhằm tìm ra phương thức, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả hơn.

Đường lối đổi mới đó được khẳng định và phát triển qua Đại hội VII (năm 1991), Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (2006).

Việc hiện thực hoá đường lối đổi mới đã mang lại nhiều thành tựu to lớn trên nhiều phương diện. *Về lý*

luận: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được làm sáng tỏ hơn. *Về chính trị:* định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường; Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân ngày một củng cố; quan hệ quốc tế được mở rộng. *Về kinh tế:* chúng ta đã từng bước chuyển từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; nền kinh tế có sự phát triển nhanh và tương đối liên tục. *Về văn hoá - tinh thần:* chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng tỏ rõ sức sống vững bền, nhiều nét mới trong giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức từng bước hình thành...

Thể chế chính trị ổn định; đất nước đã ra khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội để bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá - đó là thành tựu vĩ đại của gần 25 năm đổi mới vừa qua.

Tuy nhiên, để tiếp tục đưa cách mạng nước ta tiến lên, để khuynh hướng xã hội chủ nghĩa thực sự chiếm vị trí chủ đạo trên con đường phát triển đất nước, chúng ta phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả những phương hướng cơ bản sau đây[1].

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 9 - 11.

của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm, nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

- Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự *đa dạng về hình thức sở hữu*. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn

minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác hữu nghị với tất cả các nước...

- Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội ở giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Hình thành một cách đồng bộ các phương diện cơ bản của hình thái đó là nhiệm vụ xuyên suốt toàn bộ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do vậy, để thực hiện có hiệu quả bảy phương hướng mà Cương lĩnh Đại hội lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định thì phải thể hiện rõ:

Trên lĩnh vực chính trị

Xây dựng và hoàn thiện cho được một Nhà nước thực sự dân chủ, nó là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Trong Nhà nước đó, nhân dân là chủ

thể của mọi quyền lực; các quyền mà Nhà nước có được đều do nhân dân uỷ quyền. Nhà nước đó do nhân dân bầu ra qua phổ thông đầu phiếu kín. Nhà nước đó phải thực sự là công cụ để thực thi những quyền chính đáng của nhân dân. Nhà nước được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp và thông qua các tổ chức đại diện của nhân dân. Nhân dân có quyền bày tỏ tín nhiệm hay bất tín nhiệm với một bộ phận cơ quan nhà nước, công chức nhà nước hay bất tín nhiệm khi cơ quan, làm tổn hại tới lợi ích chính đáng của nhân dân.

Trong giới hạn của chế độ nhất nguyên về chính trị, bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm cho mọi người dân quyền tự do suy nghĩ, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng phù hợp với pháp luật.

Bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để nâng cao chất lượng lãnh đạo của mình, Đảng cần tự đổi mới theo hướng trở thành tấm gương về dân chủ trong hệ thống chính trị nói riêng, trong xã hội nói chung; Đảng phải trở thành "Biểu tượng về danh dự, lương tâm và trí tuệ của thời đại" như V.I. Lênin nói; Đảng phải vững vàng về chính trị, kiên định tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chặt chẽ và hợp lý về tổ chức.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân cần đa dạng hoá hơn nữa

hình thức tập hợp quần chúng và chức năng, nhiệm vụ của mình.

Dân chủ hoá và quy chế hoá mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các yếu tố đó.

Trên lĩnh vực kinh tế

Phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Không ngừng hoàn thiện thể chế kinh tế, đặt nền kinh tế dưới sự kiểm soát của nhân dân, phục vụ cho nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân; hình thành cơ chế kinh tế sao cho mọi người lao động đều được tham gia vào sở hữu, quản lý dưới nhiều hình thức trực tiếp và gián tiếp khác nhau. Kết hợp kế hoạch của Nhà nước với sự điều tiết của thị trường. Thị trường là cơ sở để kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, phát huy sáng kiến của doanh nghiệp, của người lao động. Thị trường phải là nơi cạnh tranh trên nguyên tắc giá trị, chất lượng để bảo đảm lợi ích của người tiêu dùng. Phát triển thị trường nội địa, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế. Từng bước hiện đại hoá lực lượng sản xuất và điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống thành phần kinh tế tương ứng với sự phát triển đó.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá

Trong giới hạn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, phải bảo đảm thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống

tinh thần xã hội; chấp nhận sự khác nhau về ý kiến, về thế giới quan, nhưng về hành động thì tất cả nằm trong khuôn khổ pháp luật.

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hình thành con người xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại...

Trên lĩnh vực xã hội

Nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền công dân, quyền con người: giải quyết việc làm; chăm lo xoá đói, giảm nghèo; bảo vệ về mặt xã hội cho người lao động; khắc phục dần sự khác biệt giữa các tầng lớp xã hội, giữa các dân tộc và giữa các vùng của đất nước; từng bước giải phóng con người khỏi những quan hệ xã hội thiếu lành mạnh... để hình thành một xã hội thực sự công bằng, bình đẳng phù hợp với trình độ xã hội xã hội chủ nghĩa trong nấc thang phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Thực hiện có hiệu quả những phương hướng đó nhằm đạt mục tiêu: *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*[1], vẫn luôn luôn là nhiệm vụ cơ bản của Đảng ta và dân tộc ta.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 85 - 86.

CHƯƠNG VI

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng xã hội nhằm thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa khi những điều kiện vật chất và tinh thần cho sự thay thế đó đã có ở mức nhất định và khi đã hình thành tình thế cách mạng.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình cải biến cách mạng toàn diện, triệt để, lâu dài. Quá trình này bắt đầu từ khi giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và các giai cấp thống trị áp bức nhân dân các dân tộc, giành lấy chính quyền, thiết lập chính quyền mới. Tiếp đó là thời kỳ sử dụng chính quyền mới làm phương tiện chủ yếu để tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Quá trình cải biến cách mạng này chỉ kết thúc khi xã hội mới được xây dựng xong và phát triển trên cơ sở của chính nó.

I. TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Tất cả các cuộc cách mạng diễn ra trong lịch sử đều bắt nguồn từ tính quy luật khách quan: giải phóng lực lượng sản xuất khỏi sự kìm hãm của quan hệ sản xuất lỗi thời. Cách mạng xã hội chủ nghĩa có nguyên nhân sâu xa từ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất xét trên toàn xã hội. C. Mác viết:

"Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hoá lao động đạt tới cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa... nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên"[1].

Mâu thuẫn trên thường xuyên biểu hiện ra ngày càng gay gắt và trở thành mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ đó sinh ra tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, khủng hoảng sản xuất thừa, nạn thất nghiệp. Sự tích tụ và tập trung tư bản

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1993, t. 23, tr. 1059.

dẫn tới chỗ buộc giai cấp tư sản phải thừa nhận mâu thuẫn ấy bằng cách tổ chức các xanhđica, tờrớt, côngxoócxiom, quốc hữu hoá một số ngành, thành lập những công ty độc quyền xuyên quốc gia. Nhưng đó chỉ là thủ đoạn để giai cấp tư sản duy trì quan hệ sản xuất khi nó không còn phù hợp với lực lượng sản xuất đã xã hội hoá.

Sự phù hợp thực sự với tính chất xã hội ngày càng cao của lực lượng sản xuất chỉ có thể là sự thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Kể từ sau khi mất địa vị thống trị độc tôn trên thế giới bởi sự ra đời của Liên Xô cùng nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, tiếp đó lại mất chỗ đứng trực tiếp ở "sân sau" bởi sự tan rã của hệ thống thuộc địa, sự bắt đầu quá trình suy thoái của hệ thống tư bản chủ nghĩa đã là hiện thực khách quan. Tuy vậy, hiện nay chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để làm dịu đi những mâu thuẫn nội tại ngày càng sâu, rộng. Nhưng, mọi biện pháp mà giai cấp tư sản thực hiện đều có tính chất tạm thời, bởi vì trong khi đem lại lợi ích cho giai cấp tư sản, những biện pháp đó là sự chối bỏ những yêu cầu căn bản nhất cho sự giải phóng lực lượng sản xuất khỏi quan hệ sản xuất lỗi thời, là sự đi ngược xu hướng chủ đạo của tiến bộ xã hội nhằm giải phóng những người lao động.

2. Điều kiện khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Trước đây, sự chiến thắng của chế độ tư bản đối với chế độ phong kiến đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử phát triển của loài người. Gạt bỏ quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời đang kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, chế độ tư bản sau một thế kỷ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại (như C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* tháng Hai năm 1848). Các ông cũng phân tích rõ rằng, "nhưng sự phát triển của lực lượng sản xuất trong chế độ tư bản, cũng lại đi đến một tình trạng quá lớn trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu" tư bản chủ nghĩa, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của nó. Lúc đó việc xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là đòi hỏi trực tiếp của lực lượng sản xuất.

Chỉ có lực lượng sản xuất đã mang tính chất xã hội cao mới làm nảy sinh trực tiếp nhu cầu xoá bỏ chế độ tư hữu mà đỉnh cao của nó là chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Lực lượng sản xuất xã hội hoá bao gồm nền đại công nghiệp cơ khí và giai cấp công nhân hiện đại là xuất phát điểm của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ trên cơ sở lực lượng sản xuất mang tính xã hội cao đó, việc xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản

chủ nghĩa mới trở thành mục tiêu mang tính hiện thực, không còn chỉ là những mong muốn "không tưởng" của các nhà xã hội trước chủ nghĩa Mác. Như vậy, chủ nghĩa tư bản tạo nên những nhân tố phủ định bản thân nó, bước chuyển sang một chế độ xã hội mới đã được chuẩn bị ngay trong lòng chế độ tư bản. Mỗi bước phát triển của chế độ tư bản, dù muốn hay không muốn cũng càng ngày càng làm chín muồi thêm những điều kiện vật chất cho sự ra đời một chế độ mới sẽ thay thế nó.

Xét đến cùng trong mọi chế độ xã hội, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển, là nhờ sự thúc đẩy của tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ. Sự chuyển tiếp của lịch sử loài người từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản không tách rời những phát minh vĩ đại trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Để đạt mục đích cao nhất là tăng thêm lợi nhuận, giai cấp tư sản phải thường xuyên cách mạng hoá công cụ sản xuất, bằng cách sử dụng những phát minh trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Nhưng chính điều đó lại làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng mang tính xã hội cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Hơn thế nữa, trong chế độ tư bản, do lợi ích của giai cấp tư sản chi phối, khoa học - kỹ thuật thường phải định hướng vào những mục tiêu phi nhân đạo như phục vụ cho chiến tranh, cho sự

tăng cường bóc lột của giai cấp tư sản đối với công nhân ở ngay các nước tư bản chủ nghĩa, cho sự bòn rút của giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đối với nhân dân ở các nước chậm phát triển bằng các hình thức của chủ nghĩa thực dân nhất là của chủ nghĩa thực dân mới. Sự chi phối của chế độ tư hữu và mục tiêu thu được nhiều lợi nhuận của giai cấp tư sản cũng là nguyên nhân làm cho khoa học, kỹ thuật không phát huy được tác dụng đẩy nhanh sự tiến bộ, ngược lại, gây nên hậu quả làm biến dạng vẻ mặt tự nhiên của trái đất, mất cân bằng sinh thái, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên...

Sự phát triển liên tục của khoa học kỹ thuật và công nghệ sẽ được bảo đảm trong tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa và là điều kiện cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng đó nhằm thiết lập chế độ xã hội tiến bộ hơn chế độ tư bản. Trong đó, khoa học kỹ thuật, công nghệ thực sự phục vụ cho sự tiến bộ của loài người.

3. Điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Có điều kiện khách quan mà thiếu điều kiện chủ quan thì cách mạng cũng không thể nổ ra, nếu nổ ra thì cũng không thể thắng lợi.

Điều kiện chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự lớn mạnh,

trưởng thành về chính trị của giai cấp công nhân, sự tổ chức chính đảng của giai cấp này và sự hình thành phát triển của liên minh những giai cấp, tầng lớp lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó - Đảng Cộng sản.

Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất mang tính xã hội cao, bị quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa kìm hãm. Lực lượng sản xuất cơ bản nhất là giai cấp công nhân cùng đại đa số nhân dân lao động chỉ có thể giành quyền làm chủ tư liệu sản xuất của xã hội, xoá bỏ tình trạng bất hợp lý mà chủ nghĩa tư bản đã gây ra là tách người lao động khỏi tư liệu sản xuất trên quy mô rộng lớn bằng con đường giành chính quyền - tức bước đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa như một quy luật lịch sử. Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa - đỉnh cao của chế độ tư hữu nói chung - đẩy giai cấp công nhân vào tình trạng vô cùng cực khổ, đồng thời, về khách quan cũng làm cho giai cấp công nhân từng bước hiểu rằng chỉ có xoá bỏ chế độ tư hữu thì sự nghiệp giải phóng giai cấp của mình và các giai cấp bị áp bức, bóc lột khác mới được thực hiện. Là giai cấp lao động bị áp bức, bóc lột, nhưng giai cấp công nhân có sự khác biệt với các giai cấp lao động bị áp bức, bóc lột khác ở sứ mệnh lịch sử mang tính thời đại của nó, khác hẳn với giai cấp nô lệ và giai cấp nông dân trước đây khi tham gia cách mạng xã hội lật đổ giai

cấp chủ nô và giai cấp phong kiến, rồi lại vẫn duy trì các chế độ tư hữu áp bức bóc lột. Người công nhân có thể và cần phải xoá bỏ hoàn toàn chế độ xã hội dựa trên áp bức, bóc lột giữa người và người. Chính điều đó đã làm cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân trùng hợp một cách khách quan với sự nghiệp giải phóng toàn xã hội. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: "Lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển đến giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức tức là giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách áp bức, bóc lột, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp"[1].

Được nền công nghiệp hiện đại "tuyển lựa" từ trong các tầng lớp dân cư rồi bị chủ nghĩa tư bản đẩy xuống vị trí cuối cùng của xã hội, giai cấp công nhân trở thành trung tâm biểu hiện lợi ích của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội bị áp bức, bóc lột trong xã hội tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản phát triển từ thấp đến cao và tiến trình của cuộc đấu tranh ấy là môi trường để giai cấp công nhân rèn luyện mình. Cuộc đấu tranh đó giúp công nhân nhận rõ sự thống nhất căn bản về lợi ích giữa những người cùng giai cấp và sự đối lập căn

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t. 1, tr. 517.

bản về lợi ích của họ với lợi ích của giai cấp tư sản. Gắn liền với thực tiễn đấu tranh, giai cấp công nhân tự cải tạo và rèn luyện mình, gột rửa những ảnh hưởng tiêu cực của xã hội cũ và nâng cao năng lực cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Với ý nghĩa đó C. Mác viết: "Cuộc cách mạng ấy phải được làm cho trở thành cần thiết, không những chỉ vì nó là phương tiện duy nhất để lật đổ giai cấp thống trị, mà còn vì chỉ có cách mạng mới khiến cho giai cấp đi lật đổ giai cấp khác có thể quét sạch mọi sự thối nát của chế độ cũ đang bám chặt theo mình và trở thành có năng lực xây dựng xã hội trên những cơ sở mới"[1]. Phong trào đấu tranh mang tính tự phát của giai cấp công nhân khi được soi sáng bởi lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin biến thành tự giác, dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản, tức là tạo nên một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất đảm bảo cho cuộc đấu tranh của giai cấp này đi tới thắng lợi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, bằng hoạt động dũng cảm và sáng tạo của mình, giai cấp công nhân tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo nhân dân lao động, những phần tử tiến bộ... tạo thành một liên minh giai cấp mạnh để đấu tranh trên cơ sở Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.1, tr.304.

Khi những điều kiện khách quan bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất đạt tới chín muồi, cùng lúc đó có những điều kiện chủ quan biểu hiện ở sự trưởng thành về mặt ý thức, tổ chức của giai cấp công nhân và của các lực lượng tham gia đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó đã xuất hiện đầy đủ và khi có tình thế cách mạng với tính cách là sự hội tụ cụ thể giữa điều kiện khách quan và chủ quan thì cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra. Cuộc cách mạng đó là bước chuyển tiếp từ chế độ tư bản sang chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tiến trình liên tục gồm hai giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất* là "Giai đoạn giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ"[1]. Vấn đề giành chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Chính quyền trở thành mục tiêu trực tiếp của các lực lượng đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó, khi tình thế cách mạng xuất hiện.

Tình thế cách mạng xuất hiện với những đặc

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t. 1, tr. 567.

trưng chủ yếu: *Một là,* các giai cấp thống trị đã tỏ ra bất lực, không thể duy trì được nền thống trị của mình như cũ; sự bất bình và lòng phẫn nộ của các giai cấp bị áp bức bóc lột công khai và gay gắt. Như vậy, một trong những biểu hiện của tình thế cách mạng là cùng một lúc các "tầng lớp dưới không muốn sống như trước" và tầng lớp trên cũng không thể nào sống như cũ được nữa. *Hai là,* nỗi cùng khổ và quẫn bách của các giai cấp bị áp bức trở nên nặng nề hơn mức bình thường. *Ba là*, do những nguyên nhân trên, tính tích cực của quần chúng được nâng lên rõ rệt. Những quần chúng này trong thời kỳ "hoà bình" phải sống nhẫn nhục để cho người ta cướp bóc, đến thời kỳ bão táp, họ bị toàn bộ cuộc khủng hoảng cũng như bị chính "tầng lớp trên" đẩy tới chỗ phải có hành động quyết định.

Tuy vậy, để cách mạng giành được thắng lợi, việc nắm bắt đúng thời cơ để phát động quần chúng nổi dậy giành thắng lợi quyết định cho cách mạng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Thời cơ cách mạng, xét từ bên trong, là thời điểm mà địa vị thống trị của các lực lượng phản cách mạng tỏ ra lung lay nhất, bản thân chúng bị chia sẻ bởi sự giằng xé của những mâu thuẫn nội bộ, chúng bị choáng váng và tỏ ra hoang mang trước sự lớn mạnh của các lực lượng cách mạng: còn các lực lượng cách mạng thì đã sẵn sàng hành động với lòng quả cảm và

thái độ tự giác cao. Đồng thời, xét từ bên ngoài, thời cơ cách mạng là thời điểm mà những nhân tố quốc tế, khu vực... ảnh hưởng mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực tạo nên điều kiện thuận lợi cho cách mạng bùng nổ và thắng lợi.

Các lực lượng cách mạng chỉ có thể giành chính quyền "bằng cách lật đổ giai cấp tư sản bằng bạo lực"[1]. Bạo lực cách mạng có thể được thể hiện dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong đó khởi nghĩa vũ trang và bãi công chính trị kết hợp với nhau; bạo lực cách mạng cũng có thể được biểu hiện dưới hình thức hoà bình trong đó khối đoàn kết của các lực lượng cách mạng, đi đầu là giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tạo nên áp lực chính trị mạnh mẽ buộc các thế lực phản động phải rời bỏ địa vị thống trị, chuyển giao chính quyền cho các lực lượng cách mạng. Cho đến nay, hình thức hoà bình giành chính quyền về phía các lực lượng cách mạng chưa được hiện thực hoá trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy thế, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã xem đó như một trong những khả năng có thể xuất hiện trong những hoàn cảnh nhất định và nhấn mạnh rằng khi khả năng đó xuất hiện cần hết sức cố gắng tranh thủ để biến nó thành hiện thực. Đồng thời các ông cũng tỏ ý tin

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.1, tr.555.

tưởng rằng khả năng giành chính quyền bằng hình thức hoà bình sẽ được mở rộng khi điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa chín muồi hơn, so sánh lực lượng thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng.

- *Giai đoạn thứ hai* là giai đoạn giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn thể những người lao động sử dụng chính quyền mới được thiết lập như một công cụ có hiệu lực nhất để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Đó là một quá trình cải biến cách mạng mang tính toàn diện và sâu sắc bởi vì nó diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội - từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng và tất cả những quan hệ xã hội; từ chính trị đến kinh tế, văn hoá, tư tưởng...; nó thực hiện sự kế thừa đầy đủ những giá trị vật chất và tinh thần mà loài người đã tạo ra trong trường kỳ lịch sử cải tạo tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình; đồng thời đoạn tuyệt triệt để nhất đối với những nhân tố tiêu cực, phản nhân văn, đi ngược xu hướng tiến bộ của lịch sử. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình lâu dài. Khác với các cuộc cách mạng đã từng diễn ra trước đây trong lịch sử được kết thúc sau khi chính quyền chuyển từ tay giai cấp này sang tay giai cấp khác, cách mạng xã hội chủ nghĩa, sau khi chuyển chính quyền về tay giai cấp công nhân và

nhân dân lao động sẽ đi vào chiều sâu của công cuộc cải tạo kinh tế - xã hội và tất cả các mặt của đời sống xã hội. Trên nền tảng của một nền kinh tế phát triển cao, kết cấu tổng thể của một xã hội mới sẽ từng bước được xây dựng hoàn chỉnh và vững chắc.

II. MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC, NỘI DUNG CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Sau mấy thế kỷ tồn tại và phát triển, chủ nghĩa tư bản không thực hiện được đầy đủ điều mà giai cấp tư sản hứa hẹn trong buổi đầu của cuộc cách mạng tư sản là: Tự do - Bình đẳng - Bác ái; không những thế hậu quả mà nó đem lại là tình trạng những người lao động bị áp bức, bóc lột nặng nề, sự phân hoá giai cấp sâu sắc, sự xung đột giai cấp và xung đột dân tộc không ngừng gay gắt. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, người lao động mất quyền chi phối tư liệu sản xuất, sản phẩm do họ tạo ra bị những kẻ áp bức họ chiếm đoạt và sử dụng để tiếp tục bóc lột họ; những quan hệ xã hội gắn bó người với người và với cộng đồng bị biến dạng do tình trạng cạnh tranh phổ biến và sự xung đột xã hội liên miên, không có lối thoát; tôn giáo bị các thế lực chính trị lợi dụng nhằm kết hợp thần quyền với thế quyền để áp bức những người lao động.

Chính vì thế, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phóng giai cấp bị áp bức, bóc lột, các dân tộc bị nô dịch, đồng thời giải phóng xã hội khỏi sự trì trệ để tiếp tục phát triển trên con đường tiến bộ, văn minh. Cách mạng xã hội chủ nghĩa được các ông đề cập trên lập trường của chủ nghĩa nhân đạo triệt để nhằm giải phóng con người. Chủ nghĩa nhân đạo đó là sự phát triển ở mức hoàn chỉnh những ước mơ tốt đẹp mà con người đã ấp ủ từ lâu và đã được các nhà xã hội chủ nghĩa trước Mác diễn đạt trong nhiều văn phẩm, yêu sách và cương lĩnh, mặc dù còn mang nặng tính không tưởng. Chủ nghĩa nhân đạo đó đặt vấn đề giải phóng con người không chỉ là vấn đề nhận thức mà còn chủ yếu là vấn đề thực tiễn cải tạo toàn diện và triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chỉ trong xã hội đó con người mới hoàn toàn được giải phóng. Bởi vì, về thực chất, xã hội đó là một thể liên hiệp "trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người"[1].

Tóm lại, ở giai đoạn thứ nhất, mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động; tiếp đó, ở giai đoạn thứ hai, mục tiêu cách mạng xã hội chủ

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t. 4, tr. 628.

nghĩa là "xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người... nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân"[1].

2. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng tất cả những người lao động và do chính những người lao động thực hiện dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng của nó.

Tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, giai cấp công nhân có hệ tư tưởng tiên tiến và lý luận khoa học, cách mạng đồng thời là đại biểu cho lợi ích của tất cả những người lao động. Điều đó làm cho giai cấp công nhân trở thành động lực và là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Về thực chất, cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự thực thi một phương án tổ chức xã hội mới - một xã hội của những người lao động, do những người lao động làm chủ - dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó.

Phát huy vai trò động lực chủ yếu và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là yếu tố quyết định hàng đầu bảo đảm cho cách mạng đi tới thắng lợi. Thực tế cho thấy, ở một số nước, do vai trò động lực và lãnh đạo của giai cấp công nhân bị suy yếu và do để mất vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản nên cách mạng xã hội chủ nghĩa - kể cả những nơi cuộc cách mạng

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t. 9, tr. 156.

này đã được triển khai trong nhiều thập kỷ - bị phản công trở lại và nhiều thành quả của cách mạng bị phủ định. Nhưng thực tế cũng cho thấy, ở đâu có sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản, thì ở đó công cuộc đổi mới, cải cách đạt được những thành tựu to lớn, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và vững bước tiến lên.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu của giai cấp nông dân mong muốn được giải phóng. Sự đoạn tuyệt với xã hội cũ để vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn trong xã hội mới là xu hướng khách quan và ngày càng đóng vai trò chủ đạo trong giai cấp nông dân. Được tiếp nhận ảnh hưởng tích cực từ phía hệ tư tưởng và hoạt động thực tiễn của giai cấp công nhân, đặc biệt là ở những nước do được thu hút tham gia đông đảo vào tiến trình của cách mạng dân chủ (hoặc cách mạng dân tộc dân chủ) mà những thành quả to lớn của nó trực tiếp cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của họ, nên nông dân càng tin theo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự tham gia của nông dân vào tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng đối với sự hiện thực hoá vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, và là một bảo đảm cho sự thắng lợi của cách mạng.

Tầng lớp trí thức không phải là một giai cấp không bao giờ là người đại biểu cho một phương thức

sản xuất riêng, càng không đại diện cho phương thức sản xuất mới để lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa... Nhưng trí thức là bộ phận tiêu biểu cho trí tuệ của đất nước, có nhiều khả năng để tiếp cận với những thành tựu của khoa học và công nghệ mới nhất của thời đại.

Vì vậy, cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thiếu sự tham gia của trí thức. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, khi bộ máy nhà nước tư sản đã trở nên vô cùng phức tạp mà các vị trí chủ chốt trong đó đều do các phần tử "có học thức" nắm giữ, thì việc giành chính quyền về phía những người lao động một phần rất lớn tuỳ thuộc vào việc giai cấp công nhân thông qua chính Đảng của mình có thu hút được bộ phận trí thức đó đi theo cách mạng hay không. Việc điều hành hoạt động của bộ máy nhà nước mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội càng đòi hỏi phát huy vai trò của đội ngũ trí thức.

Trong thời đại mà khoa học và công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, vai trò người đại biểu trực tiếp của khoa học và công nghệ là đội ngũ trí thức càng tăng lên. Đội ngũ này tham gia vào cách mạng xã hội chủ nghĩa như một trong những lực lượng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng đó.

Xem xét vấn đề từ một phương diện khác, cách mạng xã hội chủ nghĩa, do chỗ phù hợp với nhu cầu

phát triển của xã hội, cho nên mọi lực lượng tiến bộ trong xã hội được liên kết chặt chẽ đã tạo thành một động lực tổng hợp của cách mạng.

Cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức vì quyền lợi tự chủ và sự phồn vinh của dân tộc mình, đồng thời vì sự xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng giữa các dân tộc, là một xu hướng khách quan và sẽ tạo thêm một động lực mạnh mẽ đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi. Cuộc đấu tranh của nhân loại tiến bộ cho một nền hoà bình chân chính và vững chắc tìm thấy ở cách mạng xã hội chủ nghĩa mục tiêu phù hợp và giải pháp hữu hiệu. Việc giải quyết các vấn đề toàn cầu - giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh huỷ diệt, khắc phục ô nhiễm môi trường, bảo vệ và tái tạo tài nguyên, sinh thái, kế hoạch hoá sự phát triển dân số, khắc phục nạn đói, phòng ngừa và khắc phục một số căn bệnh hiểm nghèo - đang được đặt ra một cách cấp bách. Cách mạng xã hội chủ nghĩa có sứ mệnh giải quyết các vấn đề đó, đồng thời cũng tìm thấy ở việc giải quyết các vấn đề đó những nguồn lực to lớn cần khai thác.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và

trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[1].

Động lực tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ là một "tổng số" của các động lực, như V.I. Lênin đã chỉ rõ. Nếu đảng của giai cấp công nhân nêu ra và thực hiện tốt cương lĩnh chiến lược, sách lược, đúng đắn thì động lực tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng mạnh mẽ. Nếu Đảng lãnh đạo mắc sai lầm nghiêm trọng thì động lực tổng hợp của cách mạng sẽ giảm sút.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, mắt khâu trung tâm của sự hội nhập và chuyển hoá từ các thành phần động lực thành động lực tổng hợp là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa các lợi ích riêng và lợi ích chung, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế..., trên cơ sở những mục tiêu chiến lược độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

3. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86.

- *Trên lĩnh vực chính trị:* đưa nhân dân lao động từ địa vị bị áp bức, bóc lột lên địa vị làm chủ Nhà nước, làm chủ xã hội, để từ đó, họ hoạt động như chủ thể tự giác xây dựng xã hội mới, đó là nội dung chính trị căn bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do đó, hành vi lịch sử có ý nghĩa tạo bước ngoặt là nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó, đập tan ách thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của dân, vì dân.

Sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi đồng thời tạo ra những điều kiện làm sâu rộng thêm nền tảng dân chủ của xã hội mà thực chất của quá trình đó là thu hút nhân dân lao động tham gia ngày càng đông đảo vào việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Do đó, sau khi giành được chính quyền, việc dân chủ hoá đời sống chính trị của xã hội là một đòi hỏi bức thiết nhằm tiếp tục khẳng định và mở rộng hơn nữa quyền làm chủ của người lao động, khắc phục những hậu quả do tình trạng vi phạm dân chủ, hạn chế tự do tư tưởng, kìm hãm sự nảy nở những sáng kiến, sáng tạo của cá nhân gây nên. Quá trình đó tạo ra những tiền đề chính trị, đưa xã hội đến một trạng thái mới.

Những thành quả của việc nâng cao ý thức dân chủ và khả năng thực hiện dân chủ của nhân dân lao động thúc đẩy họ tham gia ngày càng đông đảo và có

hiệu quả vào cuộc đấu tranh nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Dĩ nhiên, quá trình dân chủ hoá phải được định hướng nghiêm túc để mỗi thành tựu đạt được trong quá trình dân chủ hoá đồng thời là một bước tiến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội .

- *Trên lĩnh vực kinh tế,* nếu các cuộc cách mạng trước đây kết thúc ở việc chuyển chính quyền từ tay giai cấp bóc lột này sang tay giai cấp bóc lột khác, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa, giành được chính quyền mới là bắt đầu.

Triển khai trong lĩnh vực kinh tế, cách mạng xã hội chủ nghĩa thay đổi vị trí, vai trò người lao động trên cơ sở thay đổi chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới những hình thức thích hợp; thực hiện sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất; thay đổi điều kiện sống và làm việc của người lao động. Sự phát triển lực lượng sản xuất biểu hiện trên năng suất lao động phải được xem là phương tiện để trực tiếp cải thiện đời sống của những người lao động, từng bước thoả mãn nhu cầu chính đáng ngày càng tăng lên của họ. Thông qua đó hấp dẫn và thu hút họ tham gia tích cực vào công việc lao động sáng tạo. Cách mạng xã hội chủ nghĩa làm thay đổi quan niệm cũ về nấc thang giá trị, xây dựng quan niệm mới, trong đó, mọi người được đánh giá về thực chất, căn cứ chủ yếu vào

số lượng và chất lượng lao động của họ đóng góp cho xã hội.

Như vậy, trong quá trình tạo lập từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa đồng thời tạo ra môi trường kinh tế rộng lớn và thuận lợi để đưa con người vào cơ chế lao động với tư cách chủ thể hoạt động sáng tạo ra của cải vật chất nhằm thoả mãn nhu cầu của chính mình và của xã hội.

- *Trên lĩnh vực văn hoá,* cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo nên sự biến đổi căn bản trong phương thức và nội dung sinh hoạt tinh thần của xã hội theo hướng tiến bộ. Sự đảo lộn cách mạng đó biểu hiện ở chỗ, nếu trước kia toàn bộ những phương tiện, tư liệu chủ yếu phục vụ cho việc sáng tạo các giá trị tinh thần thuộc quyền chiếm hữu của giai cấp bóc lột thì nay thuộc về những người đã thực sự sáng tạo nên chúng - những người lao động; trả lại cho những người lao động địa vị người chủ chân chính để họ tham gia vào quá trình sáng tạo các giá trị tinh thần và tạo cho họ những điều kiện để hưởng thụ ngày càng đầy đủ những giá trị đó.

Trên cơ sở kế thừa và nâng cao các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, thực hiện việc tiếp thu các giá trị văn hoá tiên tiến của thời đại, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá thực hiện việc giải phóng những người lao động về mặt tinh thần

thông qua việc xây dựng từng bước thế giới quan và nhân sinh quan mới, xây dựng nền văn hoá mới và thế hệ những con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra đồng thời trên các lĩnh vực và các lĩnh vực đó có quan hệ mật thiết, tác động, thúc đẩy lẫn nhau.

Nhìn chung, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình cải biến toàn diện xã hội cũ thành xã hội mới, trong đó công cuộc cải tạo kết hợp chặt chẽ với công cuộc xây dựng mà xây dựng là chủ yếu. Cải tạo đóng vai trò như một phương tiện phục vụ cho mục tiêu xây dựng xã hội mới, ngược lại, công cuộc xây dựng xã hội mới tạo những điều kiện có ý nghĩa quyết định để triển khai công cuộc cải tạo.

III. SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÊN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, lý luận về sự phát triển cuộc cách mạng dân chủ tư sản theo một cương lĩnh mang tính triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa do V.I. Lênin nêu lên có một vị trí nổi bật.

Để làm việc đó, V.I. Lênin đã kế thừa những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về cách mạng không ngừng. Khi luận chứng về mặt lý luận, C. Mác và Ph. Ăngghen xem cách mạng như một quá trình gồm hai giai đoạn, nhưng phát triển liên tục, thông qua việc hoàn thành mục tiêu của giai đoạn thứ nhất rồi tiến tới mục tiêu cuối cùng.

Trong khi quan tâm và đặt hy vọng chủ yếu vào sự bùng nổ đồng loạt của cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, hai ông bỏ qua các nước mà chủ nghĩa tư bản mới chỉ đạt mức độ trung bình, còn tồn tại những tàn tích nặng nề của chế độ phong kiến trung cổ. Xem các nước này như những bộ phận không tách rời trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, hai ông nêu lên giả định cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra ở các nước này trước khi nó nổ ra ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ở các nước này, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, cần kết hợp cuộc cách mạng của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của nông dân và của các lực lượng tư sản chống phong kiến, giành dân chủ. Cuộc đấu tranh giành dân chủ phải được đặt trong xu thế tiến tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu tình hình nước Đức vào nửa đầu thế kỷ XIX, hai ông cho rằng, nước Đức hiện nay đang ở vào đêm hôm trước của một cuộc cách mạng tư sản và cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Điều mà C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ xem như ngoại lệ trong thời đại của các ông đã được V.I. Lênin căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử mới, khẳng định là nét tiêu biểu của thời đại mình. Ông phân tích sâu tình hình nước Nga cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Do là nơi tập trung các mâu thuẫn lúc đó và là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa đồng thời làm cho một giai cấp công nhân tuy ra đời muộn nhưng sớm trưởng thành, nước Nga trở thành trung tâm của cách mạng thế giới.

Trong lòng nước Nga "đế quốc - phong kiến - quân phiệt" cùng một lúc xuất hiện tiền đề của hai cuộc cách mạng. Chủ nghĩa tư bản đạt tới mức độ phát triển trung bình và đã chuyển vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản biểu hiện gay gắt, tạo nên tiền đề cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Tàn tích phong kiến trung cổ được duy trì ở mức độ nặng nề làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ biểu hiện không kém gay gắt, tạo nên tiền đề của cách mạng dân chủ.

Trong bầu không khí sục sôi cách mạng ở nước Nga, cùng một lúc xuất hiện nhiều lực lượng đấu tranh. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vì tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân đòi ruộng đất và quyền dân sinh, dân chủ tối thiểu; cuộc đấu tranh của các dân tộc bị

áp bức đòi bình đẳng và tự quyết dân tộc; cuộc đấu tranh của đông đảo nhân dân đòi chấm dứt chiến tranh và tạo lập một nền hoà bình vững chắc. V.I. Lênin nhận rõ rằng hoà bình, dân sinh, dân chủ là "mẫu số chung" của tất cả các trào lưu đó. Vì thế cương lĩnh cách mạng do Người nêu ra là tiến hành một cuộc cách mạng dân chủ triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin chỉ ra rằng, khác với các giai đoạn trước, ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, do thái độ của các giai cấp và mối tương quan giữa các giai cấp đã có những thay đổi nhất định nên cách mạng dân chủ đã có những biểu hiện mới trong nội dung. Cách mạng dân chủ tư sản Nga mang tính nhân dân sâu sắc, đồng thời biểu lộ cả những "dấu hiệu vô sản". Đó là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sự hoàn thành triệt để cuộc cách mạng đó có nghĩa là tạo lập chiếc cầu trực tiếp để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sự sắp xếp lực lượng trong cách mạng được V.I. Lênin giải quyết trên cơ sở định hướng trên. Giai cấp công nhân là lực lượng dân chủ kiên quyết nhất vì mục tiêu của nó - chủ nghĩa xã hội - đòi hỏi phải đưa cuộc đấu tranh giành dân chủ tới thắng lợi triệt để. Những người tư sản loại vừa và loại nhỏ tuy ít nhiều có tinh thần dân chủ, nhưng thái độ lừng chừng bởi vì họ chống phong kiến nhưng lại muốn cùng phong kiến đối phó với phong trào đấu tranh

của những người lao động. Nông dân có thể trở thành "lực lượng cấp tiến nhất" của cách mạng dân chủ bởi vì lợi ích của họ chỉ có thể được bảo đảm khi thủ tiêu triệt để chế độ phong kiến.

Nước Nga không thể bỏ qua cuộc cách mạng dân chủ để tiến ngay lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng cuộc cách mạng dân chủ mà nước Nga tiến hành cũng không dừng lại ở thắng lợi mà nó giành được đối với chế độ phong kiến chuyên chế mà phải chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội được V.I. Lênin giải quyết đúng đắn đã làm cho các nhân tố dân chủ được định hướng theo chủ nghĩa xã hội, còn các nhân tố của chủ nghĩa xã hội thì luôn được đặt trên mảnh đất dân chủ tiềm tàng mà chính từ đó chúng đã nảy sinh. V.I. Lênin từng nhấn mạnh: dân chủ là con đường ngắn nhất để đi tới chủ nghĩa xã hội.

V.I. Lênin cho rằng thắng lợi triệt để của cách mạng dân chủ phải được đánh dấu bằng sự ra đời của một thiết chế chính trị mang tính quá độ, đó là nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Thiết chế chính trị đó mang tính mềm dẻo, hoạt động của nó vừa đáp ứng những nhiệm vụ mà cách mạng dân chủ đặt ra một cách trực tiếp, vừa thể hiện được xu thế phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa nền chuyên

chính này mới chuyển thành chuyên chính vô sản. Thực chất của bước chuyển đó không phải là làm khô cạn đi những tiềm năng dân chủ bằng cách thu gọn vào sự "độc quyền vô sản", ngược lại, đó là quá trình làm sâu rộng thêm nền tảng dân chủ bằng cách ngày càng thu hút đông đảo nhân dân lao động tham gia vào quá trình quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

V.I. Lênin còn nêu lên và thực hiện tư tưởng về sự "giao kết" giữa cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự "giao kết" đó biểu hiện ở chỗ trong cách mạng dân chủ đã giải quyết một số nhiệm vụ nhằm chuẩn bị tiền đề trực tiếp cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn khi đã chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa thì vẫn phải tiếp tục hoàn tất những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân chủ. Sự "giao kết" đó gắn bó hai giai đoạn cách mạng vào một tiến trình liên tục và thống nhất.

V.I. Lênin viết: thắng lợi hoàn toàn của cách mạng hiện tại sẽ đánh dấu bước kết thúc của cách mạng dân chủ và mở đầu cho cuộc đấu tranh kiên quyết cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin cũng chỉ ra rằng, để thực hiện sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa phải có đủ ba điều kiện chủ yếu: sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó được bảo đảm và không ngừng củng cố; khối liên minh công nông được giữ vững và phát triển

trên cơ sở một đường lối thích hợp với từng giai đoạn cách mạng; chính quyền dân chủ cách mạng được củng cố để hoàn thành nhiệm vụ của nó ở giai đoạn thứ nhất, đồng thời chuẩn bị những điều kiện để chuyển sang giai đoạn thứ hai.

V.I. Lênin đã tiến hành cuộc đấu tranh chống khuynh hướng "tả" cũng như chống khuynh hướng hữu. Những người hữu khuynh thì muốn kìm hãm cuộc cách mạng trong khuôn khổ tư sản và muốn mở ra cả một kỷ nguyên cho chủ nghĩa tư bản thống trị lâu dài, trong đó giai cấp công nhân sẽ bị bóc lột một cách "êm dịu", còn giai cấp tư sản thì tha hồ làm giàu "một cách chính đáng". Những người "tả" khuynh, ngược lại, muốn lẩn tránh những yêu cầu dân chủ bức thiết bằng cách "xa lánh" cuộc cách mạng dân chủ tư sản để thực hiện tức khắc một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Tính tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Ngay từ những thập niên đầu thế kỷ, khi nước ta là nước thuộc địa nửa phong kiến, vấn đề giải phóng đất nước khỏi ách áp bức, bóc lột thực dân phong kiến đã là vấn đề to lớn, bức xúc nhất của nhân dân ta.

Cứu nước là đề tài bao trùm và thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc mình.

Các sĩ phu yêu nước - những phần tử ưu tú nhất của chế độ phong kiến - là những người đầu tiên thể nghiệm con đường cứu nước theo ngọn cờ "Cần Vương". Nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ tấm lòng yêu nước, tấm gương xả thân của nhiều người trong số họ. Nhưng sự nghiệp cứu nước của họ đã không thành công, bởi vì ý thức hệ phong kiến - Nho giáo mà họ lấy làm nền tảng tư tưởng đã quá lỗi thời. Chủ trương đánh đuổi thực dân để phục hồi chế độ phong kiến quân chủ được xây dựng và duy trì trên cơ sở nền nông nghiệp lạc hậu không thể tạo nên cho họ sức mạnh để chiến thắng chủ nghĩa thực dân xâm lược đã ở trình độ tư bản chủ nghĩa.

Tiếp đó, là những phong trào đấu tranh theo ý thức hệ quốc gia tư sản hoặc tiểu tư sản của các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, v.v.. Các phong trào này đã mang lại những nội dung mới về con đường giải phóng đất nước, cụ thể là đã đặt vấn đề giành độc lập cho đất nước từ bàn tay thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp để đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa như tấm gương của các nước phương Tây hay Nhật Bản. Các phong trào này đã góp một phần nhất định vào việc thức tỉnh dân trí, nâng cao

dân trí, nhưng do sự hạn chế của ý thức hệ tư sản mang tính cải lương, cho nên, *một mặt*, không đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu dân tộc, dân chủ bức thiết của đông đảo nhân dân lao động nước ta, *mặt khác*, tỏ ra bất cập so với thời đại, khi mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) đã thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở cho họ con đường giải phóng, bỏ qua giai đoạn thống trị của chế độ tư bản để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thực tế, những yêu cầu dân tộc, dân chủ của nhân dân ta lúc đó - xét cả về chiều rộng và chiều sâu - đã vượt ra ngoài sự hạn hẹp của các cương lĩnh tư sản và đòi hỏi phải được giải quyết theo một đường lối cách mạng triệt để mang định hướng xã hội chủ nghĩa. Xu hướng ấy thể hiện thành nguyện vọng, nhu cầu bức thiết của các giai cấp và các tầng lớp xã hội cơ bản ở nước ta.

Giai cấp công nhân nước ta, cho đến lúc đó, tuy số lượng không đông, nhưng sinh ra và lớn lên trong một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị ba tầng áp bức, bóc lột là đế quốc, địa chủ, tư sản. Nỗi uất hận của người nô lệ mất nước bên cạnh mối thù của người lao động bị bóc lột đã sớm dẫn giai cấp công nhân Việt Nam đến sự trưởng thành về ý thức dân tộc và ý thức giai cấp, tạo nên ở giai cấp này sự nhạy cảm trong nhận thức về mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh giải phóng toàn dân tộc với cuộc đấu tranh giải phóng

giai cấp mình. Dĩ nhiên, lúc đầu điều đó biểu hiện dưới dạng tự phát, nhưng kể từ khi giai cấp công nhân Việt Nam tổ chức được chính Đảng của mình, điều đó trở thành nhận thức tự giác. Đó là nguyên nhân sâu xa làm cho giai cấp công nhân Việt Nam không trải qua thời kỳ đấu tranh dưới ngọn cờ của giai cấp tư sản, mà sớm lãnh đạo phong trào độc lập với những yêu sách riêng, trong đó nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ mang tính triệt để và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Ở các vùng nông thôn, nông dân (chiếm trên 90%) bị phân hoá sâu sắc. Sự bóc lột theo kiểu thực dân kết hợp với kiểu bóc lột phong kiến trung cổ đã đẩy nông dân vào tình trạng vô cùng cực khổ. Một bộ phận khá đông nông dân bị tước đoạt hết ruộng đất phải đi lang thang kiếm ăn rồi sa vào cạm bẫy thực dân và trở thành người vô sản. Nhưng ở Việt Nam, thời kỳ này, ngay cả con đường vô sản hoá của người nông dân cũng mang nét đặc thù do chính sách bóc lột theo lối "thuộc địa nửa phong kiến" của thực dân Pháp và giai cấp địa chủ gây ra. *Một mặt* bị thực dân Pháp chèn ép, *mặt khác*, vấp phải sự cản trở của thế lực phong kiến, nền công nghiệp phát triển rất yếu ớt, không thể thu hút hết số nông dân bị phá sản từ nông thôn kéo ra thành thị, khiến họ phải sống vất vưởng, không có lối thoát. Cơ chế bóc lột kiểu thực dân phong kiến - trong đó quyền lực thực dân trùm

lên quyền lực phong kiến - đã đặt người nông dân, cùng một lúc, đứng trước hai kẻ thù là thực dân và địa chủ phong kiến, đồng thời cũng tự nhiên gắn bó hơn nữa số phận người nông dân vào vận mệnh dân tộc, làm xích lại trong họ nguyện vọng giành lấy quyền dân chủ (trước hết là ruộng đất) với nguyện vọng giải phóng dân tộc. Xét từ giác độ ấy, nguyện vọng dân tộc, dân chủ của nông dân đã có những nội dung mới, vượt ra ngoài khuôn khổ của các cương lĩnh tư sản và gần gũi hơn với lập trường của giai cấp công nhân.

Cùng với công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở nước ta, các thành thị ít nhiều được mở rộng, làm cho tầng lớp tiểu tư sản tăng lên về số lượng. Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến tầng lớp này bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề cả về vật chất lẫn tinh thần. Những người tiểu tư sản học sinh, trí thức lại có một trình độ văn hoá để hiểu biết các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị tiến bộ từ nước ngoài. Cùng với giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản ngay từ đầu đã tham gia phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc và dân chủ hướng tới chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Như vậy, có thể nói trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến, những yêu cầu dân tộc, dân chủ của công nhân, nông dân, tiểu tư sản - tức là của đại đa số dân

cư - đã theo con đường diễn biến tự thân mà hướng tới chủ nghĩa xã hội. Chính từ thực tiễn nước ta và thực tiễn của các nước thuộc địa, phụ thuộc như nước ta, ngay từ năm 1921, Hồ Chí Minh đã nêu một nhận xét quan trọng: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1].

Đảng ta, ngay từ khi ra đời, đã ghi nhận đầy đủ không chỉ nhu cầu khách quan của xã hội lúc đó, mà còn khẳng định đúng quá trình phát triển hợp quy luật của nó theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Chánh cương vắn tắt* của Đảng ghi rõ: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[2].

Lần đầu trong lịch sử nước ta, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc được nâng lên trình độ một cuộc cách mạng xã hội. Cuộc cách mạng này kết hợp trong bản thân nó tiến trình của hai sự nghiệp giải phóng - giải phóng dân tộc bị áp bức và giải phóng giai cấp những người lao động bị bóc lột.

Nguồn sức mạnh đưa tới sự phục hồi và phát triển của cách mạng Việt Nam - sau thời gian bị chìm lắng do thất bại của phong trào kháng Pháp mà đại diện

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.1, tr.28.
2. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.3, tr.1.

của các giai cấp phong kiến, tư sản lãnh đạo - là ở chỗ lần này mục tiêu dân tộc không tách rời mục tiêu dân chủ trên cơ sở định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tính tất yếu của sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa; sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (tức là tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng) ở nước ta có nét đặc trưng nổi bật là kết hợp nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi"[1].

Thành tựu của kháng chiến là: lực lượng của ta từ yếu trở thành mạnh. Nhờ sức mạnh tự cường cùng với sự giúp đỡ quốc tế to lớn, nhân dân ta đã đi tới chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng miền Bắc (1954) và với Đại thắng mùa Xuân (1975) giải phóng cả nước.

Thành tựu của kiến quốc là: đã xây dựng một nền kinh tế dân tộc dân chủ trong đó có những nhân tố đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế ấy bảo

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.4. tr.99.

đảm cho nhân dân ta "tự lực cánh sinh" trong suốt những năm kháng chiến và tạo nên những dấu ấn sâu sắc cải tạo nền kinh tế nô dịch thực dân.

Đã xây dựng và từng bước củng cố hệ thống chính quyền dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực chất là một thiết chế chính trị dân chủ kiểu mới, mà chỉ có nó mới có thể xoá bỏ được những xiềng xích hữu hình và vô hình do chế độ thực dân, phong kiến duy trì hàng thế kỷ, đem lại những quyền lợi chính trị chưa từng có cho nhân dân.

Nền văn hoá dân tộc, dân chủ nhân dân phát triển theo các nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng đã có vai trò to lớn nâng cao dân trí, khôi phục sức sống tinh thần của dân tộc đã từng bị xuyên tạc trong môi trường của chính sách ngu dân mà kẻ thù xâm lược thực hiện hàng trăm năm, khơi dậy những truyền thống ngàn năm của đất nước hướng tới sự tiến bộ.

Trước khi đạt được những thắng lợi có tính bước ngoặt trong đấu tranh giải phóng dân tộc trên phạm vi cả nước, miền Bắc đã có trên 20 năm cải tạo xã hội cũ và từng bước xây dựng các mặt khác nhau của xã hội mới.

Ở miền Nam, sở hữu phong kiến cơ bản được giải quyết trước khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi: Trong những năm hoà bình được lập lại, việc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn đã hoàn

thiện thêm một bước trong việc thực hiện nhiệm vụ dân chủ đó.

Từ đỉnh cao của các thành tựu nêu trên, mục tiêu chủ nghĩa xã hội không còn bị tách biệt bởi một "bức tường thành". Bao trùm lên tất cả, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã tạo nên những điều kiện vật chất và tinh thần để nước ta chuyển sang chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nền độc lập dân tộc cần được giữ gìn, củng cố và phát huy trên cơ sở những thành tựu của chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ dân chủ - trên mức độ những thành tựu đã đạt được - cho phép, đồng thời đòi hỏi vượt qua những thử nghiệm đầu tiên về chủ nghĩa xã hội và từng bước phát triển trên quy mô rộng lớn hơn. Bởi vì, dân chủ chỉ có thể phát huy đầy đủ trong môi trường của chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội thì không thể nảy sinh và phát triển bên ngoài những thành tựu về dân chủ.

Trong bối cảnh và xu thế đó, sự khẳng định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội không chỉ đặt cách mạng nước ta vào đúng dòng chuyển động liên tục của lịch sử cách mạng nước ta, mà còn phù hợp với xu thế của loài người "đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.76.

Tuy thế, bên cạnh những thành tựu cực kỳ to lớn, khoảng thời gian từ năm 1976 - 1986, Đảng ta mắc phải một số thiếu sót biểu hiện của chủ quan duy ý chí. Những thiếu sót đó, Đảng ta đã phát hiện, và kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đã khắc phục có hiệu quả trong công cuộc đổi mới. Sự khắc phục đó không phủ định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, ngược lại, chính nó đòi hỏi khẳng định dứt khoát mục tiêu đó và gắn bó hơn nữa nhiệm vụ củng cố độc lập dân tộc, phát triển dân chủ vào định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng biện pháp, trong mỗi chặng đường của cách mạng nước ta.

Cuộc khủng hoảng và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận cán bộ và nhân dân ta. Từ tâm lý hoang mang, có người đề xuất hướng "quay ngược" về chủ nghĩa tư bản. Bị hấp dẫn bởi tấm gương của những "con rồng châu Á", họ ra sức ca ngợi chủ nghĩa tư bản và muốn biến việc sử dụng những thành tựu, biện pháp còn hữu ích của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành mục tiêu phát triển chủ nghĩa tư bản như một chế độ chính trị.

Tính thiếu căn cứ của xu hướng này bộc lộ ngay trong hiện thực cuộc sống. Nếu như ngay cả ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao nhất hiện nay,

đại đa số những người lao động vẫn trong tình trạng bị áp bức, bóc lột, thì điều đó có nghĩa là con đường tư bản chủ nghĩa không thể đáp ứng những yêu cầu về dân tộc, dân chủ của nhân dân ta. Thực tế là hàng trăm nước thuộc "Thế giới thứ ba" vẫn đang trong tình trạng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ở các nước đó, nhân dân lao động không thể tìm thấy độc lập, dân chủ trong khuôn khổ của chế độ tư bản đã áp bức, bóc lột họ hàng thế kỷ. Còn ở các nước vốn là xã hội chủ nghĩa trước đây, trong công cuộc cải tổ, do sự sai lầm, của một số lãnh tụ xét lại chủ nghĩa Mác-Lênin, phản bội lại chủ nghĩa xã hội để hướng theo con đường tư bản chủ nghĩa thì đang diễn ra sự khủng hoảng. Sự thật đó, chứng tỏ chủ nghĩa tư bản không có triển vọng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta nhất định sẽ từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của công cuộc đổi mới đã đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và tạo đà để nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên tinh thần kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định: "... đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã

hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp"[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4-2001) của Đảng Cộng sản đã phát triển thêm và cụ thể hoá hơn những nội dung của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với những bước đi, hình thức để đạt được mục tiêu cụ thể hơn. Đó là: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.* Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước"[2].

Với những quan điểm đổi mới có nguyên tắc đúng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd,* Hà Nội, 1996, tr.70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.85.

đắn, ngày càng phát triển và cụ thể hơn về mục tiêu, con đường, bước đi, hình thức... của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng ta đã tạo những động lực trí tuệ và niềm tin mới ngày càng vững chắc cho cả dân tộc ta, chung sức chung lòng đưa sự nghiệp cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn.

CHƯƠNG VII

THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Nhận thức đúng đắn nội dung, đặc điểm và xu thế của thời đại để vạch ra chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng phù hợp là đòi hỏi khách quan đối với đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

V.I. Lênin đã từng nhấn mạnh rằng chỉ trên cơ sở hiểu đúng thời đại, "chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta; và chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ"[1].

"Sự nhận thức sai lệch về thời đại chắc chắn đưa lại những tổn thất cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho sự nghiệp giải phóng của các dân tộc và sự nghiệp giải phóng con người"[2].

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1980, t.26, tr.174.

2. *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác-Lênin trong thời đại hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.124.

I. QUAN NIỆM VỀ THỜI ĐẠI

1. Khái niệm thời đại

Trước hết ở đây khi nói về thời đại cần khu biệt *dưới góc độ triết học - chính trị - xã hội,* chứ không đề cập dưới góc độ khảo cổ học.

Con người làm nên lịch sử và tổ chức nên đời sống xã hội của mình. Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát triển hết sức lâu dài, quanh co và phức tạp đi từ mông muội, dã man tới văn minh, hiện đại như ngày nay.

Quá trình đó con người có thể nhận biết được bằng tư duy lý luận của mình. Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội loài người được phân chia thành những giai đoạn, thời kỳ khác nhau, không phải một cách chủ quan, tuỳ tiện theo ý muốn của con người mà là dựa trên những dấu hiệu, *những đặc điểm bản chất* của nó, nghĩa là phải dựa trên *những tiêu chuẩn khách quan, khoa học.* Từ nửa sau thế kỷ XIX trở đi, khi chủ nghĩa Mác ra đời, xã hội học thực sự là một khoa học, các khoa học xã hội-nhân văn mới bắt đầu hình thành thì những tiêu chuẩn khách quan khoa học để xác định thời đại và phân biệt thời đại này với thời đại khác mới được phát hiện.

Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người.

2. Cơ sở xác định thời đại và phân chia các thời đại

Cơ sở khách quan để xem xét vấn đề thời đại đã được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày sáng tỏ trong học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội.

Ph. Ăngghen đã viết: "Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy"[1].

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở khoa học để xem xét thời đại gồm cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, tức là toàn bộ các yếu tố cấu thành nội dung của thời đại từ kinh tế, chính trị, xã hội đến văn hoá, khoa học - kỹ thuật.

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội còn cho thấy, đối với xã hội có giai cấp, giai cấp nào là giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của một thời đại, là *động lực xã hội chủ yếu* chi phối sự vận động của thời đại đó.

C. Mác và Ph. Ăngghen xác định thời đại tư bản chủ nghĩa là thời đại của giai cấp tư sản. Các cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII mà cuộc đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789 là điển hình đã phá bỏ trật tự phong kiến chuyên chế trung

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.21, tr.11.

cổ, mở đường cho sức sản xuất phát triển và thiết lập trật tự mới tư bản chủ nghĩa, mở ra thời đại mới: thời đại quá độ từ chủ nghĩa phong kiến (chuyên chế) tới chủ nghĩa tư bản (tự do cạnh tranh).

Vào lúc đó, giai cấp tư sản đại diện cho sức sản xuất tiên tiến; nó là một giai cấp đang lên và đóng vai trò là một giai cấp cách mạng đứng ở trung tâm của cuộc cách mạng tư sản để lật đổ chế độ phong kiến, khẳng định thời đại tư bản chủ nghĩa.

V.I. Lênin đã xác định, trong quá trình đi lên của chủ nghĩa tư bản, "giai cấp tư sản là giai cấp chủ yếu, đang đi lên và là giai cấp duy nhất có thể có một sức mạnh áp đảo đấu tranh chống lại những thiết chế phong kiến và chuyên chế"[1].

Như vậy, thời đại tư sản mở ra lịch sử hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản với sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự xác lập thể chế chính trị và quyền lực nhà nước của giai cấp tư sản. Nó đánh dấu một bước tiến căn bản của lịch sử thế giới cận đại.

Giai cấp tư sản chỉ đóng vai trò là một giai cấp cách mạng khi nó chống phong kiến và phát triển sức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khi trở thành giai cấp thống trị, tiến hành bóc lột và áp bức giai cấp vô sản

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1980, t.26, tr.177.

và quần chúng lao động ở khắp mọi nơi *giai cấp tư sản không còn là một giai cấp cách mạng nữa.*

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất mà giai cấp tư sản là kẻ chiếm hữu đã ngày càng trở thành vật kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hoá rộng lớn. Giai cấp vô sản đại công nghiệp được đào luyện trong nền sản xuất xã hội của chủ nghĩa tư bản đã dần dần trưởng thành và đứng ở trung tâm của lực lượng sản xuất tiên tiến đó. Đó là một giai cấp cách mạng, tiêu biểu cho xu thế phát triển mới của một thời đại lịch sử mới.

Nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là cơ cấu kinh tế - xã hội của chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát hiện ra vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Các ông đã chỉ rõ cuộc đấu tranh giai cấp giữa vô sản và tư sản tất yếu sẽ dẫn tới cách mạng vô sản, dẫn tới sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Một thời đại mới sẽ xuất hiện thay thế thời đại tư bản chủ nghĩa. Đó chính là thời đại của sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã mở ra thời đại đó.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã rút ra kết luận về bốn hình thái kinh tế - xã hội của lịch sử phát triển xã hội

loài người cho đến thế kỷ XIX là các hình thái: cộng sản nguyên thuỷ, chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tư bản chủ nghĩa. Từ đó, các ông đã luận chứng rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản tất yếu sẽ thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Mỗi hình thái kinh tế - xã hội với quá trình phát sinh, phát triển và tất yếu bị thay thế bởi một hình thái khác cao hơn là một quá trình lịch sử tự nhiên, một thời đại lịch sử rất dài.

Một thời đại lịch sử có thể phân chia thành nhiều thời kỳ hay nhiều giai đoạn khác nhau. V.I. Lênin hình dung có những thời đại nhỏ (ứng với những giai đoạn) trong một thời đại lớn.

Nhận thức đúng tính chất thời đại có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận và thực tiễn để tránh sai lầm về quan điểm và phương pháp đánh giá như lấy diễn biến, đặc điểm của một thời kỳ, một giai đoạn cụ thể nào đó làm đặc trưng cho cả một thời đại lịch sử dài, mặt khác, không đưa ra quá sớm những khẳng định, những kết luận cụ thể đối với tương lai mà hiện nay mới chỉ là dự đoán.

Tóm lại:

- Cơ sở khoa học duy nhất để xác định thời đại là những điều kiện vật chất khách quan, tức hình thái kinh tế-xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội là khái niệm dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng

cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

- Hình thái kinh tế - xã hội là nội dung cấu thành thời đại. Còn thời đại là thời kỳ lịch sử hình thành, phát triển và bắt đầu sự ngự trị của một hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ nhất trong khi vẫn còn sự tồn tại của các hình thái kinh tế - xã hội thấp hơn. Thời đại và hình thái kinh tế - xã hội là những khái niệm không có sự trùng khít với nhau về thời gian. Thời đại là một thời kỳ lâu dài trong đó diễn ra sự chuyển biến của các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau từ thấp đến cao và *đặc trưng cho tính chất và xu hướng phát triển của một thời đại phải là hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ nhất.*

II. THỜI ĐẠI HIỆN NAY

1. Quan niệm về thời đại hiện nay

Thời đại hiện nay, hay thời đại chúng ta, thời đại mới, là những khái niệm đồng nghĩa.

V.I. Lênin đã thường dùng như vậy và bây giờ những khái niệm này cũng được dùng quen thuộc với chúng ta.

Trên bình diện lịch sử toàn thế giới, Cách mạng

Tháng Mười Nga đã "*mở đầu* một thời đại mới trong lịch sử thế giới"[1].

Theo quan điểm của V.I. Lênin, *nội dung của thời đại mới này* là xoá bỏ giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa đồng thời thiết lập những cơ sở của xã hội mới là xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đây là một quá trình lịch sử lâu dài, bắt đầu là từ Cách mạng Tháng Mười Nga, sau đó là những cuộc cách mạng ở nhiều nước khác trên thế giới.

Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân năm 1957, 1960 đã xác định: Nội dung căn bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga.

Từ đó đến nay, mấy chục năm đã trôi qua và tình hình thế giới đã có nhiều biến đổi, đặc biệt từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa đổ vỡ ở Liên Xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội lâm vào một thời kỳ thoái trào tạm thời. Song không vì thế *tính chất* và *nội dung* của thời đại thay đổi. Để hiểu điều đó cần phải đánh giá đúng tầm vóc và ý nghĩa lịch sử thế giới của Cách mạng Tháng Mười, những giai đoạn chính trong sự phát triển của thời đại ngày nay do cuộc cách mạng đó sinh thành.

Cách mạng Tháng Mười là cuộc cách mạng vô sản

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.44, tr.184.

do giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga tiến hành dưới sự lãnh đạo của chính Đảng cách mạng của giai cấp công nhân, một Đảng mácxít kiểu mới do V.I. Lênin sáng lập.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 "đã làm rung chuyển thế giới", đã phá tung một khâu yếu nhất của sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa mở đầu cho một thời đại mới, để hình thành một hình thái kinh tế - xã hội mới hoàn toàn, khác với hình thái tư bản chủ nghĩa. Là con đẻ của Cách mạng Tháng Mười, Liên Xô (Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết) từ một nước tư bản lạc hậu ở châu Âu đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một siêu cường, là lực lượng chủ yếu nhất đã cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), tạo điều kiện cho một loạt nước Đông Âu và châu Á, sau đó là Tây bán cầu tiến hành thắng lợi cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ đó, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã được hình thành. Cách mạng Tháng Mười đã phá vỡ một mảng của thế giới tư bản chủ nghĩa, đã mở ra thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, làm cho hệ thống thuộc địa kiểu cũ bị thủ tiêu, tạo điều kiện cho hàng trăm quốc gia dân tộc vốn là thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập.

Cách mạng Tháng Mười đã khẳng định thắng lợi quan trọng của chủ nghĩa xã hội trên thực tiễn. Với

thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, sự sinh thành của nước Nga Xôviết, của Liên Xô và sau đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chủ nghĩa xã hội không chỉ là một học thuyết lý luận khoa học và cách mạng để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động các dân tộc trên thế giới ra *khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản, không chỉ là mục tiêu, lý tưởng* của loài người hướng tới Độc lập - Tự do - Hạnh phúc mà chủ nghĩa xã hội *còn là một kiểu chế độ xã hội mới đã được xác lập trên thực tế. Cách mạng Tháng Mười đã dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực*. Chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập trên thực tế đã đặt chủ nghĩa tư bản vào đối tượng bị phủ định trực tiếp, và chủ nghĩa xã hội trở thành xu thế phát triển của lịch sử thế giới hiện đại. Là sự lựa chọn con đường phát triển của các dân tộc trong thế giới ngày nay dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Sức mạnh và thành tựu của chế độ xã hội chủ nghĩa đã đem lại nhiều quyền lợi cho nhân dân, giữ gìn hoà bình thế giới, đẩy lùi nguy cơ hạt nhân, góp phần quan trọng buộc chủ nghĩa tư bản phải tự điều chỉnh có lợi cho những người lao động trong thế giới tư bản, thúc đẩy phong trào đấu tranh cho hoà bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong thế kỷ XX.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Cách mạng Tháng Mười, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, "Cách mạng Tháng Mười mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới"[1].

Hiện nay, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội đang lâm vào thoái trào, chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng điều chỉnh, thích nghi để phát triển. Những điều ấy là rất mới so với tình hình cuối những năm 50 của thế kỷ XX. Đối với hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới cũng vậy. Không còn một hệ thống như trước đây. Ở những nước mà chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ, cuộc đấu tranh giữa những thế lực đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa với những lực lượng muốn phục hồi chủ nghĩa xã hội đang diễn ra. Ở những nước chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, công cuộc cải cách, đổi mới đang được đẩy mạnh và đã giành được những thành tựu rất quan trọng. Việc tìm kiếm những hình thức, biện pháp và bước đi sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước nhưng không chệch mục tiêu xã hội chủ nghĩa đang được đặt ra ở mỗi nước. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc quan trọng hàng đầu đảm

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* t.10, tr.594.

bảo cho công cuộc cải cách, đổi mới đó đi tới thắng lợi theo những mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Thực tế đó cho thấy, *chủ nghĩa xã hội với tính cách là một chế độ xã hội đối lập với chế độ tư bản vẫn đang tồn tại.* Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản tuy đang diễn ra rất phức tạp *trong những điều kiện mới và dưới những hình thức mới,* nhưng bằng những thành quả của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước này, cùng với sự phục hồi các phong trào cách mạng của các nước, chủ nghĩa xã hội tuy còn phải vượt qua những khó khăn và thoái trào tạm thời vẫn nhất định sẽ giành lại được vị thế của mình và sẽ tác động tích cực đến chiều hướng phát triển chung của thế giới.

Tóm lại, nếu một cuộc cách mạng đã không thể diễn ra theo một con đường thẳng tắp thì một thời đại rộng lớn của lịch sử toàn thế giới lại càng như vậy.

Việc phân chia thời đại mới mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười thành nhiều thời kỳ là để đánh giá đúng vấn đề thời đại. Không vì một thời kỳ thăng trầm nào đó mà đi đến đánh giá sai về cả một thời đại lịch sử thế giới lâu dài. Càng không thể vì một khúc quanh nào đó, khi cách mạng gặp những khó khăn, thậm chí cả những vấp váp, sai lầm trong những hoàn cảnh lịch sử và thời gian nhất định mà phủ nhận cả một thời đại lịch sử với những tính chất, đặc điểm và xu hướng phát triển của nó.

Khi C. Mác và Ph. Ăngghen còn sống, lịch sử đã từng biết đến sự kiện vĩ đại của Công xã Pari (1871) cùng những kinh nghiệm và bài học của nó. Đánh giá về sự kiện này, C. Mác đã từng nhận xét và dự báo: *Cách mạng có thể thất bại* (vì những khuyết điểm và sai lầm mà nó rất dễ mắc phải ở thời kỳ còn non yếu, chưa trưởng thành) *nhưng cách mạng sẽ không bao giờ bị tiêu diệt* (vì nó thuộc về xu thế khách quan của sự phát triển lịch sử). Bốn mươi sáu năm sau sự kiện Công xã Pari, lịch sử lại chứng kiến thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười năm 1917 với những ảnh hưởng rộng lớn và sâu sắc có tầm vóc, ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của nó. Và V.I. Lênin, lúc sinh thời đã từng dự báo, sớm muộn thì tất cả các dân tộc đều sẽ đi tới lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử của toàn thế giới, dĩ nhiên con đường đi tới đó là cả một quá trình lịch sử lâu dài, nó phải trải qua những thời kỳ, những giai đoạn khác nhau. Nó phải vượt qua những khó khăn, phức tạp, những thử thách và những bước quanh co khác nhau. Phát triển là một quá trình hiện thực, liên tục, trong đó không loại trừ cả những đứt đoạn, những bước thụt lùi tạm thời là vì vậy.

2. Các giai đoạn chính của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

xã hội mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đến nay có thể chia thành 4 giai đoạn chính sau đây:

Giai đoạn 1: Từ năm 1917 đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, năm 1945.

Đây là giai đoạn đột phá thắng lợi của cách mạng vô sản ở nước Nga, một nước tư bản phát triển trung bình, khai sinh ra chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ, xoá bỏ được tình trạng người bóc lột người, mở ra khả năng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước, đánh bại sự bao vây, can thiệp của chủ nghĩa đế quốc, mở đường cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ đồng thời cứu loài người ra khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít.

Giai đoạn 2: Từ sau năm 1945 đến đầu những năm 1970.

Đây là giai đoạn *mở rộng* và *phát triển* chủ nghĩa xã hội từ một nước ra nhiều nước dẫn tới sự *hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.*

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, giai đoạn này còn đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân thế giới. Phong trào giải phóng dân tộc giành được những thắng lợi to lớn, quan trọng.

Hàng trăm nước đã giành được độc lập dân tộc. Hệ thống thuộc địa cũ của chủ nghĩa tư bản sụp đổ.

Tác động và ảnh hưởng tích cực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại các nước tư bản chủ nghĩa, của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh chung của toàn thể loài người vì các mục tiêu của thời đại là hoà bình, độc lập, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên ở cuối giai đoạn này cũng đã bắt đầu xuất hiện những bất đồng giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa các Đảng Cộng sản và công nhân trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Giai đoạn 3: Từ cuối những năm 1970 đến cuối những năm 1980.

Đây là giai đoạn nhiều nước xã hội chủ nghĩa rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng do chậm nhận ra những khuyết tật của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, do chậm tiến hành cải tổ, cải cách, lại không áp dụng có hiệu quả những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần, bị tụt lại phía sau trong cuộc đọ sức về kinh tế với chủ nghĩa tư bản. Sai lầm trong cải tổ càng làm cho những khó khăn và khủng hoảng bên trong các nước xã hội chủ nghĩa trở nên gay gắt hơn.

Lợi dụng tình hình này, các thế lực thù địch ngoài nước và bọn phản động ở trong nước đã phối hợp tấn công làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.

Giai đoạn 4: Giai đoạn hiện nay.

Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào. Cùng với sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, nhiều Đảng Cộng sản và công nhân bị tan rã, ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội bị giảm sút nghiêm trọng. Chủ nghĩa xã hội hiện đang đứng trước những thử thách và khó khăn chưa từng thấy. Chủ nghĩa tư bản hiện đại lợi dụng tình hình đó để ra sức tiến công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác-Lênin bằng nhiều thủ đoạn thâm độc hòng xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, nhằm xác lập sự thống trị tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới.

Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, phức tạp. Sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội thế giới hiện nay chỉ là tạm thời. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại và đang tiến hành cải cách, đổi mới để phát triển. Cuộc đấu tranh vì những lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa vẫn đang tiếp tục diễn ra trên thế giới, nhất là ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây ở Đông Âu.

Nhân dân lao động cùng những người cộng sản trung kiên đã có thêm những kinh nghiệm thực tế để đấu tranh trở lại con đường xã hội chủ nghĩa.

Nhiều Đảng Cộng sản đang tự tổ chức lại và phục hồi những ảnh hưởng tích cực của mình trong xã hội. Cần có thời gian và những sự đổi mới cần thiết để chủ nghĩa xã hội có thể vượt qua thoái trào và bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Sức sống và xu hướng phát triển của chủ nghĩa xã hội không mất đi. Chủ nghĩa xã hội là định hướng của sự phát triển lịch sử, vẫn là sự lựa chọn tích cực nhất phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử trong thời đại hiện nay.

III. TÍNH CHẤT VÀ MÂU THUẪN CỦA THỜI ĐẠI HIỆN NAY

1. Tính chất của thời đại hiện nay

Thời đại hiện nay là thời đại đang tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Đó là cuộc đấu tranh lâu dài và phức tạp giữa hai kiểu chế độ xã hội khác nhau về bản chất, đang cùng tồn tại, cùng tác động và ảnh hưởng tới đời sống quốc tế nhưng đối lập nhau, tạo thành quá trình tiến hoá của lịch sử.

Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống từ ý thức hệ đến đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... liên quan tới sự lựa chọn con đường phát

triển của mỗi quốc gia - dân tộc cũng như chiều hướng phát triển của lịch sử thế giới.

Cách mạng Tháng Mười tạo nên bước ngoặt của cuộc đấu tranh đó với thắng lợi mở đầu của chủ nghĩa xã hội và cũng là mở đầu thời đại mới mà nội dung cơ bản và tính chất của nó đã được xác định: Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. *Tính chất ấy của thời đại cho đến nay vẫn không hề thay đổi.*

Với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ sau Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa tư bản đã trở thành đối tượng bị phủ định trực tiếp bằng cách mạng. Dù vẫn còn tồn tại và vẫn còn những khả năng phát triển nhưng *về nguyên tắc, thời đại của chủ nghĩa tư bản đã trở nên lỗi thời về mặt lịch sử, thời đại đấu tranh cho sự ra đời, phát triển và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu, thay thế cho thời đại tư sản một cách tất yếu.*

Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa là cội nguồn sinh ra bóc lột, áp bức và mọi tệ nạn xã hội đối với con người và loài người. Bản chất ấy làm cho chủ nghĩa tư bản không thể tự giải quyết được những mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng của nó. Nó chỉ có thể bị phủ định, bị loại bỏ bởi chủ nghĩa xã hội. Chế độ tư bản chủ nghĩa là một chế độ xã hội không có tương lai, không có triển vọng. Trên con đường tiến hoá và phát triển lâu dài của lịch sử, để xoá bỏ trật tự phong kiến, loài người đã phải đi qua chủ nghĩa tư

bản là một hình thái, một phương thức cao hơn phong kiến. Song chủ nghĩa tư bản *không phải và không thể là sự lựa chọn cho tương lai của lịch sử.*

Mặc dù vào cuối thế kỷ XX đã xảy ra cuộc khủng hoảng và thoái trào tạm thời của chủ nghĩa xã hội - nhưng quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn là tính chất căn bản của thời đại hiện nay, vẫn là xu hướng phát triển không thể đảo ngược của lịch sử.

Nhận định này cần được cắt nghĩa một cách khách quan, dựa trên nguyên tắc phương pháp luận mácxít mà Lênin đã chỉ dẫn "Phân tích cụ thể một tình hình cụ thể" như sau:

- Những yếu kém và khuyết tật trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã dẫn tới sự trì trệ và khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội *không thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội.* Trái lại, nó đã gây nên những biến dạng bản chất đó làm cho tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội không được biểu hiện ra một cách đầy đủ, làm chậm bước tiến của chủ nghĩa xã hội, làm hạn chế và suy giảm sức hấp dẫn cùng những ảnh hưởng tích cực của chủ nghĩa xã hội trong thực tế.

Do đó, vấn đề là ở chỗ, *tích cực đổi mới chủ nghĩa xã hội,* làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng có nhiều kết quả và thành tựu hơn, có sức hấp dẫn và lôi cuốn hơn đối với các dân tộc trong sự lựa chọn con đường phát triển *chứ không phải là từ bỏ chủ nghĩa xã hội.*

- Sự trì trệ, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thập niên vừa qua có những nguyên nhân *khách quan* và *chủ quan* của nó. Chủ nghĩa xã hội còn là một hiện tượng rất mới mẻ của lịch sử. Nó mới trải qua gần 90 năm xây dựng kể từ sau Cách mạng Tháng Mười. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản đã có lịch sử hàng mấy thế kỷ. Những khuyết điểm, sai lầm chủ quan thuộc về chủ thể lãnh đạo, quản lý trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (các Đảng Cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa) đã trực tiếp dẫn tới những sự trì trệ, khủng hoảng đó.

Những khuyết điểm, sai lầm đó *không phải là không vượt qua được.* Nó càng không phải là một tất yếu sinh ra từ chủ nghĩa xã hội, không phải thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam với những thành tựu của nó đã xác nhận điều ấy. Chính những thành tựu ấy đang chứng minh cho sức sống, triển vọng của chủ nghĩa xã hội, đang giành lại uy tín, ảnh hưởng tích cực của nó đối với xã hội và quần chúng nhân dân.

- Sự trì trệ và khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa *không tất yếu và tự động* dẫn tới sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nếu phát hiện kịp thời và có đường lối, chính sách đúng đắn để sửa chữa những khuyết tật đó thì hoàn toàn có thể vượt qua được khủng hoảng để phát triển.

Sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là hậu quả trực tiếp từ sai lầm chính trị có tính nguyên tắc của cải tổ, sự dao động và phản bội những lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội đã xảy ra trong thời điểm phát triển bước ngoặt, đã để cho sự phát triển của cải tổ rơi vào tình trạng *mất phương hướng nghiêm trọng*. Từ lâu, Lênin đã cảnh báo rằng, mất phương hướng chính trị có nghĩa là đã đưa sự nghiệp tới chỗ tự sát. Trong tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện những đòn tấn công, phá hoại rất hiểm độc được chuẩn bị từ lâu. Thực tế phản diện này càng làm sáng tỏ tính chất gay gắt, phức tạp và lâu dài của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Nó thức tỉnh lương tri các dân tộc trên toàn thế giới và đem lại cho những người cộng sản, các Đảng Cộng sản cầm quyền những bài học bổ ích, cần thiết dù đã phải trả giá đắt.

Rõ ràng là, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, *không có nghĩa là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội với tính cách là một xu hướng phát triển tất yếu của xã hội, một học thuyết cách mạng và khoa học* vạch đường cho sự giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân, nhân dân lao động các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người. Đặc biệt là học thuyết chủ nghĩa xã hội vẫn còn mãi giá trị của nó, bởi nó phản ánh đúng xu thế và quy luật phát triển lịch sử và đáp ứng khát vọng sâu xa của cả loài người.

Sự sụp đổ ấy cũng không phải là sự sụp đổ của phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới. Chủ nghĩa xã hội vẫn đang tồn tại ở những nước đã đứng vững trong cơn thử thách vừa qua với trên một tỷ người trên trái đất. Cuộc đấu tranh cho những giá trị và lý tưởng của chủ nghĩa xã hội vẫn không ngừng phát triển ở mọi nơi trước hết ở ngay những nơi đã xảy ra sự đổ vỡ vừa qua, ở Liên Xô và Đông Âu.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước cũng không phải là một tất yếu do việc xác định tính chất thời đại không đúng. Sự sụp đổ này là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân một số Đảng Cộng sản phạm sai lầm về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vì lẽ đó, việc tăng cường sức chiến đấu của các Đảng Cộng sản đang là vấn đề trung tâm, then chốt của quá trình phục hồi, đổi mới và phát triển chủ nghĩa xã hội trong tình hình hiện nay.

Đối với hàng loạt nước dân tộc chủ nghĩa, thời kỳ hiện nay đang là lúc khẳng định mạnh mẽ ý thức độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, ý thức dân tộc, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi sinh, chống bất bình đẳng giữa các nước phát triển và những nước chậm phát triển.

Phong trào đấu tranh đó, xét về mặt khách quan và xu thế phát triển của nó sẽ góp phần làm suy yếu

chủ nghĩa tư bản, làm tăng thêm những ảnh hưởng tích cực của chủ nghĩa xã hội.

Đối với các nước tư bản phát triển và chủ nghĩa tư bản thế giới nói chung, thực tế cũng đã cho thấy, chủ nghĩa tư bản đang tích tụ ngày càng nhiều với mức độ ngày càng gay gắt những mâu thuẫn thuộc về bản chất của nó, đẩy nó tới khủng hoảng và suy thoái. Tại đây, phong trào công nhân và nhân dân lao động cũng thường xuyên dấy lên những cuộc đấu tranh mới. Những bất công và tệ nạn xã hội, những tội ác và những suy đồi về đạo đức, lối sống do chủ nghĩa tư bản gây ra là không thể chấp nhận được.

Sự phối hợp các phong trào đấu tranh đó cùng hướng tới mục tiêu chung: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội. Cuộc đấu tranh vì những mục tiêu đó của thời đại gắn liền với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tạo ra những tiền đề vật chất-kỹ thuật ngày càng đầy đủ hơn để chuyển lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, mặc dù chủ nghĩa xã hội đang ở thế thoái trào, song những cơ sở vật chất và xã hội của thời đại mới ngày càng chín muồi. Do vậy, *tính chất và nội dung thời đại đã xác định là không hề thay đổi.*

Điều đó chỉ chứng tỏ rằng, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới không diễn ra trong một thời gian ngắn và theo một con đường thẳng tắp.

Cũng như mọi thời đại khác trong lịch sử, nó có tiến, có thoái, quanh co khúc khuỷu nhưng cuối cùng loài người nhất định sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. *Đó là xu thế không thể đảo ngược của lịch sử.*

Thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, là thời đại đấu tranh cho thắng lợi của hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội, gắn liền với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tạo ra những tiền đề vật chất - kỹ thuật ngày càng đầy đủ cho việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội.

Nếu chủ nghĩa xã hội không phải là một khuôn mẫu được định sẵn và bắt hiện thực phải khuôn theo mà là phong trào thực tiễn của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đấu tranh để tự giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa, thì cũng chỉ có phong trào thực tiễn ấy mới trả lời được về độ dài ngắn của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò quyết định thuộc về các Đảng của giai cấp công nhân (Đảng mácxít-lêninnít) - người lãnh đạo cuộc đấu tranh cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong thời đại này.

2. Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay

Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời đại đan xen giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. *Tính chất và đặc điểm* đó của thời đại được biểu hiện qua *những mâu thuẫn cơ bản* của nó.

Có 4 mâu thuẫn cơ bản dưới đây:

- *Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản:*

Đây là mâu thuẫn nổi bật, xuyên suốt thời đại quá độ mang tính toàn cầu.

Thực tiễn lịch sử từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay đã xác nhận mâu thuẫn này.

Đó là cuộc đấu tranh của nhân dân Nga chống lại cuộc can thiệp vũ trang của các nước đế quốc, là sự bao vây và phá họai Liên Xô trước đây, là cuộc tấn công của chủ nghĩa phát xít Đức hòng tiêu diệt Liên Xô, là việc tiến hành Chiến tranh lạnh nhằm làm suy yếu, tiến tới làm sụp đổ Liên Xô.

Đó là cuộc chiến tranh của các thế lực đế quốc chống nhân dân Triều Tiên, là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Hiện nay, các thế lực đế quốc đang ra sức lợi dụng sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu để đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại.

Ngày nay, giữa một số nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản phát triển đã thiết lập quan hệ chính thức về mặt nhà nước, có quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh về nhiều mặt. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày nay biểu hiện chủ yếu bằng những thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc của những thế lực tư sản, và đối lập với các thế lực đó là những chiến lược, sách lược của những đảng cộng sản cầm quyền, của nhà nước và nhân dân ở các nước đang tự giác đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy hình thức biểu hiện có khác trước, nhưng đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn là cuộc đấu tranh rất quyết liệt.

- *Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động (như chủ nghĩa Mác-Lênin đã từng phân tích một cách khoa học).*

Đây cũng là mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay, mâu thuẫn giữa hai giai cấp cơ bản trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này phản ánh bản chất bóc lột lao động làm thuê của giai cấp tư sản. Chừng nào chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì mâu thuẫn đó vẫn không thay đổi.

Trong thời đại hiện nay, nhờ vận dụng được thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, chủ nghĩa tư bản đã nhanh chóng điều chỉnh quản lý sản xuất, quản lý kinh tế và quản lý nhà nước để làm dịu

những xung đột xã hội, những đối kháng giai cấp giữa tư sản và công nhân. Mặt khác, những sự điều chỉnh này của giai cấp tư sản là do sức ép từ đối thủ của nó là Liên Xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa trong suốt mấy chục năm; từ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của hàng trăm nước đã làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; từ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và lao động trong các nước tư bản vì dân sinh, dân chủ. Những sức ép đó đã đe dọa trực tiếp chế độ tư bản chủ nghĩa, buộc các thế lực tư sản thống trị phải có những điều chỉnh để tránh những sự bùng nổ do xung đột xã hội tạo ra nhằm kéo dài sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

Song sự điều chỉnh đó không hề làm giảm đi sự phân cực xã hội giữa giai cấp tư sản giàu có và các tầng lớp lao động nghèo khổ trong xã hội.

Các lý luận gia tư sản không ngớt tuyên truyền cho hiện tượng hữu sản hoá những người vô sản, và "trung lưu hoá" xã hội. Đó chỉ là một phần nhỏ "sự thật" đã bị thổi phồng quá đáng. Tiêu biểu nhất cho điều đó là ở Mỹ, chỉ có 10% công nhân có cổ phần, và bản thân họ cũng vẫn chỉ là lao động làm thuê mà thôi. Trên thực tế, không phải người công nhân bình thường nào cũng có thể mua được cổ phần. Tỷ lệ công nhân có cổ phần rất ít và như vậy không làm thay đổi gì chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa,

không làm thay đổi tình cảnh lao động làm thuê, dù là công nhân hay trí thức cũng vậy. Công nhân và lao động tại các nước tư bản vẫn thường xuyên bị đe dọa bởi tệ nạn xã hội ngày một gia tăng và cùng đi liền với nó là tệ phân biệt chủng tộc, sự suy đồi của đạo đức, lối sống.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác vẫn tiếp tục phát triển, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động vẫn là mâu thuẫn cơ bản của thời đại.

- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc.

Vào những năm 50, 60 của thế kỷ đã có hàng trăm nước thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập dân tộc, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ. Tuy nhiên, đó mới chỉ là độc lập về chính trị. Do kinh tế và văn hoá còn thấp kém và lạc hậu, chậm phát triển nên các quốc gia này vẫn còn lệ thuộc vào các nước tư bản.

Chủ nghĩa đế quốc lại áp dụng chính sách thực dân mới làm cho các nước mới giành được độc lập rơi vào tình trạng lệ thuộc về kinh tế, dần dần lệ thuộc về chính trị.

Do bị bòn rút siêu lợi nhuận bởi chủ nghĩa tư bản nên chỉ trong vòng mấy thập niên, các nước chậm phát triển đã rơi vào tình cảnh nợ nần chồng chất tới hàng nghìn tỷ đôla, không có khả năng trả nợ, ngày

càng lệ thuộc nhiều hơn vào chủ nghĩa tư bản quốc tế về kinh tế và chính trị.

Mâu thuẫn này biểu hiện bằng sự cách biệt giữa nước giàu với nước nghèo. Chủ nghĩa tư bản còn ra sức bòn rút chất xám ở các nước lạc hậu, đẩy các nước đó tới chỗ kiệt quệ, biến các nước đó thành những bãi thải không chỉ công nghệ lạc hậu mà còn cả các đồ phế thải của công nghiệp làm ô nhiễm môi sinh, cả những rác rưởi, cặn bã suy đồi về tinh thần, đạo đức để phá huỷ đến tận gốc đời sống và con người ở đó.

Do đó, các nước này đang phải tiến hành một cuộc đấu tranh phức tạp để chống can thiệp và xâm lược, chống lại cả sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, khắc phục những xung đột dân tộc và sắc tộc đẫm máu.

Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với các thế lực đế quốc đã chuyển thành mâu thuẫn giữa các nước chậm phát triển với những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao.

Đó vẫn là một mâu thuẫn cơ bản mà thời đại phải giải quyết.

- *Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau.*

Quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau là quan hệ liên minh giữa các thế lực, tập đoàn tư bản để cùng tìm kiếm và giành giật nhau về lợi ích.

Chúng liên minh trong cạnh tranh và thôn tính lẫn nhau. Song, chúng cũng lại thống nhất với nhau trong mục đích chống phá chủ nghĩa xã hội và phong trào *cách mạng thế giới*.

Mâu thuẫn này diễn ra thường xuyên, lúc gay gắt, lúc thầm kín. Mỹ là trung tâm phát triển cao nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, ra sức mưu toan khống chế các nước tư bản khác và làm bá chủ thế giới. Các trung tâm khác như Tây Âu (chủ yếu là Cộng hoà liên bang Đức) và Nhật Bản cũng ra sức trở thành siêu cường kinh tế; vừa là đồng minh vừa là đối thủ của Mỹ.

Ngoài ra, giữa các tập đoàn tư bản khác nhau trong từng nước cũng có những mâu thuẫn gay gắt trong việc giành giật ưu thế về quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị.

Thế giới ngày nay còn tồn tại rất nhiều mâu thuẫn khác nữa trên phạm vi toàn cầu hay trong từng khu vực như bùng nổ dân số, môi trường sinh thái bị huỷ hoại, sự lan tràn các căn bệnh thế kỷ, xung đột dân tộc và tôn giáo, tình trạng mất an ninh, nguy cơ chiến tranh... Đó là những hiểm họa của cả loài người.

Tóm lại, những mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay vẫn tồn tại và tiếp tục phát triển sâu sắc hơn, tuy mức độ và hình thức biểu hiện có những nét mới so với trước đây. Những mâu thuẫn cơ bản đó nói lên đặc điểm của thời đại, là biểu hiện trực tiếp nội

dung của thời đại, phản ánh tính chất phức tạp, quanh co của sự vận động lịch sử trên con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội.

3. Xu thế phát triển của thế giới trong giai đoạn hiện nay

Những đặc điểm của thế giới hiện nay.

Trong giai đoạn hiện nay, "tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường"[1].

Có thể hình dung *những đặc điểm nổi bật* của tình hình thế giới hiện nay là:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại: loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn; nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang,

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.76.

hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển. Nhưng do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, v.v. thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty đa quốc gia, cho nên các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn. Chênh lệch giàu nghèo giữa các nước ngày càng mở rộng. Cuộc cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ diễn ra gay gắt.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...) không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định[1].

Tóm lại, thế giới hiện nay đang tồn tại đan xen và tác động lẫn nhau giữa các nhân tố ổn định và mất ổn

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd,* tr.76-77.

định, phát triển và suy thoái, hoà bình và chiến tranh, thống nhất và phân chia, hợp tác và cạnh tranh. Tình hình đó tác động tới các quan hệ quốc tế cho phép nhận ra những xu thế phát triển của thế giới hiện nay.

Những xu thế chủ yếu:

- Hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- "Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.77.

"Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của các nước"[1].

Những đòi hỏi cấp bách của cuộc đấu tranh thực hiện các mục tiêu của thời đại trong giai đoạn hiện nay.

Thế giới hiện nay đang đồng thời tồn tại những thời cơ và nguy cơ, những vận hội mới để phát triển cũng như những thách thức trong phát triển.

Muốn đón kịp thời cơ và vượt qua những nguy cơ, thách thức, các Đảng Cộng sản, các lực lượng và phong trào cách mạng phải tự đổi mới, tạo ra những phát triển vượt bậc về tư tưởng, lý luận, về trình độ lãnh đạo, tổ chức, về kinh nghiệm và bản lĩnh chính trị để đủ sức lãnh đạo giai cấp, dân tộc và xã hội kiên định sự lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, đủ sức tập hợp lực lượng trong các phong trào thực tiễn đấu tranh cho các mục tiêu của thời đại.

Khúc quanh của lịch sử có thể làm cho sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản tới chủ nghĩa xã hội bị kéo dài thêm *nhưng tiến tới chủ nghĩa xã hội là xu thế không thể đảo ngược.*

Vấn đề tuỳ thuộc ở việc các Đảng Cộng sản và công nhân cách mạng có giữ vững và phát huy được

---

1. *Sđd*, tr.78.

vai trò lãnh đạo của mình hay không trong cuộc đấu tranh cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.

Đứng ở trung tâm của thời đại, giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản phải chịu trách nhiệm trước dân tộc mình và tất cả loài người để không ngừng củng cố và mở rộng lực lượng cách mạng, đoàn kết và hợp tác với các lực lượng tiến bộ, có đường lối chiến lược, sách lược sáng tạo và linh hoạt để giành lấy thắng lợi từng bước tạo tiền đề cho sự phục hồi, phát triển của chủ nghĩa xã hội ở từng nước cũng như trên thế giới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định rõ: "Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật... Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan... chứa đựng nhiều mâu thuẫn... Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu... Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có... Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo

quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội...

Cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới...

... Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn*"[1]. Có tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua những thách thức được hay không, chủ yếu phụ thuộc vào *trí tuệ, sức lực, bản lĩnh*... của Đảng ta và dân tộc ta.

Đại hội X của Đảng chỉ rõ: "Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn... nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển... Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn... Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt"[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.64-66.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.73-74.

CHƯƠNG VIII

NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội lấy việc giải phóng lực lượng sản xuất, trong đó, nhân tố quan trọng nhất là giải phóng người lao động khỏi mọi sự tha hoá, bất công làm mục tiêu cơ bản của mình. Muốn vậy, trong giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng đó, giai cấp vô sản phải trở thành giai cấp thống trị, phải "giành lấy dân chủ"[1]. Chỉ bằng việc thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa, sử dụng nhà nước ấy như một công cụ đắc lực để phát triển toàn diện xã hội mới, phát triển triệt để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản mới hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

I. BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

V.I. Lênin có một luận điểm có ý nghĩa phương pháp luận khoa học rằng, trên phạm vi quốc tế, lịch

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.626.

sử của học thuyết về chuyên chính cách mạng nói chung và về chuyên chính vô sản nói riêng trùng với lịch sử của chủ nghĩa xã hội cách mạng và đặc biệt trùng với lịch sử của chủ nghĩa Mác. Hơn nữa, và đây hiển nhiên là điểm quan trọng nhất - lịch sử tất cả các cuộc cách mạng của giai cấp bị áp bức và bị bóc lột chống lại những kẻ bóc lột là tài liệu và nguồn nhận thức chủ yếu nhất của chúng ta về vấn đề chuyên chính. Luận điểm trên đây của V.I. Lênin có tầm quan trọng đặc biệt về phương pháp luận ở chỗ:

- Nó khẳng định rằng, tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin về chuyên chính vô sản đã ra đời từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác. Tư tưởng đó cũng có sự chín muồi dần dần.

- Sự phát triển của quan niệm về chuyên chính vô sản có mối liên hệ nội tại với diễn biến của phong trào công nhân, của các cuộc cách mạng nhằm chống lại các giai cấp bóc lột.

Do vậy, khi xem xét những luận điểm liên quan đến học thuyết về chuyên chính vô sản không thể tách rời với thực tiễn cách mạng đương thời, với hoàn cảnh cách mạng cụ thể, với những nhu cầu chính trị bức xúc tương ứng.

Vai trò lịch sử của chuyên chính vô sản, quyền lực chính trị của giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất của vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề vai trò lịch sử của giai cấp đó với

tư cách là người cải tạo xã hội theo những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản. Bởi vì, không thiết lập được chính quyền của mình, giai cấp công nhân không thể bảo đảm được việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản nhằm đạt mục tiêu giải phóng triệt để con người. Điều đó giải thích vì sao ngay từ năm 1845, trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho rằng, giai cấp công nhân muốn biến lợi ích của mình - xóa bỏ tình trạng người bóc lột người và mọi sự tha hoá con người nói chung do chế độ chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất sinh ra - thành cái phổ biến thì trước hết nó phải "chiếm lấy chính quyền". Tiếp tục tư tưởng đó, năm 1847, trong tác phẩm *Sự phê phán có tính dạy đạo đức và đạo đức có tính phê phán*, C. Mác lý giải rằng, giai cấp tư sản luôn sử dụng quyền lực nhà nước như là công cụ chủ yếu để bảo vệ những quan hệ sở hữu tư sản. Do vậy, để xoá bỏ tư hữu, những người vô sản phải lật đổ Nhà nước đó, tự họ phải trở thành người nắm chính quyền, phải thiết lập "chính quyền cách mạng". Đó cũng là lý do để năm 1848, trong tác phẩm: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen xem giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng *công nhân* là "giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị", là giai đoạn "giành lấy dân chủ". Thuật ngữ "chuyên chính vô sản" chính thức ra đời năm 1850.

Phát triển, cụ thể hoá hơn nữa quan điểm của

C. Mác và Ph. Ăngghen khi tiếp cận với phạm trù chuyên chính vô sản từ những góc độ khác nhau, V.I. Lênin đã nêu ra nhiều định nghĩa về nó. "Chuyên chính vô sản là nhà nước không còn theo nghĩa đen của từ đó", "chuyên chính vô sản là chính quyền của độc một giai cấp, giai cấp vô sản". "Chuyên chính vô sản là tiếp tục đấu tranh giai cấp, trong điều kiện mới". "Chuyên chính vô sản... không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó chính là việc giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là thực chất của vấn đề. Đấy là nguồn sức mạnh, là điều bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản"[1]...

Nếu xem xét các định nghĩa theo nội dung chung nhất, thông dụng nhất của nó thì rõ ràng rằng, trong quan điểm của V.I. Lênin, *chuyên chính vô sản là sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản.*

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.39, tr.15-16.

1. Chuyên chính vô sản là chuyên chính của một giai cấp - giai cấp vô sản

Chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân. Phát triển hơn nữa tư tưởng đó, khi nêu lên bản chất của nhà nước chuyên chính vô sản, V.I. Lênin viết: "Chuyên chính vô sản, nếu chúng ta diễn đạt thành ngữ latinh có tính chất khoa học, lịch sử triết học đó, bằng cách nói đơn giản hơn có nghĩa là:

Chỉ có một giai cấp nhất định - chính là công nhân thành thị và nói chung công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp - mới có khả năng lãnh đạo được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách tư bản... và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa"[1].

Lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản đối với sự phát triển xã hội là công việc khó khăn, phức tạp nhất trong hoạt động xã hội - chính trị. Để đảm đương một cách thực tế, trực tiếp trọng trách đó, chức năng lãnh đạo của giai cấp vô sản được trao cho

---

1. Định nghĩa này thống nhất với quan niệm về chuyên chính vô sản trong *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* được viết dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xuất bản năm 1999, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.542, vừa có sự bổ sung theo góp ý lần cuối của Chủ tịch Hội đồng. (TG).

những người, nhờ tầm cao về trí tuệ, nhờ năng lực tổ chức và tập hợp quần chúng... mà họ có thể giải quyết hữu hiệu những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Bởi vậy, trong khi khẳng định chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản, V.I. Lênin cũng nhiều lần nhấn mạnh rằng, sự lãnh đạo đó được thực hiện thông qua Đảng Cộng sản - lực lượng đứng ở tầm cao về trí tuệ, có năng lực tổ chức; và cùng với cái đó, Đảng cũng đứng ở tầm cao đạo đức để quần chúng noi theo. Đó là lý do V.I. Lênin đòi hỏi Đảng Cộng sản phải thực sự là lực lượng đại biểu cho danh dự, lương tâm và trí tuệ của thời đại.

2. Phương thức xác lập chuyên chính vô sản với tư cách là một hình thức nhà nước kiểu mới

Nghiên cứu di sản kinh điển về chuyên chính vô sản còn có vấn đề cần làm rõ là trong quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen chuyên chính vô sản là một hình thức nhà nước hay là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội, một nền dân chủ? Trong cuốn *Phê phán Cương lĩnh Gôta* (1875) đã chứa đựng lời giải đáp cho câu hỏi đó. C. Mác viết: "Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*"[1]. Nói cách khác, chuyên chính vô sản trước hết là một kiểu nhà nước.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.19, tr.47.

Nhưng nhà nước đó sẽ giành được bằng cách nào? Là những nhà khoa học nghiêm túc, C. Mác cũng như Ph. Ăngghen không đưa ra lời giải đáp từ những sự suy lý trừu tượng, mà phải chờ những diễn tiến cụ thể của thực tiễn cách mạng, trực tiếp là thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp, các ông mới thấy rằng *bạo lực* "là bà đỡ cho mọi xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan những hình thức chính trị hoá đá và chết cứng"[1].

Tiếp tục tư tưởng nêu trên, khi phân tích đặc điểm nhà nước tư sản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của nó, V.I. Lênin cũng khẳng định rằng: nhà nước tư sản nhất định thay thế bởi nhà nước vô sản, nhưng không thể bằng con đường nhà nước tư sản "tự tiêu vong", mà chỉ có thể thông qua "một cuộc cách mạng bạo lực". Như vậy, bạo lực cách mạng không phải là nguyên nhân sản sinh ra xã hội mới mà là phương tiện, là công cụ để thiết lập chính quyền cách mạng. Do đó, cả C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đều không phủ nhận khả năng tiến lên giành chính quyền bằng con đường hoà bình. Đó là sự phân tích của Mác và Ăngghen về con đường giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình ở Anh vào những năm 70 thế kỷ XIX, còn V.I. Lênin đề cập tới con đường hoà bình để chuyển toàn bộ chính quyền về tay Xôviết vào một số tháng của

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.20, tr.259.

năm 1917, lúc mà hai chính quyền song song tồn tại: Chính phủ tư sản lâm thời Kérensky và Xôviết đại biểu công nhân, binh sĩ xuất hiện từ sau cuộc Cách mạng tháng 2 năm 1917.

Nếu đương thời, khi nói đến bạo lực cách mạng, C. Mác và Ph. Ăngghen đều hướng sự chú ý tới hình thức đấu tranh vũ trang, thì đến V.I. Lênin, bạo lực cách mạng còn là sự kết hợp chặt chẽ giữa bạo lực vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng. Tổng kết kinh nghiệm cách mạng Nga năm 1905, V.I. Lênin cho rằng, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, cuộc đấu tranh cách mạng đã phát triển đến độ có được sức mạnh khiến cho khởi nghĩa vũ trang kết hợp với phong trào có tính quần chúng - cái vũ khí riêng có của giai cấp vô sản. Người coi "sự kết hợp đó là đặc điểm của toàn bộ thời kỳ giông tố cách mạng".

3. Các hình thức chuyên chính vô sản

Qua thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, C. Mác xem Công xã là một hình thức của chuyên chính vô sản. Trong Nhà nước đó, bản thân quần chúng nhân dân là chủ thể của quyền lực: Công xã là hình thức chính trị của sự giải phóng xã hội mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã tạo ra. Sau này V.I. Lênin khẳng định lại tư tưởng nêu trên của C. Mác. Ông xem Công xã Pari là một kiểu mẫu của Nhà nước vô

sản, đó là hình thức chính trị "rốt cuộc đã được tìm ra"[1].

Tổng kết Công xã Pari, C. Mác đã nêu lên những đặc trưng cơ bản trong hình thức đầu tiên của chuyên chính vô sản. Ông cho rằng, Nhà nước Công xã là chính quyền trực tiếp của công nhân: nó là hình thức nhà nước cho phép giải phóng người lao động về kinh tế; nó không còn là công cụ áp bức đa số nhân dân...

Trong sự đối lập với nhà nước tư sản - nơi củng cố và bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của thiểu số có chức, có quyền - C. Mác đã cổ vũ tinh thần dân chủ của Nhà nước Công xã, C. Mác đã tỏ ra có thiện cảm đặc biệt với chủ trương trả lương cho những người nắm cơ quan quyền lực của nhà nước bằng mức lương trung bình của công nhân. C. Mác cũng không tỏ thái độ phản đối mạnh mẽ những cuộc tấn công trực diện của Nhà nước Công xã vào nền kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, khi nó thực hiện quốc hữu hoá nhà băng, ngân hàng, các công xưởng lớn của tư bản.

Thái độ như thế là dễ hiểu. Bởi vì, Công xã Pari mới chỉ là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên. Những người khởi xướng cuộc cách mạng đó đang sống trong bầu không khí sục sôi cách mạng với quyết tâm đoạn tuyệt với trật tự tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, với sự nhạy cảm chính trị của mình, không phải C. Mác hoàn toàn tán thành với những biện pháp mà

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, t.31, tr.301; t.33, tr.69.

những người làm nên Công xã đang thực hiện. Nhưng khi cuộc đấu tranh đang xốc tới, thì không nên dội vào đó gáo nước lạnh. Cần tiếp tục cổ vũ nó để rồi dần dần lái cuộc đấu tranh vào xu hướng ngày càng đúng đắn hơn. Mặt khác, cũng phải nghiêm túc thừa nhận rằng, thực tiễn đấu tranh của giai cấp vô sản chưa cung cấp cho C. Mác những cứ liệu cần thiết cho phép ông có một quan niệm đầy đủ, đúng đắn, khoa học hơn về hình thức tổ chức cũng như phương thức hoạt động, những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của nhà nước vô sản. Trong điều kiện đó, đòi hỏi C. Mác phải giải quyết triệt để một số vấn đề chính trị phức tạp và trọng đại như vậy chỉ bằng những suy lý trừu tượng và với một số kinh nghiệm còn quá ít ỏi trong một số ngày cầm quyền của Công xã Pari, của giai cấp vô sản là ảo tưởng.

Hình thức thứ hai của chuyên chính vô sản là *Nhà nước Xôviết*. Về điều đó chính V.I. Lênin đã viết: "... khi thiết lập Chính quyền xôviết chúng ta đã tìm ra được *hình thức quốc tế có tính chất toàn thế giới, của chuyên chính vô sản*"[1]. Người cho rằng, Chính quyền xôviết là một nhà nước kiểu mới. Trong nhà nước đó, "không có bộ máy quan liêu, không có cảnh sát, không có quân đội thường trực"[2]. Ông xem nền

1. V.I. Lênin, *Sđd,* 1977, t.38, tr.156.
2. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.36, tr.65.

Cộng hoà Xôviết là hình thức duy nhất có khả năng chuyển một cách dễ dàng nhất từ chế độ tư bản lên chế độ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, trong nhà nước đó, sẽ hình thành nền dân chủ cao hơn nền cộng hoà đại nghị tư bản hoàn bị nhất, nhờ đó sẽ phát huy được cao độ sức mạnh của nhân dân. Nhân dân sẽ trở thành những người lập pháp và hành pháp, là người có khả năng và có quyền tạo lập ra bộ máy để đáp ứng những nhu cầu thiết thân của mình.

Từ thực tiễn tồn tại của Nhà nước Xôviết với những thành công và khiếm khuyết của nó, V.I. Lênin đã thấy rõ để có một nhà nước vô sản với đầy đủ những ưu việt như nêu trên cần phải có một quá trình lâu dài. Đương thời, Người đã thấy rõ Chính quyền xôviết còn có nhiều thiếu sót trong tổ chức và vận hành, do vậy, không phải mọi vấn đề mà nó phải giải quyết đều mang lại kết quả đáng mong đợi. Từ đó, V.I. Lênin cho rằng Chính quyền Xôviết không phải là một liều thuốc linh ứng có thể ngay lập tức chữa khỏi được mọi tệ hại do quá khứ để lại[1]. Vào những năm cuối đời, V.I. Lênin đã viết: "Bộ máy ấy ... vẫn là điển hình thật sự của bộ máy Nhà nước cũ ở ta"[2].

Trong khi không phủ nhận di hại nặng nề của quá khứ, kinh nghiệm cũng cho thấy rằng, tình trạng

1. Xem V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.38, tr.257.

2. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.453.

quan liêu và tính kém hiệu quả của nhà nước vô sản còn do chúng ta chưa hình thành một cơ cấu tổ chức, một phương thức hoạt động của nhà nước cho phép đào thải dễ dàng những phần tử tiêu cực, những phong cách lãnh đạo và quản lý xa lạ với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Công xã là hình thức thứ nhất. Xôviết là hình thức thứ hai của chuyên chính vô sản. Nhưng chắc chắn đó không phải là tất cả. Cuộc sống sẽ sáng tạo ra nhiều hình thức mới. Chẳng hạn, "Chế độ dân chủ nhân dân" cũng là hình thức của chuyên chính vô sản. Do vậy, trong khi thừa nhận sự cần thiết mọi nước muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải thiết lập chuyên chính vô sản, V.I. Lênin cũng đồng thời chỉ ra rằng: "Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, cố nhiên không thể không đem lại rất nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng thực chất của những hình thức ấy tất nhiên sẽ chỉ là một, tức là: *chuyên chính vô sản*"[1].

4. Chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa - nhà nước chuyên chính vô sản

Chức năng giai cấp của nhà nước vô sản được thực hiện cả bằng việc thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức, xây dựng toàn diện xã hội mới, cả bằng việc sử

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1976, t.33, tr.44.

dụng những công cụ bạo lực đã có trong tay để đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp chống lại công cuộc tổ chức, xây dựng đó. Khi đề cập tới sự cần thiết phải sử dụng phương thức thứ hai vừa nêu, C. Mác cho rằng sở dĩ giai cấp vô sản cần sử dụng công cụ bạo lực để bảo vệ thành quả cách mạng của mình vì chính giai cấp tư sản không cần đắn đo trong việc sử dụng những biện pháp cứng rắn nhất nhằm khôi phục lại trật tự tư bản chủ nghĩa của chúng. Tiếp tục phát triển lý luận về chuyên chính vô sản trong thời kỳ trực tiếp lãnh đạo quá trình xây dựng xã hội mới trong điều kiện có sự chống đối mạnh mẽ tới mức nội chiến do lực lượng phản cách mạng gây ra, V.I. Lênin đã nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện cưỡng bức như là lý do tồn tại của nhà nước nhằm chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

V.I. Lênin nhấn mạnh bạo lực của chuyên chính vô sản là vì, cách mạng Nga nổ ra và tồn tại trong hoàn cảnh có sự chống đối dữ dội của bọn bóc lột; thêm vào đó, 14 nước đế quốc cấu kết với nhau hòng bóp chết Chính quyền xôviết non trẻ.

Trước sự tấn công của kẻ thù, V.I. Lênin đương nhiên phải gắn chuyên chính vô sản với tình thế một cuộc đấu tranh; hơn nữa, đó lại là một cuộc đấu tranh ác liệt, lâu dài và dai dẳng hơn nhiều so với bất kỳ một cuộc đấu tranh nào trước đây[1]. Việc chú ý tới bối

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.44, tr.261.

cảnh lịch sử như vậy cho phép chúng ta khẳng định rằng, đặc điểm đó của chuyên chính vô sản do V.I. Lênin nêu ra không phải là phổ biến.

Cố tình bỏ qua tính đặc thù của hoàn cảnh khái quát lý luận về chuyên chính vô sản ở V.I. Lênin, những kẻ cơ hội hữu khuynh và "tả" khuynh đã ra sức đầu cơ luận điểm này hay luận điểm khác của V.I. Lênin, khi Người nhấn mạnh mặt bạo lực của chuyên chính vô sản. Những người "tả" khuynh tuyệt đối hoá định nghĩa này hay định nghĩa khác của V.I. Lênin về chuyên chính vô sản mà ở đó, tuy nêu những khía cạnh cực kỳ quan trọng của chuyên chính vô sản, nhưng tuyệt nhiên không phải là nét phổ biến để rồi đối lập với luận điểm của người cộng sản về khả năng không diễn ra những hình thức bạo lực mạnh mẽ trong quá trình thiết lập và củng cố xã hội mới. Họ cho rằng quan điểm lêninnít chân chính đòi hỏi phải phủ nhận bất kỳ khả năng nào trong việc thiết lập và củng cố chính quyền của giai cấp công nhân bằng con đường hòa bình, không có nội chiến và đổ máu. Những kẻ cơ hội hữu khuynh lại nhấn mạnh tính không xác đáng của bạo lực trong điều kiện chuyên chính vô sản, để rồi đi tới phủ nhận học thuyết chuyên chính vô sản nói chung.

Những kẻ phủ nhận lý luận chuyên chính vô sản còn gắn một số sai lầm của nhà nước vô sản (tệ sùng bái cá nhân, những hoạt động vi phạm pháp chế xã

hội chủ nghĩa...) với luận điểm của V.I. Lênin nói rằng, chuyên chính vô sản là thứ chính quyền không bị một pháp luật nào ràng buộc cả: họ cố tình tách luận điểm đó ra khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước Nga những năm 1917-1918, khi nhiệm vụ chính trị trọng đại đặt ra trước những người cách mạng Nga là thiết lập và củng cố chuyên chính vô sản. Hơn nữa, chúng còn lờ lảng không nói rõ vấn đề ở đây là luật pháp của giai cấp nào. Đó lại là thực chất của vấn đề.

Khi V.I. Lênin viết rằng, chuyên chính vô sản, chính quyền không bị bất kỳ một luật pháp nào hạn chế cả, thì ở đây, Người có ý nói đến những đạo luật hoàn toàn xác định, được ban hành để bảo vệ sự thống trị của tư sản, duy trì chế độ tư hữu và tình trạng người bóc lột người, chuyên chính vô sản không thể bị ràng buộc bởi loại pháp luật như vậy. Nhà nước vô sản nảy sinh trong quá trình đập tan chính luật pháp đó; nó dựa trên luật pháp và những tiêu chuẩn mới của giai cấp vô sản.

Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi chính sách, do đó, nó cũng là cái vốn có của nhà nước vô sản. Song, cả C. Mác - Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đều xem *tổ chức, xây dựng* mang tính sáng tạo nhằm cải biến trật tự chủ nghĩa tư bản và hình thành trật tự chủ nghĩa cộng sản là *cái căn bản hơn* trong chức năng của chuyên chính vô sản. Đặt mối tương quan với

chức năng tổ chức - xây dựng, thì chức năng trấn áp chỉ là việc "quét sạch các đống rác rưởi trước khi xây dựng" mà chưa phải là bản thân việc xây dựng[1]. Trước đó rất lâu, ngay từ năm 1847, Ph. Ăngghen đã nêu ra 12 nhiệm vụ mà giai cấp công nhân phải thực hiện sau khi giành được chính quyền, thì tất cả các nhiệm vụ đó đều trực tiếp liên quan tới tổ chức, xây dựng xã hội mới. Sau đó một năm, khi xác định những nấc thang, những giai đoạn của cuộc cách mạng công nhân nhằm đi tới giải phóng và phát triển toàn diện con người, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng xem việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực nhà nước mới chỉ là giai đoạn đầu tiên. Sau đó phải sử dụng quyền lực nhà nước "để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất"[2].

Đương thời C. Mác và Ph. Ăngghen, tuy có cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nổ ra (Công xã Pari) nhưng thời gian tồn tại quá ngắn ngủi. Trước sự phản kích điên cuồng của kẻ thù, toàn bộ sức lực của công xã phải tập trung vào việc bảo vệ chính quyền. Một số biện pháp kinh tế mà nó thực hiện trước hết cũng chỉ nhằm làm suy yếu kẻ thù. Việc xây dựng xã hội mới chưa được bắt đầu thì Công xã đã chấm dứt tồn tại. Trước và sau sự kiện chính trị nêu trên cho

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.39, tr.27.

2. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1998, t.38, tr.118-124.

đến tận cuối đời mình, toàn bộ sự tập trung chú ý của hai ông đều hướng vào vấn đề làm sao để giai cấp công nhân giành được chính quyền. Trong bối cảnh đó, các ông chưa có điều kiện suy ngẫm nhiều về mặt tổ chức, xây dựng của chuyên chính vô sản.

Lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga làm cách mạng, sau khi thiết lập chuyên chính vô sản, V.I. Lênin đã trực tiếp giải quyết, xây dựng xã hội mới. Đó là thời kỳ chủ nghĩa cộng sản không còn chỉ là cương lĩnh hay học thuyết, mà đã trở thành công việc xây dựng hằng ngày. Bởi vậy, V.I. Lênin đã có sự phát triển mới về mặt lý luận liên quan tới *chức năng tổ chức và xây dựng* của chuyên chính vô sản. Ông xem việc tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới là nhiệm vụ bức bách, quan trọng hơn là đập tan sự phản kháng của tư sản.

Không dừng lại ở việc khẳng định nhiệm vụ hàng đầu là tổ chức, xây dựng so với nhiệm vụ trấn áp, V.I. Lênin còn làm rõ nội dung, biện pháp của nhiệm vụ đó trên nhiều bình diện khác nhau.

Trong lĩnh vực kinh tế: để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, nhà nước vô sản phải hoàn thành việc tước đoạt giai cấp tư sản; phát triển mạnh các lực lượng sản xuất, củng cố kỷ luật lao động mới; nâng cao

năng suất lao động được xem là nhiệm vụ cơ bản;...[1].

Trong lĩnh vực xã hội: phải tạo ra quan hệ xã hội mới, tạo ra những tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật với sự tập hợp đông đảo những người lao động; cải tạo dần tầng lớp tiểu sản xuất hàng hoá thông qua một công tác tổ chức lâu dài.

Đề cập chức năng tổ chức xây dựng của Nhà nước chuyên chính vô sản, V.I. Lênin dành sự chú ý đặc biệt cho nhiệm vụ quản lý. Sau khi giành được chính quyền, theo V.I. Lênin, *vũ khí duy nhất* mà nhờ đó giai cấp vô sản có thể chiến thắng giai cấp tư sản là quản lý. Trong nhiệm vụ quản lý toàn diện đời sống xã hội, V.I. Lênin xem quản lý nhà nước trong thời kỳ chuyên chính vô sản thực chất là quản lý kinh tế. Nhìn nhận nhiệm vụ này từ góc độ đấu tranh giai cấp, góc độ chính trị, V.I. Lênin quan niệm: nhiệm vụ căn bản của mọi xã hội quá độ chuyển sang chế độ xã hội chủ nghĩa là ở chỗ giai cấp vô sản thống trị... phải chiến thắng giai cấp tư sản... tức là chúng ta phải đạt được chiến thắng đó trong lĩnh vực tổ chức kinh tế quốc dân, tổ chức sản xuất, trong lĩnh vực kiểm kê và kiểm soát có tính chất toàn dân.

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.38, tr. 118-124.

5. Chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản

Nhiệm vụ của cách mạng vô sản là sau khi giành được chính quyền, phải biết sử dụng có hiệu quả quyền lực nhà nước đó để xây dựng thiết chế kinh tế, chính trị - xã hội mới, ở đó, nhân dân, trước hết là nhân dân lao động từng bước trở thành người chủ của xã hội: là chủ thể tối cao và duy nhất của mọi quyền lực. Tư tưởng đó của C. Mác và Ph. Ăngghen nói lên bản chất dân chủ của xã hội mới mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động đang hướng tới.

Vấn đề nêu trên được đặt ra trong điều kiện phải đấu tranh trực tiếp với những quan điểm tư sản về dân chủ và sự tuyệt đối hoá những giá trị dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản đương thời. Do vậy, C. Mác và Ph. Ăngghen trước hết biểu lộ thái độ phủ định của mình đối với dân chủ tư sản. C. Mác và Ph. Ăngghen vạch trần bản chất giả dối của dân chủ tư sản. Trong tác phẩm *Những thắng lợi của phong trào cải cách xã hội trên lục địa* (1843), Ph. Ăngghen viết về chế độ dân chủ tư sản như sau: "chế độ dân chủ, giống như bất kỳ chính thể nào khác, rốt cuộc cũng là sự mâu thuẫn ở ngay trong bản thân, cũng là sự dối trá, chẳng qua cũng chỉ là sự giả dối... Tự do chính trị là tự do giả, là chế độ nô lệ tồi nhất; nó chỉ là cái vẻ bề ngoài của tự do, và vì thế, trên thực tế, nó là chế độ nô lệ. Bình đẳng chính trị cũng như vậy; vì thế chế độ dân chủ (tức là dân chủ trong chủ nghĩa tư bản -

Người trích) giống như bất kỳ mọi hình thức quản lý nào khác, cuối cùng phải tan rã: sự giả dối không thể tồn tại lâu dài, mâu thuẫn che đậy ở trong nó tất yếu sẽ phải bộc lộ ra; hoặc là chế độ nô lệ thực sự, tức là chế độ chuyên chế không che đậy, hoặc là tự do thực sự và bình đẳng thực sự, tức là chủ nghĩa cộng sản"[1].

Nghiên cứu tư tưởng trên đây của Ph. Ăngghen, chúng ta cần lưu ý rằng: *một là*, chế độ dân chủ mà ông viết ở đây là chế độ dân chủ tư sản; *hai là*, dân chủ tư sản chỉ là giả dối, là bức màn che của bản chất nô lệ trong đó; *ba là*, do vậy, trong nền dân chủ có chứa đầy mâu thuẫn mà sự vận động nội tại của những mâu thuẫn ấy nhất định sẽ dẫn chế độ dân chủ tư sản đến chỗ tiêu vong; *bốn là*, tự do, bình đẳng thực sự chỉ có khi đạt được chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy, việc phân tích tính chất tạm thời, tính chất nhất định sẽ bị vượt qua của dân chủ tư sản đã đưa Ph. Ăngghen đến tư tưởng về tính tất yếu của cuộc cách mạng cộng sản như là bước mà xã hội loài người nhất định trải qua để dẫn tới một xã hội dân chủ chân chính.

Tiếp tục phát triển tư tưởng nêu trên, năm 1847 trong tác phẩm *Những người cộng sản và Các Hainơxten*, Ph. Ăngghen nhận định: Hậu quả tất yếu của nền dân chủ ở tất cả nước văn minh là quyền thống trị

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.1, tr.723.

chính trị của giai cấp vô sản, mà quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản là tiền đề đầu tiên của tất cả mọi biện pháp cộng sản chủ nghĩa.

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về dân chủ, V.I. Lênin đã làm sáng tỏ con đường biện chứng của quá trình phát triển dân chủ là: "Từ chuyên chế đến dân chủ tư sản; từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản; từ dân chủ vô sản đến không còn dân chủ nữa"[1].

Tư tưởng của V.I. Lênin về sự tiêu vong của nền dân chủ được nảy sinh, khi tiếp cận với dân chủ từ phương diện là một hình thức nhà nước. Bởi vậy, tất nhiên dân chủ ra đời và tồn tại cùng với sự ra đời và tồn tại của nhà nước, nó tiêu vong cùng với sự tiêu vong của nhà nước. Điều đó chúng ta thấy rõ trong luận điểm sau đây của V.I. Lênin: "Đương nhiên, chế độ dân chủ cũng là một hình thức nhà nước và sẽ phải mất đi khi nhà nước tiêu vong, nhưng điều đó chỉ xảy ra khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn và được củng cố, quá độ lên chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn"[2].

Cũng như Ph. Ăngghen, tiếp cận dân chủ từ góc độ là một hình thức nhà nước, V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh tính giai cấp của dân chủ. Trong sự đối

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1976, t.33, tr.206.
2. V.I. Lênin: *Sđd*, 1980, t.27, tr.324.

lập với quan điểm dân chủ "thuần tuý", dân chủ trừu tượng nói chung, V.I. Lênin đòi hỏi những người mácxít không bao giờ được quên mà không hỏi rằng, đó là dân chủ cho giai cấp nào. Tiếp cận với dân chủ từ quan điểm giai cấp như vậy, trong nhiều tác phẩm của mình, V.I. Lênin đã nêu ra một trong những tiêu chí phân biệt dân chủ vô sản với các loại dân chủ trước đó. Dân chủ vô sản là chế độ thống trị của đa số với thiểu số, vì lợi ích của đa số...

Việc nhấn mạnh tính giai cấp của dân chủ nói chung, của dân chủ tư sản nói riêng đã đưa V.I. Lênin tới quan niệm về sự cần thiết phải thực hiện sự kết hợp giữa cuộc đấu tranh cho dân chủ với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, chỉ thông qua cuộc đấu tranh đó mới thúc đẩy sự chín muồi của những tiền đề khách quan và chủ quan cho thắng lợi của cách mạng vô sản. Đấu tranh cho dân chủ, theo ông, cũng không thể dừng lại ở dân chủ tư sản. Sau khi thiết lập chính quyền, việc phát triển triệt để nền dân chủ vô sản là tiền đề để thực hiện thắng lợi hoàn toàn và triệt để mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, khi làm rõ nội dung quan điểm về sự thống nhất hữu cơ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin chỉ ra rằng, mối quan hệ đó phải được hiểu trên hai phương diện:

- Giai cấp vô sản không thể hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu họ không được chuẩn bị

để tiến tới cuộc cách mạng đó thông qua cuộc đấu tranh cho dân chủ.

- Chủ nghĩa xã hội không thể duy trì và thắng lợi, nếu không thực hiện đầy đủ dân chủ.

Khi tổng kết Công xã Pari, C. Mác đã đặc biệt chú ý tới việc Công xã thủ tiêu những phụ cấp, những đặc quyền của viên chức, rút tiền lương của tất cả mọi viên chức nhà nước xuống ngang mức tiền lương trung bình của công nhân... V.I. Lênin xem đó là những điểm nổi bật nhất trong bước ngoặt từ chế độ dân chủ tư sản sang chế độ dân chủ vô sản.

Trong điều kiện lịch sử mới, khi giai cấp vô sản đã giành chính quyền và xác lập chuyên chính vô sản trong thực tế, khi việc thay thế dân chủ tư sản bằng một kiểu dân chủ cao hơn đã được đặt lên chương trình nghị sự hàng ngày, V.I. Lênin đã có cống hiến to lớn trong việc phát triển quan điểm mácxít về dân chủ vô sản. Khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, vấn đề giải phóng dân tộc, yêu cầu thủ tiêu ách áp bức dân tộc ở các nước thuộc địa nổi lên như là một đòi hỏi đầu tiên trên con đường tiến tới một xã hội dân chủ, V.I. Lênin cho rằng, việc thủ tiêu ách áp bức dân tộc chỉ trở thành hiện thực, khi vượt qua giới hạn của chủ nghĩa tư bản, hơn nữa, phải thiết lập được nền dân chủ trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. "Sau khi chuyển biến chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản

tạo ra *khả năng* thủ tiêu hoàn toàn ách áp bức dân tộc; nhưng khả năng ấy "chỉ" - "chỉ"! - sẽ biến thành *hiện thực*, nếu hoàn toàn thiết lập được nền dân chủ trong mọi lĩnh vực"[1]. Trong luận điểm vừa nêu, dân chủ vô sản bao hàm một nội dung tất yếu của nó là *thủ tiêu áp bức dân tộc*.

Như mọi loại hình dân chủ khác, dân chủ vô sản, theo V.I. Lênin không phải là chế độ dân chủ cho tất cả mọi người; nó chỉ là dân chủ đối với quần chúng lao động và bị bóc lột; dân chủ vô sản là chế độ dân chủ vì lợi ích của đa số; dân chủ trong chủ nghĩa xã hội bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó, dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là cơ sở; dân chủ đó càng hoàn thiện bao nhiêu, càng nhanh tới ngày tiêu vong bấy nhiêu. Dân chủ vô sản loại bỏ quyền dân chủ của tất cả các giai cấp là đối tượng của chuyên chính vô sản, nó đưa quảng đại quần chúng nhân dân lên địa vị của người chủ chân chính của xã hội.

Từ tất cả những ý nghĩa nêu trên đã cho phép V.I. Lênin đi đến một tư tưởng khái quát: *dân chủ vô sản là thứ dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản*.

V.I. Lênin cũng cho rằng, dân chủ vô sản không loại trừ đấu tranh giai cấp. Điều khác biệt ở đây chỉ là ở chỗ, trong chế độ dân chủ đó, đấu tranh giai cấp trở

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1980, t.30, tr.28.

nên có ý thức rõ rệt hơn, mang tính tự giác và mang tính sáng tạo hơn.

Với tư cách là đỉnh cao trong toàn bộ lịch sử tiến hoá của dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa mà nội hàm cơ bản của nó là *toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân*, nhân dân thực sự là *người chủ* trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội - kết tinh trong bản thân mình toàn bộ giá trị dân chủ đạt được trong lịch sử và nảy sinh những giá trị dân chủ về chất. Ở đây, dân chủ trở thành giá trị phổ biến của xã hội, thâm nhập vào mọi quan hệ chính trị-xã hội, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao quát mọi góc độ trong sự tồn tại của con người mà định hướng cơ bản của nó là "xoá bỏ giai cấp" (V.I. Lênin), để tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người, để "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" (C. Mác và Ph. Ăngghen) không còn là khẩu hiệu. Khi đó, dân chủ với tư cách là một vấn đề chính trị sẽ tiêu vong. Chủ nghĩa cộng sản được xác lập trong thực tế.

Trong khi mở rộng dân chủ tới mức tối đa với mọi tầng lớp nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi đi ngược lại những chuẩn mực dân chủ, vi phạm những giá trị dân chủ chân chính của nhân dân, gây nguy hại cho tiến trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ

nghĩa. Do vậy, trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ và chuyên chính nhất thiết có nghĩa là thủ tiêu dân chủ đối thủ với giai cấp bị chuyên chính[1]. Khi nhấn mạnh sự cần thiết của chuyên chính (theo nghĩa hẹp) để bảo vệ và phát triển thành quả dân chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: Dân chủ cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ.

Để những hành vi gây tác hại tới quyền dân chủ của nhân dân được xử lý kịp thời, đúng đắn..., các quyền đó phải được thể chế hoá thành Hiến pháp, thành pháp luật, v.v. và được thực hiện bằng những thiết chế tương ứng của chuyên chính vô sản. Ở đây, *dân chủ và pháp luật, dân chủ và kỷ cương không bài trừ và phủ định nhau*; trái lại, *chúng nằm trong sự thống nhất biện chứng, là điều kiện, tiền đề tồn tại phát triển của nhau*. Tuyệt đối hoá bất kỳ mặt nào trong hai mặt đó đều dẫn đến hoặc là vô chính phủ, hoặc là tập trung quan liêu. Cả cực này hay cực kia đều mang lại nguy cơ cho nền dân chủ chân chính của nhân dân. Khi đề cập tới vấn đề này, Đảng ta nhấn mạnh: "Cả vô chính phủ lẫn độc đoán chuyên quyền đều trái với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xét về thực chất, dân chủ gắn liền với kỷ cương, có khuôn khổ, trong

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.37, tr.290-292.

vòng trật tự. Không thể có dân chủ mà lại thiếu pháp luật, kỷ luật, kỷ cương"[1].

Do tính tất yếu đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với đầy đủ nội dung của từ đó.

Là kết quả hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng mácxít-lêninnít. Bởi vì, nhờ nắm vững hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin và đưa nó vào quần chúng, đảng đó mang lại cho phong trào quần chúng tính tự giác cao trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục của mình, đảng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hoá dân chủ của nhân dân để họ có khả năng thực hiện hữu hiệu những yêu cầu dân chủ phản ánh đúng quy luật phát triển xã hội: chỉ dưới sự lãnh đạo của đảng, nhân dân mới đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi mưu đồ lợi dụng dân chủ vì những động cơ đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.12-13.

Với những ý nghĩa như vậy, *dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên về chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng mácxít-lêninnít* không bài trừ nhau, trái lại, chính sự lãnh đạo của đảng là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa có thể ra đời, tồn tại và phát triển. Không thể có dân chủ xã hội chủ nghĩa mà lại thiếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - MỘT YẾU TỐ CẤU THÀNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Để thực hiện được những chức năng và nhiệm vụ của mình, chuyên chính vô sản không chỉ bao gồm Nhà nước, Đảng Cộng sản mà còn thu hút vào bản thân mình một loạt tổ chức cách mạng của nhân dân. Từ đó, hình thành cái mà V.I. Lênin gọi là "Hệ thống chuyên chính vô sản"[1]. Đương thời ngoài Nhà nước và Đảng Cộng sản, V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh tới công đoàn - tổ chức được ông xem là khâu tạo ra "*mối liên hệ* giữa đội tiên phong với quần chúng"[2].

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội cho thấy, ngoài công đoàn, trong xã hội còn xuất hiện nhiều tổ chức chính trị - xã hội khác của nhân dân. Các tổ chức cũng có vai trò hết sức quan trọng trong việc

---

1, 2. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1979, t.42, tr.250.

thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Để bao quát được tính phong phú trong cấu trúc các nhân tố cấu thành của đời sống chính trị xã hội chủ nghĩa, một phạm trù mới đã ra đời: Hệ thống chính trị trong chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống chính trị trong chủ nghĩa xã hội là một chỉnh thể bao gồm nhiều tổ chức chính trị, trong đó có Nhà nước xã hội chủ nghĩa (nhà nước chuyên chính vô sản), Đảng Cộng sản (có thể có một số đảng chính trị khác ủng hộ sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản) cùng các tổ chức chính trị- xã hội hợp pháp và mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố đó nhằm bảo đảm quyền lực của nhân dân.

Xét về bản chất, hệ thống chính trị trong chủ nghĩa xã hội và hệ thống chuyên chính vô sản là đồng nhất. Nó là cơ chế bảo đảm quyền lực của nhân dân. Nó vận hành theo nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Thật vậy, giữ vững sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là điều kiện tiên quyết để nhân dân thực hiện quyền lực của mình. Điều đó xuất phát từ chỗ, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể là hoạt động tự phát, mà là hành động cách mạng có ý thức, thấu hiểu về lý luận và có tính tổ chức cao, kết hợp nhiệt tình cách mạng, lòng hăng hái hy sinh với niềm tin sắt đá vào tính tất thắng của lý tưởng cộng sản.

Để hoàn thành sứ mệnh là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản, những đảng viên của Đảng phải là bộ phận tích cực nhất, có ý thức giác ngộ nhất của giai cấp công nhân; có khả năng nhìn xa, trông rộng: trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn là lực lượng đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào, họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản.

Những luận điểm trên đây của C. Mác và Ph. Ăngghen về vai trò của Đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là cơ sở để V.I. Lênin xây dựng và phát triển học thuyết về Đảng kiểu mới nói chung, về vai trò chức năng, nhiệm vụ... của Đảng Cộng sản trong hệ thống chuyên chính vô sản nói riêng.

Khi đề cập tới sự cần thiết phải giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ chuyên chính vô sản, V.I. Lênin cho rằng, không có một Đảng sắt thép được tôi luyện trong đấu tranh, không có một Đảng được sự tín nhiệm của tất cả các phần tử trung thực trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, không có một Đảng biết nhận xét tâm trạng quần chúng và biết tác động vào tâm trạng đó thì không thể tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ. Bởi vậy, theo

ông, chiến thắng bọn đại tư bản tập trung còn nghìn lần dễ hơn là chiến thắng hàng triệu và hàng triệu tiểu chủ. Trong điều kiện đó, "chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân, tức là đảng cộng sản, mới có thể tập hợp, giáo dục, tổ chức đội tiên phong của giai cấp vô sản và của tất cả quần chúng lao động... mới có thể chống lại nổi những sự dao động tiểu tư sản..., chống lại nổi những truyền thống và những sự tái phạm không thể tránh khỏi của bệnh hẹp hòi phường hội hoặc của những thiên kiến phường hội trong giai cấp vô sản"[1].

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo của đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện... Chính vì vậy trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Đảng ta xem Nhà nước là "trụ cột", "là một công cụ chủ yếu, vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[2].

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.43, tr.112 - 113.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.6.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân do nhân dân lập ra để quy tụ mọi thành viên vào việc thực hiện có hiệu quả những quyền lực hợp pháp của mình, huy động mọi thành viên tham gia một cách tích cực vào công việc nhà nước và xã hội. Mặt khác, các tổ chức đó cũng tham gia giám sát hoạt động của nhà nước, góp phần quan trọng xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, thoả mãn những nhu cầu chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa được tổ chức và vận hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa nằm trong mối quan hệ qua lại, có tác động tương hỗ. Trong hệ thống đó, Đảng Cộng sản vừa là một bộ phận cấu thành, vừa là tổ chức có vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội nói chung; Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặt khác, có vai trò quan trọng trong việc góp phần xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức...

Ở nước ta hiện nay, xét về cơ cấu tổ chức, hệ thống chính trị bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội cách mạng của nhân dân; xét về chức năng, *nó là cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân*.

III. ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Như trên đã đề cập, Nhà nước là "trụ cột" của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Song, sự tồn tại, vận hành của nó chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố khác cấu thành hệ thống đó. Do vậy, không thể có Nhà nước mạnh, khi không có hệ thống chính trị mạnh.

Sau gần 25 năm đổi mới, hệ thống chính trị đã có những bước tiến quan trọng trên nhiều phương diện: trên cơ sở *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua, Đảng ta đã từng bước bổ sung và cụ thể hoá thành các chủ trương đổi mới trên từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong quá trình đó, Đảng ta không ngừng được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức: vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội được tăng cường; đường lối đổi mới ngày càng được hoàn thiện, nhờ vậy, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng rõ hơn. Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt động của mình; Đảng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, nhạy bén trong việc hoạch định chủ trương dân chủ

trên các lĩnh vực cũng như triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương đó. Đảng ta có giải pháp tích cực nhằm đổi mới chỉnh đốn Đảng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trên lĩnh vực lập pháp, chúng ta đã ban hành Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp thể chế hoá Cương lĩnh và đường lối đổi mới của Đảng; đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thành phần kinh tế; nhiều quyền công dân và quyền con người đã được cụ thể hoá và thể chế hoá.

Chúng ta cũng đã tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc quản lý nhà nước bằng pháp luật và theo pháp luật từng bước được xác lập và hoàn thiện.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động.

Cùng với việc đa dạng hoá chức năng của các tổ chức đó, đồng thời không xem nhẹ chức năng tập hợp, giáo dục quần chúng tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như giám sát việc tổ chức thực hiện đó, chúng ta đã xem việc *bảo vệ, thoả mãn*

những nhu cầu lợi ích chính đáng của các thành viên trong tổ chức mình là một chức năng cực kỳ quan trọng. Nhờ vậy, các hội, đoàn thể quần chúng hợp pháp ngày càng có sinh khí hơn, hoạt động ngày càng có hiệu quả cao.

Khái quát những thành tựu đổi mới hệ thống chính trị và hiệu quả của nó tới việc phát huy dân chủ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội,... tiến hành cải cách một bước nền hành chính nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy"[1].

Trong khi khẳng định những thành quả to lớn trên đây, cần thấy hệ thống chính trị còn tồn tại không ít điểm yếu.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 61.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần trên cơ sở đa dạng hoá hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, mở cửa với bên ngoài... là một chiến lược đúng đắn. Song, nhiều vấn đề thuộc lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện kinh tế đó còn chưa được làm sáng tỏ. Trong khi khẳng định tính không đối lập về cơ bản giữa cơ chế thị trường với chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng thấy rõ rằng, bên cạnh tác động tích cực là cơ bản, kinh tế thị trường ngay trong trường hợp giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có mặt trái của nó. Do không được chuẩn bị ngay từ đầu để khắc phục những tác động nghịch chiều của cơ chế đó, "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hoá về chính trị, tuy rất ít"[1].

Những bước tiến trong việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế. Tình trạng quan liêu của cán bộ hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao.

Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd,* tr.137.

nhiều tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu; cán bộ của nhiều đoàn thể chính trị - xã hội vẫn trong tình trạng "viên chức hoá".

Khái quát những yếu kém trên đây của hệ thống chính trị, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng nhấn mạnh: "nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ, còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm... Tình hình đó đã làm giảm hiệu quả lãnh đạo của Đảng, làm yếu hiệu lực quản lý của Nhà nước; tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng... tăng lên, có mặt rất nghiêm trọng; trật tự kỷ cương bị vi phạm; sự tin cậy và gắn bó của nhân dân đối với hệ thống chính trị bị giảm sút"[1].

Tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị nhằm khắc phục những yếu kém trên đây đã trở thành đòi hỏi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.33.

bức thiết để hệ thống chính trị nói chung, Nhà nước ta nói riêng thực hiện quyền dân chủ của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói riêng, đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội nói chung cần được thực hiện bằng những phương pháp vốn có của một đảng Mác-Lênin. Thông qua tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, nêu gương của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng làm cho Nhà nước, các tổ chức quần chúng thấy rõ tính đúng đắn trong các quyết định chính trị của Đảng.

Đảng phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân của mình, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân.

Để có dân chủ xã hội chủ nghĩa, một mặt, Nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặt khác, mọi chủ trương và chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: "*Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng*.

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp...

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn

liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước"[1].

Để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy dân chủ của nhân dân, cần dành sự chú ý đặc biệt cho quá trình lập pháp và lập quy của Nhà nước. Liên quan đến vấn đề này, cần: Xây dựng chương trình lập pháp, phát huy quyền trình dự án luật của đoàn thể nhân dân; nâng cao kiến thức lập pháp của đại biểu Quốc hội; nâng cao trình độ, năng lực thẩm tra các dự án luật của Hội đồng dân tộc, các Uỷ ban Quốc hội; xác định rõ hơn quyền lập pháp và lập quy... Để nâng cao chất lượng và hiệu quả trên lĩnh vực này, "Cần tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân nhất là các đối tượng có liên quan đến việc thi hành luật"[2].

Yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và thực hiện dân chủ, hiện nay phải xem cải cách một bước nền hành chính quốc gia là một nhiệm vụ trọng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.131-132.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.48.

điểm. Cải cách hành chính phải tiến hành đồng bộ - từ cải cách thể chế hành chính đến cải cách tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, công chức hành chính.

Liên quan tới vấn đề thứ nhất, phải cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế quản lý bằng pháp luật, đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Trong cải cách thể chế và thủ tục hành chính, để mở rộng dân chủ, Nhà nước cần "giảm tối đa cơ chế xin phép - cho phép trong từng vụ việc..." như Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã chỉ ra: nhưng phải tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ trọng điều hành, quản lý.

Liên quan tới vấn đề thứ hai, cần chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp; định rõ thứ bậc và quan hệ thứ bậc trong bộ máy hành chính, xác định rõ vị trí, vai trò từng cấp chính quyền; kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở.

Liên quan tới vấn đề thứ ba, việc ban hành quy chế về chế độ công vụ và công chức là rất cần thiết: định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm, thẩm quyền, quyền lợi và kỷ luật hành chính; quy định chế độ đào tạo, tuyển dụng và sàng lọc công chức; xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cao, giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, sự công tâm và tận tụy với công việc.

Để phát huy quyền dân chủ của nhân dân, Mặt

trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội của nhân dân cũng cần được đổi mới theo hướng:

- Đoàn kết tất cả mọi người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài... Xoá bỏ mọi định kiến, mọi mặc cảm, lấy sự tương đồng vì lợi ích của sự phát triển đất nước theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" làm trọng.

- Mặt trận vận động, tổ chức nhân dân, xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ngay trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức đa dạng, thích hợp với từng người, từng thành phần xã hội, từng địa phương, cơ sở.

Để mở rộng Mặt trận có tác dụng tích cực nhằm thực hiện tốt việc bảo đảm quyền lực của nhân dân, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, làm cho nó thực sự là nền tảng của Mặt trận.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, việc đổi mới hệ thống chính trị không dừng ở việc đổi mới từng yếu tố cấu thành, mà còn đòi hỏi phải đổi mới mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố đó. Liên quan tới

vấn đề này, cần đổi mới mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước: Đảng lãnh đạo Nhà nước; Nhà nước có nghĩa vụ thể chế hoá và tổ chức thực hiện nghiêm túc đường lối và các nghị quyết của Đảng...

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, cần hoàn thiện hình thức dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân. Khi đề cập tới vấn đề này, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã nhấn mạnh: "Tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước"[1].

Muốn hoàn thiện dân chủ đại diện, một vấn đề bức bách là nâng cao chất lượng của các tổ chức quần chúng, làm cho các tổ chức đó thật sự có được sự quan tâm thiết thân của các thành viên của mình, gần gũi với họ. Chỉ khi đó, *một mặt*, tổ chức ấy mới nắm vững và nhanh nhạy mọi nhu cầu bức xúc của các thành viên và phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.41.

thuộc bộ máy Đảng và Nhà nước; *mặt khác* cũng chỉ khi đó, quần chúng thành viên mới thông qua tổ chức của mình mà tham gia tích cực vào hoạt động của mọi cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Việc mở rộng dân chủ trực tiếp nhằm phát huy dân chủ nhân quyền đòi hỏi:

- Lãnh đạo cơ quan và địa phương xác định rõ vấn đề cần có sự tham gia trực tiếp của nhân dân ở lĩnh vực, địa bàn tương ứng trước khi cấp có thẩm quyền quyết định; nâng cao chất lượng đóng góp của nhân dân vào việc hình thành các quyết định đó.

- Xác định rõ những vấn đề mà cơ quan lãnh đạo, người lãnh đạo phải có trách nhiệm báo cáo trước nhân dân ở lĩnh vực và trên địa bàn tương ứng.

- Xây dựng những thiết chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với lĩnh vực và trình độ của đối tượng tương ứng.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, làm cho họ biết nghe, biết xử lý những ý kiến được nhân dân nêu ra. Hết sức tránh thái độ thụ động, "theo đuôi" quần chúng...

Gắn liền với việc mở rộng dân chủ trực tiếp đến từng người dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: "Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương..., tổ chức hợp lý Hội đồng nhân

dân; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn"[1].

Bằng việc thực hiện có kết quả những vấn đề vừa nêu, Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta sẽ được củng cố, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ không ngừng được phát triển. Đó là những nhân tố có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định rõ phương hướng, nội dung cơ bản về tiếp tục xây dựng, củng cố và nâng cao vai trò, năng lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước ta là: Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001,tr.133.

2. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.125-129.

CHƯƠNG IX

LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Lý luận về liên minh công nông và các tầng lớp lao động khác là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin đã được Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào Việt Nam, đã góp phần to lớn tạo nên thắng lợi hoàn toàn của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và những thành quả rất quan trọng trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, việc nhận thức và tổ chức thực hiện liên minh không thể không dựa trên những vấn đề lý luận và thực tiễn về *cơ cấu xã hội giai cấp* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin đã chỉ rõ: Kết cấu xã hội và chính quyền có nhiều biến đổi, nếu không tìm hiểu những biến đổi này thì không thể tiến được một bước trong bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào.

I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp và tầng lớp xã hội tồn tại khách quan, hoạt động hợp pháp trong một chế độ xã hội nhất định, chủ yếu là thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về quản lý, về phân phối, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

1. Xu hướng chung của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Quá trình biến động của cơ cấu xã hội nói chung diễn ra theo bốn xu hướng chủ yếu sau đây:

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai tầng xã hội trong quan hệ với tư liệu sản xuất trên nền tảng sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với trình độ từ thấp đến cao. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hoá chế độ sở hữu đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đều được bảo đảm sự tồn tại của mình; cùng liên kết, liên doanh trong sản xuất kinh doanh; các thành phần trong cơ cấu xã hội hợp pháp tồn tại bên nhau, xích lại gần nhau, đan xen lẫn nhau để cùng phát triển.

- Sự xích lại gần nhau về tính chất lao động. Xu hướng này thể hiện thông qua đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, áp dụng những thành tựu mới vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Cũng từ đó, xu hướng "quốc tế hoá" ngày càng thể hiện rõ nét thông qua việc giao lưu kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Sự xích lại gần nhau trong quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng. Xu hướng này diễn ra chủ yếu liên quan đến việc thực hiện ngày càng hoàn thiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau trong tiến bộ về đời sống tinh thần. Xu hướng này thể hiện trực tiếp thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Xu hướng này tác động trực tiếp đến sự xích lại gần nhau và xoá bỏ dần dần mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Trong thực tế, những xu hướng trên đây không tách rời nhau. Các khuynh hướng đó thể hiện không đồng đều về nhịp độ giữa các giai đoạn khác nhau và ở những vùng khác nhau, nhưng đó là những biểu hiện chung mang tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội trong điều kiện Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các xu hướng biến đổi trên đã thể hiện trên các lĩnh vực

chính trị, phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội.

2. Tính quy luật của sự biến động cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội luôn luôn ở trạng thái không ngừng biến động. Sự biến động này tuỳ thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và mối quan hệ quốc tế.

Những vấn đề có tính quy luật của sự biến động cơ cấu xã hội - giai cấp như sau:

- Sự biến động của cơ cấu xã hội - giai cấp gắn liền và được quy định trực tiếp nhất bởi sự biến động của cơ cấu kinh tế ngành, nghề; của cơ cấu các thành phần kinh tế; của cơ chế hành chính, kinh tế - xã hội.

Trong thời kỳ quá độ, nền kinh tế nhiều thành phần tất yếu đưa tới một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng và phức tạp, vì nhân tố kinh tế luôn luôn có vai trò quyết định đối với các vấn đề xã hội. Mặt khác, sự phát triển của các nhân tố xã hội luôn luôn đan xen lẫn nhau, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Cơ cấu xã hội mới đã hình thành lại có tác động tới sự củng cố và phát triển cơ cấu kinh tế, tạo cho nó đi đúng phương hướng xây dựng một phương thức kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Cơ cấu xã hội - giai cấp phát triển trong mối quan

hệ biện chứng của các nhân tố khách quan và chủ quan. Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là những nhân tố chủ quan mạnh nhất, tác động chi phối đến sự biến động của cơ cấu xã hội - giai cấp, phát triển theo tính chất xã hội chủ nghĩa thông qua các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội và lịch sử-chính trị khách quan của đất nước.

- Quá trình biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp cũ sang cơ cấu xã hội - giai cấp mới là một quá trình liên tục trong suốt thời kỳ quá độ.

Quá trình biến đổi này càng đa dạng, phức tạp ở giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ khi sản xuất bung ra, nhiều thành phần kinh tế ra đời để làm sống động nền kinh tế nhưng sẽ dần dần ổn định ở giai đoạn sau khi nền kinh tế đã ổn định, lực lượng sản xuất đã phát triển và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá triển khai có kết quả.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp biến động và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, vừa liên minh, tiến tới từng bước xoá bỏ hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội sẽ đưa đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công, nông và trí thức. Mức độ của quá trình này tuỳ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Song, vừa mâu thuẫn, vừa liên minh, vừa phát triển tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai tầng xã

hội, vừa hợp tác và xích lại gần nhau giữa các giai tầng sẽ diễn ra việc hoà nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội, từ chỗ không còn cả *chế độ* áp bức bóc lột đến chỗ không còn cả những *quan hệ* bóc lột giữa người với người. Đó là xu hướng tất yếu, là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Xu hướng phát triển của cơ cấu xã hội - giai cấp của nước ta phản ánh tính đa dạng và tính thống nhất của cơ cấu xã hội Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tính đa dạng thể hiện không những ở sự tồn tại của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội khác nhau trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần mà còn thể hiện cả trong kết cấu đa dạng của từng giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội đã nêu trên.

Tính thống nhất xã hội thể hiện thông qua xu hướng phát triển về số lượng, chất lượng và cơ cấu của giai cấp công nhân - lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, giữ vai trò chủ đạo trong quá trình cải biến xã hội. Tính thống nhất ấy còn thể hiện thông qua sự *liên minh công nhân, nông dân, trí thức* - nền tảng chính trị - xã hội của xã hội nước ta trong thời kỳ quá độ, thông qua nhiệm vụ chung có tính chất chiến lược của các cộng đồng xã hội ở nước ta là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Khi nghiên cứu về sứ mệnh lịch sử của giai cấp

công nhân, chúng ta đã nhận thức được những đặc điểm cơ bản và vai trò của giai cấp công nhân. Ở đây chỉ phân tích về *nông dân* và *trí thức*.

Về giai cấp nông dân:

Là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp..., trực tiếp sử dụng (canh tác) một tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản.

Nông dân *vốn* có phương thức sản xuất phân tán, kỹ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.

Nông dân có "bản chất hai mặt" - theo sự phân tích khoa học của V.I. Lênin: *Một mặt*, họ là những người lao động. Đây là mặt cơ bản nhất. *Mặt khác*, họ là những người tư hữu nhỏ. Đây là mặt hạn chế và phải trải qua một quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và cải biến cách mạng trên nhiều lĩnh vực... mới có thể khắc phục được. Tuy vậy, mặt tư hữu nhỏ của nông dân khác với bản chất tư hữu của các giai cấp bóc lột. Bởi vì, nông dân không dựa trên tư hữu nhỏ để bóc lột các giai cấp và tầng lớp xã hội.

Giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng, mà tư tưởng của họ phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp nào thống trị xã hội. Vì vậy, khi chưa giác ngộ cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo thì nông dân dễ dao động về tư tưởng, dễ bị ngộ nhận về chính

trị và manh động trong các cuộc đấu tranh tự phát.

Giai cấp nông dân vốn có cơ cấu không thuần nhất, không có sự cố kết chặt chẽ cả về kinh tế lẫn về tư tưởng và tổ chức.

Giai cấp nông dân là lực lượng sản xuất và lực lượng chính trị-xã hội đông đảo nhất trong những nước nông nghiệp; thể hiện tập trung nhiều truyền thống lịch sử và bản sắc dân tộc. Khi được giác ngộ, nông dân có khả năng trở thành lực lượng cách mạng to lớn nhất trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Với những đặc điểm cơ bản nêu trên, giai cấp nông dân không có khả năng tự giải phóng khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, càng không thể là giai cấp lãnh đạo xã hội trong các cuộc cách mạng giải phóng đó.

Ở Việt Nam, chỉ từ khi được Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo, giai cấp nông dân Việt Nam mới từng bước thực sự được giải phóng khỏi chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột của phong kiến, thực dân, tư sản; trở thành người làm chủ xã hội và đã đóng góp to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta bước đầu đạt những thành quả rất quan trọng, có phần đóng góp rất lớn của giai

cấp nông dân. Tuy vậy, trên thực tế, nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta vẫn còn có nhiều mặt khó khăn, vẫn còn chịu thiệt thòi và còn nhiều vấn đề bức xúc đang nảy sinh, cần nhận thức đúng và giải quyết kịp thời thì cả nước mới có thể tiếp tục ổn định và phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về trí thức:

Chủ nghĩa Mác-Lênin quan niệm trí thức là một "tầng lớp xã hội đặc biệt". Trí thức gồm những người *lao động trí óc phức tạp và sáng tạo*, có trình độ học vấn đủ để am hiểu và hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực lao động của mình.

Trí thức có phương thức lao động đặc thù, chủ yếu là *lao động trí tuệ cá nhân*. Do vậy, họ phải thường xuyên thể hiện và nâng cao khả năng tư duy khoa học độc lập.

Trí thức trực tiếp hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng các khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, văn học nghệ thuật, lãnh đạo và quản lý...

Sản phẩm lao động trực tiếp nhất của trí thức là những giá trị lý luận, lý thuyết khoa học; những giá trị tinh thần. Những giá trị đó tuy không quyết định nhất đối với tồn tại xã hội, song lại tác động quyết định đến năng suất lao động, chất lượng sản xuất, tốc độ tăng trưởng và phát triển của xã hội trên cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Ngày nay, khoa

học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội nên vai trò của trí thức ngày càng quan trọng.

Trí thức không có hệ tư tưởng riêng, chủ yếu vì không có phương thức sản xuất riêng và địa vị kinh tế - xã hội độc lập. Trí thức từ thời chiếm hữu nô lệ cách đây hàng ngàn năm cho đến nay vai trò và tư tưởng của họ đều phụ thuộc vào giai cấp thống trị xã hội.

Nhưng trên thực tế lịch sử, dù không có hệ tư tưởng riêng, trí thức ở chế độ xã hội nào cũng giúp giai cấp thống trị khái quát về lý luận để hình thành *hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội.* Khi xã hội có giai cấp, có dân tộc... thì trí thức bao giờ cũng là trí thức của giai cấp, của dân tộc xác định. Có như vậy, trí thức mới thể hiện được vai trò lịch sử, vai trò xã hội của mình. Trí thức không bao giờ tồn tại với tư cách một giai cấp, "phi giai cấp" hoặc "siêu giai cấp" - đứng trên các giai cấp. Tính giai cấp của trí thức thể hiện ở chỗ họ đem vốn kiến thức của mình phục vụ cho giai cấp thống trị nào trong xã hội.

Vai trò của trí thức rất quan trọng ở mọi chế độ xã hội, đặc biệt là vai trò trang bị tri thức văn hoá, khoa học..., nâng cao dân trí.

Trong các chế độ tư hữu, đại đa số trí thức là những người lao động bị áp bức, bóc lột (tuy hình thức và mức độ bị bóc lột không hà khắc và nặng nề

như giai cấp nông dân và công nhân bị áp bức, bóc lột). Vì vậy, trí thức gắn bó với nhân dân, với dân tộc, luôn đấu tranh cho một xã hội hoà bình, dân chủ, bình đẳng và tiến bộ. Khi được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trí thức có điều kiện thể hiện là một lực lượng cách mạng quan trọng, với nhiều đóng góp to lớn. Nhưng, trí thức không thể tự giải phóng mình khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột; càng không thể trở thành lực lượng độc lập để lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, cả giai cấp công nhân, giai cấp nông dân lẫn trí thức đều là những lực lượng lao động sản xuất, lực lượng chính trị - xã hội với những đặc điểm và vai trò xác định. Nhưng cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thành công ở những nước nông nghiệp nếu ba lực lượng đó tách rời nhau, không được tổ chức lại, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản.

Vấn đề "liên minh..." đặt ra từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng chung của giai cấp công nhân, của giai cấp nông dân, của trí thức và của toàn dân tộc trong quá trình đi tới giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi chế độ tư hữu, áp bức bóc lột, bất công và khỏi nghèo nàn lạc hậu...

II. TÍNH TẤT YẾU CỦA LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tính tất yếu của liên minh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

C. Mác và Ph. Ăngghen đã tổng kết thực tiễn các phong trào công nhân ở châu Âu, nhất là ở Anh và ở Pháp giữa và cuối thế kỷ XIX, từ đó đã khái quát thành một hệ thống lý luận khoa học về cách mạng vô sản, trong đó có lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã bị thất bại, tổn thất, chủ yếu là vì đã không tổ chức liên minh với "người bạn đồng minh tự nhiên" của mình là nông dân. Do vậy, các cuộc cách mạng vô sản đã trở thành những "bài đơn ca ai điếu".

V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển lý luận về liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác của C. Mác và Ph. Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao - chủ nghĩa đế quốc -, đã tổ chức thành liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (năm 1917). Trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin càng mở rộng liên minh trong những hoàn cảnh lịch sử mới. Liên minh không chỉ có công, nông (dù đó là hai

lực lượng cơ bản và to lớn nhất), mà còn liên minh với các tầng lớp lao động khác. Khi phân tích về chuyên chính vô sản, V.I. Lênin khẳng định rõ: "Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiền phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức...)"[1].

Chủ nghĩa Mác-Lênin bàn về tính tất yếu của liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác, chẳng những chỉ trong giai đoạn cách mạng giành chính quyền, mà còn đặc biệt lưu ý trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội - "trong thời đại chuyên chính vô sản". Hơn nữa V.I. Lênin còn nhấn mạnh vấn đề liên minh như một nguyên tắc *cao nhất* của chuyên chính vô sản: "Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước"[2]. Bởi vì, xét về *nguyên tắc tập hợp lực lượng* cách mạng của chuyên chính vô sản thì liên minh này đã tập hợp được lực lượng sản xuất và lực lượng cách mạng cơ bản và đông đảo nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội; trong đó giai cấp công nhân lại là giai cấp tiên phong, lãnh đạo. Xét về *nguyên tắc lãnh đạo* của chuyên

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.38, tr.452.
2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.44, tr.57.

chính vô sản, thì duy nhất chỉ có giai cấp công nhân thông qua đảng của nó lãnh đạo "hệ thống chuyên chính vô sản"[1]. Nhưng vai trò lãnh đạo đó chỉ được giữ vững và được thực hiện có kết quả tốt khi lãnh đạo và tổ chức tốt liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác với tư cách là nền tảng của nhà nước chuyên chính vô sản. Xét về *lợi ích cơ bản* và mục tiêu của chuyên chính vô sản, đó là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản vì lợi ích của toàn thể nhân dân. Nhưng đại đa số nhân dân lại nằm trong giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác.

Đó là tính tất yếu của liên minh về mặt *chính trị - xã hội* khi bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, thì cùng với tính tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu của liên minh xét về *mặt kinh tế* lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất, quyết định cuối cùng cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội (cho dù tất yếu về chính trị vẫn là nhân tố dẫn dắt, *hàng đầu*).

V.I. Lênin đã đặc biệt lưu ý một nội dung cơ bản nhất của bước chuyển từ giai đoạn cách mạng giành chính quyền sang "thời đại chuyên chính vô sản" là: Chính trị đã chuyển trọng tâm sang *chính trị trong*

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.42, tr.250.

lĩnh vực kinh tế, đấu tranh giai cấp cũng với nội dung và hình thức mới[1]. *Dưới góc độ liên minh* giữa công nhân với nông dân và trí thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội mà xem xét thì tất yếu kinh tế ở một nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội, cần nhận rõ mấy điểm cơ bản sau đây:

- Tất yếu phải gắn chặt nông nghiệp với công nghiệp, với dịch vụ, khoa học và công nghệ trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.

- Từ một nước nông nghiệp đi lên, thì tất yếu trước tiên phải đặc biệt chú trọng nông nghiệp để cho nông nghiệp thực sự trở thành cơ sở để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; từng bước hình thành nền công nghiệp hiện đại có khả năng cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đây là một vấn đề lý luận và thực tiễn rất cơ bản mà chính V.I. Lênin đã phân tích sâu sắc nhiều lần, từ những năm 1918 đến 1924. Thậm chí, V.I. Lênin còn nêu vấn đề rất cụ thể rằng, ở một nước tiểu nông chiếm đa số, nếu không có kinh tế nông nghiệp và nông dân vững mạnh, không có *dự trữ về lương thực* thì không thể xây dựng được nền công nghiệp[2].

Cần thoả mãn *những lợi ích kinh tế* thiết thân trước mắt cho công nông thì mới tiến tới thực hiện lợi

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t.36, tr.214.
2. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.43, tr.368.

ích kinh tế lâu dài, cơ bản nhất của toàn xã hội, tức là hình thành những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Nông nghiệp, công nghiệp và nhiều lĩnh vực kinh tế đời sống, phải gắn liền với sự phát triển và ứng dụng *khoa học công nghệ* ngày càng hiện đại thì mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. V.I. Lênin cũng đã rất coi trọng vai trò tất yếu của khoa học công nghệ khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội rằng: "Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được"[1].

- Có chính quyền rồi, nếu không giải quyết vấn đề kinh tế trong liên minh thì bản thân công nhân, nhất là nông dân và đại đa số nhân dân dù đã thoát khỏi ách nô lệ, áp bức, bóc lột... nhưng không thể thoát khỏi đói nghèo, bệnh tật, mù chữ... Những nội dung kinh tế và văn hoá - xã hội của liên minh, khi được thực hiện tốt, chính là giải quyết một cách cơ bản những vấn đề đặt ra đó trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Tính tất yếu của liên minh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Vận dụng đúng đắn và sáng tạo những luận điểm

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t. 40, tr.218.

cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin *về tính tất yếu của liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác* vào hoàn cảnh Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã cụ thể hoá thành quan điểm và tổ chức "liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức", cùng toàn thể dân tộc ta tiến hành thắng lợi cách mạng Việt Nam qua tất cả các giai đoạn cách mạng. *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai (tháng 2-1951) chỉ rõ: "Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là chính quyền dân chủ của nhân dân... lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo"[1].

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên cả nước, đặc biệt là từ công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* càng đặc biệt coi trọng việc thực hiện liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo với ý nghĩa là nền tảng của Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2001) chẳng những vẫn tiếp tục khẳng định tính tất yếu của liên minh công - nông - trí thức trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà còn đặc biệt coi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.437.

trọng vấn đề này khi đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đại hội chỉ rõ: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo"[1].

Như vậy, tính tất yếu của liên minh công - nông - trí thức ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Quan điểm, đường lối và chủ trương của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về liên minh công - nông - trí thức là nhất quán từ khi Đảng ta lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến nay và luôn luôn được thực hiện, kiểm nghiệm qua thực tiễn và phát triển phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và của thời đại.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Nguyên tắc cơ bản - chung nhất của liên minh là

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86.

"*kết hợp đúng đắn các lợi ích*"(về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội) của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và của toàn xã hội - với tư cách là những chủ thể lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực chất của việc "kết hợp đúng đắn các lợi ích" của các chủ thể nêu trên là quá trình phát hiện và giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn (dù không đối kháng) giữa các nhu cầu, lợi ích... thường nảy sinh trên nhiều lĩnh vực. Phát hiện và giải quyết kịp thời và đúng đắn các mâu thuẫn đó sẽ tạo ra tổng hợp động lực căn bản nhất cho sự củng cố, phát triển liên minh; ổn định và phát triển toàn xã hội. Nếu không thường xuyên phát hiện đúng và giải quyết tốt các mâu thuẫn đó thì sẽ làm giảm hoặc triệt tiêu các động lực, có thể dẫn đến rạn nứt, tan vỡ liên minh, khủng hoảng và rối loạn xã hội.

Đặc biệt là đối với nông dân chiếm đại đa số ở những nước nông nghiệp, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì nguy cơ lớn nhất như V.I. Lênin đã nhấn mạnh, là: Nông dân có thể kiểm nghiệm những lợi ích thiết thân hàng ngày, nếu không được đáp ứng một cách công bằng và rõ rệt, họ sẽ mất lòng tin vào giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Họ sẽ đi theo "những mạch kinh tế ngầm" với tư thương và tư sản, kết

quả là chúng ta sẽ mất một cơ sở kinh tế[1].

Từ những vấn đề chung nêu trên, chúng ta phân tích nội dung liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gắn với thực tiễn ở Việt Nam.

1. Nội dung chính trị của liên minh

Một là, mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản nhất của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, trí thức và của cả dân tộc ta là: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhưng, để đạt được mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản đó, khi thực hiện liên minh lại không thể là sự dung hoà lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân với tư tưởng của nông dân và trí thức. (Chủ nghĩa Mác-Lênin đã phân tích một cách khoa học rằng, khi chưa giác ngộ cách mạng vô sản thì tư tưởng chính trị của nông dân, của trí thức còn phụ thuộc vào hệ tư tưởng phong kiến hoặc tư bản. Do vậy mà không bao giờ nông dân và trí thức có thể tự giải phóng khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, cho dù họ có nguyện vọng được giải phóng). Vì thế, một nội dung rất cơ bản về chính trị - tư tưởng của liên minh công - nông - trí thức, đặc biệt là trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa là liên minh phải *trên lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân* thì mới thực hiện được nhu cầu, lợi ích chính trị

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.43, tr.371.

cơ bản của cả công nhân, nông dân, trí thức và của dân tộc là: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, khối liên minh chiến lược này phải do đảng của giai cấp công nhân - *Đảng Mác-Lênin lãnh đạo,* thì mới có đường lối, chủ trương... đúng đắn để thực hiện liên minh, thực hiện quá trình giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công. Do đó, Đảng Cộng sản, từ Trung ương đến cơ sở, thường xuyên có yêu cầu khách quan là phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để lãnh đạo liên minh và lãnh đạo xã hội. Nội dung này còn có ý nghĩa như *một nguyên tắc về chính trị* của liên minh.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, liên minh công - nông - trí thức ở nước ta còn làm nòng cốt cho liên minh chính trị rộng lớn nhất là Mặt trận Tổ quốc; đồng thời là *nền tảng cho nhà nước xã hội chủ nghĩa,* ngày càng được củng cố vững mạnh để hoàn thành tốt chức năng - nhiệm vụ cơ bản là bảo vệ Tổ quốc và quản lý, tổ chức xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

Nội dung chính trị của liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta *không tách rời nội dung, phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước* theo hướng xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong mối quan hệ chung với hệ thống chính trị cả nước, dưới góc độ của liên minh, cần cụ thể hoá việc đổi mới về nội

dung tổ chức và phương thức hoạt động của *các tổ chức chính trị* trong giai cấp công nhân ở các xí nghiệp công nghiệp..., trong giai cấp nông dân ở cơ sở nông thôn và trong các tổ chức của trí thức ở các cơ quan khoa học và công nghệ... Dưới góc độ liên minh thì sự phân biệt cụ thể trên đây chỉ mang tính tương đối, bởi vì các hoạt động chính trị của công nhân, nông dân, trí thức không thể là "chính trị đơn thuần, chính trị suông", mà bao giờ cũng gắn với các hoạt động sản xuất, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá, xã hội... và trong sự hợp tác, giao lưu bằng những hình thức nhất định. Nội dung chính trị cấp thiết hiện nay là triển khai thực hiện *quy chế dân chủ ở cơ sở* (xã, phường, cơ quan, xí nghiệp...) nhất là ở cơ sở nông thôn, khắc phục những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí thực hiện các quyền dân chủ của nông dân - một lực lượng xã hội quan trọng to lớn nhất hiện nay ở nước ta (gần 80% dân số và gần 70% lực lượng lao động cả nước).

2. Nội dung kinh tế của liên minh

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất-kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đã "chuyển trọng tâm sang lĩnh vực kinh tế" như V.I. Lênin đã chỉ rõ, cho nên nội dung *kinh tế* của liên minh phải biểu hiện qua sự "*kết hợp*

đúng đắn các lợi ích kinh tế" của công nhân, nông dân, trí thức và của nhà nước (đại diện toàn xã hội) - vấn đề mà ở giai đoạn cách mạng trước chưa đặt ra một cách trực tiếp.

Quá trình kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế lại xuất phát từ các *nhu cầu kinh tế* của mọi chủ thể lợi ích. Trong mỗi điều kiện lịch sử cụ thể, công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội có những nhu cầu kinh tế nhất định, thể hiện ra trên thị trường và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Mọi chủ thể lợi ích đều ý thức về những nhu cầu kinh tế để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh tế *nhằm thoả mãn các nhu cầu kinh tế đó,* tức là đạt được những *lợi ích kinh tế.* Chính vì vậy, những lợi ích kinh tế mới trở thành *động lực* nội tại thôi thúc mọi chủ thể lợi ích trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và giao lưu kinh tế... Nội dung kinh tế của liên minh dựa trên nguyên tắc "kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế"... là nằm trong những vấn đề có tính quy luật chung đó của các mối quan hệ và hoạt động kinh tế.

Từ mấy vấn đề chung nhất nêu trên, nội dung kinh tế của liên minh được cụ thể hoá *trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* như sau:

1. Phải *xác định đúng* thực trạng, tiềm năng kinh tế của cả nước và của sự hợp tác quốc tế; từ đó, xác định đúng cơ cấu kinh tế gắn liền với *những nhu cầu kinh tế* của công nhân, nông dân, trí thức và của

toàn xã hội trong những điều kiện và thời đoạn cụ thể. Nếu xác định không đúng những vấn đề nêu trên sẽ là một trong những nhân tố đầu tiên làm sai lệch hoạt động lãnh đạo, quản lý kinh tế, không thể định hướng đúng cho việc đầu tư hợp lý và có hiệu quả; gây lãng phí lớn, vừa không thể ổn định phát triển sản xuất và vừa không thể thoả mãn đúng mức các nhu cầu kinh tế cho cả công nhân, nông dân, trí thức lẫn cho toàn xã hội. Ngay trong cơ cấu kinh tế chung của cả nước mà Đảng ta đã xác định là "công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ" cũng đã thể hiện rõ nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Đó là, chẳng những các ngành kinh tế cơ bản gắn bó với nhau trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, mà còn là môi trường, là điều kiện hoạt động để gắn bó công, nông, trí thức ngay trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong đó quan trọng nhất là khoa học và công nghệ ngày càng tác động trực tiếp vào cả công nghiệp lẫn nông nghiệp; vào mọi mặt của kinh tế và đời sống xã hội khi mà nước ta hội nhập quốc tế, "từng bước phát triển kinh tế tri thức"[1], phù hợp với điều kiện Việt Nam. Từ cơ cấu kinh tế cả nước đó mà mỗi ngành, mỗi địa phương

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.263.

và cơ sở cụ thể hoá thành cơ cấu kinh tế của mình cho phù hợp, mang tính khả thi.

2. Trên cơ sở xác định đúng cơ cấu kinh tế, các nhu cầu kinh tế mà phát triển và *đa dạng hoá các hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu kinh tế* (trong cả sản xuất kinh doanh lẫn lưu thông phân phối...) giữa công nhân, nông dân, trí thức; giữa công nghiệp, nông nghiệp, khoa học công nghệ và các dịch vụ khác; giữa thành thị và nông thôn; giữa miền xuôi và miền núi, giữa các vùng, các miền đất nước, giữa các thành phần kinh tế; giữa nước ta và các nước khác, v.v..

Hiện nay và trong suốt quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từ một nước nông nghiệp đi lên thì *bước đầu*, nước ta tập trung vào phương hướng mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra là: "Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở phát triển..."[1].

Trong liên minh công - nông - trí thức ở nước ta,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.86.

giai cấp nông dân chiếm đại bộ phận về số lượng, nông thôn nước ta vừa còn nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy, vừa còn rất nhiều khó khăn. Vì vậy, *một mặt,* phải khuyến khích và tạo điều kiện cho nông dân - hộ gia đình kinh tế *tự chủ* - ngày càng chủ động hơn trong việc hợp tác, liên kết với nhau và với công nhân, trí thức, với đô thị, với kinh tế nhà nước và với các thành phần kinh tế...; *mặt khác, điều quan trọng thiết thực hơn* là Nhà nước, công nhân, trí thức, công nghiệp và đô thị cần thực sự "đến với nông dân, nông nghiệp, nông thôn" để hướng dẫn, giúp đỡ, hợp tác... mà "cải thiện kinh tế nông dân", như V.I. Lênin đã chỉ dẫn, đồng thời cũng là mở rộng địa bàn thị trường để phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ và kinh tế nhà nước... trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Có như vậy, qua sự hợp tác, giao lưu kinh tế của liên minh thì công, nông, trí thức... mới ngày càng "xích lại gần nhau" nhờ quá trình xã hội hoá sản xuất và kinh tế.

3. Từng bước hình thành *quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa* ngay trong quá trình thực hiện liên minh, bằng cách đa dạng hoá các hình thức sở hữu và sử dụng các tư liệu sản xuất, trên cơ sở công hữu hoá những tư liệu sản xuất chủ yếu. Đa dạng hóa, đổi mới các hình thức hợp tác kinh tế, các loại hình hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, nhất là các dịch

vụ kinh tế ở nông thôn nhằm đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, kinh tế miền núi, kinh tế công nghiệp, kinh tế nhà nước, khoa học và công nghệ... trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đó cũng chính là việc tiếp tục phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa - trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Những nội dung trên đây là sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin về hợp tác hóa, nhất là đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn; rằng: "Chế độ hợp tác xã... là con đường... dễ tiếp thu nhất đối với nông dân" và "nông dân khi thấy có lợi cho họ, họ sẽ tìm cách mau chóng tham gia hợp tác xã..."; nhưng "phải cho chế độ hợp tác xã hưởng một số những đặc quyền kinh tế, tài chính, ngân hàng"[1].

Buông lỏng, coi nhẹ vấn đề hợp tác hoá, cải tạo quan hệ sản xuất hoặc theo quan điểm tư nhân hoá, hoặc "cải tạo" một cách tuỳ tiện, hình thức bề ngoài, sản xuất kém phát triển, đời sống của nhân dân không được nâng cao... thì đều là chệch hướng xã hội chủ nghĩa ngay khi thực hiện liên minh; thậm chí làm tan vỡ liên minh, rối loạn xã hội.

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.425.

4. Nội dung kinh tế của liên minh còn thể hiện trong tập trung ở vai trò của Nhà nước. Ở một nước nông nghiệp như nước ta hiện nay, cần đặc biệt chú trọng quan hệ giữa *Nhà nước* và *nông dân* khi thực hiện nội dung kinh tế của liên minh.

Quan hệ Nhà nước với nông dân, chủ yếu thể hiện qua hệ thống "chính sách khuyến nông", qua bộ máy nhà nước và các tổ chức khuyến nông, qua các cơ sở kinh tế nhà nước. Các luật và chính sách quan trọng nhất trực tiếp tác động hàng ngày và lâu dài đến kinh tế nông nghiệp, nông dân và nông thôn là: 1) Luật, chính sách và cơ chế *sở hữu, sử dụng, chuyển nhượng, thừa kế... đất đai, rừng...* 2) Luật và chính sách, cơ chế *đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn* (đầu tư vốn và cho vay với lãi suất ưu đãi: vật tư kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ mới, cải tiến quản lý, cán bộ, v.v.). 3) Luật và chính sách *giá cả*, nhất là giải quyết "cánh kéo" giữa giá nông sản hàng hoá với giá hàng công nghiệp, giá của khoa học công nghệ; trợ giá khi cần thiết... 4) Luật và chính sách *thuế sử dụng đất đai, rừng...* (thuế phải hợp lý, công bằng; miễn giảm đúng đắn; phải theo tư tưởng Hồ Chí Minh: thuế không chỉ là đóng góp thu lợi cho Nhà nước, mà thuế còn phải khuyến khích cho sản xuất). 5) Luật và chính sách *tiêu thụ, chế biến, bảo quản, bảo hiểm nông sản, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp*. Bởi vì, nông nghiệp không chỉ là một ngành kinh tế

mà còn là một ngành mang ý nghĩa sinh thái - xã hội.

Kinh tế nhà nước nói chung chẳng những đóng vai trò chủ đạo, mà các cơ sở kinh tế nhà nước gắn với địa phương và cơ sở còn trở thành những trung tâm về kinh tế, văn hoá, xã hội... giúp đỡ, hướng dẫn nông dân tạo việc làm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, học hỏi về kiến thức quản lý kinh tế và nhiều vấn đề về văn hoá, xã hội (nhất là ở thôn, bản miền núi, vùng các dân tộc thiểu số...).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX nêu rõ: "Đối với *giai cấp nông dân,* ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hoá, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới"[1].

Đối với trí thức, trước hết, *Nhà nước* cần đổi mới và hoàn chỉnh những luật và chính sách có liên quan

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.125.

trực tiếp đến *sở hữu trí tuệ*. Ví dụ: các luật và chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, về bản quyền tác giả, về giáo dục và đào tạo, về báo chí - xuất bản, về văn học nghệ thuật... Qua đó mà đổi mới cả về đào tạo, sử dụng lẫn đãi ngộ... ngày càng đúng đắn với hiệu quả ngày càng cao nhằm phát huy những tiềm năng của trí thức; đặc biệt là hướng vào liên kết, hợp tác *phục vụ công nông, gắn với cơ sở sản xuất và đời sống* của toàn xã hội. Tổ chức lại hệ thống các cơ quan hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có các trung tâm tầm cỡ quốc gia, phát huy tác dụng của những cơ quan và các nhà khoa học đầu đàn, tiềm năng của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ; tăng cường hợp tác khoa học trong nước (giữa các ngành khoa học và các cơ quan khoa học), giữa nước ta và quốc tế về khoa học và công nghệ, v.v..

Chỉ có sự liên kết, hợp tác thông qua những hoạt động kinh tế của công, nông, trí thức và của Nhà nước nêu trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng thì nước ta mới có thể hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: "Đối với *trí thức*, tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ và văn hoá thế giới, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức chuyên môn. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến.

Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy năng lực của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước và xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật"[1].

3. Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh

Tất cả những nội dung chính trị và nội dung kinh tế của liên minh trên đây, suy cho cùng cũng là để thoả mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu vật chất và tinh thần của công nhân, nông dân, trí thức và của toàn xã hội. Bởi vì mục đích cuối cùng của Đảng Cộng sản, của nhân dân, của chủ nghĩa xã hội là đạt mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những nội dung cơ bản, chung nhất nêu trên là phương hướng chủ đạo trực tiếp cho nội dung xã hội của liên minh, biểu hiện qua mấy nội dung cụ thể sau đây:

- Trong liên minh thì công nhân, nông dân, trí thức phải thể hiện trực tiếp vừa là chủ thể của các hoạt động sáng tạo về mọi mặt, vừa là chủ thể có quyền hưởng thụ một cách công bằng tất cả những thành quả của liên minh nói riêng và của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung. Đó chủ yếu là *những mục tiêu xã hội* mà từ Đại hội VI của Đảng ta cho đến

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.125 - 126.

nay đã thường xuyên coi là trọng tâm của công cuộc đổi mới, là sự thể hiện rõ nhất định hướng xã hội chủ nghĩa và tính ưu việt của chế độ ta so với các chế độ tư hữu, kể cả khi mới bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết nội dung đó thành một trong những bài học kinh nghiệm, rằng: "Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái"[1]. Định hướng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của xã hội cũng có nghĩa là thực hiện phương châm tổng quát: tất cả do con người và vì con người, mà lực lượng nòng cốt và đông đảo nhất lại là công, nông, trí thức được tổ chức trong một liên minh thống nhất.

- Nội dung xã hội mang ý nghĩa kinh tế và chính trị cấp thiết trước mắt của liên minh là tạo nhiều việc làm có hiệu quả thiết thực để xoá đói giảm nghèo cho nông dân, công nhân, trí thức - đặc biệt là khi đang tổ chức lại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Giải quyết tốt nội dung này sẽ khắc phục một nghịch cảnh đã xảy ra hàng bao thế kỷ ở các chế độ tư hữu và ngay trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Con người - vốn quý nhất của xã hội; nhưng, người lao động mà

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.72.

thất nghiệp lại biến thành "gánh nặng xã hội", trở thành một nguyên nhân có thể dẫn đến khủng hoảng, đổ vỡ chế độ xã hội.

- Thực hiện liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là kế tiếp chiến thắng vĩ đại với sự hy sinh to lớn của nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng trước. Đại đa số (khoảng 80%) những gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với nước, người chịu hậu quả chiến tranh... là nằm trong giai cấp nông dân, ở nông thôn. Vì vậy, việc đổi mới và thực hiện tốt các "*chính sách xã hội*"- đền ơn, đáp nghĩa; hỗ trợ xã hội trong nông dân, công nhân, trí thức... cũng là một nội dung xã hội cấp thiết, đồng thời nội dung này còn mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống... cho các thế hệ sau.

- Nâng cao dân trí (trước hết là xoá mù chữ cho một bộ phận nông dân, nhất là ở miền núi), kiến thức về khoa học công nghệ, nhận thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Chống các biểu hiện tiêu cực, nhất là ở nông thôn: quan liêu, tham nhũng; các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, v.v. bản thân tầng lớp trí thức và giai cấp công nhân cũng cần thường xuyên nâng cao tầm trí tuệ của mình trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào sản xuất và đời sống với trình độ ngày càng cao, ngang tầm thời đại.

- Trong quá trình thực hiện liên minh, nhất là khi

gắn với nội dung kinh tế, kỹ thuật, cần chú ý quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ và đô thị phải luôn gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, "đô thị hoá" những trọng điểm ở nông thôn, với các kết cấu hạ tầng ngày càng thuận tiện và hiện đại, nhất là những vùng núi, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa... (giao thông vận tải, điện, các nông trường, lâm trường, trạm, trại; các "cụm kinh tế - kỹ thuật"; các cơ sở y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao; các khu dân cư, các công trình phúc lợi công cộng, v.v.). Chỉ có như vậy, nội dung liên minh mới toàn diện và đạt mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa; mới có thể làm cho công, nông và trí thức cũng như các vùng, các miền, các dân tộc... "xích lại gần nhau" trên thực tế.

CHƯƠNG X

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Trong tất cả các quan hệ xã hội phong phú và phức tạp giữa người và người, quan hệ giai cấp và quan hệ dân tộc có tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến sự định hướng cuộc sống của mỗi con người ở thời đại hiện nay. Ở mọi dân tộc, quốc gia trên thế giới, nhất là những dân tộc, quốc gia đã từng bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân xâm lược áp bức trên cơ sở duy trì chế độ bóc lột ở bên trong, ý thức giải phóng dân tộc của nhân dân là động lực to lớn và khi nó kết hợp với ý thức giải phóng giai cấp của những người lao động sẽ trở thành nhân tố quyết định đối với sự phát triển và tiến bộ của đất nước. Vấn đề dân tộc và giai cấp được coi là những cơ sở quan trọng nhất trong hoạch định và thực hiện chiến lược phát triển ở mỗi dân tộc và mỗi quốc gia.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu quy luật phát triển khách quan của từng dân tộc, thực chất mối quan hệ giữa các dân tộc, lý giải những nguyên nhân dẫn tới tình trạng dân tộc này áp bức dân tộc khác, để từ đó nêu ra phương hướng, giải pháp nhằm

thực hiện quyền tự quyết của mỗi dân tộc và sự xích lại gần nhau của các dân tộc trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng.

I. SỰ HÌNH THÀNH DÂN TỘC VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA DÂN TỘC

1. Sự hình thành dân tộc

Lịch sử tiến hoá nhân loại đã chứng minh rằng, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Tuy ở mỗi quốc gia, khu vực, sự hình thành dân tộc có những nét đặc thù khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn có thể trình bày sự hình thành đó bằng những nét phổ quát nhất.

Trước khi cộng đồng dân tộc xuất hiện, loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng từ thấp đến cao như: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. Thị tộc và tiếp sau đó là bộ lạc là những hình thức cộng đồng tộc người đầu tiên trong lịch sử, xuất hiện và tồn tại trong thời đại cộng xã nguyên thuỷ, trong đó yếu tố huyết thống đóng vai trò chi phối. Tiếp theo là bộ tộc - hình thức cộng đồng người xuất hiện và tồn tại trong chế độ nô lệ và phong kiến. Ở cộng đồng bộ tộc, những nhân tố tộc người trong cộng đồng thị tộc, bộ lạc được kế thừa và phát triển ở mức cao hơn, nhưng đã chịu sự chi phối của nhân tố kinh tế, nhân tố giai cấp.

Theo V.I. Lênin, ở các nước phương Tây chỉ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, cộng đồng bộ tộc mới phát triển thành dân tộc. Bởi vì, chỉ có trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất, nền kinh tế sản xuất hàng hóa-tiền tệ mới có thể ra đời và làm xuất hiện thị trường dân tộc. Lúc đó, hàng rào ngăn cách giữa các vùng, các bộ tộc lần lượt sụp đổ, tình trạng cát cứ địa phương bị phá vỡ và dân tộc xuất hiện hoặc là trên cơ sở một bộ tộc, hoặc là do sự hợp nhất nhiều bộ tộc. Loại hình dân tộc đó do giai cấp tư sản thống trị, nên được gọi là dân tộc tư sản. Ở một số nước phương Đông, cộng đồng dân tộc xuất hiện trước chủ nghĩa tư bản do sự thúc đẩy của nhiều nhân tố cố kết tự nhiên và xã hội trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Loại hình dân tộc này được gọi là dân tộc tiền tư bản.

Trên con đường phát triển của lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, loại hình dân tộc tư bản và dân tộc tiền tư bản sẽ trải qua sự cải biến sâu sắc để trở thành dân tộc xã hội chủ nghĩa trong đó giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo, nhân dân lao động trở thành chủ thể tích cực quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh và sự tiến bộ của dân tộc.

2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của dân tộc

Hiện nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo

nhiều nghĩa, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất:

- Chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt kinh tế, có ngôn ngữ riêng, văn hoá có những đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa, phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó.

- Chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Với nghĩa thứ nhất, dân tộc là một bộ phận của quốc gia, ví dụ: dân tộc Kinh, dân tộc Bana, dân tộc Êđê... ở nước ta. Với nghĩa thứ hai, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó (quốc gia dân tộc), ví dụ: dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam... Ta cũng có thể gọi là quốc gia Ấn Độ, quốc gia Trung Hoa, quốc gia Việt Nam. *Ở bài này, dân tộc được hiểu theo nghĩa thứ nhất.* Tuy vậy, chỉ khi đặt nó bên cạnh nghĩa thứ hai, trong mối liên hệ với nghĩa thứ hai thì sắc thái nội dung của nó mới bộc lộ đầy đủ.

Dân tộc thường được nhận biết qua các đặc trưng chủ yếu sau đây:

- Có chung sinh hoạt kinh tế. Các mối quan hệ kinh tế là cơ sở để liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc lại. Nó tạo nên nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc.

- Có thể cư trú tập trung trên một vùng lãnh thổ của cả nước, hoặc cư trú đan xen với nhiều dân tộc anh em. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ đất nước.

- Có ngôn ngữ riêng và có thể có chữ viết riêng (trên cơ sở ngôn ngữ chung của quốc gia) làm công cụ giao tiếp trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hoá, tình cảm...

- Có nét tâm lý riêng (nét tâm lý dân tộc) biểu hiện kết tinh trong đặc thù văn hoá dân tộc, gắn bó với nền văn hoá của cả cộng đồng các dân tộc (quốc gia dân tộc).

Các đặc trưng chủ yếu trên đây gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định.

Sự tổng hợp các đặc trưng nêu trên làm cho cộng đồng dân tộc được đề cập ở đây - về thực chất - là một cộng đồng xã hội-tộc người, trong đó những nhân tố tộc người đan kết, hoà quyện vào các nhân tố xã hội. Điều đó làm cho khái niệm dân tộc khác với các khái niệm sắc tộc, chủng tộc, thường chỉ căn cứ vào các đặc

điểm tự nhiên, chẳng hạn màu da hay cấu tạo tự nhiên của các bộ phận trong cơ thể để phân loại cộng đồng người.

Hiểu khái niệm và các đặc trưng của dân tộc như trên cần thấy rằng khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Điều khẳng định này có căn cứ ở chỗ dân tộc ra đời trong những quốc gia nhất định và thông thường thì những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia, chúng bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau.

Nếu như cộng đồng thị tộc (trong xã hội nguyên thuỷ) mang tính thuần tuý tộc người bởi vì trong đó quan hệ huyết thống còn đóng vai trò chi phối tuyệt đối, thì ở cộng đồng bộ lạc và liên minh bộ lạc (xuất hiện vào cuối xã hội nguyên thuỷ) đã xuất hiện dưới dạng ban đầu những thiết chế chính trị - xã hội, những tổ chức hành chính ở dạng sơ khai. Điều đó làm cho cộng đồng bộ lạc vừa mang tính tộc người, vừa mang tính chính trị-xã hội, trong đó những quan hệ tộc người xen với những quan hệ chính trị - xã hội. Cộng đồng bộ tộc xuất hiện vào thời kỳ xã hội đã có sự phân chia rõ rệt hơn về giai cấp, và sau đó là sự xuất hiện của nhà nước - quốc gia. Đến đây, sự cố kết bộ tộc là nhân tố quan trọng trong sự hình thành và củng cố quốc gia; ngược lại, sự hình thành, củng cố quốc gia là điều kiện có ý nghĩa quyết định sự củng cố

và phát triển của cộng đồng bộ tộc, là sự chuẩn bị quan trọng nhất để cộng đồng bộ tộc chuyển tới một hình thức cao hơn, tức là dân tộc.

Tính tộc người và tính chính trị-xã hội đó ghi đậm vào tâm trí của đông đảo dân cư ý thức gắn bó quyền lợi và nghĩa vụ của mình với dân tộc đồng thời với nhà nước, quốc gia. Tình cảm đối với dân tộc hoà nhập vào tình cảm đối với Tổ quốc và trở thành một trong những giá trị thiêng liêng, bền vững của nhiều thế hệ người ở nhiều dân tộc, quốc gia. Tình cảm ấy xuất hiện và được củng cố trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài, trở thành nét truyền thống đặc sắc của các dân tộc, quốc gia đó.

Nhận thức điều này không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng và các quan hệ xã hội - không thể thiếu nội dung cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc. Ngược lại, việc cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc không thể tách rời công cuộc cải tạo, xây dựng toàn diện xã hội mà trước hết là xây dựng chế độ chính trị-xã hội, xây dựng nhà nước theo con đường tiến bộ. Dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ xuất hiện do kết quả của sự cải tạo, xây dựng từng bước cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc theo các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời,

dân tộc xã hội chủ nghĩa cũng chỉ có thể xuất hiện do kết quả của công cuộc cải tạo, xây dựng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để từng bước củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, không nên xem nhẹ hoặc làm lu mờ những nhân tố dân tộc còn tồn tại lâu dài trong một cộng đồng quốc gia gồm nhiều dân tộc. Nhân tố dân tộc bao giờ cũng in đậm dấu ấn trong cộng đồng đó. Nhân tố dân tộc đó được biểu hiện nổi bật nhất trong văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nếp tâm lý và tình cảm. Chúng hoà quyện vào nhau tạo thành một thể thống nhất mà đa dạng về bản sắc dân tộc. Đó là lĩnh vực phong phú, sâu sắc, tế nhị và rất nhạy cảm trong thế giới tinh thần của nhân dân mỗi dân tộc. Nó là căn cứ chủ yếu để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Chính vì thế, ở nhiều nước, người ta căn cứ vào các tiêu chí ngôn ngữ, văn hoá, ý thức tự giác dân tộc để xác định thành phần dân tộc của một người, của một nhóm người. Nhân tố đó được hình thành do kết quả của sự kế thừa những giá trị truyền thống từ thời kỳ thị tộc, bộ lạc, bộ tộc được lưu truyền qua nhiều thế hệ và phát triển đầy đủ hơn trong từng cộng đồng dân tộc. Nó được lưu giữ lâu dài trong cộng đồng dân tộc đó ngay trong thời đại mà giao lưu quốc tế giữa các dân tộc đã phát triển.

Điều đó đòi hỏi nhà nước xã hội chủ nghĩa trong

khi hoạch định và thực hiện mọi chính sách chung của quốc gia, cần chú ý đến tính đặc thù của cộng đồng gồm nhiều dân tộc, hơn nữa, cần có những chính sách riêng đáp ứng những đòi hỏi chính đáng mang tính đặc thù của từng dân tộc.

II. QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ HAI XU HƯỚNG KHÁCH QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN DÂN TỘC VÀ BIỂU HIỆN CỦA HAI XU HƯỚNG ĐÓ TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc

Nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan:

Về xu hướng thứ nhất, ở những quốc gia, khu vực tư bản chủ nghĩa gồm nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau làm ăn, sinh sống. Đến một thời kỳ nào đó, sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh đầy đủ về quyền sống của mình mà các cộng đồng dân cư đó muốn tách khỏi nhau để thành lập các dân tộc độc lập. Bởi vì họ hiểu rằng, chỉ trong cộng đồng độc lập đó họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình mà cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình. Trong thực tế, xu hướng này biểu hiện

thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc để đi tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Về xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí, các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau. Xu hướng này phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Sự thể hiện hai xu hướng khách quan trên đây trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc gặp nhiều trở ngại. Nguyện vọng của các dân tộc được sống độc lập, tự do bị chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc xoá bỏ. Chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đã biến hầu hết các dân tộc nhỏ bé hoặc còn ở trình độ lạc hậu thành thuộc địa và phụ thuộc của nó. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận để thay vào đó là những khối liên hiệp do nó lập ra nhằm duy trì sự áp đặt áp bức, bóc lột đối với các dân tộc đó, trên cơ sở bất bình đẳng và bị cưỡng bức.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu thì tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch các dân tộc khác mới bị xoá bỏ. Và chỉ khi đó, hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc mới có điều kiện để thể hiện đầy đủ. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự quá độ lên một xã hội thực sự tự do, bình đẳng, đoàn kết hữu nghị giữa người và người.

2. Biểu hiện của hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại hiện nay

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc do V.I. Lênin phát hiện đang phát huy tác động trong thời đại ngày nay với những biểu hiện rất phong phú và đa dạng.

Xét trong phạm vi các quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc.

Ở các nước này, xu hướng thứ nhất biểu hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự chủ và phồn vinh của bản thân dân tộc mình. Xu hướng thứ hai tạo nên sức thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc trong cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn nữa, hoà hợp với nhau ở mức độ cao hơn trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, hai xu

hướng phát huy tác động cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong cả cộng đồng quốc gia và đụng chạm đến tất cả các quan hệ dân tộc. Sự tự chủ, phồn vinh của từng dân tộc sẽ tạo điều kiện cho dân tộc đó có thêm những điều kiện vật chất và tinh thần để hợp tác chặt chẽ hơn với các dân tộc anh em. Sự xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng giữa các dân tộc sẽ tạo điều kiện cho từng dân tộc đi nhanh tới sự tự chủ và phồn vinh. Bởi vì, nó cho phép mỗi dân tộc không chỉ sử dụng tiềm năng của dân tộc mình mà còn dựa vào tiềm năng của các dân tộc anh em để tiến lên phía trước. Sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc trong cùng quốc gia có nghĩa là những tinh hoa, những giá trị của các dân tộc đó thâm nhập vào nhau, bổ sung, hoà quyện vào nhau để tạo thành những giá trị chung. Giá trị chung đó là kết quả đóng góp của các dân tộc, lại trở thành cơ sở để liên kết các dân tộc đó ở một trình độ cao hơn.

Phải làm sao cho sự hoà quyện đó không xoá bỏ sắc thái của từng dân tộc, không xoá nhoà những đặc thù dân tộc; ngược lại, nó bảo lưu, gìn giữ và phát huy những tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã khẳng định:

"Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc

trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc"[1].

Mọi sự vi phạm quan hệ biện chứng giữa hai xu hướng khách quan nêu trên - như nhiều nước trước đây là xã hội chủ nghĩa đã chứng minh - đều dẫn tới những hậu quả tiêu cực.

Xét trên phạm vi thế giới, sự tác động của hai xu hướng khách quan thể hiện rất nổi bật.

Thời đại hiện nay là thời đại các dân tộc bị áp bức đã vùng dậy, xoá bỏ xiềng xích nô dịch và giành lấy quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, bao gồm quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc, quyền bình đẳng với các dân tộc khác.

Đó là một trong những mục tiêu chính trị chủ yếu của thời đại - mục tiêu độc lập dân tộc.

Xu hướng này biểu hiện trong phong trào giải phóng dân tộc thành sức mạnh chống chủ nghĩa đế quốc và chính sách thực dân mới dưới mọi hình thức, phá tan những khối liên hiệp giả hiệu mà thực chất chỉ là tấm bình phong để chủ nghĩa đế quốc, thực dân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.98.

áp bức, bóc lột các dân tộc lạc hậu. Xu hướng này cũng biểu hiện trong cuộc đấu tranh của các dân tộc nhỏ bé hiện còn đang là nạn nhân của sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, vẫn đang bị coi là đối tượng của chính sách đồng hoá cưỡng bức ở nhiều nước tư bản. Độc lập tự chủ của mỗi dân tộc là xu hướng khách quan, là chân lý thời đại, là sức mạnh hiện thực tạo nên quá trình phát triển của mỗi dân tộc, sẽ làm tiêu tan tất cả những gì cản trở nó.

Ngược lại, trong thời đại ngày nay, còn có xu hướng các dân tộc muốn xích lại gần nhau để trở lại hợp nhất thành một quốc gia thống nhất theo nguyên trạng đã được hình thành trong lịch sử. Xu hướng đó tạo nên sức hút các dân tộc vào các liên minh được hình thành trên những cơ sở lợi ích nhất định. Có những lợi ích mang tính khu vực - dựa trên yếu tố gần nhau về địa lý, giống nhau về môi trường thiên nhiên, tương đồng nhau về một số giá trị văn hoá, trùng hợp nhau về lịch sử và hiện tại trong cuộc đấu tranh chống một kẻ thù chung bên ngoài nào đó. Bước vào những năm 90 thế kỷ XX, như thực tế đã chứng minh, xu hướng tập đoàn hoá ở các khu vực của thế giới tăng lên rõ rệt không chỉ do tác động của lợi ích kinh tế (các dân tộc, quốc gia trong khu vực muốn dựa vào nhau để vượt qua những khó khăn trước mắt, để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh...) mà còn do sức thúc đẩy của các lợi ích chính trị (các

dân tộc, các quốc gia này muốn tìm ở khối liên minh khu vực một chỗ dựa mong đối phó với sức ép của một số nước mạnh nào đó ở bên ngoài khu vực). Hơn nữa, sự liên minh đó còn tạo nên sức hút trên toàn cầu nhằm tập trung sự chú ý của các dân tộc, quốc gia vào việc giải quyết những vấn đề chung của cả nhân loại như ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân huỷ diệt, chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái, khắc phục nạn đói xảy ra thường xuyên ở nhiều nước trên thế giới và cướp đi nhiều triệu sinh mạng, kế hoạch hoá sự phát triển dân số và bảo vệ sức khoẻ... Lợi ích toàn cầu có tác động sâu xa gắn bó loài người trong một quá trình vận động thống nhất: các dân tộc, quốc gia trên thế giới còn đang ở những trình độ phát triển khác nhau và đang cần sự hỗ trợ nhau để cùng tiến bộ.

Nhận rõ điều này, mỗi dân tộc, quốc gia phải biết thực hiện chính sách mở cửa để hoà nhập vào dòng vận động chung của nhân loại, đồng thời phải tìm được giải pháp hữu hiệu để giữ gìn, phát huy bản sắc của dân tộc mình.

Dựa trên sự phân tích hai xu hướng khách quan nêu trên, Đảng ta khẳng định đường lối: "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.84.

III. CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

1. Cương lĩnh của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc

Trong vấn đề dân tộc, cương lĩnh của chủ nghĩa Mác-Lênin gồm ba nội dung chủ yếu: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc có quyền tự quyết, đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc trong cuộc đấu tranh xoá bỏ áp bức dân tộc và xây dựng mối quan hệ mới giữa các dân tộc.

Bình đẳng giữa các dân tộc, trước hết là thủ tiêu tình trạng giai cấp này áp bức giai cấp khác để trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng dân tộc này đặt ách nô dịch lên dân tộc khác. Tiếp đó phải từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch trong sự phát triển của các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc còn ở trình độ lạc hậu, bằng sự nỗ lực của chính mình cùng với sự giúp đỡ của các dân tộc anh em phát triển nhanh trên con đường tiến bộ. Sự bình đẳng toàn diện giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... phải được ghi nhận về pháp lý và quan trọng hơn là phải được thực hiện trong cuộc sống.

Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân

lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

V.I. Lênin luôn thể hiện quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét và giải quyết vấn đề tự quyết của các dân tộc. Ví dụ: Những năm trước Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, V.I. Lênin ủng hộ yêu sách của các dân tộc bị áp bức, đòi phân lập. Yêu sách đó góp phần làm suy yếu chế độ chuyên chế Nga hoàng, làm thất bại chính sách dân tộc sôvanh Đại Nga của nó, tạo điều kiện đưa cách mạng đi tới thắng lợi. Sau Cách mạng Tháng Mười, V.I. Lênin ủng hộ nguyện vọng liên hiệp lại của các dân tộc, vì điều đó là tất yếu và cần thiết để bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, xoá bỏ những hằn thù để liên kết các dân tộc thành một quốc gia rộng lớn nhằm bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được và cùng nhau xây dựng xã hội mới. Như vậy, V.I. Lênin triệt để đấu tranh chống áp bức dân tộc, đồng thời kiên quyết đấu tranh gạt bỏ những trở ngại để các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau.

Nước ta, vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, hàng trăm năm bị đè nén và đầu độc bởi chính sách chia để trị của thực dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra và thực hiện những quan điểm đúng đắn về vấn đề dân tộc.

Ở nước ta, nội dung cao nhất của quyền tự quyết

là các dân tộc đoàn kết đấu tranh giành và giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, cùng nhau giữ gìn sự thống nhất của Tổ quốc, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa - để các dân tộc đều được phát triển tự do, đầy đủ và được hạnh phúc, ấm no.

Những quan điểm mang tính nguyên tắc về quyền độc lập tự quyết của Đảng ta khác về chất với chính sách chia để trị của thực dân Pháp trước kia ở nước ta. Chúng tuyên bố thành lập xứ Nam Kỳ tự trị, Tây Kỳ tự trị, xứ Thái tự trị, xứ Mường tự trị... nhưng mục đích thực sự là chia cắt đất nước ta, chia rẽ nhân dân các dân tộc để từ đó tước bỏ quyền độc lập của nước ta, kìm kẹp nhân dân ta trong vòng nô lệ lâu dài.

Những quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc không phải tự nhiên mà có. Ngược lại, chúng là kết quả của cuộc đấu tranh chống mọi thế lực xâm lược, áp bức dân tộc và gây nên sự đồng hoá cưỡng bức đối với nhiều dân tộc. Đồng thời, việc thực hiện quyền bình đẳng và tự quyết dân tộc cũng tuỳ thuộc vào sự đoàn kết, thống nhất giai cấp công nhân các dân tộc trong từng quốc gia cũng như trên toàn thế giới. Chỉ có đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mới thực hiện được quyền bình đẳng và tự quyết đúng đắn, khắc phục được thái độ kỳ thị, lòng thù hằn dân tộc. Cũng từ đó mới đoàn kết được nhân dân lao động các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc

lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chính vì thế, nội dung đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc được nêu trong Cương lĩnh không chỉ là lời kêu gọi mà còn là giải pháp hữu hiệu bảo đảm việc thực hiện quyền bình đẳng và tự quyết dân tộc. Nội dung đó đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của Cương lĩnh thành một chỉnh thể. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là sự thể hiện thực tế tinh thần yêu nước mà thời đại ngày nay đã trở thành sức mạnh cực kỳ to lớn. Nội dung đó phù hợp với tinh thần quốc tế chân chính đang lên tiếng kêu gọi các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau.

Như vậy, cuộc sống không bác bỏ Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin; ngược lại, nó cung cấp thêm sự kiện để xác nhận sự đúng đắn của Cương lĩnh đó và đòi hỏi chi tiết hoá Cương lĩnh đó, vận dụng cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng dân tộc, quốc gia trong thời đại ngày nay.

2. Đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta

Khái quát tình hình dân tộc ở nước ta

Nước ta gồm 54 dân tộc. Dân tộc đông nhất là dân tộc Kinh, chiếm 86,2% dân số, 53 dân tộc còn lại chiếm 13,8% dân số. Các dân tộc thiểu số đông dân nhất là: Tày, Thái, Mường, Khmer, Hoa, Nùng,

Mông, Dao, Giarai, Êđê, Chăm, Sán Dìu. Các dân tộc Brâu, Ơđu, Rơ Măm chỉ có trên 300 người.

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú trên địa bàn rộng lớn chiếm 3/4 diện tích đất nước, chủ yếu là miền núi, trên toàn tuyến biên giới, một số ở đồng bằng và hải đảo. Ở nhiều tỉnh như Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu..., các dân tộc thiểu số chiếm hơn 70% dân số, trong đó, Cao Bằng khoảng 92%. Tình trạng cư trú xen kẽ là một trong những nét nổi bật trong tình hình dân tộc ở nước ta. Tình trạng đó ngày càng tăng.

Hai nhân tố chủ yếu - yêu cầu phát triển sản xuất ở một nước nông nghiệp cấy lúa nước mà công việc thuỷ lợi bao giờ cũng nổi lên hàng đầu và phải thường xuyên chống kẻ thù ngoại xâm lớn hơn mình nhiều lần - đã dẫn tới sự hình thành ở Việt Nam loại hình dân tộc tiền tư bản chủ nghĩa với những nét riêng độc đáo, đồng thời in dấu ấn nổi bật lên mối quan hệ giữa các dân tộc cùng sống trong cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Những nét nổi bật nhất là:

Tuy gồm 54 dân tộc, nhưng yếu tố liên kết tạo nên tính cộng đồng chung - cộng đồng các dân tộc, cộng đồng quốc gia - đã đạt tới mức độ bền vững. Tính cộng đồng đó được hình thành, củng cố trong một quá trình lịch sử lâu dài. Dân cư nhiều dân tộc có ý thức

sâu sắc về một cội nguồn chung và, khi giao tiếp, dân cư các dân tộc dễ nhận ra ở nhau những nét tương đồng (tuy rằng khác "giống" nhưng chung một "giàn"). Người thuộc dân tộc nào cũng hiểu rằng mình là người Việt Nam với một lòng tự hào rất chính đáng. Non sông, đất nước đã từ lâu trở thành một dải, là lãnh thổ chung, trên đó sớm hình thành một nhà nước trung ương tập quyền (khoảng thế kỷ X) và được ghi nhận sâu sắc không chỉ trong nhận thức mà trong cả tình cảm dân cư các dân tộc bằng biểu tượng thiêng liêng là Tổ quốc. Nước ta có một lịch sử chung mà nhân dân các dân tộc đều tự hào, có một truyền thống chung mà nhân dân dân tộc nào cũng nâng niu giữ gìn - truyền thống đoàn kết. Trong cơ cấu của cộng đồng các dân tộc ấy, dân tộc Kinh về khách quan, đã đóng vai trò là lực lượng trung tâm, là "điểm" quy tụ các dân tộc anh em bởi tính hấp dẫn không chỉ do ưu thế tuyệt đối về số lượng mà còn do sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đã đạt tới trình độ cao hơn nhiều dân tộc anh em khác.

Trên cơ sở lòng tự hào của mỗi người thuộc từng dân tộc về cộng đồng dân tộc Việt Nam nói chung đã hình thành một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam truyền thống. Thực tế cho thấy chỉ có chủ nghĩa yêu nước mới có thể là ngọn cờ đoàn kết các dân tộc anh em trong cộng đồng Việt Nam bao gồm những bộ phận dân cư khác nhau về trình độ phát triển, về địa bàn

cư trú, về điều kiện môi trường sinh thái, về ngôn ngữ, về tín ngưỡng tôn giáo, về đặc thù văn hoá... có thể chung sống tương thân tương ái hướng vào sự nghiệp phát triển đất nước (kể cả hơn 2 triệu người Việt Nam hiện còn đang làm ăn, sinh sống ở trên 80 nước của thế giới).

Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, tính cộng đồng trên đây không những được củng cố mà còn được nâng lên một chất lượng mới: dân cư các dân tộc ý thức rằng, sự nghiệp giành và giữ vững nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới là sự nghiệp chung và là quyền lợi thiêng liêng của tất cả các dân tộc.

Tính cộng đồng trên đây làm cho các dân tộc ở nước ta gắn bó chặt chẽ với nhau theo một xu thế và một con đường phát triển chung. Từ lâu, các dân tộc ở nước ta không có sự phát triển riêng rẽ (hiểu theo nghĩa tuyệt đối) mà phụ thuộc vào xu thế phát triển chung của cả cộng đồng, cả nước. Tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc tạo nên động lực cực kỳ to lớn mà thiếu nó thì các dân tộc (nhất là các dân tộc thiểu số còn ở trình độ lạc hậu) không thể phát triển nhanh theo bước đi chung của cả nước như hiện nay.

Trong bối cảnh đó, sẽ không có ở Việt Nam những nền kinh tế dân tộc riêng rẽ, những thực thể xã hội của mỗi dân tộc hoàn toàn tách biệt với các dân tộc

khác, những thiết chế kiểu dân tộc tự trị giống như ở một số nước khác. Ngược lại, chúng là bộ phận của một tổng thể trong từng vùng và trong cả nước.

Trong cộng đồng các dân tộc cũng còn những nét khác biệt làm rõ ranh giới của mỗi dân tộc phân biệt với các dân tộc khác.

Ví dụ: Về kinh tế, cho đến khi bước vào chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, có những dân tộc đã tiến tới trình độ kinh tế tiền tư bản, nhưng cũng có những dân tộc mới chỉ qua trình độ của nền kinh tế hái lượm để bước đầu chuyển sang nền kinh tế sản xuất với công cụ còn rất thô sơ, thậm chí chưa biết sử dụng sức kéo của gia súc và chưa biết làm thuỷ lợi. Về xã hội, có những dân tộc đã đạt tới mức độ phân hoá giai cấp sâu sắc với một cơ cấu xã hội - giai cấp phức tạp, nhưng cũng có những dân tộc mới chỉ ở thời kỳ đầu của một xã hội có giai cấp, nghĩa là gần tương ứng với giai đoạn cuối cùng của xã hội công xã nguyên thuỷ. Về văn hoá, nhiều dân tộc ở nước ta có di sản văn hoá với bản sắc riêng rất độc đáo. Về ngôn ngữ, các dân tộc nước ta đều có tiếng nói riêng - tiếng "mẹ đẻ" - và đến nay đã có 26 dân tộc có chữ viết.

Nhìn chung, tình trạng phát triển không đồng đều và trình độ chênh lệch giữa các dân tộc trên các lĩnh vực còn rõ rệt. Tình trạng đó do những nguyên nhân tự nhiên (điều kiện địa lý, khí hậu từng vùng mà dân

cư các dân tộc cư trú khác nhau), do nguyên nhân lịch sử (nhất là do hậu quả của chính sách cai trị thực dân trước đây) và do cả những thiếu sót của Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc.

Trong tình hình đó, các dân tộc ở nước ta bước vào giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội chịu tác động của xu thế chung của cả cộng đồng, cả nước nhưng với những nét đặc thù rất nổi bật của từng dân tộc, từng vùng. Điều đó đòi hỏi phải nắm vững cái chung, hướng các dân tộc vào con đường phát triển chung với sức mạnh to lớn của cả cộng đồng, vừa phải vận dụng những nguyên tắc chung cho phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, đồng thời có những chính sách riêng bổ sung cho những chính sách chung nhằm đáp ứng đầy đủ những yêu cầu khách quan của từng dân tộc, từng vùng. Chính sách đó phải phù hợp với xu hướng khách quan của các dân tộc không ngừng xích lại gần nhau hơn nữa, hoà hợp với nhau và đang là xu hướng chủ đạo trong mối quan hệ dân tộc ở nước ta. Nhưng chính sách đó cũng phải phù hợp với xu hướng khách quan khác đang phát huy tác dụng: nhu cầu của mỗi dân tộc ở nước ta vươn tới sự tự chủ và phồn vinh dân tộc ở mức độ ngày càng cao hơn. Phải làm cho hai xu hướng đó vận động với đủ sức mạnh của chúng trong một tiến trình mang tính nhất quán về mặt định hướng.

Những định hướng lớn trong đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta:

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam"[1]. Cụ thể hơn:

- Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị dân tộc và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

- Đảng và Nhà nước thực hiện một chiến lược kinh tế chung trong đó ưu tiên đúng mức cho sự phát triển kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu. Thực hiện điều đó vừa đáp ứng yêu cầu khai thác tiềm năng to lớn của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu, vừa đáp ứng yêu cầu xoá bỏ dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các dân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội. 1991, tr. 16.

tộc, các vùng để các dân tộc thực sự bình đẳng và hoà hợp với nhau hơn nữa. Tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhưng bằng những hình thức, bước đi phù hợp với đặc điểm dân tộc. Phát huy hiệu quả của sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, trong đó đánh giá đúng mức vai trò, tác dụng sự giúp đỡ của các dân tộc đa số, có trình độ phát triển cao hơn đối với các dân tộc thiểu số còn ở trình độ lạc hậu. Thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, tạo điều kiện cho nhân dân chủ động sản xuất, gắn bó với đất, với rừng. Chương trình cấp Nhà nước về định canh, định cư cần được đầu tư thoả đáng và tổ chức thực hiện tốt (hiện nay, trong cả nước còn khoảng một triệu người sống du canh, du cư).

- Trên cơ sở phát triển kinh tế, công cuộc cải tạo và phát triển về mặt xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số cần gắn chặt với việc thực hiện chương trình phân bổ lại lao động xã hội để hình thành một cơ cấu xã hội dân cư mới ở các vùng này. Điều đó có ý nghĩa xã hội cực kỳ quan trọng, nó sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy bước tiến của các dân tộc thiểu số còn đang ở trình độ lạc hậu.

- Quan tâm đến sự phát triển văn hoá, giáo dục của mỗi dân tộc, tạo điều kiện để thực hiện xoá mù chữ, phổ cập giáo dục cũng như tạo điều kiện cho từng dân tộc khai thác, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc mình bằng khả năng sẵn có. Đồng thời,

bằng nhiều hình thức, thúc đẩy một cách hợp lý quá trình giao lưu, hoà hợp tinh hoa văn hoá của các dân tộc mà tác dụng của nó vừa làm cho nền văn hoá mỗi dân tộc tự bổ sung để đạt tới mức độ giàu có hơn vừa làm cho quá trình phát triển của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc được thúc đẩy mạnh mẽ.

- Thực hiện và bảo đảm về mặt pháp lý quyền bình đẳng giữa các ngôn ngữ trên lãnh thổ Việt Nam, tạo điều kiện để có được quyền bình đẳng thực tế của các ngôn ngữ. Nội dung quyền bình đẳng giữa các ngôn ngữ được thể hiện ở chỗ các dân tộc được quyền sử dụng ngôn ngữ của mình trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, các phạm vi giao tiếp, từ nội bộ các dân tộc đến ngoài xã hội, trong giáo dục, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước toà án, trên các giấy tờ hành chính cũng như thư tín cá nhân...; đồng thời, có chính sách tích cực để phổ biến nhanh chóng và sâu rộng ở trình độ cao ngôn ngữ phổ thông - tiếng Việt - trong tất cả các dân tộc thiểu số ở nước ta. Tiếng Việt là ngôn ngữ chung, ngôn ngữ quốc gia của tất cả các dân tộc, là phương tiện giao lưu văn hoá giữa các dân tộc ở Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới.

- Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, văn hoá, khoa học... cho từng dân tộc; đồng thời giáo dục tinh thần đoàn kết hợp tác cho cán bộ các dân tộc. Bởi

vì, chỉ tinh thần đó mới phù hợp với đòi hỏi khách quan của công cuộc phát triển dân tộc và xây dựng đất nước. Trong công cuộc đó, không dân tộc nào có thể chỉ sử dụng đội ngũ cán bộ xuất thân từ dân tộc mình, ngược lại, cần sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các đội ngũ cán bộ thuộc mọi dân tộc trong cả nước.

- Đưa vào vị trí trung tâm của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng việc giáo dục cho nhân dân các dân tộc lòng tự hào chân chính về dân tộc mình, đồng thời giáo dục về chủ nghĩa yêu nước, yêu mến Tổ quốc Việt Nam, tinh thần quốc tế chân chính. Đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc, thái độ hư vô, xem nhẹ vấn đề dân tộc, tâm lý tự cao của dân tộc lớn: tâm lý hẹp hòi, khép kín của dân tộc nhỏ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2001) đặc biệt chú trọng vấn đề dân tộc và cụ thể hoá nhiều nội dung mới. Đại hội chỉ rõ: "*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng*. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền

xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc"[1].

Đại hội X của Đảng vẫn tiếp tục nhấn mạnh vấn đề dân tộc và khẳng định đây là vấn đề chiến lược *lâu dài* trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Văn kiện chỉ rõ: "*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.127-128.

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 121-122.

CHƯƠNG XI

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản thuộc về bản chất của giai cấp công nhân, là những phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhưng trên những vấn đề này, nhiều người chưa hiểu rõ, thậm chí còn ngộ nhận, dẫn đến những hành động sai lầm đáng tiếc trong thực tiễn. Đặc biệt, trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, những bản chất ấy của giai cấp công nhân phải được quán triệt một cách sâu sắc và đúng đắn để có những hành động đúng đắn và sáng tạo.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển... Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản

và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới"[1].

I. CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Khái niệm chủ nghĩa yêu nước

"Chủ nghĩa yêu nước" là một khái niệm phản ánh hệ thống những tư tưởng, tình cảm, ý chí và hành động của một quốc gia dân tộc, của một giai cấp nhằm bảo vệ nền độc lập tự do, toàn vẹn lãnh thổ và những giá trị vật chất và tinh thần mà dân tộc và Tổ quốc đã tạo nên trong suốt quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước.

Trong xã hội có giai cấp thì chủ nghĩa yêu nước vừa mang bản sắc truyền thống dân tộc, vừa dưới sự chủ đạo của hệ tư tưởng và chính quyền của giai cấp thống trị - lãnh đạo xã hội.

Khái niệm "Chủ nghĩa yêu nước" gắn liền với các khái niệm dân tộc, quốc gia dân tộc, Tổ quốc. V.I. Lênin đã từng nói rất đúng rằng, chủ nghĩa yêu nước nói chung là "một trong những tình cảm sâu sắc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119 - 122.

nhất, đã được củng cố qua hàng trăm hàng nghìn năm tồn tại của các tổ quốc biệt lập"[1].

Lấy chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam làm ví dụ, chúng ta sẽ thấy rõ tình cảm thiêng liêng và truyền thống quý báu ấy của người Việt Nam sâu đậm đến mức nào. Ở đây, chúng ta phải kiên quyết phản đối những kẻ xuyên tạc sự thật, chúng cho rằng người cộng sản quan niệm chỉ có giai cấp công nhân mới yêu nước. Lịch sử nước ta, ai cũng thấy rõ đó là lịch sử yêu nước nồng nàn hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam kể từ các Vua Hùng dựng nước đến các thời kỳ lịch sử của dân tộc ta gắn với các tấm gương tiêu biểu như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Đinh Tiên Hoàng, Lý Nam Đế, Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung cho đến các chí sĩ cách mạng thời cận đại và Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được biểu hiện qua các thời đại *ở tinh thần xả thân cứu nước* mỗi khi đất nước bị xâm lăng, đô hộ, ở ý chí quật cường của cả một dân tộc *không chỉ biết* bảo vệ Tổ quốc mà còn biết *bồi đắp* cho đất nước thành non sông gấm vóc với những con đê dài rộng; những cánh đồng phì nhiêu; những bờ biển và dòng sông trù phú. Trừ một số ít tên phản quốc mà muôn đời sử sách Việt Nam không ngừng phỉ

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.37, tr.226.

nhổ, hầu hết con người Việt Nam đều có ý thức về mình thuộc cùng một dòng máu Lạc Hồng, đều giữ vững lòng yêu nước trong mọi hoàn cảnh, đều chung lưng đấu cật dựng nước và giữ nước. Ngay cả những giai cấp và tầng lớp "bên trên" trong xã hội cũ cũng gần gũi các giai cấp và tầng lớp "bên dưới". Vua Hùng vẫn đi cày ruộng với nông dân. Lễ tế điền là một phong tục đẹp truyền lại từ nghìn xưa. Các tấm gương của Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ... sau khi cáo quan lui về cảnh điền viên với xóm làng. Vua Lê Thánh Tôn cởi Hoàng bào đắp lên người lao khổ lâm nạn là những ví dụ về sự gần dân đó. Ngày xưa cũng như ngày nay, những người đi xa Tổ quốc vẫn luôn luôn nghĩ về dân tộc mình và tâm nguyện tìm cách đóng góp phần nhỏ bé của mình cho non sông, đất nước. Một dòng họ Lý ở Hàn Quốc sau 9 thế kỷ vẫn còn nhớ về đất Tổ của nhà Lý ngày xưa. Những tấm gương nhạc sĩ, nhà khoa học, nhà văn... tuy sống ở nước ngoài vẫn luôn luôn sáng tác, phát minh cho sự trường tồn và giàu có của Tổ quốc mình.

Dựng nước và giữ nước tạo nên những mốc son chói lọi của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đó là của quý đựng trong rương hòm cần phải trưng bày để mọi người dân Việt Nam đều tự hào và hành động theo tiếng gọi bất diệt của nó.

2. Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một bộ phận trong dân tộc. Vì vậy nó có đủ những đặc trưng về chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam. Lịch sử nhân loại cũng như lịch sử các nước trong đó có Việt Nam đã chứng minh một chân lý hiển nhiên là trong xã hội có giai cấp thì *chủ nghĩa yêu nước cũng có tính giai cấp*. Bởi lẽ, Tổ quốc là một môi trường kinh tế, xã hội, chính trị và văn hoá thay đổi theo lịch sử. Nó được quy định không phải bởi một tinh thần dân tộc hoặc chủng tộc thần bí nào đó mà bởi những điều kiện kinh tế và xã hội. Mỗi người sống trong xã hội có giai cấp đều có lợi ích giai cấp riêng của mình và đứng trên lập trường lợi ích đó, lập trường giai cấp đó để thể hiện lòng yêu nước của mình. Trong xã hội phong kiến, có chủ nghĩa yêu nước của giai cấp quý tộc phong kiến và chủ nghĩa yêu nước của nông dân. Trong xã hội tư bản, có chủ nghĩa yêu nước của giai cấp tư sản và chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân. Chúng ta hãy nhớ lại lời hịch đầy nhiệt huyết của Trần Hưng Đạo với các tướng sĩ của ông thì đủ rõ: "Mất nước thì chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng về tay kẻ khác". Rõ ràng là ở đây, giai cấp phong kiến yêu nước với những động cơ về lợi ích khác với các tầng lớp bên dưới. Một ví dụ khác, trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, để chống phát xít Đức, ở phương Tây có Đờ Gôn đại biểu cho giai cấp tư

sản Pháp liên minh với những người cộng sản Pháp để kháng chiến đánh đuổi kẻ thù chung là quân xâm lược Hítle. Sau khi khôi phục được đất nước, giai cấp tư sản Pháp đã dần dần tước bỏ những quyền lợi mà giai cấp công nhân Pháp đã giành được qua cuộc kháng chiến. Cũng như vậy, để chống phát xít Nhật ở phương Đông, Tưởng Giới Thạch đại biểu cho giai cấp tư sản Trung Quốc đã bắt tay với Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, đại biểu cho giai cấp công nhân Trung Quốc. Nhưng sau khi nước Trung Hoa đuổi được quân xâm lược và giành lại độc lập thì quân Tưởng đã tấn công vào các khu căn cứ của Đảng Cộng sản Trung Quốc...

Như vậy, đề cập đến *chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân* là đề cập một trong những vấn đề mang tính quy luật khách quan. Ở đây cần phải kiên quyết bác bỏ luận điệu xuyên tạc của giai cấp tư sản nói rằng, giai cấp công nhân là giai cấp không có Tổ quốc cho nên cũng không có lòng yêu nước. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* C. Mác và Ph. Ăngghen đã phê phán một cách chua cay và rất xác đáng đối với những luận điệu như vậy. Các ông nói: "Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải

theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu"[1]. Rồi các ông lại nói tiếp: "Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ"[2]. Cũng với một tinh thần như vậy, V.I. Lênin bác bỏ luận điệu của bọn sôvanh là bọn nhân danh vinh dự và sự vĩ đại của Tổ quốc đứng ra "bảo vệ Tổ quốc" bằng cách đưa công nông các nước đi đánh nhau để bảo vệ két bạc của giai cấp tư sản và để chúng chia nhau thị trường thế giới. Trong bài *Về lòng tự hào dân tộc của người Đại Nga,* V.I. Lênin chỉ ra rằng, những người vô sản Nga yêu mến Tổ quốc và ngôn ngữ của mình, nhưng chính vì thế mà họ "không thể có cách nào bảo vệ Tổ quốc khác hơn là đấu tranh, bằng mọi biện pháp cách mạng, chống chế độ quân chủ, chống bọn địa chủ và bọn tư bản của Tổ quốc *mình*, tức là chống những kẻ thù *tệ hại nhất* của Tổ quốc chúng ta"[3]. Và Người còn nhấn mạnh: "Trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, bảo vệ tổ quốc là điều dối trá, nhưng trong một cuộc chiến tranh dân chủ và cách mạng, thì bảo vệ tổ quốc tuyệt nhiên không phải là dối trá"[4].

Do sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.4, tr.623-624, 624.

3. V.I. Lênin: *Sđd*, 1980, t.26, tr.130.

4. V.I. Lênin: *Sđd*, 1981, t.30, tr. 89.

quyết định và từ những phân tích khoa học của các nhà kinh điển Mác-Lênin cũng như từ thực tế của lịch sử, chúng ta có thể rút ra mấy ***nội dung cơ bản*** sau đây trong chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân:

- Giai cấp công nhân là giai cấp yêu nước tiêu biểu cho tinh thần dân tộc và nền độc lập dân tộc. Bởi vì, dưới ách thống trị của đế quốc, nó bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, của giai cấp địa chủ phong kiến và của giai cấp tư sản. Mỗi khi dân tộc bị đô hộ, đất nước bị xâm lăng thì nó là người kiên quyết nhất và lãnh đạo việc thực hiện cứu nước, cứu dân. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói năm 1941, rằng, lúc này lợi ích của dân tộc cao hơn hết. Dân tộc không được giải phóng thì "quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"[1].

Khi chủ nghĩa xã hội đã được thiết lập hoặc đang được xây dựng trên đất nước mình thì giai cấp công nhân là người kiên định lập trường bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của dân tộc mình. Bởi lẽ, sứ mệnh lịch sử của nó là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và loài người nói chung.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr.113.

- Giai cấp công nhân là giai cấp xác định rõ mục đích cuối cùng của mình là tiến tới sự phồn vinh, giàu mạnh của toàn dân và của Tổ quốc. Đất nước có phồn vinh và giàu mạnh, nghĩa là đạt tới trình độ phát triển cao nhất của lực lượng sản xuất và các mặt khác thì giai cấp công nhân mới được hoàn toàn giải phóng và cùng toàn thể dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, và xét về bản chất, sự nghiệp này còn có tính chất quốc tế.

- Giai cấp công nhân không chỉ chăm lo sự nghiệp giải phóng và chủ nghĩa xã hội của dân tộc mình mà còn kiên quyết ủng hộ nền độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội của các dân tộc khác. Ở đây, chủ nghĩa yêu nước trực tiếp gắn bó và hoà quyện với chủ nghĩa quốc tế cao cả của giai cấp công nhân.

3. Khái niệm chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân (hay chủ nghĩa quốc tế vô sản)

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen thì trong thời đại tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã tạo ra những lực lượng sản xuất to lớn ngày càng có tính chất quốc tế sâu sắc và rộng rãi. Và, cùng với tính chất quốc tế ấy của các lực lượng sản xuất, bản thân giai cấp tư sản cũng trở thành một lực lượng quốc tế. Đồng thời, giai cấp vô sản - lực lượng sản xuất chủ yếu của thời đại do giai cấp tư sản tạo ra - cũng không thể không có tính chất quốc tế. Nhưng, *tính chất quốc tế* của

giai cấp tư sản và giai cấp vô sản hoàn toàn đối lập nhau. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: Tính chất quốc tế của giai cấp tư sản, thể hiện ra ở chỗ: 1) Nó là lực lượng quốc tế đối lập lại với giai cấp công nhân. Nó bóc lột giai cấp công nhân nước mình và cả giai cấp công nhân các nước khác. 2) Nó dùng bạo lực để vươn ra các nước khác trên thế giới, biến các nước này thành thuộc địa để thống trị và bóc lột nhân dân các nước này; 3) Mặc dù mâu thuẫn nhau về quyền lợi và đối địch với nhau trong việc tranh giành thị trường và phân chia thuộc địa, khu vực ảnh hưởng, song chúng vẫn sẵn sàng liên minh với nhau để đè bẹp các cuộc đấu tranh và sự kháng cự của giai cấp công nhân ở bất cứ nước nào để duy trì chế độ tư bản ở các nước ấy.

Trái lại, **tính chất quốc tế của giai cấp công nhân thể hiện ở chỗ**:

Một là: Giai cấp công nhân là một giai cấp bị chủ nghĩa tư bản áp bức bóc lột, không phân biệt biên giới quốc gia. Nó bị chủ nghĩa tư bản trong nước trực tiếp thống trị và bóc lột giá trị thặng dư và cũng bị chủ nghĩa tư bản các nước khác trên thế giới áp bức, bóc lột bằng nhiều cách thông qua thị trường thế giới trong quá trình chiếm lĩnh, xâm lược các thuộc địa rất tàn bạo.

Hai là: Trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, giai cấp công nhân mỗi nước không thể hành động riêng rẽ mà phải đoàn kết nhau lại thành một lực lượng quốc tế để chống lại giai cấp tư sản. Bởi vì, giai cấp tư sản cũng là một lực lượng quốc tế, để chống lại nó và thắng nó thì phải có sự đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân. Đoàn kết quốc tế là một trong những vũ khí mạnh mẽ nhất của giai cấp công nhân các nước.

Ba là: Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chủ yếu là một sự nghiệp có tính chất kinh tế. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân mỗi nước phải cùng toàn thể dân tộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong sự nghiệp vĩ đại này, giai cấp công nhân cần có sự đoàn kết quốc tế về cả hai phương diện: *một là*, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tạo nên một môi trường hoà bình và ổn định cần thiết cho công cuộc xây dựng kinh tế; *hai là,* tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới nhanh chóng tạo ra cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở bảo đảm phát huy tối đa nội lực của đất nước mình là chính.

Bốn là: Do bản chất của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân quy định một cách khách quan, giai cấp này không chỉ giải phóng giai cấp, giải phóng xã

hội, giải phóng con người ở riêng nước mình mà còn phải giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người và toàn thể loài người thoát khỏi mọi ách áp bức bóc lột; không chỉ thiết lập chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước mình mà cả trên phạm vi toàn thế giới. *Tính quốc tế của giai cấp công nhân do tính quốc tế của cách mạng vô sản quyết định.*

Tóm lại, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là sự đoàn kết giai cấp của giai cấp công nhân của tất cả các nước trên toàn thế giới nhằm chống lại và đánh đổ cùng một kẻ thù chung là giai cấp tư sản và xây dựng thành công cùng một loại hình chế độ kinh tế - xã hội là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

Trên đây là khái quát những nội dung cơ bản của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Nhưng cần thấy rằng, những nội dung ấy không phải là sơ lược, giản đơn và trừu tượng như có người vẫn thường hình dung, mà luôn luôn chứa nội dung và hình thức cụ thể, sinh động, gắn liền với mỗi hoàn cảnh lịch sử từng giai đoạn cách mạng.

Có thể khái quát thành hai giai đoạn lớn của sự phát triển khái niệm chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân:

- Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu khẩu hiệu vĩ đại: "Vô sản tất

cả các nước, đoàn kết lại!". Khẩu hiệu ấy kết tinh toàn bộ nội dung phong phú của bản cương lĩnh đầu tiên của giai cấp công nhân cách mạng, của những người cộng sản, đã là bó đuốc soi đường cho phong trào công nhân tất cả các nước.

- *Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và V.I. Lênin* lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc và đã phân chia nhau các thuộc địa trên khắp hành tinh. Một khẩu hiệu mới của chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được V.I. Lênin giương cao cho phù hợp với hoàn cảnh mới: *"Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!"*. V.I. Lênin khẳng định, giờ đây phải bổ sung lời kêu gọi quốc tế chủ nghĩa của C. Mác và Ph. Ăngghen bằng một lời kêu gọi mới rộng rãi hơn. Khẩu hiệu này đã soi đường không chỉ cho cách mạng vô sản ở các nước tư bản "chính quốc" mà còn dấy lên một phong trào cách mạng giải phóng rộng lớn ở các thuộc địa theo hướng cách mạng vô sản.

Là một người sống trong hoàn cảnh thuộc địa, đấu tranh cho nền độc lập dân tộc của chính nước mình, sau khi đã đi qua nhiều nước trên khắp các châu lục và đã nghiên cứu kỹ chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã nắm chắc các khẩu hiệu của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin để từ đó vận dụng vào hoàn cảnh đấu tranh mới của thời đại. Người nói "Vậy là,

dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[1]. Từ đó, Người đã chủ trương phải *kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng,* và trong thời đại ngày nay, *độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Những tư tưởng lớn trên đây của các vị lãnh tụ cách mạng vô sản thế giới là những tư tưởng chiến lược vĩ đại đang chỉ đạo các cuộc cách mạng giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Nội dung giai cấp của chúng rất sâu sắc, nội dung khoa học của chúng rất sáng tỏ, nội dung cách mạng của chúng rất triệt để. Những tư tưởng đó đã động viên tất cả mọi lực lượng cách mạng trên thế giới từng bước nhằm vào mục tiêu cao quý chung là: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Một số biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin đã tự mình vận dụng và cổ vũ. Đó là:

- Sự quyên góp và giúp đỡ về vật chất trên quy mô

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 2000, t.1, tr.266.

thế giới cho những người công nhân vì đấu tranh mà mất chỗ làm.

- Sự ủng hộ về mặt vật chất và tinh thần cho những người cách mạng lưu vong phải trốn tránh các cuộc khủng bố của kẻ thù.

- Các cuộc đấu tranh đòi thả tù chính trị ở nước này hay nước khác.

- Các cuộc biểu dương lực lượng (mít tinh, biểu tình...) của giai cấp công nhân các nước ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân một nước khác.

- Các hành vi phản kháng, bất phục tùng trong hàng ngũ quân xâm lược.

- Các cuộc bắt tay thân thiện ngay trên các chiến hào của các đạo quân đối diện nhau do giai cấp thống trị đưa đi làm bia đỡ đạn cho chiến tranh xâm lược.

- Các cuộc phản chiến và các cuộc binh biến, biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, chống lại giai cấp bóc lột đang cầm quyền.

- Sự giúp đỡ về nhiều mặt giữa các nước xã hội chủ nghĩa khác nhau và sự giúp đỡ của giai cấp công nhân đã nắm chính quyền đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước khác và ngược lại.

Và không biết bao nhiêu biểu hiện sinh động khác của chủ nghĩa quốc tế vô sản mà mục đích là làm cho lực lượng và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ không ngừng lớn mạnh lên.

II. SỰ THỐNG NHẤT CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC CHÂN CHÍNH VỚI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Tính tất yếu của sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân

Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là hai khái niệm có nội hàm khác nhau, nhưng đều nằm trong bản chất của giai cấp công nhân.

Bản chất giai cấp công nhân thể hiện ở chỗ họ có cùng chung một hoàn cảnh sản xuất trong nền công nghiệp hiện đại tư bản chủ nghĩa và bị bóc lột giá trị thặng dư; có cùng chung một kẻ thù: giai cấp tư sản và chủ nghĩa đế quốc trên thế giới; có cùng chung một nhiệm vụ cách mạng: đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa tư bản, thiết lập một chế độ không có người bóc lột người; có cùng chung một sức mạnh: sự đoàn kết quốc tế. Xuất phát từ bản chất đó, và căn cứ vào những điều đã phân tích trên đây thì rõ ràng chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân luôn luôn gắn liền với nhau một cách chặt chẽ. Không thể quan niệm có cái này mà không có cái kia. Sự thống nhất đó được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh coi như là *hệ quả tất yếu của đường lối gắn chặt độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã*

hội - đường lối cách mạng nhất quán và xuyên suốt quá trình lịch sử Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Tuy nhiên, sự thống nhất ấy không phải là tự phát, cũng không phải là một cái gì trừu tượng mà là một quá trình tự giác và rất cụ thể trong nhận thức và hành động của giai cấp công nhân gắn với hoàn cảnh cụ thể của đất nước, của thế giới cũng như của từng nơi và từng lúc của các nước khác nhau. Ở đây, có vấn đề chiến lược và sách lược: chiến lược thì phải rõ ràng, chặt chẽ, nghiêm túc; còn sách lược thì lại phải mềm dẻo, khôn khéo và chính xác.

Không có sự thống nhất ấy thì giai cấp công nhân không thể có đủ sức mạnh để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Một ví dụ cụ thể là ví dụ về sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thực hiện được trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Một câu hỏi được đặt ra cho mọi người, kể cả cho kẻ thù của chúng ta là: Tại sao vốn được coi là một dân tộc nhỏ yếu như Việt Nam lại có thể chiến thắng được hai đế quốc to là Pháp và Mỹ? Ở đây, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính là ở chỗ nó đã huy động được lòng yêu nước của toàn dân, đứng lên chống giặc, dưới ánh sáng đường lối cách mạng của

Đảng mácxít - lêninnít đúng đắn, đã đoàn kết được toàn dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất, đã phát huy được cả sức mạnh truyền thống hàng ngàn năm lịch sử của đất nước, khơi dậy được lòng dũng cảm và mưu trí sáng tạo của toàn dân.

Chủ nghĩa quốc tế trong sáng dựa trên lòng yêu nước chân chính ấy cũng đã huy động được sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược (kể cả và trước hết là sức mạnh đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân các nước Pháp, Mỹ). Sức mạnh đó không chỉ nhằm ủng hộ Việt Nam chống đế quốc mà còn nhằm thực hiện những nhiệm vụ cách mạng theo gương Việt Nam ở ngay chính nước họ.

Hai loại sức mạnh ấy của chủ nghĩa yêu nước chân chính và của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân tác động qua lại lẫn nhau làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp. Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam được nhân lên khi nhân dân Việt Nam được sự ủng hộ của nhân dân thế giới. Sức mạnh của sự ủng hộ quốc tế cũng được nhân lên gấp bội cùng với mỗi chiến thắng của nhân dân Việt Nam. Đó quả là *sức mạnh tổng hợp,* kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh của thời đại. Nó có tác dụng làm tăng sức mạnh của nhân dân ta và làm suy yếu kẻ thù một cách tương ứng cả về vật chất và tinh thần.

Sự thống nhất ấy đã hình thành được trên thực tế

"*ba tầng mặt trận cách mạng*": mặt trận dân tộc ở trong nước, mặt trận liên minh của ba nước Việt - Lào - Campuchia và mặt trận chống đế quốc Pháp, Mỹ của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân Pháp và Mỹ. Đó chính là sức mạnh mà kẻ thù không thể nào ngờ tới. Bí quyết của sức mạnh ấy là ở sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng đã làm cho cuộc chiến tranh của Việt Nam chống đế quốc Pháp, Mỹ không chỉ vì Việt Nam mà còn vì tiến bộ của thế giới. Các phong trào ủng hộ Việt Nam chống đế quốc trên thế giới cũng không chỉ vì Việt Nam mà còn vì phong trào cách mạng trên thế giới và trong từng nước riêng biệt.

Tóm lại, qua ví dụ nói trên, chúng ta thấy rõ về sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng là một nguồn gốc tạo nên sức mạnh tổng hợp của giai cấp công nhân và của dân tộc ở bất cứ nước nào và trong bất cứ hoàn cảnh nào nếu được lãnh đạo và tổ chức đúng đắn.

2. Những nhân tố chủ yếu trong sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân

Để có sự thống nhất đó, chúng ta phải coi trọng những nhân tố cơ bản sau đây:

Một là: Hoàn cảnh cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn cách mạng với những nhiệm vụ cách

mạng cụ thể của giai đoạn ấy. Ở đây có trình độ phát triển, thực lực của mỗi nước, có đặc thù của nước đó về kinh tế, chính trị, văn hoá, với toàn bộ đường lối cách mạng của giai cấp công nhân do Đảng Mác-Lênin lãnh đạo. Ví dụ: Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ và với một truyền thống đấu tranh vẻ vang về dựng nước và giữ nước, sự kết hợp ấy đòi hỏi chúng ta phải thực hiện được ba điều cơ bản sau đây: *Thứ nhất,* ở trong nước, phát huy chủ nghĩa yêu nước của toàn dân, thành lập, mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công - nông - trí vững chắc để toàn dân nhất tề tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá bằng chính nội lực của bản thân dân tộc ta; kết hợp dựng nước với giữ nước một cách vững chắc. *Thứ hai,* ở ngoài nước, vận dụng toàn bộ sức mạnh của thời đại, trước hết là tranh thủ sự ủng hộ của mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới mà nòng cốt là giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới ủng hộ sự nghiệp dựng nước và giữ nước của chúng ta. *Thứ ba,* trong khi tập trung sự nỗ lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một phút lơ là nhiệm vụ ủng hộ các phong trào tiến bộ trên thế giới.

Hai là: Hoàn cảnh từng lúc của phong trào cách mạng thế giới: cao trào hay thoái trào cách mạng. Sự kết hợp có thể rất suôn sẻ trong thời kỳ cao trào cách

mạng và rất tế nhị trong thời kỳ thoái trào cách mạng. Nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn có thể có sai lầm. Vấn đề là ở chỗ, các Đảng Mác-Lênin, các nước có phát hiện kịp thời để khắc phục có hiệu quả những sai lầm đó hay không.

Ba là: Hoàn cảnh từng lúc của thế giới nói chung. Ở đây phải đặc biệt xét đến từng nội dung và bối cảnh của thời đại, trong đó có vấn đề về tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới.

Để thấy rõ tính phức tạp và khó khăn của sự thống nhất, chúng ta cần lưu ý vài ví dụ lịch sử cụ thể sau đây:

Thứ nhất: Vào những năm 60 - 70 thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một phe lớn mạnh trên thế giới. Nhưng chính trong thời kỳ này đã xuất hiện những quan điểm bất đồng trong phong trào cộng sản. Những bất đồng này không được giải quyết theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản cho nên nhanh chóng trở thành những mâu thuẫn, thậm chí có nơi, có lúc đã biến thành xung đột vũ trang. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai quan điểm của mình để góp phần khắc phục mâu thuẫn, bất đồng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. "Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi

càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình"[1].

Thứ hai: Từ khi Goócbachốp lên cầm quyền, một trào lưu xét lại đã chiếm địa vị thống trị ở Liên Xô. Ở nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhất thế giới, người ta đã thay khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!", bằng luận điểm phi giai cấp: "Lợi ích toàn cầu cao hơn lợi ích giai cấp". Và chính cũng từ đó chủ nghĩa xét lại thế giới đã phó mặc cho mỗi nước xã hội chủ nghĩa, mỗi Đảng Cộng sản và công nhân tự lo lấy số phận của mình.

Những sự thiếu thống nhất ấy đã dẫn đến thực tế là hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới bị suy yếu, khủng hoảng, thoái trào...

Để có sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải đấu tranh chống những tư tưởng, quan điểm sau đây:

- Những khuynh hướng sai lầm, những quan điểm chống chủ nghĩa xã hội. Những khuynh hướng và quan điểm này cũng có khi là do kẻ thù của chủ

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 1995, t.12, tr. 511.

nghĩa Mác-Lênin cố ý gieo rắc nhưng cũng có khi xuất phát từ những lệch lạc vô tình hay hữu ý của những người cách mạng tiêm nhiễm phải các khuynh hướng hay quan điểm ấy. Những lệch lạc này là nguyên nhân dẫn tới các tổn thất có khi không lường được trong phong trào cộng sản thế giới.

- Phải chống tư tưởng dân tộc nước lớn, với chính sách bá quyền nước lớn, coi dân tộc mình là thượng đẳng, xâm phạm đến độc lập chủ quyền và lợi ích của các dân tộc khác, bắt các dân tộc khác phụ thuộc vào dân tộc mình, áp đặt mọi thứ, kể cả văn hoá của dân tộc mình cho các dân tộc khác.

- Phải chống tư tưởng tự ti dân tộc của các nước nhỏ biểu hiện ở chỗ coi thường những truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình, phủ nhận giá trị của dân tộc mình và ở khuynh hướng sùng ngoại, học đòi mọi thứ của các dân tộc khác một cách "rập khuôn", mù quáng, nhất là của các dân tộc gọi là "văn minh" phương Tây (kể cả những thứ rác rưởi, xấu xa, hủ bại nhất của các giai cấp đang suy tàn của các dân tộc này).

- Phải chống chủ nghĩa dân tộc dưới mọi màu sắc, biểu hiện ở chủ nghĩa vị kỷ, dân tộc hẹp hòi, chỉ biết có dân tộc mình mà không quan tâm lợi ích của các dân tộc khác; ở chủ nghĩa bài ngoại, kỳ thị dân tộc, coi khinh các dân tộc khác.

- Phải chống chủ nghĩa hư vô dân tộc, không chỉ

biểu hiện ở sự coi thường mọi cái gì là của dân tộc mà còn nhân danh sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc, các nước khác nhau để xoá bỏ mọi ranh giới và sự khác biệt về dân tộc. Chủ nghĩa thế giới mà một số nhà tư tưởng đang cổ vũ chính là một dạng tệ hại nhất của chủ nghĩa hư vô dân tộc, v.v..

Đó là một cuộc đấu tranh khó khăn và hết sức tế nhị, phức tạp. Bởi lẽ những khuynh hướng, tư tưởng nguy hại ấy đã ăn sâu trong tiềm thức nhiều người, rất đa dạng đòi hỏi cách đấu tranh và giải quyết khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc chung. Và, người ta dễ vin vào hoàn cảnh cụ thể để tự cho phép mình vi phạm nguyên tắc thống nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

3. Điều kiện quyết định để có sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là có sự lãnh đạo đúng đắn của một chính đảng Mác-Lênin

Có Đảng Mác-Lênin lãnh đạo, giai cấp công nhân và nói rộng ra một dân tộc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mới phát huy được chủ nghĩa yêu nước chân chính. Cũng chỉ có Đảng Mác-Lênin lãnh đạo, giai cấp công nhân và cả một dân tộc mới tiếp thu được chủ nghĩa quốc tế trong sáng và do đó mới có sự kết hợp đúng đắn của hai đặc tính bản chất đó của giai cấp công nhân. Những điều nói trên

tựa hồ giản đơn, ai cũng thấy được, nhưng trong thực tế, tình hình lại không như vậy. Tại sao có những Đảng Mác-Lênin dày dạn mà trong thực tiễn lại phạm sai lầm về phương diện này, khiến chúng ta phải suy nghĩ kỹ hơn.

Chủ nghĩa yêu nước cũng như chủ nghĩa quốc tế không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là vấn đề thuộc về *tình cảm, đạo đức và thực tiễn cách mạng*. Chỉ có khoa học vẫn chưa nắm được hai bản chất đó của giai cấp công nhân, mà còn phải có tình cảm và đạo đức cách mạng nữa. Ngược lại, được khoa học soi sáng thì tình cảm và đạo đức cách mạng mới trở thành lý trí, bản lĩnh cách mạng vững vàng. Có tình cảm và đạo đức cách mạng thúc đẩy, lại được khoa học cách mạng đúng đắn soi sáng thì chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân mới có cơ sở để thực hiện trên thực tế. Chủ nghĩa Mác-Lênin có đủ cả hai tính chất khoa học và cách mạng - đó chính là cái cẩm nang thần kỳ cho chúng ta vận dụng sáng tạo trong thực tiễn cách mạng nói chung và trong việc xây dựng, giữ vững sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Hồ Chí Minh với lòng yêu nước nồng nàn ra đi tìm đường cứu nước thấy rõ, vô sản tất cả các nước đều là anh em. Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và thống nhất được chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế ấy ở trong cùng một lý luận cách mạng đúng

đắn nhất, "có lý có tình". Cội nguồn của chủ nghĩa yêu nước chân chính thống nhất với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng của Việt Nam bắt đầu từ đó.

Chính vì vậy trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. Điều đó đã đem lại cho cách mạng Việt Nam một sức mạnh vô địch để chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ và xây dựng đất nước. Tình hình là như vậy trong các giai đoạn cách mạng đã qua. Tình hình cũng sẽ là như vậy trong giai đoạn cách mạng hiện nay nếu chúng ta tiếp tục giáo dục các thế hệ kế tiếp theo chủ nghĩa yêu nước chân chính thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

III. VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

1. Những bước phát triển và thành quả của cách mạng thế giới từ trước đến nay đều không tách rời tác dụng và ảnh hưởng to lớn của sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, của việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế. Thực tiễn lịch sử cũng cho thấy ở đâu và lúc nào mắc phải những lệch lạc và sai lầm trong việc giải quyết mối quan hệ này

thì ở đó và lúc đó phong trào cách mạng của mỗi nước cũng như của thế giới gặp phải khó khăn, thậm chí thất bại với những tổn thất nặng nề.

Hiện nay chủ nghĩa xã hội xét trên phạm vi toàn cầu đang ở trong thời kỳ thoái trào, nhưng nó vẫn là xu thế phát triển tất yếu của lịch sử. Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Tuy nhiên, tình hình ấy đang làm nảy sinh những mưu toan xuyên tạc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. Những biểu hiện hạ thấp ý nghĩa của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, xem nó như một cản trở đối với lợi ích dân tộc vẫn diễn ra đây đó. Cùng với những biểu hiện này là những biểu hiện dân tộc cực đoan (chỉ biết dân tộc mình, chỉ thấy vấn đề dân tộc) đối lập với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đồng thời cũng có biểu hiện tuyệt đối hoá vấn đề toàn cầu mà xoá nhoà tính độc lập của các dân tộc.

Trong bối cảnh ấy, chúng ta càng phải tiếp tục giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, vì lợi ích của dân tộc ta và vì lợi ích của phong trào cách mạng trên thế giới và của toàn nhân loại.

Hiện nay chúng ta đang tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng với những đặc điểm của tình hình trong nước và quốc tế có nhiều điểm mới. Có thể nêu rất khái quát như sau:

Về tình hình trong nước, chúng ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước và đang xây dựng Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và mở rộng hợp tác quốc tế.

Về tình hình quốc tế, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới đang ở vào giai đoạn thoái trào; toàn cầu hoá do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới tạo ra đang trở thành một xu thế mạnh mẽ chưa từng thấy, nhưng lại đang bị chủ nghĩa tư bản thế giới chi phối nghiêm trọng; cuộc đấu tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển với các nước đang phát triển diễn ra rất phức tạp với hai khuynh hướng vừa đấu tranh vừa hợp tác.

Điều đó đặt ra cho chúng ta phải giải quyết vấn đề thống nhất chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế với nhiều nội dung và hình thức mới. Chúng ta không máy móc lặp lại những bài học lịch sử mà chúng ta đã có với những thành công vô cùng rực rỡ, nhưng chúng ta vẫn phải giữ vững những nguyên tắc cơ bản đã chỉ đạo hành động của mình trong suốt quá trình cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Chúng ta đã là những người mácxít-lêninnít kiên định trong quá khứ. Ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục là như vậy trong việc làm tốt hai nhiệm vụ dân tộc và quốc tế.

Nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta lúc này là

xây dựng Tổ quốc Việt Nam thành một đất nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Để hoàn thành sự nghiệp ấy, *chủ nghĩa yêu nước chân chính* lúc này quy lại ở hai điểm cơ bản sau đây:

- Từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội, với một đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá kiên quyết và đúng đắn, một bước đi hợp lý và đúng quy luật của mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, một chế độ chính trị ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất hết sức rộng rãi, và một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc có tiếp thu tất cả những gì là tiến bộ và tinh hoa của nhân loại.

- Bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do đã giành được của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với biết bao hy sinh của toàn dân tộc, không để cho bất cứ kẻ thù nào xâm phạm, chống lại mọi thứ chủ nghĩa thực dân trá hình về mặt kinh tế, khoa học kỹ thuật hay văn hoá, v.v. và cả mọi mưu toan áp đặt và khống chế khác của chủ nghĩa đế quốc.

2. *Chủ nghĩa quốc tế trong sáng* của chúng ta phải thể hiện trên những điểm cơ bản sau đây:

- Phải quán triệt hai nhiệm vụ cơ bản nói trên về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi đó là những nhiệm

vụ cốt yếu của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bởi lẽ, trong lúc thoái trào này của chủ nghĩa xã hội mà một nước như nước ta vẫn giữ vững được ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - một trong những ngọn cờ tiêu biểu cho chủ nghĩa xã hội thế giới thì đó là một cống hiến hết sức quý báu đối với phong trào cách mạng thế giới. Hơn nữa, hiện nay chủ nghĩa xã hội thế giới thực sự đang khủng hoảng về mô hình của chủ nghĩa xã hội. Nếu trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta thành công trong xây dựng chế độ mới thì chúng ta đã chỉ ra được những kinh nghiệm quý báu của một nước vốn từ nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh xâm lược tàn phá đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải dựa vào sự ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới: sự ủng hộ về mặt bảo vệ Tổ quốc cũng như sự ủng hộ về mặt xây dựng đất nước (nhất là về những kinh nghiệm trong đường lối xây dựng đất nước, những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật hiện đại và các mặt tích cực khác về văn hoá, xã hội, v.v.). Trong khi đó chúng ta phải tận dụng mọi sức mạnh của thời đại, kể cả những sức mạnh của kỹ thuật mà nhân loại đã tạo ra trong chủ nghĩa tư bản. Đồng thời vẫn giữ vững độc lập dân tộc, định

hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy lùi những âm mưu của kẻ thù và những biểu hiện tiêu cực xã hội.

- Tích cực ủng hộ mọi phong trào của nhân dân tiến bộ trên thế giới, trước hết là các phong trào công nhân và nhân dân lao động, phù hợp với vị trí, khả năng của nước mình và với tương quan giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa các xu hướng tiến bộ và phản tiến bộ trên phạm vi thế giới.

Trong lúc này, chúng ta phải có đường lối chiến lược và sách lược tinh vi và khôn khéo, đối nội và đối ngoại đúng đắn, thể hiện sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải ghi nhớ lời dạy của V.I. Lênin: "Chỉ có một thứ chủ nghĩa quốc tế thực sự duy nhất và độc nhất là làm việc quên mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước mình, ủng hộ công cuộc đấu tranh ấy, cùng đường lối ấy trong tất cả các nước"[1].

Chúng ta đã cầm quyền ở trong một nước hoàn toàn độc lập, tự do. Trách nhiệm của chúng ta đối với cách mạng trong nước cũng như đối với phong trào cách mạng trên thế giới là hết sức nặng nề và to lớn. Chúng ta cần có chính sách đối nội và đối ngoại đúng đắn để làm tròn trách nhiệm ấy.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t.41, tr. 203.

3. Với tinh thần ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã khẳng định: "Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới... trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi"[1].

Đường lối chính sách trên đây thể hiện lòng yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của những người cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay. ***Điểm mấu chốt của đường lối chính sách này là giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình; gắn việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mình với việc góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế***

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.41-42.

giới vì những mục tiêu cao cả của thời đại. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng ta đã tận dụng được sức mạnh của thời đại để nước ta thực hiện được sự nghiệp làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đồng thời Đảng ta vẫn kiên quyết đấu tranh chống các chính sách phản động của chủ nghĩa đế quốc dưới chiêu bài nhân quyền, tự do hoá kinh tế, hoà đồng về văn hoá... và ủng hộ các phong trào tiến bộ và dân chủ trên thế giới. Thái độ ủng hộ của Đảng ta đối với các nước anh em Cuba, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, đối với các cuộc chiến đấu và đấu tranh của nước Nga ở vùng Cápcadơ, của Nam Tư ở Côxôvô, của Irắc, v.v. là những bằng chứng hùng hồn nói lên điều đó.

Mọi điều quan trọng về chủ nghĩa quốc tế trong sáng hiện nay là thái độ của Đảng ta đối với đường lối và kinh nghiệm cách mạng ở các nước khác trên thế giới. Về vấn đề này, Đảng ta nghiêm túc giữ vững nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đất nước ta có kinh nghiệm riêng của mình và sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm ấy. Vào lúc này, tất cả các Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân các nước đều đang suy nghĩ tìm tòi con đường để đưa cách mạng tiến lên. Điều này rõ ràng là không đơn giản và là công việc riêng ở trong từng nước, tuỳ thuộc vào đặc điểm riêng của mỗi nước trong xu

hướng chung của thời đại. Đảng ta nghiêm túc học hỏi kinh nghiệm của các Đảng và giai cấp công nhân các nước khác và luôn luôn cho rằng chỉ có họ mới có thẩm quyền nhất để giải quyết đúng đắn công việc của chính họ. Đồng thời, Đảng ta cũng hết sức ủng hộ mọi sáng kiến cách mạng và phong trào cách mạng mà giai cấp công nhân và các Đảng anh em đang tiến hành ở nước họ.

Sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong cách mạng nước ta là hợp tình, hợp lý, đúng quy luật. Cho nên cách mạng của nước ta luôn luôn tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ và tình cảm của mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới, đồng thời cũng gạt bỏ hay vô hiệu hoá được những mưu toan của các thế lực phản động hòng cản trở, xoá bỏ sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta. Đường lối đúng đắn ấy vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật giúp con thuyền cách mạng Việt Nam tiến lên trong những hoàn cảnh khó khăn và phức tạp nhiều khi tưởng chừng không vượt qua, cả trong giai đoạn cách mạng trước và giai đoạn hiện nay.

Thực hiện đường lối cách mạng của Đảng ta, tiền đồ của đất nước ta là vô cùng tươi sáng. Chúng ta cũng luôn luôn tin tưởng ở tiền đồ tươi sáng của loài người tiến bộ trên toàn thế giới mà thực tế của thời đại đang chỉ ra và giai cấp công nhân các nước là người cổ vũ và tổ chức xây dựng tiền đồ đó.

Sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong giai đoạn cách mạng trước đã giúp cho dân tộc ta chiến thắng thì nay cũng vẫn là vũ khí vô địch giúp cho đất nước ta chiến thắng trong giai đoạn lịch sử mới.

CHƯƠNG XII

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ CON NGƯỜI VÀ PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

Trong giai đoạn phát triển hiện nay loài người đã tạo ra những điều kiện để nâng mình lên một trình độ chủ thể mới, có vai trò quyết định hơn đối với tiến trình phát triển của lịch sử. Nhưng điều đó đồng thời cũng đặt ra với mức độ bức thiết chưa từng thấy sự lựa chọn của loài người về một con đường thực sự đưa mình tới tự do, hạnh phúc.

Chủ nghĩa tư bản đã có trên 5 thế kỷ tồn tại và phát triển. Mức độ mà chế độ đó đạt được trong việc giải phóng con người - so với chế độ nô lệ và phong kiến - là rất to lớn. Thế nhưng, chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn cao nhất của nó hiện nay, đẩy phần lớn nhân loại vào tình trạng bị áp bức, bóc lột về giai cấp và nô dịch về dân tộc. Chủ nghĩa tư bản hiện đang lâm vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về vấn đề con người.

Xét trên tiến trình phát triển của lịch sử, chủ nghĩa xã hội xuất hiện là một hướng đi hoàn toàn mới đưa loài người tới sự giải phóng. Bên cạnh những

thành tựu to lớn chưa từng có trong việc giải quyết vấn đề con người, các nước xã hội chủ nghĩa cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, khiến cho mục tiêu giải phóng con người còn bị hạn chế về nhiều mặt.

Trong tình hình ấy chủ nghĩa xã hội khoa học cần khẳng định và phát triển thêm lý luận về con người nhằm chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả một chiến lược về con người, trong đó con người được khẳng định là mục tiêu cao nhất, đồng thời cũng là động lực to lớn nhất để xây dựng thành công xã hội mới.

I. QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI VÀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

1. Về con người

Ngay từ buổi bình minh nhân loại, khi vừa thoát khỏi loài động vật hoạt động theo bản năng để trở thành con người có ý thức, con người đã bắt đầu tìm hiểu về môi trường tự nhiên xung quanh, hoàn cảnh xã hội, và cùng lúc ấy, con người cũng bắt đầu tìm hiểu về chính mình. Từ trước đến nay, vấn đề con người luôn luôn được nghiên cứu và được xem như một "đề tài đã cũ nhưng vẫn luôn luôn mới". Những bí mật của thế giới tự nhiên, xã hội và con người từng

bước được khám phá. Con người dần dần nhận ra rằng, sự hiểu biết của mình về tự nhiên, xã hội và chính mình là tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố trong đó có hai nhân tố cơ bản là: sự phát triển của lực lượng sản xuất và trình độ khoa học. Hai nhân tố đó đều là sản phẩm hoạt động của con người, nhưng đến lượt chúng, lại trở thành điều kiện và phương tiện để con người tiếp tục khám phá tự nhiên, xã hội và bản thân mình. Trải qua thời kỳ cổ đại, trung đại, những lý thuyết về con người xuất hiện ở phương Đông và phương Tây đã làm sáng tỏ được nhiều yếu tố thuộc về bản chất của con người song chưa phải là đã kết thúc về phương diện tiếp cận chân lý khoa học. Thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, thời kỳ giai cấp tư sản còn đóng vai trò cách mạng, tiến bộ, nhiều thành tựu khoa học lớn về con người đã xuất hiện đưa lịch sử tự nhận thức của con người bước sang một giai đoạn mới. Nhưng ở thời kỳ đế quốc chủ nghĩa có nhiều lý thuyết xuất hiện mâu thuẫn với lý tưởng tốt đẹp của loài người và trái ngược với chủ nghĩa nhân văn tư sản thời kỳ đầu. Các lý thuyết ấy kết hợp với các yếu tố lạc hậu của tôn giáo và được giai cấp tư sản lợi dụng nhằm mục đích làm sai lạc nhận thức của con người về bản thân mình, cố tình che đậy một sự thật đã trở thành phổ biến, đó là đông đảo những người lao động bị đẩy vào tình trạng nghèo khổ, đang bị thiểu số những kẻ giàu có áp bức, bóc lột thậm tệ.

Đến những năm 40 thế kỷ XIX, chủ nghĩa Mác xuất hiện trên cơ sở sự chín muồi của những điều kiện vật chất, tinh thần do loài người tạo ra, đã dẫn đến sự biến đổi cách mạng trong nhận thức của loài người về chính bản thân mình.

Trong nhiều tác phẩm của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận chứng về con người một cách sâu sắc theo nhiều góc độ khoa học khác nhau, trước hết là nhân loại học, triết học và kinh tế học.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, con người là một thực thể xã hội mang bản chất xã hội, đồng thời là một thực thể tự nhiên, một cấu trúc sinh học. Do đó, để đưa con người từng bước vươn tới sự hoàn thiện, cần đồng thời khám phá sự tác động của các quy luật xã hội và các quy luật tự nhiên trong nó. Nếu ở phương diện con người là một thực thể xã hội, khoa học ngày nay có những khám phá mới nhằm lý giải mối quan hệ phong phú và rất phức tạp giữa con người với con người và giữa con người với xã hội, thì ở phương diện con người là một thực thể tự nhiên cũng có khám phá mới, trong đó sự khám phá bí mật và gien di truyền là một ví dụ điển hình. Những khám phá ấy đang hứa hẹn đem lại cho loài người một tương lai sáng sủa. Do đó, mức độ giải phóng con người không chỉ tuỳ thuộc vào kết quả của công cuộc cải tạo các quan hệ xã hội để mỗi con người được sống trong môi trường xã hội tốt đẹp, giàu tính người mà

còn tuỳ thuộc vào kết quả của việc phát triển lực lượng sản xuất, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế để mức sống vật chất của con người ngày càng được nâng cao.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, mặt tự nhiên và mặt xã hội trong con người không tách rời, đối lập nhau, ngược lại, thống nhất biện chứng và tác động qua lại lẫn nhau. Chịu sự tác động của các mặt xã hội, mặt tự nhiên trong con người được nâng lên trên trình độ các động vật khác. Ngay cả những hành vi có tính bản năng ở động vật như ăn, ở, sinh lý... thì ở con người cũng mang tính người khác hẳn ở một con vật. Chính vì thế, khác với quan niệm thô thiển từ chỗ chỉ coi con người là một loài động vật giống như mọi loài động vật khác đến chỗ bênh vực cho những hành vi thú tính của những kẻ đã đánh mất tính người, C. Mác quan niệm: con người là một thực thể tự nhiên loại đặc biệt, một thực thể tự nhiên đã nhân loại hoá.

Lịch sử phát triển của loài người, kể từ khi thoát khỏi loài vật, về thực chất là một hành trình không ngưng nghỉ đi lên phía trước, hướng tới những tầm cao văn minh mới. Trong quá trình ấy con người càng ngày càng trở thành con người xứng đáng với bản chất và danh hiệu của chính mình.

Mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội là điều C. Mác và Ph. Ăngghen rất quan tâm. Theo các ông, với bản

chất xã hội, con người gắn bó chặt chẽ với đồng loại đến mức không thể tách rời, đồng thời lại là những cá nhân với ý nghĩa ngày càng đầy đủ. Lịch sử loài người dường như đã phát triển trong sự thống nhất và tác động qua lại giữa hai xu hướng giao lưu cộng đồng và "tách biệt" cá nhân. Xã hội càng phát triển, thì *một mặt*, mối liên hệ cộng đồng giữa người và người càng trở nên bền vững, nhưng *mặt khác*, mỗi con người càng "tách biệt" thành những cá nhân độc lập. Sự nghiệp giải phóng con người bao gồm nội dung giải phóng cá nhân khỏi sự lệ thuộc và bị áp bức, bóc lột; đồng thời cũng bao gồm nội dung xây dựng môi trường xã hội mới trong đó mỗi con người gắn kết chặt chẽ hơn với đồng loại trên nguyên tắc tự do, bình đẳng, vị tha, bao dung, loại trừ mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Tính chất khác nhau của các hình thức cộng đồng mà con người sinh sống nổi bật là cộng đồng giai cấp, dân tộc, quốc gia, nhân loại - luôn tác động đến con người như là những nhân tố tạo nên các thuộc tính của họ. Trong xã hội hiện đại con người bao giờ cũng thể hiện như là phần tử của một giai cấp, thành viên của một dân tộc, công dân của một quốc gia, cá thể của cộng đồng nhân loại. Cấu trúc tinh thần của mỗi con người được tạo nên do tác động qua lại của hàng loạt quan hệ xã hội. Trong xã hội có giai cấp, con người bao giờ cũng mang tính giai cấp. Sự thống nhất giữa các cá nhân có cùng lợi ích mang ý nghĩa quyết

định nhất trong cuộc sống là cơ sở khách quan tập hợp các cá nhân đó thành giai cấp. Thông qua đấu tranh, các cá nhân từng bước nhận rõ lợi ích riêng chỉ được thực hiện khi lợi ích chung của giai cấp trở thành động lực chi phối mọi hành vi của từng con người. Động lực ấy thôi thúc những người lao động tham gia vào cuộc đấu tranh nhằm xoá bỏ áp bức, bóc lột và những bất công trong xã hội. Trong mỗi con người, thái độ không chịu chấp nhận địa vị nô lệ và ý chí vươn tới tự do, bình đẳng, tiến bộ bao giờ cũng là nhân tố quan trọng tạo thành nhân cách của con người đó. Tuy vậy, không nên tuyệt đối hoá tính giai cấp, làm lu mờ tính dân tộc và tính nhân loại. Trong mỗi con người luôn luôn có những phẩm chất được hình thành do thừa hưởng những giá trị mang tính dân tộc. Mỗi con người có trong mình những giá trị văn hoá mang bản sắc dân tộc. Bản sắc ấy được hình thành từ tổng thể những điều kiện tự nhiên, xã hội, lịch sử... và được tái tạo, vun đắp, chuyển giao qua nhiều thế hệ. Bản sắc ấy tạo nên nét riêng trên diện mạo của cả cộng đồng, nó cũng in dấu ấn nổi bật trên diện mạo mỗi cá nhân và là một trong những nhân tố quan trọng giúp những cá nhân đó định hướng cuộc sống. Với bản chất xã hội vốn có, con người mang tính nhân loại và luôn hướng tới các giá trị nhân loại. Đánh giá thấp tính nhân loại hay giữ một thiên kiến hẹp hòi về nó sẽ gây trở ngại cho việc tiếp thu nhiều

giá trị nhân bản, tiến bộ mà loài người đã tích luỹ để dựng lên những nấc thang tiến hoá của lịch sử. Tai hại hơn nữa, thái độ đó sẽ dẫn tới những khiếm khuyết trong công tác giáo dục con người mà hậu quả không tránh khỏi là sự thiếu hụt hoặc méo mó trong nhân cách.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, kết quả của công cuộc cải tạo cách mạng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội sẽ dần dần làm cho đối kháng giai cấp mất đi, các giai cấp và tầng lớp xã hội xích lại gần nhau trên cơ sở lợi ích chung và mọi quan hệ xã hội dần dần được điều tiết theo lợi ích của tất cả những người lao động. Đó là quá trình khách quan của sự hội nhập ngày càng cao hơn những lợi ích giai cấp chân chính, những bản sắc dân tộc phong phú, đa dạng, những giá trị nhân loại vĩnh hằng để tạo nên những động lực của sự tiến hoá. Chỉ trên mảnh đất của sự hội nhập đó, mỗi con người mới có đủ điều kiện thuận lợi để tìm cho mình con đường đạt tới sự phát triển toàn diện và không ngừng hoàn thiện.

Con người mang tính thời đại ("thời đại nào, con người ấy"); đồng thời con người cũng mang tính lịch sử, kế thừa những tinh hoa của quá khứ và cũng mang những khuyết tật phản ánh nhiều nét lạc hậu, tiêu cực của quá khứ. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tính thời đại và tính lịch sử là vấn đề hết sức

quan trọng về phương diện phương pháp luận để tiếp cận vấn đề con người. Con người không thể trở thành con người mới, nếu không bắt đầu từ truyền thống đã được kết tinh trong lịch sử của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người Việt Nam tiêu biểu nhất cho những giá trị cao đẹp nhất của truyền thống Việt Nam: chủ nghĩa yêu nước. Con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi - từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở hội nhập lý tưởng và hiện thực giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc nhằm đem lại tự do, hạnh phúc cho con người - phản ánh quy luật khách quan của sự hình thành thế hệ con người mới ở nước ta. Sự kết hợp đúng đắn các giá trị dân tộc với các giá trị tiến bộ của thời đại - sự kết hợp mà trong đó các giá trị truyền thống được bổ sung, nâng cao và hoàn chỉnh - sẽ tạo ra tiềm năng to lớn cho sự hoàn thiện từng bước con người cũng như cho sự phát huy vai trò của nhân tố con người ở nước ta.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, con người bị quy định bởi những mối quan hệ xã hội, do đó, là sản phẩm của xã hội; đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn, con người tác động vào xã hội như là chủ thể thúc đẩy xã hội tiến lên. Luận chứng về mối quan hệ đó, C. Mác nêu ra luận điểm cho rằng, xã hội tạo ra con người ở mức độ nào thì con người cũng tạo ra xã hội ở mức độ đó. Trong tiến trình của các cuộc cải biến xã hội theo con đường cách mạng, con

người luôn luôn là mục tiêu, đồng thời là động lực của tiến trình đó. Trong thực tế, ở đâu các lực lượng lãnh đạo cách mạng có ý thức đầy đủ về vai trò đó của con người, có giải pháp hiện thực hoá vai trò đó thì sự nghiệp cách mạng ở đó sẽ giành được thắng lợi. Điều đó có nghĩa là khẩu hiệu: "Tất cả của con người, tất cả vì con người, tất cả do con người" phải được quán triệt sâu rộng và mọi hoạt động đều phải hướng vào phục vụ con người như là mục tiêu. Điều kiện sinh hoạt vật chất, tinh thần của con người phải được cải thiện không ngừng, con người phải được đối xử bình đẳng, được sống tự do trong môi trường lao động, sáng tạo, có điều kiện để tự nâng cao ý thức, năng lực làm chủ. Khi đó, con người sẽ phát huy tính tích cực lao động, tính tích cực xã hội, tạo nên động lực to lớn để thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng. Phân tích mối quan hệ giữa mục tiêu và động lực trên đây còn có ý nghĩa làm sáng tỏ nhận thức về con đường giải phóng con người: giải phóng con người không chỉ là tạo cho con người những điều kiện để hưởng tự do, hạnh phúc, mà còn là khơi dậy những năng lực tự thân ở con người, tạo điều kiện để con người định hướng và thể hiện trong quá trình hoạt động nhằm tự giải phóng mình.

Những quan điểm về con người của chủ nghĩa Mác-Lênin được sử dụng như là cơ sở để vạch ra con đường giải phóng con người, giải phóng giai cấp

công nhân và toàn thể những người lao động bị áp bức, bóc lột trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Ngay từ thời kỳ hoạt động đầu tiên, khi phân tích về chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát hiện tình trạng con người bị tha hoá. Tình trạng này được các ông xem xét qua những biểu hiện chính của nó khi chế độ tư hữu đi tới đỉnh cao là chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa: người lao động làm ra nhiều của cải nhưng bản thân mình lại chỉ được hưởng thụ quá ít của cải nên buộc phải sống ở mức nghèo khổ, của cải sản xuất càng dồi dào càng trở thành một sức mạnh khủng khiếp chi phối con người. Nhà nước nảy sinh từ xã hội và do nhu cầu của sự phát triển xã hội bị giai cấp bóc lột thống trị độc chiếm và biến thành công cụ trong tay chúng để áp bức, bóc lột những người lao động, v.v.. Tình trạng con người bị tha hoá là dấu hiệu cao nhất nói lên sự tất yếu diệt vong của chế độ tư bản. Vậy, có thể khẳng định cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu và lập trường nhân đạo chủ nghĩa triệt để của giai cấp công nhân biểu hiện tập trung ở mục tiêu giải phóng con người khỏi tình trạng bị tha hoá.

Khi hình dung bức tranh về xã hội tương lai trên những nét chủ yếu của nó, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã đặt con người ở vị trí trung tâm: con người là chủ thể xây dựng xã hội, đồng thời là sản phẩm chủ yếu của quá trình phát triển xã hội đó.

Các ông cho rằng, xã hội mới là một xã hội thoả mãn ngày càng đầy đủ những nhu cầu không ngừng tăng lên của con người bằng cách tạo ra những điều kiện để con người phát triển năng lực và đóng góp nhiều nhất vào tiến bộ xã hội.

Kế thừa các di sản văn hoá và khoa học quý giá của lịch sử trong đó có những tư tưởng đặc sắc của những nhà xã hội chủ nghĩa và cộng sản không tưởng đầu thế kỷ XIX, một dự đoán khoa học trọng đại của C. Mác và Ph. Ăngghen được thể hiện trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là xã hội loài người trong tương lai sẽ là một thể liên hiệp trong đó sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người.

2. Về nguồn lực con người (hay nhân tố con người)

Khái niệm nguồn lực con người có phạm vi bao quát. Đó là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất và tinh thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ tri thức, vị thế xã hội... tạo thành năng lực của con người và của cộng đồng người. Năng lực đó khi được sử dụng, phát huy sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Theo đó, con người không chỉ là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên và xã hội mà còn là chủ thể tích cực cải biến tự nhiên và xã hội; con người là điểm khởi đầu và điểm kết thúc của mọi quá trình lịch sử;

con người là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất, là lực lượng sản xuất quyết định nhất của xã hội, và cách mạng xã hội cũng là sự nghiệp của quần chúng lao động. Trên tinh thần đó và xuất phát từ thực tiễn nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc đến câu ca dao của nhân dân Quảng Bình rằng: "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong"[1]. Khi bắt tay vào xây dựng đất nước trong hoàn cảnh đã giành được nền hoà bình, Người nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"[2]. Khi suy ngẫm về sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ để bảo đảm mãi mãi sự hưng thịnh của đất nước, Người nhắc lại chân lý mà các nhà hiền triết đã tổng kết: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người"[3].

Chỉ có thể đánh giá vai trò quyết định của nguồn lực con người khi đặt nó trong mối quan hệ với các nguồn lực khác. Sự tồn tại bền vững và sự phát triển theo con đường tiến bộ của bất cứ quốc gia nào cũng phụ thuộc vào nhiều nhân tố: vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn đã được tích luỹ trong nước và nguồn vốn có thể tranh thủ từ nước ngoài...

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.12, tr.212.
2. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.10, tr.310.
3. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.9, tr.222.

Mỗi nhân tố có vai trò riêng, nhưng sự hội nhập đủ các nhân tố cơ bản thường tạo ra kết quả lớn hơn tổng số các nhân tố cộng lại với tư cách là "phép cộng đơn thuần". Ngược lại, sự thiếu hụt của một nhân tố cơ bản nào đó, có khi gây nên sự giảm tác dụng của các nhân tố khác, nghĩa là gây nên hậu quả tiêu cực lớn hơn vai trò của nhân tố thiếu hụt đó. Tuy nhiên, những nhân tố kể trên chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng, tự chúng là những khách thể bất động. Chúng chỉ trở thành nhân tố "động" và phát huy tác dụng khi kết hợp với nguồn lực con người tức là được nguồn lực con người khơi dậy. Bởi vì, con người là nhân tố chủ động, có đầy đủ khả năng lợi dụng các nhân tố khác, gắn kết các nhân tố khác tạo thành một tổng thể các nhân tố cần thiết và định hướng tác động của mọi nhân tố vào mục tiêu phát triển đất nước. Với ý nghĩa đó, khi phân tích các yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất, V.I. Lênin đã khẳng định: *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động*"[1].

Vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên là những nhân tố tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển đất nước. Nhưng thực tế cho thấy, chúng phụ thuộc vào khả năng khai thác của con người. Ở một số nước, điều kiện tự nhiên thuận lợi là nhân tố làm

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t. 38, tr. 430.

cho đất nước giàu mạnh; nhưng ở một số nước khác - điều kiện tự nhiên cũng tương tự, hoặc còn thuận lợi hơn - đất nước lại ngày một nghèo nàn, kiệt quệ và nguồn tài nguyên ngày càng trở nên cạn kiệt. Bởi vì trường hợp thứ nhất: con người tái tạo thiên nhiên; còn trường hợp thứ hai: con người tước đoạt thiên nhiên, biến nó thành hoang mạc.

Vốn ban đầu - tiền tệ - là nhân tố quan trọng cho sự phát triển của bất cứ nước nào. Nhưng C. Mác đã rất có lý khi cho rằng, tiền tệ chỉ trở thành tư bản thông qua sức lao động của công nhân vì nhờ vậy nó tạo ra giá trị lớn hơn giá trị ban đầu. Trong thời đại "mở cửa", nhiều nước có thể thu hút vốn từ nước ngoài. Nhưng vốn ấy chỉ có thể phát huy tác dụng tích cực nếu những điều kiện trong nước mà trước hết là có con người sử dụng hợp lý vốn đó để phát triển nền sản xuất trong nước.

Sở dĩ nguồn lực con người có vai trò quyết định trong các nhân tố, các nguồn lực của sự phát triển lịch sử, trước hết là do năng lực sáng tạo, trí tuệ của bản thân con người và cộng đồng người theo chiều hướng tiến bộ của lịch sử. Do đó, nguồn lực con người phải được nhìn nhận trong môi trường của nền văn minh và phát triển mạnh mẽ trong điều kiện chịu ảnh hưởng của một hệ tư tưởng tiên tiến và của một trình độ phát triển khoa học công nghệ hiện đại trong đó chân lý khoa học không tách rời chủ nghĩa nhân văn.

Từ thế kỷ XVI, nhà triết học Anh là Ph. Bêcơn đã đưa ra nhận định: Tri thức là sức mạnh, khoa học tăng quyền lực của con người đối với tự nhiên. Đến giữa thế kỷ XIX, trên cơ sở phân tích vai trò của khoa học trong sự phát triển xã hội, C. Mác kết luận: Việc biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp là một quy luật khách quan của sự phát triển xã hội. Điều đó đã trở thành hiện thực của thời đại chúng ta. Những năm đầu thế kỷ XX, tỷ lệ lao động chân tay trong sản phẩm là 9/10, đến những năm 90, tỷ lệ đó giảm xuống chỉ còn 1/5 nhưng khối lượng sản phẩm đã đạt được gấp 50 lần so với 80 năm về trước. Người ta dự báo đến năm 2010 tỷ lệ lao động chân tay trong sản phẩm chỉ còn 1/10. Trí tuệ hoá lao động đang trở thành xu thế phổ biến của nhân loại.

Trí tuệ của con người có một tiềm năng vô tận, công cuộc khảo sát cho phép người ta tính toán ở mức độ chính xác tương đối trữ lượng của cải chứa đựng trong thiên nhiên, nhưng khoa học ngày nay cũng cho con người những căn cứ để hình dung về đại thể trữ lượng tiềm năng trí óc con người. Cấu tạo não người có khoảng 14 tỷ nơron thần kinh, trong đó mới chỉ có 2% số nơron thần kinh được sử dụng trong suốt cuộc đời. Người nào càng học tập, rèn luyện nhiều hoặc tham gia càng nhiều lĩnh vực hoạt động thì lượng nơron thần kinh được đưa vào sử dụng càng lớn. Trong thời đại văn minh, con người càng là

chủ thể thì đồng thời càng là đối tượng khai thác của chính mình.

Nhưng nguồn lực con người, như đã phân tích ở trên, không chỉ cần được nhìn nhận về mặt tự nhiên mà còn cần được nhìn nhận về mặt xã hội. Tạo được môi trường xã hội để con người sống tự do và hạnh phúc, có điều kiện thuận lợi nhất để hoạt động sáng tạo, thì tính năng động của nhân tố con người sẽ được thể hiện ở mức tối đa. Ngược lại, con người và nguồn lực con người sẽ tự mòn mỏi, mất mát, tự nảy sinh trong đó những yếu tố kìm hãm. Tự nó, nếu chưa được khai thác, những nhân tố tự nhiên vẫn tồn tại, dẫu có thay đổi cũng rất chậm (sự thay đổi của khí hậu mỗi vùng chỉ có thể cảm nhận được nếu so sánh trong phạm vi thời gian hàng thế kỷ, quặng mỏ vẫn trầm tích trong lòng đất cho đến khi được khai thác...). Nhưng con người hàng ngày vẫn phải tiêu phí của cải cho sự sống của chính mình. Nó là nhân tố cần được duy trì, nuôi dưỡng bởi các nhân tố khác. Sự sinh sôi tự nhiên, phát triển nhanh của các nhu cầu làm cho lượng của cải mà con người cần tiêu dùng để nuôi sống mình ngày càng lớn. Điều đó làm cho việc đề ra những giải pháp để phát huy vai trò của nguồn lực con người thật sự là một đòi hỏi cấp bách. Đó vừa là một giải pháp rất cơ bản, lâu dài, vừa là giải pháp có ý nghĩa tình thế.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN NHẰM PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Phương hướng phát huy nguồn lực con người ở nước ta

a) Tiếp thu có chọn lọc những nhân tố tích cực của thời đại hiện nay về tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và phát triển con người

Ở giai đoạn văn minh hiện nay, loài người đã đạt tới một trình độ nhận thức mới về tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và phát triển con người.

Tăng trưởng kinh tế có vai trò tạo cơ sở, tiền đề cho sự phát triển xã hội, phát triển con người. Cuộc sống xác nhận sự đúng đắn của quan điểm Mác-Lênin rằng, nhân tố quyết định sự phát triển của lịch sử xét đến cùng là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực.

Dường như, bất cứ một bước phát triển lớn nào về mặt xã hội cũng có một trong những nguyên nhân quyết định của nó là sự tăng trưởng kinh tế, sự tăng năng suất lao động dẫn tới sự gia tăng đột biến khối lượng của cải vật chất. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất đang đặt hầu hết các quốc gia trên thế giới vào cuộc chạy đua nước rút tăng trưởng kinh tế để

thoát khỏi nguy cơ tụt hậu. Để "đo đạc" hoặc biểu thị sự tăng trưởng kinh tế hiện nay, người ta dùng 3 chỉ số: tổng sản phẩm quốc gia (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và chỉ số phát triển nhân lực (HDI).

Mặc dù tăng trưởng kinh tế vẫn được xem là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá trình độ phát triển của mỗi quốc gia, nhưng không bao hàm hết nội dung phát triển. Bởi vì, yếu tố xã hội, văn hoá, chế độ chính trị, môi trường, v.v. càng ngày càng khẳng định vai trò của chúng đối với sự phát triển. Chính vì thế, Uỷ ban Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã đưa ra khái niệm "phát triển xã hội". Trong khái niệm phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế là một nội dung đồng thời là một động lực, nhưng mục tiêu hướng tới là xã hội và con người mà cụ thể là quyền con người, hoà bình, dân chủ, an toàn sinh thái, văn hoá lành mạnh, lối sống, nhân phẩm... Trong khái niệm này, UNESCO rất coi trọng thái độ và hành vi ứng xử, mối quan hệ giữa các cá nhân, giữa các cộng đồng trên tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận.

Nội dung trên đây đã được Hội nghị Thượng đỉnh quốc tế lần thứ nhất về phát triển xã hội tại Copenhaghen (Đan Mạch) tháng 3 năm 1995 chấp thuận. Đến cuối năm 1995, nội dung phát triển xã hội đó lại được đại diện của 115 quốc gia tham dự Hội

nghị cấp cao lần thứ XI tại Cactahena (Côlômbia) nhất trí thông qua.

Tham dự hai Hội nghị đó, đại diện của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết các tuyên bố chung, cam kết thực hiện những nội dung cơ bản của mục tiêu phát triển xã hội, vì Đảng và Nhà nước ta xét thấy, những *nội dung cụ thể đó* Việt Nam có thể vận dụng một cách chủ động và phù hợp theo mục tiêu và hoàn cảnh của ta.

Có thể hiểu khái niệm phát triển xã hội bao gồm hai nội dung cơ bản: tăng trưởng kinh tế và phát triển con người.

Phát triển con người được xem là thước đo sự phát triển của mỗi quốc gia. Chính vì thế Liên hợp quốc đề nghị lấy chỉ số phát triển nhân lực (HDI) để đánh giá thực trạng phát triển ở mỗi nước.

Các chỉ số bộ phận cấu thành chỉ số chung phát triển nhân lực là:

- Chỉ số tuổi thọ.
- Chỉ số tri thức (gồm tỷ lệ người lớn có học và số năm đi học trung bình).
- Chỉ số thu nhập (gồm thu nhập thực tế và thu nhập đã điều chỉnh theo giá cả sinh hoạt từng nước).

Bên cạnh chỉ số phát triển nhân lực, các cơ quan chức năng của Liên hợp quốc còn đưa ra các chỉ số khác để đánh giá đầy đủ hơn trình độ và tính chất

phát triển của mỗi quốc gia như chỉ số phát triển nguồn nhân lực (tức nguồn lực con người HRDI); chỉ số phát triển liên quan tới giới (GRDI); đo lường sự tham gia của phụ nữ (GEM)... Năm 1997, Liên hợp quốc bổ sung chỉ số nghèo theo nhân lực (HPI) phản ánh tình trạng nghèo từ góc độ phát triển nhân lực. Chỉ số HPI thể hiện trên 3 biến số: xác suất chết yểu; mức độ trầm trọng của tình trạng mù chữ; khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, nước sạch và đủ lương thực.

Khái niệm phát triển con người trước hết bao hàm một quan niệm đúng đắn về vai trò của con người đối với sự phát triển xã hội; sau nữa, khái niệm phát triển con người bao gồm sự lựa chọn tối ưu phương thức hoạt động làm tăng tiềm lực con người và phát huy hiệu quả tiềm lực ấy trong phát triển xã hội.

Khái niệm "phát triển con người" giữ vai trò then chốt trong việc hoạch định chiến lược con người. Nó phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin xem khái niệm "con người" như một khái niệm phức hợp chứa đựng trong bản thân nó quan hệ biện chứng của một loại nhân tố: tự nhiên - xã hội; vật chất - tinh thần; cá nhân - đồng loại; lịch sử - hiện đại; khách quan - chủ quan...

Sự tác động qua lại của các nhân tố đó tạo nên những phẩm chất của con người. Những phẩm chất đó được nhiều thế hệ người xác nhận và được đo lường bằng hệ thống thước đo giá trị: đức, trí, thể,

mỹ. Những phẩm chất đó liên hệ hữu cơ với nhau tạo thành một cấu trúc gọi là nhân cách dưới sự soi sáng của hệ tư tưởng, mà ở Việt Nam là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân - chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, phát triển con người là làm cho những phẩm chất tốt đẹp của con người chuyển dịch theo hướng đi lên; là sự tăng lên những phẩm chất đó về số lượng và chất lượng. Phát triển con người là phát triển nhân cách.

b) Những phương hướng chung phát triển xã hội và con người ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, một quan điểm rất cơ bản được khẳng định: "tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển"[1]. Quan điểm này được diễn đạt cụ thể hơn trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"[2]. Đó là kết quả của một quá trình năng động tìm tòi, lựa chọn mô hình thích hợp để xây dựng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 113.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 85 - 86.

đất nước. Sự lựa chọn mô hình duy nhất này, *một mặt*, thể hiện sự tiếp tục quán triệt quan điểm trước sau như một của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là quan điểm giải phóng dân tộc phải kết hợp chặt chẽ với giải phóng xã hội và giải phóng con người; giành độc lập cho Tổ quốc phải đi liền với thống nhất Tổ quốc và đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã nói: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì"[1]. Mặt khác, sự lựa chọn đó cũng là kết quả của sự khảo nghiệm, phân tích nhiều lý thuyết và thực tế của các nước trên thế giới mà Việt Nam có thể vận dụng một cách chủ động, phù hợp, trên cơ sở mục tiêu, con đường mà Đảng ta xác định nhất quán khi lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Với mô hình đã được lựa chọn có bổ sung và cụ thể hoá một bước nữa thì ngay từ đầu sự tăng trưởng kinh tế đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội, tạo những điều kiện vật chất để giải quyết các vấn đề xã hội, tìm cho được động lực từ các nhân tố xã hội, lấy hiệu quả phục vụ xã hội làm thước đo cao nhất để xác định hiệu quả của sự tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, tiến bộ xã hội phải góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, làm

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.4, tr.56.

nảy sinh những nhân tố động lực xã hội cho sự tăng trưởng kinh tế.

Trong tất cả các giai đoạn cách mạng, đặc biệt là giai đoạn hiện nay, Đảng ta luôn đặt con người vào vị trí trung tâm với tư cách là nhân tố quyết định nhất. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã khẳng định: Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững, và chính từ đó, những thành quả của sự phát triển đất nước lại nhằm phục vụ nhân dân Việt Nam, con người Việt Nam và góp phần cho nhân loại.

Công cuộc đổi mới đất nước tạo ra những thuận lợi chưa từng có, đồng thời đòi hỏi con người Việt Nam vượt qua những thách thức gay gắt để nâng cao phẩm chất toàn diện phù hợp với đòi hỏi chung của thời đại, kế tục và nâng cao những giá trị truyền thống của dân tộc lên một trình độ mới.

Phẩm chất toàn diện của con người Việt Nam thể hiện ở đức - trí - thể - mỹ. Cấu trúc nhân cách của con người Việt Nam hiện nay cũng bao gồm những thành tố đó, những giá trị đó, nhưng ở mức độ đáp ứng những đòi hỏi của thời đại. Do đó, chiến lược phát triển con người ở nước ta, về thực chất, là tổng thể những giải pháp nhằm nâng cao nhận cách con người Việt Nam lên ngang tầm thời đại.

Ở một cấp độ khái quát cao hơn, có thể nói, nhân

cách là một tổng thể những giá trị được sắp xếp trong một cấu trúc chặt chẽ với sự nổi bật của hai nhân tố cốt lõi: đức - tài. Chính vì thế, khi nói về con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói về đức - tài, về mối quan hệ giữa đức - tài. Người luôn nhấn mạnh việc trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng và chỉ rõ những nội dung cơ bản của đạo đức cách mạng là *"tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân"*[1], *"phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng"*[2], "Gột sạch *chủ nghĩa cá nhân*"[3], "hoà mình với quần chúng"[4]. Nhưng, Người rất quan tâm đến tài năng và luôn tạo mọi điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã hội. Tuy vậy, Người luôn gắn tài năng với đạo đức. Theo Người, có tài mà không có đức thì hỏng. Ngược lại, nếu không có tài thì không thể làm việc được. Cũng như vậy, Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn.

Tư tưởng trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cơ sở của một phương hướng phát triển con người ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã gắn việc phát huy nguồn lực con người với sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc ta. Đại hội nêu chủ trương lớn: "Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 1995, t.9, tr.285, 286, 289, 290.

cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài"[1].

2. Những giải pháp nhằm phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay

Chiến lược phát huy nguồn lực con người phải được thể hiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế: Việc thay đổi vị trí, vai trò của người lao động theo hướng xác lập địa vị làm chủ của họ trong sản xuất, dưới những hình thức sở hữu phù hợp bao giờ cũng là nhiệm vụ cơ bản gắn việc giải phóng những người lao động với việc từng bước giải phóng lực lượng sản xuất. Dù thế nào cũng phải khắc phục tình trạng bất hợp lý nổi bật trong xã hội tư bản - đó là, tách người lao động khỏi tư liệu sản xuất. Từng bước thay đổi tính chất lao động - từ lao động làm thuê trở thành lao động làm chủ; từ lao động rời rạc, manh mún trở thành lao động liên kết, hợp tác; từ lao động tự cấp tự túc lấy việc thoả mãn trực tiếp nhu cầu của chính mình làm mục đích thành lao động sản xuất hàng hoá theo nhu cầu thị trường. Việc cải thiện điều kiện sống và điều kiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.123.

làm việc cho những người lao động phải nhằm đạt hiệu quả trước mắt là đáp ứng tốt hơn nhu cầu ăn, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại... của người lao động; đồng thời, xét về lâu dài là từng bước tạo ra những thế hệ người lao động có tầm vóc đẹp về thể lực và tinh thần, thích hợp với môi trường sống và lao động hiện đại. Thoả mãn ở mức độ có thể những nhu cầu lợi ích vật chất và tinh thần của con người, thông qua đó mà hấp dẫn, lôi cuốn họ tham gia tích cực vào công cuộc lao động sáng tạo. Sự công bằng trong lĩnh vực kinh tế trước hết phải được thể hiện trong việc xây dựng cho được hệ nấc thang giá trị, trong đó mỗi người lao động được xã hội đánh giá về thực chất căn cứ vào số lượng và chất lượng sản phẩm mà người đó cung cấp cho xã hội.

Một trong những quy luật nền tảng của sự hình thành thế hệ con người mới là phải thông qua cơ chế lao động. Do đó, để phát huy nhân tố con người, Nhà nước cần lợi dụng nền kinh tế nhiều thành phần để tạo công ăn việc làm cho mọi người có sức lao động; đồng thời, phải thông qua cơ chế thị trường với những đòn bẩy kinh tế để kích thích họ làm việc cho chính mình và cho xã hội.

Nền kinh tế thị trường tạo ra những thuận lợi, đồng thời đặt ra những thử thách lớn đối với việc phát huy nguồn lực con người ở nước ta. Xét về mặt thuận lợi, nền kinh tế thị trường giúp cho con người

thay đổi những quan niệm và thói quen cũ gắn liền với nền sản xuất tự cấp tự túc. Nói cụ thể hơn, nó làm cho quan niệm dựa vào uy quyền người khác chuyển thành quan niệm độc lập tự chủ của cá nhân; quan niệm tự cấp, tự túc trong vòng khép kín bảo thủ chuyển thành quan niệm giao lưu, khai thác, tìm tòi và mở ra cái mới; quan niệm bình quân, cào bằng chuyển thành quan niệm thi đua, cạnh tranh tạo nên những động lực tinh thần để phát triển; quan niệm và thói quen nể nang, tuỳ tiện thành quan niệm và thói quen tôn trọng quy ước, quy phạm, v.v.. Những chuyển biến đó sẽ góp phần tăng cường thêm một bước tự ý thức về chủ thể của mỗi cá nhân, thúc đẩy sự hình thành những cá nhân tự giác và đưa xã hội lên một trình độ mới. Nền kinh tế thị trường là môi trường thuận lợi cho sự thể hiện năng lực, tài năng của con người. Bởi vì trong hoạt động, mỗi con người đều phải vươn lên để tạo ra sản phẩm tốt và đem sản phẩm đó ra đối sánh với sản phẩm của người khác trên thị trường mà trọng tài đánh giá là người mua, người tiêu dùng.

Nhưng xét về mặt khác, nền kinh tế thị trường có thể tạo nên nhiều hiệu quả tiêu cực tác động xấu đến con người. Trong kinh tế thị trường, con người dễ rơi vào địa vị phụ thuộc trước những sản phẩm của sản xuất hàng hoá (ở đây là hàng hoá, tiền tệ, giá trị và quan hệ trao đổi hàng hoá). Nhiều biểu hiện tiêu cực

của kinh tế thị trường đối với sự phát triển con người bắt nguồn từ mối quan hệ phụ thuộc này. Tâm lý sùng bái tiền tệ lan tràn có thể trở thành thứ "bái vật giáo" để chi phối mọi người khác. Do sự chi phối của đồng tiền mà triết lý nhân sinh "sống chết mặc bay" được đề cao, làm xói mòn đạo lý sống được xây dựng trên nền tảng của cái Thiện. Quan hệ giữa người và người bị "chìm" đi trước quan hệ giữa vật và vật, dẫn đến sự hao hụt tính nhân bản trong các quan hệ xã hội.

Chính vì thế, để mọi người khi tiếp cận với nền kinh tế thị trường có thể tiếp thu mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của nó, cần phải trước hết xác lập cho họ một quan niệm đúng đắn về kinh tế thị trường, nâng cao tính tự giác và tính năng động của họ. Đồng thời đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống pháp luật, củng cố, tăng cường pháp chế nhằm tạo điều kiện cho kinh tế thị trường phát triển sâu rộng nhưng được định hướng vào các mục tiêu phục vụ con người, phục vụ tiến bộ xã hội. Tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức cho toàn xã hội là công việc có ý nghĩa cấp thiết, là sự chuẩn bị có ý nghĩa quyết định để con người thực sự là chủ thể tích cực xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường.

Trên lĩnh vực chính trị: Việc phát huy nguồn lực con người phụ thuộc một phần rất quan trọng vào

kết quả của công cuộc dân chủ hoá xã hội theo hướng dân chủ xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao tính tích cực chính trị của đông đảo nhân dân, tạo cho họ điều kiện tham gia ngày càng nhiều hơn vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Chỉ có môi trường dân chủ xã hội chủ nghĩa mới khuyến khích và thoả mãn những nhu cầu sáng tạo của con người, mới là điều kiện thuận lợi để con người phát triển nhân cách.

Dân chủ hoá theo hướng dân chủ xã hội chủ nghĩa là quá trình khẳng định quyền làm chủ của con người, là tạo ra bước ngoặt quan trọng dẫn tới sự giải phóng con người về tư tưởng, tình cảm, khắc phục những hậu quả nặng nề do tình trạng vi phạm dân chủ đã gây ra.

Đó là quá trình đổi mới nhiều quan hệ xã hội, nhất là các mối quan hệ trong lĩnh vực quản lý nhà nước, khắc phục triệt để sự trì trệ, bảo thủ trong tư duy, ý thức, cơ chế xã hội, vứt bỏ những lực cản trong mỗi cá nhân. Điều đó tạo ra những tiền đề chính trị, xã hội hết sức quan trọng để đưa xã hội vào một trạng thái mới mà chỉ trong đó nguồn lực con người mới có điều kiện để phát huy và được phát huy.

Việc phát huy nguồn lực con người ở nước ta không thể thiếu nội dung giáo dục cho con người ý thức đối với dân chủ và rèn luyện năng lực thực hiện dân chủ (học tập dân chủ), rèn luyện ở mỗi con người

năng lực bảo vệ và phát triển những giá trị dân chủ đã đạt được.

Dĩ nhiên, dân chủ hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đương nhiên phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa . Giáo dục pháp luật cho công dân, giúp họ hiểu và làm theo pháp luật là một nội dung rất quan trọng của dân chủ hoá đời sống xã hội. Phải kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, hành động lợi dụng chiêu bài dân chủ hoá để tạo cơ hội cho sự thao túng của chủ nghĩa vô chính phủ hòng phá hoại thành quả cách mạng và đẩy xã hội lùi lại phía sau như thực tế ở một số nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Đông Âu trước đây.

Trên lĩnh vực xã hội: Với tính cách là "tổng hoà những quan hệ xã hội" trong tính hiện thực của nó thì mức độ phong phú của thế giới tinh thần ở mỗi con người phụ thuộc vào sự phong phú của các mối quan hệ xã hội của người đó. Do đó, cần tạo điều kiện để con người hoà nhập trong môi trường của xã hội "dân sự" ổn định.

Một mặt, cần giải phóng con người khỏi tình trạng bị tha hóa bởi các quan hệ xã hội cũ kỹ lỗi thời, tức là tình trạng con người bị thao túng bởi những quan hệ được tạo ra do sự tác động qua lại giữa người và người nhưng đã đối lập với lợi ích của họ. *Mặt khác*, trên cơ sở kế thừa có bổ sung những quan hệ xã hội

truyền thống tốt đẹp, xây dựng thành một hệ thống chuẩn mực những quan hệ xã hội mới và duy trì, phổ cập qua hệ thống pháp chế cũng như qua dư luận xã hội để chúng trở thành nếp sống. Đó là những quan hệ xã hội được xây dựng và xử lý trên cơ sở của lòng nhân ái, bao dung, ý thức cộng đồng, tình nghĩa thuỷ chung, trọng lẽ phải và sự công bằng...

Chính trong môi trường xã hội bao gồm một tổng thể các mối quan hệ giữa người và người mà "số phận" mỗi con người được xác định. Do đó cần thông qua việc hoạch định và thực hiện một hệ thống chính sách xã hội nhằm góp phần giải quyết những vấn đề to lớn như độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân, đồng thời thể hiện sự quan tâm đến "số phận" những con người gặp bất hạnh trong đời thường.

Phải tìm mọi cách để giải phóng và phát huy tiềm năng của từng con người, của từng cơ cấu tổ chức, của mỗi cộng đồng từ vi mô đến vĩ mô. Đây chính là một trong những bài học được rút ra từ thực tiễn của những năm đổi mới. Con người với tính cách là một cá nhân, một thực thể độc lập gắn liền với các cá nhân khác trong một cơ cấu tổ chức, một cộng đồng cần được phát huy ở mức cao nhất tính tích cực và sáng tạo. Lên án chủ nghĩa cá nhân nhưng đồng thời phải tôn trọng cá nhân, tạo điều kiện cho cá nhân phát triển và thể hiện đầy đủ như lời Chủ tịch

Hồ Chí Minh căn dặn: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân""[1].

Trên lĩnh vực giáo dục: Việc phát huy vai trò của nguồn lực con người đòi hỏi phải đặt nhiệm vụ nâng cao mặt bằng dân trí thành nhiệm vụ cấp bách.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"[2]. Trên thực tế, mặt bằng dân trí của nước ta còn thấp so với yêu cầu của thời đại cũng như so với nhiều nước. Số năm đi học của mỗi người dân từ 7 tuổi trở lên mới đạt mức bình quân là 4,5 năm (ở Malaixia, năm 1967 là 5 năm, ở Hàn Quốc năm 1980 là 8 năm). Đáng lo ngại hơn là, mặc dù suốt mấy chục năm qua nước ta đã cố gắng nhiều để đạt được 88% dân số biết chữ, nhưng hiện nay lại đang diễn ra hiện tượng tái mù chữ nghiêm trọng, nhất là ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa (có xã số người mù chữ lên tới 70%). Trong số trẻ em ở độ tuổi đi học chỉ có 45% trẻ em học hết cấp I. Trình độ dân trí như vậy là một trở ngại lớn cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để thực hiện mục tiêu của nền giáo dục là nâng cao dân trí cho nhân dân và đào tạo thế hệ những con người mới làm chủ đất nước, cần tiến hành có chất lượng cuộc cải cách giáo dục. Việc trước hết là

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.9, tr.291.
2. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.4, tr.8.

đổi mới nội dung giáo dục, làm sao phản ánh được trong đó những tri thức quan trọng nhất của thời đại và thể hiện thành hệ thống chặt chẽ từ thấp lên cao phù hợp với các đối tượng. Củng cố hệ thống giáo dục, đặc biệt nâng cao trình độ đội ngũ người dạy theo phương châm "thầy ra thầy". Cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập nhằm nâng cao tinh thần ham học hỏi, tính năng động của người học, làm cho quá trình giáo dục kết hợp với quá trình tự giáo dục. Chỉ có như vậy mới đào tạo được những con người có bản lĩnh, có tri thức, đồng thời biết vận dụng sáng tạo tri thức trong công việc thực tiễn nghề nghiệp của mình; không chỉ có tri thức từ sách vở ở nhà trường mà còn biết tiếp thu tri thức từ cuộc sống thông qua hoạt động thực tiễn.

Giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, đặc biệt coi trọng giáo dục lòng tự hào về truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng. Kết hợp giáo dục học vấn với hướng nghiệp. Mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống trường dạy nghề. Điều đặc biệt quan trọng là thực hiện kế hoạch đào tạo nhân tài cho đất nước. Phải bắt đầu từ việc phát hiện những trẻ em có năng khiếu. Đó chưa phải là nhân tài, nhưng là mầm mống có thể phát triển thành nhân tài. Công việc này phải được cơ quan có trách nhiệm giao phó cho những người có trình độ hiểu biết cao, có tấm lòng tận tụy và đặc biệt có thái độ công tâm. Công việc đào tạo nhân tài phải được đầu tư thoả đáng, tập trung các

chuyên gia có kinh nghiệm và phương tiện cần thiết. Những người có tài năng phải được đặt đúng vị trí và sử dụng đúng ngành nghề chuyên môn. Tình trạng "bạc chất xám", thậm chí "chảy máu chất xám", tạo nên sự lãng phí lớn làm chậm bước tiến của đất nước. Hiện nay đất nước đang đòi hỏi có nhiều nhân tài. Đó là những nhà kinh doanh giỏi, đáp ứng nhu cầu của sự phát triển kinh tế thị trường, biết kết hợp lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội trong kinh doanh, nhìn xa thấy rộng, nhạy cảm với thị trường, táo bạo dám làm ăn lớn... Đó là những nhà khoa học giỏi về lý luận, nhạy cảm và hiểu sâu tình hình đất nước, hết lòng vì sự nghiệp phát triển khoa học, không bị "vướng mắc" quá nhiều bởi danh vị, chức tước.

Phải làm cho cả xã hội có thái độ tôn trọng những người có tài năng, bởi vì "hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, nguyên khí suy thì thế nước hèn và càng xuống thấp"[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã khẳng định: "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là *quốc sách hàng đầu* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"[2].

---

1. Lời ghi trên bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử Giám năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại bảo thứ 3 (1442).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.107.

Trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật: Văn hoá, nghệ thuật là một động lực của sự tiến bộ xã hội và trong mối quan hệ tương tác giữa sự phát triển kinh tế và sự phát triển văn hoá thì văn hoá không chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân. Đó là nhận thức mới của nhân loại vào những thập niên cuối thế kỷ này.

C.Mác rất sâu sắc khi nhận xét rằng dường như trong mỗi con người đều nuôi dưỡng một nghệ sĩ, mỗi con người đều biểu hiện với tính cách là một nghệ sĩ. Ông xem nhu cầu hướng tới cái đẹp, sáng tạo theo sự đòi hỏi của cái đẹp, tự vươn lên theo tiêu chuẩn của cái đẹp như là một tiềm năng bên trong nếu biết khơi dậy thì sẽ tạo thành một động lực hướng con người tới sự hoàn thiện.

Nước ta có mấy ngàn năm văn hiến, có bản sắc văn hoá rất độc đáo nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng.

Văn hoá nghệ thuật nước ta đang tự đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua những lựa chọn trăn trở, những thử nghiệm khó khăn, hướng đi của văn hoá nghệ thuật nhằm mục đích góp phần phát huy nguồn lực con người trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ngày càng được khẳng định. Theo đó, văn hoá nghệ thuật không chỉ cần phản ánh trung thực cuộc sống sôi động mà còn phải nhiệt tình cổ vũ những nhân tố

mới, góp phần đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, lạc hậu đang gây trở ngại trên con đường tiến lên của xã hội ta, góp phần vào việc giải quyết những vấn đề bức thiết của cuộc sống.

Văn hoá nghệ thuật cần góp phần xây dựng được những tình cảm tốt đẹp, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, lối sống, phong cách làm việc của con người, có khả năng đem lại những tác phẩm có giá trị đích thực, có giá trị thẩm mỹ cao, có tác dụng tích cực góp phần xây dựng con người trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

CHƯƠNG XIII

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH

Trong thời đại hiện nay, cùng với sự phát triển của xã hội với nhiều vấn đề mới nảy sinh, trong đó vấn đề gia đình cũng có những biến đổi rất phức tạp. "Năm Quốc tế về gia đình" (IYF) với chủ đề "Gia đình, các nguồn lực, và các trách nhiệm trong thế giới đang đổi thay" là ý tưởng tốt đẹp của cộng đồng thế giới nhằm động viên các quốc gia cần chú ý hơn đến việc xây dựng và củng cố gia đình. Qua đó, một lần nữa cho thấy, gia đình đã trở thành một vấn đề thời sự được nhân loại quan tâm.

Đảng ta rất coi trọng vấn đề gia đình, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: "Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.116.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu vấn đề gia đình nhằm làm rõ vị trí, vai trò của gia đình và việc xây dựng gia đình trong *quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

I. VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH TRONG XÃ HỘI

Gia đình *là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.* Đúng như C. Mác đã nói: "... hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình*"[1].

Cho nên, yếu tố huyết thống và tình cảm là nét bản chất nhất của gia đình. Nhưng, xét rộng hơn và đầy đủ hơn, gia đình không chỉ là một đơn vị tình cảm - tâm lý, mà còn là một tổ chức kinh tế - tiêu dùng (sở hữu, sản xuất, thu nhập và chi tiêu...), một môi trường giáo dục - văn hoá (văn hoá gia đình và cộng đồng), một cơ cấu - thiết chế xã hội (có cơ chế và cách thức vận động riêng)...

1. Vị trí của gia đình

- Gia đình là "tế bào của xã hội". Điều này trước

---

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.3, tr.41.

hết chỉ ra rằng, gia đình và xã hội có *quan hệ mật thiết với nhau.* Quan hệ đó giống như sự tương tác hữu cơ của quá trình trao đổi chất, duy trì sự sống giữa tế bào và một cơ thể sinh vật. Xã hội (cơ thể) lành mạnh tạo điều kiện cho các gia đình tiến bộ, gia đình (tế bào) hạnh phúc góp phần cho sự phát triển hài hoà của xã hội.

- Trong mối quan hệ mật thiết ấy, trình độ phát triển về mọi mặt của xã hội *quyết định* đến hình thức, tính chất, kết cấu và cả quy mô gia đình. C. Mác nhiều lần lưu ý rằng: tôn giáo, gia đình, nhà nước, pháp quyền, đạo đức, khoa học, nghệ thuật... chỉ là những hình thức đặc thù của sản xuất và phục tùng quy luật chung của sản xuất.

Thực tế lịch sử cho thấy, gia đình lần lượt biến đổi tương ứng với những giai đoạn phát triển xã hội khác nhau. Theo Ph. Ăngghen, trong xã hội công xã nguyên thuỷ, trình độ lực lượng sản xuất rất thấp, cá nhân không tách rời tập thể, cuộc sống cộng đồng về nhiều mặt... đã tạo nên hình thức *gia đình tập thể - quần hôn.* Mỗi bước tiến của xã hội cộng đồng nguyên thuỷ và kết quả của đào thải tự nhiên lại đưa đến những dạng mới, mang sắc thái tiến bộ hơn cho hình thức gia đình này. Giai đoạn đầu của xã hội cộng đồng nguyên thuỷ có *gia đình cùng dòng máu* (huyết thống), các tập đoàn hôn nhân đều phân theo thế hệ. Đến giai đoạn giữa của xã hội cộng đồng nguyên thuỷ

xuất hiện *gia đình punaluna* (bạn thân), trong đấy quan hệ tính giao giữa anh em trai với chị em gái đã bị huỷ bỏ. Và giai đoạn cuối của xã hội này, đã hình thành *gia đình cặp đôi* (đối ngẫu), trong đó kết hôn từng cặp đã tồn tại (tuy còn lỏng lẻo): trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có một vợ chính, và trong số nhiều người chồng khác, anh ta là người chồng chính của người đàn bà ấy[1]. Những kiểu trên của gia đình tập thể - quần hôn đều có đặc trưng là: tính giao tập thể, kinh tế cộng đồng nguyên thuỷ, chế độ mẫu hệ, không có áp bức và bất bình đẳng giữa các thành viên.

Bước sang chế độ nô lệ, trong xã hội nảy sinh hình thức *gia đình cá thể* - một vợ một chồng. Đó là kết quả trực tiếp của việc hình thành chế độ sở hữu tư nhân và sự phân hoá giai cấp. Gia đình cá thể là "hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế - tức là trên thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu công cộng nguyên thuỷ và tự phát"[2]. (Tất nhiên, kết quả vẫn còn do tác động của quy luật đào thải tự nhiên, ngoài ra còn có thêm một nguyên nhân nữa là nguyên nhân tình cảm, thể hiện ở người phụ nữ ngày càng có nhu cầu chỉ cần sống với một người

1. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.21, tr.67-85.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.21, tr.103-104.

đàn ông nhất định...). Từ đó, gia đình trở thành một đơn vị kinh tế riêng lẻ, kết cấu và quy mô thu hẹp hơn, quan hệ chồng với vợ, bố mẹ với con cái... mang tính phục tùng và bất bình đẳng, nạn ngoại tình và mại dâm phát triển...

Trải qua các xã hội nô lệ, phong kiến, tư bản... và ở từng giai đoạn khác nhau, gia đình cá thể còn có những nét đặc thù. Theo Ph. Ăngghen, chính từ các xã hội có chế độ tư hữu tư nhân và đối kháng giai cấp, trong các tầng lớp nhân dân lao động cũng đã xuất hiện mầm mống một kiểu gia đình *mới* mà hôn nhân không phải chủ yếu do mục đích kinh tế và vì kế thừa tài sản. Mầm mống kiểu gia đình mới này chỉ hình thành đầy đủ và phổ biến trong những điều kiện mới của xã hội có tự do và bình đẳng thực sự. Đến khi đó, gia đình mới có khả năng thể hiện đầy đủ vị trí xứng đáng của mình đối với sự phát triển chung của xã hội.

- Như vậy, gia đình là sản phẩm của lịch sử. Nhưng với tư cách là tế bào của xã hội, gia đình tác động *tích cực* đến tiến trình phát triển của xã hội. Ph. Ăngghen nhận định: "Theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử, quy đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt

khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình"[1]. Nhận định đó cho thấy rõ *vai trò* rất to lớn của gia đình đối với xã hội.

- Trong hệ thống cơ cấu xã hội có nhiều bộ phận khác nhau (dân tộc, giai cấp, giới...); nhiều thiết chế lớn nhỏ (nhà nước, ngành, đoàn thể...). Với tính cách là tế bào của xã hội, gia đình là tổ chức cơ sở, là cơ cấu và thiết chế xã hội *nhỏ nhất*. Cơ cấu thiết chế nhỏ nhất này lại đa dạng và phong phú; trong quá trình vận động, vừa tuân thủ những quy luật và cơ chế chung của xã hội, vừa theo những quy định và tổ chức riêng của mình.

- Gia đình còn là *cầu nối* giữa mọi thành viên trong gia đình và xã hội. Nhiều thông tin về xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Xã hội (nhà nước, cơ quan, bè bạn...) nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về một người khi nhận rõ hoàn cảnh gia đình của người ấy. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua hoạt động của các thiết chế xã hội, mà còn thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến con

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.21, tr.414.

người; nghĩa vụ và quyền lợi xã hội của mỗi người được thực hiện với sự hợp tác chung của các thành viên gia đình. Qua đó, ý thức công dân của cá nhân được nâng cao và sự gắn bó giữa gia đình và xã hội có nội dung xác thực.

- Gia đình là *tổ ấm* thân yêu đem lại hạnh phúc cho mỗi con người. Trong gia đình, cá nhân được đùm bọc về mặt vật chất và giáo dục về tâm hồn; trẻ thơ có điều kiện được an toàn và khôn lớn, người già có nơi nương tựa, người lao động được phục hồi sức khoẻ và thoải mái tinh thần... Ở đó, hàng ngày diễn ra các quan hệ thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ - chồng, cha - con, anh - em, những người đồng tâm, đồng cảm, nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời. Có rất nhiều vấn đề, ngoài môi trường gia đình, không ở đâu có thể đáp ứng và giải quyết có hiệu quả. Chỉ khi nào được yên ấm trong gia đình và hữu ái trong xã hội, cá nhân mới thực sự yên tâm lao động và làm việc sáng tạo. Một trong những bất hạnh lớn nhất của mỗi con người là lâm vào cảnh "vô gia cư", gia đình lục đục, tan nát hoặc cảnh nghèo đói, khốn cùng...

Vì vậy, việc xây dựng gia đình mới là một trong những vấn đề quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì

muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt"[1].

2. Chức năng của gia đình

Trong thực tế, vị trí và vai trò to lớn của gia đình với tính cách là tế bào của xã hội được thể hiện ở các chức năng cơ bản sau đây:

- *Chức năng tái sản xuất ra con người.* Đây là chức năng đặc thù của gia đình. Chức năng này đáp ứng nhu cầu tình cảm riêng, rất tự nhiên của cá nhân là sinh con đẻ cái, đồng thời, mang ý nghĩa chung lớn lao là cung cấp những lớp người mới, bảo đảm sự phát triển liên tục và trường tồn của xã hội loài người. Trong mỗi gia đình, việc coi trọng chức năng sinh đẻ của gia đình thể hiện ở việc trực tiếp quan tâm đến điều kiện vật chất và tinh thần thuận lợi cho việc mang thai và sinh nở của các bà mẹ. Việc sinh đẻ diễn ra ở từng gia đình nhưng lại quyết định mật độ dân cư của quốc gia và quốc tế - một yếu tố vật chất cấu thành sự tồn tại của xã hội, liên quan chặt chẽ đến quá trình phát triển mọi mặt của đời sống xã hội.

Sinh đẻ có kế hoạch là một nội dung trong toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa. Mục đích sinh đẻ có kế hoạch là nhằm thực hiện việc tái sản xuất con người phù hợp và hài

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 1996, t. 9, tr.523.

hoà với những điều kiện bảo đảm cụ thể, để lớp người mới ra đời có khả năng phát triển cả trí lực và thể lực, đưa lại niềm vui và hạnh phúc cho gia đình.

- *Gia đình có chức năng kinh tế*. Khi hình thành gia đình cá thể - hôn nhân một vợ một chồng, thì chức năng kinh tế đóng vai trò cơ sở cho các chức năng khác của gia đình. Thực tế cho thấy sự phân công giữa lao động gia đình và xã hội đã và đang còn tồn tại chức năng này. Tất nhiên cùng với quá trình xã hội hoá lực lượng sản xuất, ở từng lúc, từng nơi, kinh tế gia đình biến đổi với nhiều dạng phong phú và có vị trí khác nhau.

Trong giai đoạn đầu của xã hội xã hội chủ nghĩa còn sản xuất hàng hoá, còn nhiều thành phần kinh tế và khi kinh tế tập thể và nhà nước chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phong phú của cuộc sống, thì kinh tế cá nhân và tiểu chủ hoạt động phần lớn dưới hình thức hộ gia đình là một bộ phận đông đảo, có tiềm năng to lớn, và có vị trí quan trọng lâu dài. Hoạt động kinh tế hộ gia đình có những mức độ và hình thức khác nhau ở mỗi dạng gia đình cụ thể, nhưng đều vì mục đích tăng thu nhập, làm giàu chính đáng, tạo nên điều kiện vật chất để thúc đẩy các chức năng khác của gia đình, góp phần phát triển gia đình và xã hội. Do đó, cần có chính sách giúp đỡ hỗ trợ để kinh tế gia đình vận động đúng hướng và hài hoà với nền kinh tế chung của đất nước.

- *Gia đình có chức năng tiêu dùng*. Việc tiêu dùng của gia đình hướng vào mua sắm những sản phẩm phục vụ đời sống vật chất, cũng như đời sống tinh thần của gia đình. Chức năng này thường phụ thuộc nhiều vào thu nhập và đóng góp chung từ kết quả lao động của các thành viên trong hoạt động kinh tế gia đình hoặc xã hội.

Xã hội càng phát triển càng thúc đẩy việc mua sắm các sản phẩm, các thiết bị, dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình ngày càng nhiều hơn và thuận tiện hơn. Thực tế cho thấy, việc tiêu dùng vật chất và tinh thần ngày càng được mở rộng và đa dạng bằng hệ thống các dịch vụ và phúc lợi xã hội. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không thay thế hoàn toàn chức năng tiêu dùng của gia đình. Tổ chức tiêu dùng về đời sống vật chất và tinh thần của gia đình có chiều hướng ngày càng đi vào chiều sâu, đáp ứng nhu cầu phong phú, duy trì sắc thái và sở thích sinh hoạt riêng của từng gia đình và của các thành viên. Công việc nội trợ gia đình vẫn cần thiết và mang tính chất của một bộ phận hoạt động kinh tế - xã hội nhằm tái tạo và phát triển sức lao động, cũng như trí lực và thể lực nói chung của mọi thành viên trong gia đình. Trong đó, việc chăm sóc những thành viên là trẻ em, người già cả, người bị thiệt thòi (tàn tật, cô quả...), là nhiệm vụ rất đáng lưu ý, cần được ưu tiên và bằng phương thức phù hợp với tâm lý, khoa học và điều

kiện của gia đình và xã hội. Quan tâm lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là trách nhiệm vừa là đạo lý. Hơn nữa, ngày nay nhiều quốc gia đã xác định đó là một quyền: "Quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình".

Trong chủ nghĩa xã hội cần tạo cho gia đình có những điều kiện thuận lợi để nghỉ ngơi, hưởng thụ hợp lý và chính đáng các thành quả lao động của mình. Việc động viên các gia đình nâng cao thu nhập, trên cơ sở đó định hướng cho sự tiêu dùng lành mạnh, tạo điều kiện tốt để kiến thức khoa học và các phương tiện kỹ thuật đi vào công việc nội trợ góp phần giải phóng phụ nữ... là những vấn đề thiết thực cho sự nghiệp xây dựng gia đình mới.

- *Chức năng giáo dục của gia đình*. Sinh con, nuôi nấng, dạy dỗ là những hoạt động không thể tách rời nhau trong gia đình. Cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, nuôi dưỡng, giáo dục con cái, chăm lo việc học tập và sự phát triển lành mạnh của con cái cả về thể chất lẫn tinh thần.

Chức năng giáo dục của gia đình là rất quan trọng và có nội dung rộng lớn. Nội dung giáo dục gia đình chính là những yếu tố của vấn đề văn hoá gia đình và văn hoá cộng đồng nhằm tạo lập và phát triển nhân cách của con người, như: đạo đức, lối sống, ứng xử, tri thức lao động và khoa học... Giáo dục gia đình được thực hiện ở mọi chu trình sống của con người: lúc còn

ẵm ngửa, giai đoạn tuổi thơ, khi trưởng thành, lúc già cả... Ở từng chu trình ấy có những nội dung và hình thức giáo dục cụ thể như: lời ru của mẹ, tấm gương sống và làm việc của người thân, những nhắn nhủ của cha mẹ, giảng giải của ông bà... Ngay trong hoạt động tiêu dùng để thực hiện tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên cũng một phần lớn phục vụ chức năng giáo dục gia đình.

Trong chủ nghĩa xã hội, với chức năng giáo dục, gia đình thực sự góp phần lớn lao vào việc đào tạo thế hệ trẻ và xây dựng con người mới nói chung, vào việc duy trì và phát triển đạo đức, văn hoá dân tộc. Giáo dục gia đình là một bộ phận của giáo dục xã hội. Giáo dục trong gia đình mới đòi hỏi sự cố gắng cao và những hiểu biết về khoa học, tâm lý... của cha mẹ và của mọi thành viên khác. Kết hợp chặt chẽ giữa các môi trường giáo dục (gia đình - nhà trường - xã hội) để tiến tới mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước là một yêu cầu quan trọng.

- *Gia đình còn có chức năng thoả mãn nhu cầu tâm - sinh lý* cho các thành viên của mình. Nhiều vấn đề tâm - sinh lý thuộc giới tính, thế hệ... cần được bộc lộ và giải quyết trong phạm vi gia đình và giữa những người thân. Sự hiểu biết tâm - sinh lý cá nhân, sở thích của nhau để ứng xử phù hợp, chân thành và tế nhị, tạo bầu không khí tinh thần

ổn định trong gia đình, làm cho các thành viên có điều kiện sống lạc quan và tích cực.

Như vậy, gia đình là thiết chế đa chức năng. Trên đây là những chức năng cơ bản nhất. Thông qua việc thực hiện những chức năng này mà gia đình tồn tại và phát triển, đồng thời tác động đến tiến bộ chung của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau. Việc phân chia những nội dung của chúng chỉ là tương đối. Nhiều khi, các chức năng được thể hiện tổng hợp trong một công việc hoặc nhiều hoạt động của gia đình. Ở từng nơi và các giai đoạn lịch sử khác nhau, nội dung và vị trí của mỗi chức năng có sự biến đổi phù hợp.

Mọi thành viên đều có trách nhiệm vun đắp cho tổ ấm gia đình, đều phải tham gia vào thực hiện các chức năng của gia đình với mức độ khác nhau, tuỳ theo cương vị, khả năng và thoả thuận cụ thể... Trong đó, trước hết phải kể đến vai trò của những bậc cha mẹ, đặc biệt là của người phụ nữ.

Phụ nữ, mà trước hết là những người vợ, người mẹ, là trung tâm tình cảm của gia đình. Phụ nữ góp công sức nhiều nhất cho công việc gia đình, giàu tình yêu và có ý thức hơn cả vì hạnh phúc gia đình. Với tư cách là người vợ, người mẹ, người phụ nữ có thiên chức mà không ai có thể thay thế được... Những gánh nặng gia đình và công việc xã hội cùng với những thiên kiến lạc hậu và đối xử không bình đẳng... đã

làm cho người phụ nữ trở thành những người vất vả nhất trong gia đình và xã hội. Do vậy, sự nghiệp giải phóng phụ nữ trong xã hội nói chung và trong gia đình nói riêng có ý nghĩa to lớn đối với việc thúc đẩy công cuộc xây dựng gia đình mới.

Trong chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp giải phóng phụ nữ được coi như một mặt của giải phóng người lao động và giải phóng xã hội. Sự nghiệp này là lâu dài, thông qua nhiều cuộc vận động lớn: thực hiện nam - nữ bình đẳng, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình mới, nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực hoạt động của xã hội... Và điều mấu chốt, như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin nêu ra, là phải có nền kinh tế phát triển, nền công nghiệp hiện đại để kinh tế gia đình và lao động gia đình nói chung ngày càng mang tính xã hội cao mới tiến tới giải phóng triệt để phụ nữ.

Vị trí và chức năng của gia đình được quy định một cách khách quan. Những tư tưởng quá nhấn mạnh đến gia đình, coi gia đình như là hình mẫu của mọi thiết chế... hoặc hạ thấp gia đình, coi nhẹ và cắt xén các chức năng gia đình, đánh đồng gia đình và xã hội, thậm chí đòi xoá bỏ gia đình... đều là sai lầm và với mức độ khác nhau sẽ gây mâu thuẫn giữa gia đình và xã hội, ngăn cản sự phát triển của xã hội cũng như của chính gia đình.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU ĐỂ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH MỚI TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xã hội phải thực hiện xây dựng *gia đình mới* khác về nhiều mặt so với gia đình cũ trước đây. Gia đình mới hình thành gắn liền với những *biến đổi toàn diện* của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là một tất yếu lịch sử, tạo nên những điều kiện cần thiết cho việc ra đời gia đình mới. Việc thủ tiêu chế độ bóc lột, *từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa* nền kinh tế quốc dân là yếu tố quan trọng để xoá bỏ mục đích hôn nhân cũ và cơ sở của tình trạng bất bình đẳng trong gia đình. Việc xây dựng *cơ sở vật chất-kỹ thuật* của chủ nghĩa xã hội quyết định sự nghiệp giải phóng phụ nữ, nâng cao đời sống và giữ gìn hạnh phúc gia đình. *Pháp luật* (đặc biệt là Luật Hôn nhân và gia đình) có vai trò to lớn trong việc định hướng, thúc đẩy nhanh quá trình hình thành gia đình mới. Luật Hôn nhân và gia đình nước ta ghi rõ: Nhà nước bảo đảm thực hiện chế độ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng nhằm xây dựng gia đình dân chủ, hoà thuận, hạnh phúc bền vững. Sau nữa, việc tích cực *nâng cao dân trí*, thường xuyên giáo dục tình cảm và đạo đức mới sẽ làm cho mọi người có ý thức về tầm quan trọng của đời sống gia đình, trách nhiệm trước

xã hội trong việc thực hiện các chức năng cao đẹp của gia đình...

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các điều kiện để hình thành gia đình mới không xuất hiện và có tác dụng đầy đủ ngay lập tức mà chỉ có thể hoàn chỉnh dần từng bước. Lúc đầu, xã hội mới còn tồn tại nhiều gia đình được tạo lập từ xã hội cũ, nhiều yếu tố của gia đình cũ còn ảnh hưởng trong các tầng lớp dân cư. Xây dựng gia đình mới bắt đầu từ việc cải tạo những gia đình cũ theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội, gắn liền với việc giáo dục lớp thanh niên đến với tình yêu và hôn nhân tiến bộ. Do xã hội còn nhiều thành phần kinh tế và các giai cấp khác nhau, việc chuyển biến, hình thành yếu tố gia đình mới sẽ ở mức độ khác nhau trong các gia đình ở từng loại dân cư. Tuy vậy, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vẫn cần thiết đề ra *những định hướng chủ yếu* để xây dựng gia đình mới:

1. Gia đình mới của chủ nghĩa xã hội ra đời trên sự kế thừa những nét đẹp gia đình truyền thống, đồng thời tiếp thu những tiến bộ của thời đại về gia đình

Gia đình truyền thống được hun đúc lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới, gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Nghệ thuật quản lý xã hội nhằm xây dựng gia đình mới xã hội

chủ nghĩa là biết xác định, duy trì và phát huy những nét đẹp và có ích; đồng thời, tìm ra để hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Tất nhiên, kế thừa không phải là "phục cổ". Những gì tiếp thu của gia đình quá khứ đều phải nhằm bổ sung và làm phong phú thêm gia đình xã hội chủ nghĩa.

Gia đình còn liên quan và chịu ảnh hưởng của tình hình quốc tế, nhất là ngày nay, khi có những phương tiện thông tin hiện đại và việc mở rộng giao lưu quốc tế. Nhiều hiện tượng tiêu cực ở khắp các châu lục đang gây ra những lo lắng cho mọi người và tác hại đến sự phát triển lành mạnh của gia đình ở nhiều quốc gia, như tính thực dụng trong tình yêu, quan hệ tình dục phóng đãng... Nhưng, thời đại mới cũng đem lại nhiều nội dung tiến bộ đến cho gia đình như: dân chủ hoá các quan hệ trong gia đình, sự tôn trọng nhân cách của các thành viên, hiện đại hoá nhu cầu vật chất và tinh thần của gia đình, cộng đồng hỗ trợ gia đình phát triển, hình thức gia đình hạt nhân tăng lên, thu hẹp quy mô gia đình...

Để xây dựng gia đình mới phải ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, mạnh dạn lựa chọn và xử lý đúng đắn những yếu tố mới nảy sinh, và quan trọng hơn, là biết tiếp thu những nội dung tiến bộ của thời đại. Xử lý và tiếp thu những vấn đề của thời đại không phải là "cách tân" giản đơn, mà phải phù hợp với truyền thống của dân tộc, của gia đình và sự phát triển chung của xã hội.

2. Phương hướng quan trọng để hình thành ngày càng nhiều các gia đình mới là việc thực hiện *hôn nhân tiến bộ*

Hôn nhân tiến bộ coi *tình yêu* là cơ sở tinh thần chủ yếu, là yếu tố quyết định nhất của hôn nhân. Tình yêu là phạm trù lớn của vấn đề hôn nhân và gia đình. Những yếu tố cơ bản về một tình yêu chân chính đã được Ph. Ăngghen nêu ra trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*. Theo Ph.Ăngghen, tình yêu là trạng thái say mê rất hiện thực nhưng không rơi vào tầm thường, dung tục. Nó khác căn bản với tình dục đơn thuần. Tình yêu thực sự phải phù hợp với đạo đức, có trách nhiệm và nồng nhiệt ở cả hai phía của lứa đôi. Tình yêu lành mạnh là phải tiến tới hôn nhân, Ph.Ăngghen cho rằng, việc yêu và lấy nhau - hình thành gia đình - là một nghĩa vụ chân chính. Còn khi nói về bản chất của tình yêu, Người nhấn mạnh hơn cả đến sự chung thuỷ... Bởi vậy, những quy định phong kiến quá khắt khe, cũng như kiểu "tự do" tư sản trong quan hệ nam - nữ đã hạn chế và ngăn cản tình yêu chân chính.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm nguyên tắc *tự nguyện*. Hôn nhân tự nguyện bảo đảm tối đa cho tình yêu tiến tới hôn nhân một cách hiện thực. Để cho nam nữ tự do tìm hiểu, đến với nhau có nghĩa là để

họ tự định đoạt lấy tương lai hạnh phúc. Sau khi thành lập gia đình, họ có trách nhiệm với nhau trong lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Hôn nhân tự nguyện là một điều kiện của hạnh phúc và sự vững bền của gia đình. Nhân loại ngày càng nhận thức về hôn nhân tự nguyện như một nội dung quan trọng của nhân quyền và tiến bộ xã hội. Xây dựng gia đình mới cần khắc phục và loại trừ tệ nạn cưỡng ép và quan điểm "bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy" trong hôn nhân. Tất nhiên, trong xã hội mới, hạnh phúc lứa đôi rất cần sự hướng dẫn, khuyên nhủ của người thân, bạn bè để họ có thể tìm hiểu và quyết định vấn đề được phù hợp nhất.

Hôn nhân tiến bộ là hình thức gia đình *một vợ một chồng*. Bản chất của tình yêu đòi hỏi hôn nhân tất yếu phải là hôn nhân cá thể. Đây là điều kiện quan trọng để tiếp tục duy trì tình yêu sau hôn nhân. Ở xã hội cũ, gia đình cá thể nhiều khi chỉ là hình thức. Xã hội mới cần thiết và có điều kiện khắc phục tệ ngoại tình và nạn mại dâm để hôn nhân một vợ một chồng được thực hiện trọn vẹn, trở thành một hiện thực, ngay cả đối với đàn ông.

Hôn nhân tự do tiến bộ phải được bảo đảm về mặt *pháp lý*. Luật Hôn nhân và gia đình và các văn bản có liên quan khác của nhà nước xã hội chủ nghĩa phù hợp với nội dung hôn nhân tiến bộ, phù hợp với yêu

cầu xây dựng gia đình mới. Hôn nhân tuân thủ pháp lý, *một mặt*, thể hiện sự tôn trọng và quyết tâm đến với nhau của lứa đôi; *mặt khác*, nói lên trách nhiệm của xã hội, thông qua nhà nước pháp quyền, để bảo vệ hôn nhân tiến bộ và những lợi ích chính đáng trong quan hệ gia đình.

3. Các thành viên trong gia đình có quan hệ bình đẳng, thương yêu và có trách nhiệm với nhau, qua đấy cùng chia sẻ, gánh vác công việc gia đình

Đây cũng là một phương hướng lớn của xây dựng gia đình mới. Trong vấn đề này, trước hết phải nói tới quan hệ *vợ - chồng*. Quan hệ vợ - chồng này có ý nghĩa và tác động lớn đến các quan hệ khác trong gia đình. Có nhiều nội dung để duy trì và vun đắp tình cảm tốt đẹp giữa vợ và chồng. Trong đó, cần chú ý khắc phục những gì tiêu cực trong quan hệ vợ - chồng mà gia đình cũ đã mắc phải. Vì vậy, bình đẳng và tôn trọng nhau là nét đặc trưng của quan hệ vợ chồng trong gia đình mới. Vợ chồng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong đời sống gia đình. Vợ chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng (nghề nghiệp, việc tham gia công tác xã hội...) và thống nhất giải quyết những vấn đề chung (nơi ở, tổ chức đời sống...) trên cơ sở cùng nhau bàn bạc về quyền lợi, hạnh phúc của cả gia đình. Trong gia đình

mới, vợ chồng thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đặc biệt, phải quan tâm đến đặc điểm về giới tính để tạo điều kiện phù hợp cho vợ chồng hoàn thành được nhiệm vụ gia đình và công tác xã hội. Chung thuỷ vẫn là nét bản chất của tình yêu sau hôn nhân; đồng thời, là yêu cầu của hình thức hôn nhân mới. Chung thuỷ là yếu tố quan trọng để gia đình có hạnh phúc vững bền.

Quan hệ giữa *bố mẹ và con cái cũng mang tinh thần mới.* Bố mẹ yêu thương và không phân biệt đối xử với các con, tôn trọng và hướng dẫn những nhu cầu chính đáng của các con. Nuôi dạy các con thành người có ích cho xã hội là nghĩa vụ của bố mẹ. Các con phải biết ơn, kính trọng, nghe lời khuyên nhủ của bố mẹ và không ngừng học hỏi vươn lên giữ vững truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ bố mẹ và các con trong gia đình còn là hình ảnh chung của quan hệ thế hệ ngoài xã hội. Mâu thuẫn và khác biệt giữa các thế hệ là điều khó tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác. Giải quyết những mâu thuẫn và khác biệt để không dẫn tới những xung đột trên cơ sở tôn trọng những nét riêng cần thiết, hạn chế những mặt yếu, kết hợp những mặt mạnh... của các thế hệ là trách nhiệm thường xuyên của gia đình và xã hội.

Trong gia đình, *cần xây dựng những mối quan hệ tốt giữa anh chị em với nhau.* Nếu là những gia đình có nhiều thế hệ, phải chú ý đến những mối quan hệ

khác, như ông bà và cháu chắt; bố mẹ chồng và con dâu; bố mẹ vợ và chàng rể; chú bác, cô dì và các cháu... Các quan hệ này cũng được xây dựng trên tinh thần bình đẳng, tình thương và có trách nhiệm để cho gia đình êm ấm, trở thành tế bào lành mạnh của xã hội.

4. Trên cơ sở gia đình hoà thuận, *xây dựng tốt các quan hệ với các cộng đồng, tổ chức bên ngoài gia đình* (họ hàng, thân tộc, thông gia, làng xóm hoặc đơn vị dân cư khác nhau nơi gia đình ở...)

Đây cũng là một phương hướng xây dựng gia đình mới. Các quan hệ này mang nặng nghĩa tình của những người cùng huyết thống, cùng có người thân, cùng trên địa bàn làm ăn sinh sống... Đoàn kết tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau là trách nhiệm của người thân, của bà con xóm giềng. Động viên nhau thực hiện chính sách chung của xã hội và những quy định chung của tập thể cũng như những tập tục tiến bộ của dòng họ, là vấn đề được quan tâm của xây dựng gia đình trong xã hội mới.

5. Trong những phương hướng xây dựng gia đình mới của chủ nghĩa xã hội, còn có *vấn đề bảo đảm quyền tự do ly hôn*

Có tự do hôn nhân tất yếu phải công nhận quyền tự do ly hôn. Trong những chế độ xã hội cũ trước đây,

ly hôn bị cấm đoán, hạn chế, hoặc rất khó thực hiện về phía người phụ nữ. Công nhận quyền ly hôn là một bước tiến thuộc về nội dung giải phóng phụ nữ và bảo đảm nhân quyền nói chung. V.I. Lênin viết: "Thiếu quyền tự do ấy là một sự ức hiếp lớn đối với giới bị áp bức, đối với phụ nữ"[1]. Nhưng, như vậy, không phải chúng ta đồng ý hoặc khuyến khích ly hôn nói chung. Chỉ những trường hợp ly hôn chính đáng mới là một mặt của chế độ hôn nhân tự do tiến bộ. Mặc dù đã qua những bước hoà giải, được xã hội, người thân hết lòng vun đắp cho sự đoàn tụ gia đình, nếu tình yêu vợ chồng không còn nữa, thì ly hôn lúc đó là cần thiết, sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội. Tuy nhiên, ly hôn nào cũng để lại hậu quả, nhiều khi tác hại rất nặng nề, nhất là đối với phụ nữ và những đứa con. Vì vậy, *một mặt*, cần ngăn ngừa những suy nghĩ nông nổi, ích kỷ, cần phản đối những hành động lạm dụng quyền ly hôn gây nên những bất hạnh cho gia đình, phức tạp cho xã hội; *mặt khác*, khi đã đến bước gia đình phải tan vỡ thì "cần tránh cho người ta khỏi sa chân vô ích vào vũng bùn kiện tụng để ly hôn"[2], nghĩa là giải quyết thế nào cho có tình, có lý, đỡ tổn thất và đau khổ cho cả bố mẹ lẫn các con và người thân.

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1981, t.30, tr.163.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.21, tr.128.

Những phương hướng trên đây để xây dựng gia đình mới, trong thực tế, được thể hiện ra nhiều mặt và nội dung hoạt động. Chỉ có sự cố gắng chung của từng thành viên, của từng gia đình và của cả xã hội thì mới có được những gia đình hạnh phúc.

III. MẤY VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Gia đình Việt Nam cũng đang ở bước chuyển biến theo những định hướng của gia đình xã hội chủ nghĩa.

Gia đình mới ở nước ta hình thành trong sự kế thừa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của kiểu *gia đình truyền thống*. Gia đình truyền thống là tổ chức gia đình của đông đảo nhân dân, mang nặng tính chất phụ quyền và gia trưởng tồn tại trên cơ sở kinh tế sản xuất nông nghiệp lạc hậu, trong cơ chế chính trị - xã hội phong kiến chuyên chế, tổ chức làng xã chặt chẽ, trên nền văn hoá dân tộc và đồng thời bị chi phối bởi nhiều tư tưởng, quan điểm khác nữa. Gia đình truyền thống có nhiều nét đẹp, nhiều nội dung đáng trân trọng giữ gìn như: tình cảm gia đình, vị trí gia đình được coi trọng; bên trong thì đoàn tụ, cố kết; bên ngoài thì

tình làng, nghĩa xóm; nền nếp trên dưới; phụ nữ thuỷ chung, đảm đang, yêu thương chồng con... Đồng thời, cũng cần nhận rõ, gia đình truyền thống có những mặt, những định hướng giá trị đã và đang tác động tiêu cực đến quá trình xây dựng gia đình mới ở nước ta như: tính cục bộ của gia đình, dòng họ, địa phương; những nghi lễ (trong ứng xử, cưới xin, ma chay giỗ chạp...) rườm rà, tốn kém và có lúc phản nhân văn; kết cấu và quy mô gia đình lớn - đông con; kinh tế gia đình tự túc, tự cấp; sự bất bình đẳng giữa nam và nữ; phụ nữ vất vả và thiệt thòi nhiều mặt...

Thời kỳ thực dân Pháp thống trị nước ta, và nhất là những năm đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, đã nảy sinh những yếu tố kiểu tư sản và ngoại lai về hôn nhân và gia đình. Điều đó đem lại nhiều hậu quả nguy hại, vì chúng phá vỡ nét đẹp truyền thống và trực tiếp ngăn cản nội dung xây dựng gia đình hiện nay.

Luật Hôn nhân và gia đình của nước ta cùng nhiều văn bản liên quan khác đã thể hiện tinh thần cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về gia đình và phù hợp với tình hình cụ thể phát triển gia đình ở nước ta. Với những cải biến về nhiều mặt diễn ra trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, gia đình ở nước ta cũng đã *thay đổi đáng kể* theo hướng

gia đình xã hội chủ nghĩa. Nhưng *thành tựu chưa nhiều, chưa thực sự sâu rộng và vững chắc*. Hiện nay, tình hình hôn nhân và gia đình ở nước ta vẫn còn nhiều tiêu cực. Luật Hôn nhân và gia đình bị vi phạm nghiêm trọng. Điều đó có nguyên nhân trực tiếp từ những tác hại của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, do hậu quả nặng nề của chiến tranh cũng như ảnh hưởng xấu từ bên ngoài... Về phía chủ quan, nguyên nhân sâu xa là vấn đề gia đình và việc xây dựng gia đình mới chưa được chú ý đầy đủ và trong giai đoạn cách mạng vừa qua, chúng ta tiến hành việc đánh đổ phong kiến, xoá bỏ hủ tục, nhưng chưa thật quan tâm đến giữ gìn tinh hoa của gia đình truyền thống. Trong khi hướng vào việc xây dựng tinh thần tập thể đã không quan tâm đúng mức đến tình cảm cá nhân, tiềm lực kinh tế gia đình không được khai thác, trách nhiệm đối với gia đình và văn hoá gia đình chưa có vị trí xứng đáng trong nội dung giáo dục ở nhà trường và trong xã hội...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã mở ra giai đoạn *đổi mới toàn diện* đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc khắc phục tình trạng quan liêu bao cấp, mở rộng dân tộc, tinh thần "tất cả vì con người", nhất là việc đổi mới chính sách kinh tế, trong đó chú ý thích đáng đến kinh tế gia đình... đã có tác động trực tiếp đến xây dựng gia

đình. Từ đó đến nay, công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và gia đình, dần dần có những *biến đổi tích cực*. Tình cảm và ý thức xây dựng gia đình cá nhân, với tư cách là thành viên gia đình, ở mọi tầng lớp xã hội được nâng cao. Đặc biệt, việc quan tâm đến lợi ích, đến việc làm giàu chính đáng của gia đình đã tạo ra động lực mạnh mẽ. Gia đình từng bước được thực hiện đầy đủ các chức năng cơ bản của mình một cách năng động và sáng tạo hơn. Vấn đề này rõ nhất ở hoạt động kinh tế mà đặc biệt ở hơn 11 triệu gia đình ở vùng nông thôn phát triển kinh tế dưới dạng từng hộ đang là hình thức phổ biến và có hiệu quả ở nước ta. Đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn các gia đình được nâng lên và cải thiện một cách rõ rệt. Trong đó, có một bộ phận gia đình, và ngày càng nhiều thêm, trở nên giàu có. Các mối quan hệ trong gia đình đang ngày càng được dân chủ hoá. Ý thức về tự do, bình đẳng trong hôn nhân của các thành viên gia đình cũng tăng lên. Quan hệ dân sự về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá... của gia đình với các cộng đồng và thiết chế ngoài xã hội nhiều hơn và cũng mang tinh thần bình đẳng hơn về cả nghĩa vụ và quyền lợi. Kết cấu và quy mô gia đình có chiều hướng thu hẹp để hình thành các gia đình "hạt

nhân" và sinh đẻ ít hơn...

Đất nước ta tuy đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc. Nhìn trên bình diện chung, nước ta vẫn ở trong tình trạng một nước nghèo và kém phát triển. Mặt trái của nền kinh tế thị trường tác hại không nhỏ đến gia đình. Trình độ phát triển của gia đình không vượt quá trình độ phát triển của xã hội. Vì vậy, trong lĩnh vực xây dựng gia đình *còn nhiều khó khăn* cần được tiếp tục giải quyết. Hiện nay, bình quân quy mô gia đình nước ta vẫn còn lớn, ở nông thôn nhiều cặp vợ chồng chưa kế hoạch hoá sinh đẻ, mức tăng dân số còn cao ảnh hưởng đến thu nhập và mức sống, đồng thời gây sức ép lớn về nhà ở, việc làm, chăm sóc y tế... Sự phân hoá giàu - nghèo giữa các gia đình ngày càng tăng. Số gia đình nghèo đói còn nhiều, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sự sai lệch về định hướng giá trị cuộc sống nên quan hệ tình cảm ở một số gia đình bị coi nhẹ, nảy sinh mâu thuẫn giữa các thế hệ... Hiện tượng khôi phục các hủ tục và tiếp thu lối sống tiêu cực từ bên ngoài cũng có xu hướng tăng. Chỉ thị 27 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) lưu ý rằng: "Nhiều gia đình, trong đó có cả những cán bộ có chức có quyền, vì động cơ hiếu danh, vụ lợi, tổ chức đám cưới, đám tang linh đình, phô

trương, có những trường hợp thực chất là "bán cỗ lấy tiền". Mê tín dị đoan cùng nhiều hủ tục, về cả một số hủ tục mới hình thành do thói đua đòi và do cách học theo nước ngoài thiếu sự phê phán, chọn lọc, đang có khuynh hướng phục hồi và phát triển khá phổ biến ở nhiều nơi..."[1]. Tình trạng ly hôn có chiều hướng phát triển. Trẻ em hư hỏng, bỏ học, suy dinh dưỡng còn nhiều. Trong xã hội tái hiện tình hình "đèn nhà ai nhà ấy rạng". Người vợ, người mẹ còn quá vất vả với công việc gia đình và lao động xã hội. Trên nhiều mặt, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, người phụ nữ chưa được bình đẳng thực sự.

Từ những vấn đề trên cho ta thấy, trong thực tế, gia đình mới ở nước ta đang ở *bước quá độ*. Do vậy các yếu tố gia đình mới và cũ còn tồn tại xen kẽ vào nhau. Xã hội với cơ cấu giai cấp không thuần nhất và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần nên gia đình cũng có nhiều dạng khác nhau, bị chi phối bởi tư tưởng và tâm lý các giai tầng khác nhau, từ đó, có vai trò không giống nhau đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam đang ở vào thời điểm đẩy mạnh công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chỉ thị số 27-CT/TW về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội* (ngày 12-4-1998).

I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp và tầng lớp xã hội tồn tại khách quan, hoạt động hợp pháp trong một chế độ xã hội nhất định, chủ yếu là thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về quản lý, về phân phối, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

1. Xu hướng chung của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Quá trình biến động của cơ cấu xã hội nói chung diễn ra theo bốn xu hướng chủ yếu sau đây:

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai tầng xã hội trong quan hệ với tư liệu sản xuất trên nền tảng sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với trình độ từ thấp đến cao. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hoá chế độ sở hữu đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đều được bảo đảm sự tồn tại của mình; cùng liên kết, liên doanh trong sản xuất kinh doanh; các thành phần trong cơ cấu xã hội hợp pháp tồn tại bên nhau, xích lại gần nhau, đan xen lẫn nhau để cùng phát triển.

- Sự xích lại gần nhau về tính chất lao động. Xu hướng này thể hiện thông qua đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, áp dụng những thành tựu mới vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Cũng từ đó, xu hướng "quốc tế hoá" ngày càng thể hiện rõ nét thông qua việc giao lưu kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Sự xích lại gần nhau trong quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng. Xu hướng này diễn ra chủ yếu liên quan đến việc thực hiện ngày càng hoàn thiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau trong tiến bộ về đời sống tinh thần. Xu hướng này thể hiện trực tiếp thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Xu hướng này tác động trực tiếp đến sự xích lại gần nhau và xoá bỏ dần dần mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Trong thực tế, những xu hướng trên đây không tách rời nhau. Các khuynh hướng đó thể hiện không đồng đều về nhịp độ giữa các giai đoạn khác nhau và ở những vùng khác nhau, nhưng đó là những biểu hiện chung mang tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội trong điều kiện Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các xu hướng biến đổi trên đã thể hiện trên các lĩnh vực

nghiệp hoá, hiện đại hoá cho nên việc xây dựng và củng cố gia đình mới ở nước ta cần quán triệt những vấn đề cơ bản sau đây:

1 - *Tiếp tục vận dụng sáng tạo* những định hướng chủ yếu xây dựng gia đình mới trong chủ nghĩa xã hội (như phần II đã nêu ra) vào thực hiện xây dựng gia đình mới ở nước ta. Những định hướng ấy phải xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử Việt Nam đang trên đà đổi mới toàn diện và từ từng dạng hình gia đình cụ thể khác nhau.

2 - Thực chất xây dựng gia đình mới nhằm góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới hình thành con người mới Việt Nam với những đặc tính cao đẹp như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã nêu. Bởi thế, gia đình mới ở Việt Nam chính là "gia đình văn hoá". Gia đình văn hoá Việt Nam trên cơ sở giữ gìn và phát huy phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, xoá bỏ những cái lạc hậu, những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, chống ảnh hưởng xấu của chế độ hôn nhân và gia đình tư sản, đồng thời biết tiếp thu những tiến bộ của văn hoá nhân loại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng trong định hướng xây dựng nền văn hoá đất nước đã nêu rõ: "Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm

cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hoá dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thực hiện tốt Luật Hôn nhân và gia đình"[1].

Trước mắt, "no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc" chính là chuẩn mực cần vươn tới của gia đình mới ở nước ta. Sự no ấm phải là kết quả của lao động cần cù, sáng tạo và chính đáng của gia đình. Sự bình đẳng vừa thể hiện dân chủ vừa bảo đảm tính nền nếp và hoà thuận giữa các thành viên trong gia đình. Gia đình *tiến bộ* trên cơ sở sự tiến bộ của mọi thành viên và không tách rời sự tiến bộ chung của xã hội. No ấm, bình đẳng, tiến bộ tạo nên *hạnh phúc* cho gia đình. Gia đình hạnh phúc không phải là cái gì trừu tượng mà là tổng hoà những nét đẹp thường ngày của cuộc sống gia đình.

3 - Xây dựng gia đình văn hoá đem lại lợi ích cho cả cá nhân và xã hội. Con người mới của xã hội phải có ý chí vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Từ chuẩn mực trên của gia đình, ta nhận thấy, sự nghiệp xây dựng gia đình mới phải là *sự cố gắng chung* của mỗi người,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.112-113.

mỗi gia đình, của mọi lực lượng và tổ chức xã hội trong nước, và còn có cả sự giúp đỡ của quốc tế.

4 - Kế hoạch xây dựng và củng cố gia đình phải *gắn với* kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương cũng như trên phạm vi quốc gia. Nhiều loại chính sách xã hội tác động thì gia đình văn hoá mới có thể hình thành. Chính ở đây đã nói lên trọng trách của Nhà nước trong việc xây dựng gia đình. Từ thực tiễn của vấn đề gia đình Việt Nam, *một mặt*, tiếp tục tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước; *mặt khác*, cần rà soát lại để đề nghị bổ sung, sửa đổi một số chính sách có liên quan đến gia đình, góp phần củng cố và phát triển gia đình nước ta hiện nay.

5 - Quan tâm một cách *thiết thực và toàn diện hơn nữa đến phụ nữ* vừa là mục tiêu vừa là điều kiện quan trọng để xây dựng và củng cố gia đình văn hoá nước ta. Những quan điểm lớn về giải phóng phụ nữ đã được ghi nhận trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước. Cần tích cực hơn nữa để đạt được trong thực tế những mục tiêu mà kế hoạch này đưa ra. Qua đó, phụ nữ Việt Nam có điều kiện làm tốt công việc gia đình và làm tròn nhiệm vụ xã hội.

6 - Xây dựng và củng cố gia đình văn hoá đòi hỏi *công tác nghiên cứu khoa học* tiến hành sát thực hơn về những vấn đề hôn nhân và gia đình. Lý luận khoa

học về gia đình, không chỉ đề cập đến gia đình trong lịch sử dân tộc, mà chủ yếu cần nghiên cứu đến gia đình hiện đại trong mối liên hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của gia đình. Đặc biệt phải đề cập đến những vấn đề gia đình trong công cuộc đổi mới, mối quan hệ và tác động giữa gia đình và công cuộc đổi mới hiện nay... Đó là cơ sở khoa học cho việc xác định kịp thời, đúng đắn những chính sách có liên quan đến gia đình.

CHƯƠNG XIV

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ TÔN GIÁO

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo chủ yếu *dưới góc độ chính trị-xã hội*, trên cơ sở phương pháp luận triết học Mác-Lênin. Nếu triết học Mác-Lênin nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo với tư cách là một loại hình thái ý thức xã hội nói chung thì chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo như một trong những nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân trong chủ nghĩa xã hội, có quan hệ đến nhiều lĩnh vực khác trước hết là lĩnh vực chính trị, tư tưởng và đời sống văn hoá, tinh thần.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau và đang có chiều hướng phát triển trên phạm vi cả nước.

Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chỉ có thể thành công trên cơ sở lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động, đồng thời phải xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của đất nước và gắn với đặc điểm của thời đại hiện nay.

Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, trước hết đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy, nhìn nhận và đánh giá đúng những vấn đề lý luận và thực tiễn, trong đó có vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo đang và sẽ có nhiều biểu hiện mới, đa dạng, phức tạp, cần giải quyết đúng đắn.

I. BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO

1. Bản chất và nguồn gốc của tôn giáo

a) Bản chất tôn giáo

Chủ nghĩa Mác-Lênin coi tín ngưỡng, tôn giáo là một loại hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua hình thức phản ánh của tôn giáo, những hiện tượng tự nhiên trở thành siêu nhiên. Điều này đã được Ph. Ăngghen khẳng định: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen còn cho rằng, tôn giáo là một hiện tượng xã hội, văn hoá, lịch sử; một lực lượng xã hội trần thế.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1994, t. 20, tr.437.

Tín ngưỡng và tôn giáo có sự khác nhau, song lại có quan hệ chặt chẽ mà ranh giới để phân biệt giữa chúng chỉ là tương đối.

Tín ngưỡng là một khái niệm rộng hơn khái niệm tôn giáo. Ở đây chỉ đề cập đến một dạng tín ngưỡng, đó là tín ngưỡng tôn giáo (mà thường gọi vắn tắt là *tôn giáo*).

Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, một lực lượng, một điều gì đó và thông thường để chỉ một niềm tin tôn giáo. Còn tôn giáo thường được hiểu là một trong những hình thức tín ngưỡng có quan niệm, ý thức, hành vi và các tổ chức tôn giáo. Tóm lại, tôn giáo thường có: giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các tổ chức giáo hội.

Mê tín dị đoan là một hiện tượng xã hội tiêu cực đã xuất hiện từ lâu và vẫn tồn tại ở thời đại chúng ta. Trên thực tế, mê tín dị đoan thường xen vào các hình thức sinh hoạt tôn giáo. Việc xác định hiện tượng mê tín dị đoan chủ yếu dựa vào biểu hiện và hậu quả tiêu cực của nó.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên đến mức độ mê muội, cuồng tín với những hành vi cực đoan, thái quá, phi nhân tính, phản văn hoá. Mê tín dị đoan thường gây hậu quả tiêu cực đến đời sống xã hội. Hiện tượng mê tín dị đoan thường gắn liền với các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Vì vậy, cùng với việc tôn trọng và

bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân thì đồng thời phải loại bỏ dần mê tín dị đoan nhằm làm lành mạnh hoá đời sống xã hội.

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội xác định. Xét về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội.

Tuy nhiên, tôn giáo cũng chứa đựng trong nó *một số nhân tố còn phù hợp*. C. Mác khẳng định: "Sự nghèo nàn của *tôn giáo* vừa là *biểu hiện* của sự nghèo nàn *hiện thực*, vừa là *sự phản kháng* chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là *thuốc phiện* của nhân dân"[1].

Về phương diện thế giới quan thì thế giới quan duy vật mácxít và thế giới quan tôn giáo là đối lập nhau. Tuy vậy, trong thực tiễn, những người cộng sản có lập trường mácxít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo *của nhân dân*. Ngược lại, chủ nghĩa Mác-Lênin và những người cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng (và không tín ngưỡng) *của nhân dân*.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.1, tr.570.

Giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng có sự khác nhau về thế giới quan. Song, trong những điều kiện của một xã hội nhất định, họ có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Mục tiêu cộng sản chủ nghĩa là hướng tới xây dựng một xã hội mà trong đó không còn những khác biệt giai cấp, không còn chế độ tư hữu, không còn chế độ áp bức bóc lột và bất bình đẳng giữa người với người. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng ước mơ và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

Sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội hiện thực và "thiên đường" mà các tôn giáo thường hướng tới là ở chỗ trong quan niệm tôn giáo, "thiên đường" *không phải là hiện thực xã hội mà là ở "thế giới bên kia"*, trên "thượng giới". Còn những người cộng sản chủ trương và hướng con người vào xã hội văn minh, hạnh phúc ngay ở thế giới hiện thực, do mọi người xây dựng và vì mọi người.

Với lập trường duy vật lịch sử, V.I. Lênin đã từng chỉ rõ: "Đối với chúng ta, sự thống nhất của cuộc đấu tranh thật sự cách mạng đó của giai cấp bị áp bức để sáng tạo nên một cảnh cực lạc trên trái đất, là quan trọng hơn sự thống nhất ý kiến của những người vô sản về cảnh cực lạc trên thiên đường"[1].

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1979, t.12, tr.174.

b) Nguồn gốc tôn giáo

Đã có nhiều cách lý giải khác nhau về nguồn gốc của tôn giáo. Tuy nhiên, trong các nguồn gốc của tôn giáo cần lưu ý đến nguồn gốc kinh tế - xã hội, nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý.

- *Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo.* Trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ, do trình độ của lực lượng sản xuất và điều kiện sinh hoạt vật chất rất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên. Vì vậy, người nguyên thuỷ đã gán cho thiên nhiên những sức mạnh siêu nhiên.

Khi xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giai cấp hình thành, đối kháng giai cấp nảy sinh. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và con người càng chịu tác động của những yếu tố tự phát, ngẫu nhiên, may rủi... nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của mình với những hậu quả khó lường... Một lần nữa con người lại bị động, bất lực trước lực lượng tự phát nảy sinh trong xã hội.

Sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bất công xã hội cùng với những thất vọng, bất hạnh trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị - đó là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

- *Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo:* Các nhà duy vật trước C. Mác thường nhấn mạnh về nguồn gốc

nhận thức của tôn giáo. Còn những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin lại quan tâm trước hết đến nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác-Lênin không phủ nhận nguồn gốc nhận thức của tôn giáo mà còn làm sáng tỏ một cách có cơ sở khoa học nguồn gốc đó.

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định thì sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Chức năng của khoa học là tìm hiểu, khám phá ra những điều mà nhân loại chưa biết; vận dụng các tri thức đã biết để tiếp tục nhận thức và cải tạo tự nhiên, xã hội và bản thân con người ngày một văn minh hơn. Song, ở thời kỳ lịch sử cụ thể thì khoảng cách giữa "biết" và "chưa biết" vẫn tồn tại mà điều gì khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường chỉ được giải thích một cách hư ảo qua các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh nhưng trình độ dân trí thấp kém vẫn là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo còn gắn liền với đặc điểm của quá trình nhận thức của con người về thế giới khách quan - đó là quá trình phức tạp và đầy mâu thuẫn. *Một mặt*, hình thức phản ánh càng đa dạng, phong phú và mang tính khoa học bao nhiêu thì con người càng có khả năng nhận thức đầy đủ, sâu sắc thế giới khách quan bấy nhiêu. *Mặt khác,* hình thức phản ánh càng trừu tượng đến mức hư ảo

bao nhiêu thì nhận thức của con người càng có khả năng xa rời và phản ánh sai lệch hiện thực bấy nhiêu. Tuyệt đối hoá hay cường điệu hoá vai trò của chủ thể nhận thức sẽ dẫn đến thiếu khách quan, mất dần cơ sở hiện thực.

- *Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo*: Vấn đề ảnh hưởng của yếu tố tâm lý tình cảm của con người đối với sự ra đời và tồn tại của tôn giáo đã được các nhà vô thần cổ đại nghiên cứu. (Người đầu tiên nêu luận điểm này là thi sĩ Latin Lucrêce - thế kỷ I trước Công nguyên). Họ thường đưa ra những luận điểm: "sự sợ hãi sinh ra thần linh". Lênin tán thành và phân tích thêm: "Sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản - mù quáng vì quần chúng nhân dân không thể đoán trước được nó - là thế lực bất cứ lúc nào trong đời sống của người vô sản và người tiểu chủ, cũng đe doạ đem lại cho họ và đang đem lại cho họ sự phá sản "đột ngột", "bất ngờ", "ngẫu nhiên", làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bần cùng, một gái điếm, và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là *nguồn gốc* sâu xa của tôn giáo hiện đại"[1].

Nhưng không chỉ từ sự sợ hãi trước sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội đã dẫn con người đến nhờ cậy thần linh, mà ngay cả những tình cảm tâm lý tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, sự kính trọng,...

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*,1979, t.17, tr.515-516.

trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người nhiều khi cũng được thể hiện qua tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Tính chất của tôn giáo

- *Tính lịch sử* của tôn giáo thể hiện ở chỗ nó có sự hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển lâu dài, nhưng không phải là hiện tượng xã hội vĩnh hằng, bất biến mà sẽ mất đi khi mà "con người không chỉ mưu sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa - thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa"[1].

- *Tính quần chúng* của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm tỷ lệ cao trong dân số thế giới, mà còn ở chỗ các tôn giáo là sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một số bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người hy vọng vào hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Khi thể hiện tính quần chúng, tôn giáo thường có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.20, tr.439.

Ở thời kỳ công xã nguyên thuỷ, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân, về thế giới quanh mình. *Tính chính trị* của vấn đề tôn giáo chỉ có khi xã hội đã phân chia giai cấp và các giai cấp bóc lột, thống trị xã hội thường sử dụng tôn giáo như một phương tiện đắc lực phục vụ sự thống trị của mình.

Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ những lợi ích vật chất của những lực lượng xã hội khác nhau. Trong những cuộc đấu tranh ý thức hệ thì tôn giáo thường là một bộ phận của đấu tranh giai cấp.

Ngày nay, tôn giáo đang phát triển mạnh, đa dạng, phức tạp không chỉ thể hiện tự phát ở nhân dân, ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia... mà còn có tổ chức ngày càng chặt chẽ, rộng lớn ngoài phạm vi địa phương, quốc gia - đó là nhiều tổ chức quốc tế của các tôn giáo với vai trò, thế lực không nhỏ trên toàn cầu và với những trang bị hiện đại; không chỉ trong lĩnh vực tư tưởng, tâm lý... mà cả trong chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Một mặt, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần. *Mặt khác*, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các lực lượng chính trị - xã hội sử dụng cho mục đích ngoài tôn giáo.

3. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Không kể ở những nước xã hội chủ nghĩa, trong quá trình tồn tại đã làm biến dạng chủ nghĩa xã hội với những khuyết tật không phải từ bản chất của nó, cộng với những sai lầm trong cải tổ, cải cách đã dẫn tới sự sụp đổ như ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, mà ngay ở những nước đang trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt nhiều thành tựu thì tín ngưỡng, tôn giáo vẫn tồn tại. Có nhiều nguyên nhân cho sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội, suy cho cùng cũng là do vẫn còn những cơ sở cho sự nảy sinh và tồn tại của tôn giáo với những điều kiện cụ thể mới. Ngoài những nguồn gốc chung đó, cần chú ý thêm mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Trong chủ nghĩa xã hội, nhất là giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với những lợi ích khác nhau của các giai tầng xã hội, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... vẫn là một thực tế. Cuộc đấu tranh giữa các lực lượng xã hội khác nhau diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng, tinh vi và phức tạp. Trong đó có những lực lượng phản động trong và ngoài nước vẫn chưa từ bỏ ý định lợi dụng tôn giáo để chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân

dân. Tình hình ấy làm cho tôn giáo có lúc, có nơi diễn biến phức tạp.

- Sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khiến cho con người đang chịu tác động mạnh mẽ của những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi. Điều đó dễ làm cho con người có tâm lý thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

- Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hoá, tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Vì vậy, việc kế thừa có chọn lọc những giá trị đạo đức nhân loại, trong đó có đạo đức tôn giáo là cần thiết. Vả lại, tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận dân cư, và do đó sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như một hiện tượng xã hội khách quan.

- Ngày nay, chiến tranh hạt nhân huỷ diệt có khả năng bị đẩy lùi, nhưng những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ... còn xảy ra ở nhiều nơi. Nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo... cùng với những mối đe doạ khác là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại.

- Chưa có thời kỳ lịch sử nào mà nhân loại đạt được những thành tựu lớn lao về khoa học và công

nghệ như hiện nay. Gần đây, với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới... đã giúp con người có thêm những khả năng để nhận thức xã hội và làm chủ tự nhiên. Song, hiện thực khách quan là *vô cùng, vô tận, tồn tại đa dạng và phong phú*, còn đặt ra nhiều vấn đề mà hiện tại khoa học chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội đôi khi rất nghiêm trọng còn tác động và chi phối đời sống con người. Do vậy, tâm lý sợ hãi, trông chờ, nhờ cậy và tin tưởng vào thánh, thần, Phật... chưa thể gạt bỏ hết khỏi ý thức của nhiều người trong xã hội.

- Trong mối quan hệ giữa tồn tại và ý thức xã hội, thì ý thức xã hội bảo thủ hơn so với tồn tại xã hội mà tôn giáo lại là một trong những hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất. Vì tín ngưỡng, tôn giáo đã in sâu vào đời sống tinh thần, ảnh hưởng đến cả nếp nghĩ, lối sống của một bộ phận nhân dân qua nhiều thế hệ; nên, dù có thể có những biến đổi lớn lao về kinh tế, chính trị, xã hội... thì tín ngưỡng, tôn giáo cũng không thay đổi ngay theo tiến độ của những biến đổi kinh tế, xã hội mà nó phản ánh.

- Trong quá trình tồn tại, chủ nghĩa xã hội đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Nhưng có nhiều nguyên nhân khiến nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào tình trạng khủng hoảng và dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa. Sự sụp đổ của

các mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô làm cho niềm tin của quần chúng vào xã hội mới bị giảm sút. Thêm vào đó là một số cán bộ trong bộ máy Đảng, Nhà nước thoái hoá, biến chất, xa rời quần chúng, hiện tượng tiêu cực chậm được khắc phục, tệ nạn xã hội nảy sinh, công bằng xã hội bị vi phạm. Đó là những điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại và phát triển.

Tuy nhiên, sự tồn tại của tín ngưỡng tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng có những đặc điểm riêng. Trước hết, giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng của mình, vì vậy, việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa duy vật mácxít trong xã hội là cần thiết. Nhà nước xã hội chủ nghĩa đề ra những chính sách đối với tôn giáo trên nguyên tắc không chỉ tôn trọng, bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng mà còn bảo đảm quyền tự do không tín ngưỡng của công dân.

4. Những nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Giữa chủ nghĩa duy vật mácxít với hệ tư tưởng tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và con đường *mưu cầu hạnh phúc con người, nhất là cho nhân dân lao động*. Về thế giới quan, tôn giáo dựa trên cơ sở triết học duy tâm; về nhân sinh quan, do không giải thích được chính xác nguồn gốc nỗi khổ cực của con người nên tôn giáo

không thể tìm được phương hướng, biện pháp đúng đắn nhằm xoá bỏ nỗi khổ ải ấy trên thực tế. Tôn giáo thường khuyên nhủ con người sống nhẫn nhục, chịu đựng ở trần thế để trông chờ, hy vọng vào "hạnh phúc" được bù đắp ở thế giới bên kia. Với hệ thống giáo lý tín điều, giáo luật, lễ nghi, tổ chức..., tôn giáo hạn chế khả năng vươn lên làm chủ tự nhiên và xã hội của con người.

Tuy nhiên, tín ngưỡng tôn giáo là vấn đề tế nhị, nhạy cảm và phức tạp. Vì vậy, xử lý những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần phải hết sức thận trọng, tỉ mỉ và chuẩn xác, vừa đòi hỏi giữ vững nguyên tắc đồng thời phải mềm dẻo, linh hoạt, đúng như *tinh thần* của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta là: không "tuyên chiến" với tôn giáo mà tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Đi đôi với việc đấu tranh chống những biểu hiện tả khuynh cần phải đấu tranh chống cả những biểu hiện hữu khuynh khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa cần dựa trên mấy nguyên tắc sau:

- *Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.*

Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo đã được các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu và

công bố trên cơ sở thực tiễn và cơ sở triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Các ông chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cùng những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chỉ có thông qua quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và trí tuệ cho con người thì mới có khả năng gạt bỏ dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội.

Cũng sẽ là ảo tưởng, là sai lầm khi đề ra mục tiêu khắc phục có hiệu quả những tác động tiêu cực của tôn giáo mà trên thực tế lại không hướng con người vào việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Cần kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái, cục bộ vì sự khác nhau về tín ngưỡng, tôn giáo; cần khai thác và phát huy tiềm năng của đồng bào các tôn giáo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là những việc làm có ý nghĩa thiết thực hiện nay. Sự thống nhất về lợi ích dân tộc, giai cấp và quốc gia sẽ tạo điều kiện tiến

tới sự thống nhất về tư tưởng và hành động. Dĩ nhiên, điều đó *không có nghĩa là lãng quên hay từ bỏ cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng mà ngược lại cần quan tâm và coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục* thế giới quan duy vật biện chứng, duy vật lịch sử một cách thường xuyên dưới nhiều hình thức. Nhưng công tác tuyên truyền, giáo dục phải gắn liền và phục vụ cho công cuộc xây dựng xã hội mới, đồng thời bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân.

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Điều cần lưu ý là tín ngưỡng tôn giáo với nhiều hình thức khác nhau vẫn tồn tại trong một xã hội. Nhưng cho đến nay, ý đồ khai thác sự khác biệt hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn là nguy cơ đối đầu dẫn đến khả năng xảy ra những xung đột, những cuộc chiến tranh dưới hình thức tôn giáo...

Trong chủ nghĩa xã hội, việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là một nguyên tắc. Quyền ấy không chỉ thể hiện về mặt pháp lý mà còn được thực hiện trên thực tiễn nhất quán, xuyên suốt, lâu dài của các đảng mácxít. Nguyên tắc ấy là căn cứ vào nguồn gốc, tính chất của tôn giáo, căn cứ vào bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và quy luật của quá trình chuyển biến về mặt tư tưởng của con người - đó là một sự chuyển

biến tự giác, dần dần từ thấp đến cao.

Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là: Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo nào đó hoặc không theo một tôn giáo nào. Việc vào đạo, chuyển đạo hay bỏ đạo theo quy định của pháp luật hiện hành là quyền tự do của mỗi người. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thừa nhận và bảo đảm cho mọi công dân có hoặc không có tín ngưỡng tôn giáo đều bình đẳng về mặt nghĩa vụ và quyền lợi, không có sự phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng tôn giáo. Các tôn giáo được Nhà nước thừa nhận đều bình đẳng trước pháp luật. Các giáo hội có trách nhiệm động viên tín đồ của mình thực hiện bổn phận của giáo dân và nghĩa vụ công dân, phấn đấu sống "tốt đời, đẹp đạo" phù hợp với lợi ích của dân tộc, quốc gia. Mọi người cần có ý thức tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của người khác, đồng thời chống lại những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động, đi ngược lại với lợi ích dân tộc.

- Quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo

Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không như nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những

vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

Có những tôn giáo khi mới xuất hiện như một phong trào bảo vệ lợi ích của người nghèo, người bị áp bức và nô lệ. Nhưng rồi, tôn giáo ấy lại biến thành công cụ của giai cấp bóc lột, thống trị. Có những giáo sĩ suốt đời hành đạo luôn luôn đồng hành cùng với dân tộc, nhưng cũng có những người đã hợp tác với các thế lực phản động, đi ngược lại với lợi ích của quốc gia, dân tộc. Có những vị chân tu luôn "kính Chúa, yêu nước", thiết tha muốn sống "tốt đời, đẹp đạo", nhưng lại có những người sẵn sàng hy sinh quyền lợi Tổ quốc cho lợi ích của giáo hội. Điều khiến cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa luôn cần có thái độ, cách cư xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể đó là điều mà V.I. Lênin đã nhắc nhở: "Người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể"[1].

- Phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong xã hội công xã nguyên thuỷ, tín ngưỡng tôn giáo chỉ biểu hiện thuần tuý về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn chính trị ít nhiều đều có trong tôn giáo. Và từ đó hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ trong tôn giáo.

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1979, t.17, tr.518.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo. Mặt chính trị phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp và những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng và lợi ích của nhân dân lao động; còn mặt tư tưởng phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng giữa những người có tín ngưỡng và những người không có tín ngưỡng tôn giáo cũng như những người có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau.

Sự phân biệt này, trên thực tế không đơn giản, bởi lẽ: trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Dù khó khăn, nhưng việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng "tả" hoặc "hữu" trong quá trình quản lý ứng xử những vấn đề nảy sinh từ tín ngưỡng tôn giáo.

Xuất phát từ lợi ích giai cấp, dân tộc và an ninh quốc gia, nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thường xuyên đấu tranh loại bỏ yếu tố chính trị phản động trong tôn giáo. Ngày nay, các thế lực phản động quốc tế đang lợi dụng tôn giáo để thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Điều đó nhắc nhở Đảng của giai cấp công nhân cần nêu cao cảnh giác,

giải quyết kịp thời, cương quyết đối với những kẻ lợi dụng tôn giáo, nhưng cũng tránh nôn nóng, vội vàng.

Quá trình giải quyết vấn đề nảy sinh tôn giáo phải thận trọng và tỉ mỉ nhằm đạt được những yêu cầu chính sau đây:

- Đoàn kết rộng rãi đồng bào có đạo với đồng bào không có đạo, đồng bào các tôn giáo khác nhau nhằm phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Động viên đồng bào có đạo đóng góp sức lực, trí tuệ... cho sự nghiệp đổi mới và dân chủ hoá đời sống xã hội, giành thắng lợi cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

- Phát huy tinh thần yêu nước, thương dân, chuyên cần việc đạo của các vị chân tu trong hàng ngũ chức sắc, tu sĩ. Hướng các giáo hội vào những tổ chức hoạt động thuần tuý tôn giáo, một giáo hội ở một nước độc lập hành đạo phù hợp với lợi ích dân tộc, chấp hành chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng của toàn dân, đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc. Nghiêm cấm những phần tử tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những kẻ gây hoang mang, kích động, chia rẽ... làm ảnh hưởng xấu đến xã hội và những

hành vi phạm pháp khác, làm cho quần chúng mà trước hết là tín đồ các tôn giáo thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của những phần tử lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng và tự giác đấu tranh với chúng.

Sự khác biệt về nhận thức tư tưởng của con người còn tồn tại lâu dài và sẽ là ảo tưởng khi đặt yêu cầu ngay một lúc phải có sự thống nhất tuyệt đối về nhận thức tư tưởng đối với mọi thành viên trong xã hội.

Hướng ước mơ của con người từ "hạnh phúc" hư ảo ở thế giới bên kia đến với hạnh phúc thực sự ở thế giới hiện tại là một quá trình lâu dài. Quá trình ấy có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của khoa học, trình độ dân trí, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và giải quyết hài hoà các mối quan hệ xã hội.

II. TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Ở Việt Nam có nhiều tôn giáo khác nhau. Có tôn giáo du nhập vào nước ta từ những thế kỷ đầu Công nguyên, có tôn giáo mới ra đời ở Việt Nam đầu thế kỷ này. Lịch sử hình thành và du nhập, số lượng tín đồ, vai trò xã hội, văn hoá, chính trị... của những tôn giáo ở nước ta cũng khác nhau.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 20 triệu tín đồ của 6 tôn giáo lớn đang tồn tại và hoạt động.

Phật giáo là một tôn giáo thế giới xuất hiện ở Ấn Độ từ thế kỷ VI trước Công nguyên và được truyền vào Việt Nam những thế kỷ đầu Công nguyên. Nhìn chung, quá trình tồn tại và phát triển Phật giáo gắn liền với dân tộc, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển đạo đức, tâm lý, phong tục tập quán và văn hoá của nhân dân ta. Số lượng tín đồ Phật giáo ở Việt Nam hiện nay có khoảng trên 10 triệu.

Công giáo là tôn giáo thế giới xuất hiện cách đây 2000 năm. Công giáo du nhập vào Việt Nam cách đây gần 4 thế kỷ, hiện nay có khoảng trên 5 triệu tín đồ ở 25 giáo phận của 3 giáo tỉnh.

Tin Lành xuất hiện vào thế kỷ XVI ở châu Âu. Đạo Tin Lành du nhập vào Việt Nam năm 1911, do các tổ chức Tin Lành ở Mỹ truyền vào. Hiện nay cả nước ta có trên 400.000 tín đồ (tập trung ở các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên).

Hồi giáo là một tôn giáo thế giới ra đời vào đầu thế kỷ VII (sau Công nguyên) ở vùng bán đảo Árập. Hồi giáo du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ XV, tới nay có khoảng 90.000 tín đồ.

Cao Đài là "tôn giáo nội sinh" ra đời ở Nam Bộ vào năm 1926. Đạo Cao Đài có khoảng gần 2 triệu tín đồ với nhiều hệ phái khác nhau, nhưng lớn nhất là hệ phái Cao Đài Tây Ninh.

Hoà Hảo là tôn giáo hình thành ở An Giang vào năm 1939, chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo nên còn gọi là Phật giáo Hoà Hảo. Hiện nay, đạo Hoà Hảo có khoảng hơn 1 triệu tín đồ, chủ yếu ở tỉnh An Giang và một số tỉnh khác thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

2. Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, do đó các chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay thể hiện theo **ba quan điểm chỉ đạo** sau đây:

- Công tác tôn giáo vừa phải quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng sống "tốt đời, đẹp đạo", góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Hầu hết tín đồ các tôn giáo là nhân dân lao động. Họ là những người đã từng bị áp bức, bóc lột dưới chế độ cũ nên họ có nhu cầu giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Xuất phát từ lòng yêu nước, cần cù lao động và mơ ước về một xã hội bình đẳng, tự do, bác ái mà đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo đã góp

phần cùng toàn dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng xã hội mới.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hàng chục vạn thanh niên có đạo đã tham gia chiến đấu, nhiều người đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ đã thể hiện tinh thần yêu nước, tham gia các hoạt động xã hội, vận động quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước làm cho tình hình kinh tế, chính trị, an ninh và trật tự an toàn xã hội được ổn định trong các vùng có đông các tín đồ tôn giáo.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đồng bào có tín ngưỡng nhìn chung là phấn khởi, tin tưởng vào chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: "*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo

đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo... Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia"[1].

Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định: "Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.128.

đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân"[1].

Những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới và dân chủ hoá đời sống xã hội, nhìn chung các hoạt động tôn giáo đều tuân thủ pháp luật, gắn bó với dân tộc, nhiều chức sắc hành đạo theo hướng phù hợp với hoàn cảnh đất nước, nhiều nơi đồng bào có đạo tham gia tích cực vào việc xây dựng cuộc sống cộng đồng, góp phần làm lành mạnh hoá đời sống xã hội.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng vào hoạt động tôn giáo, lễ hội truyền thống làm phong phú thêm đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân *còn có cả sự phục hồi những hủ tục lạc hậu* gây tốn kém tiền của, thời gian, sức lực và nhiều hậu quả tiêu cực khác.

Một vài địa phương có hiện tượng phát triển tôn giáo không bình thường, có những hoạt động vượt khỏi khuôn khổ quy định của luật pháp hiện hành và có những hành vi hoạt động tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo: dị đoan, ngu dân, "buôn thần bán thánh" để mưu lợi vật chất, hoạt động gây rối trật tự an toàn xã hội, hoạt động chính trị chống chế độ.... Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã, đang và sẽ ngăn ngừa, đẩy lùi và xoá bỏ những hoạt động đó trong xã hội ta.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 122-123.

Ngày nay, **cần có nhận thức toàn diện về vấn đề tôn giáo theo tinh thần đổi mới của Đảng**, vì:

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, đồng bào có đạo là một lực lượng đáng kể trong cộng đồng dân tộc. Họ đã, đang và sẽ phát huy năng lực sáng tạo của mình trong sản xuất, xây dựng xã hội mới khi mà nhu cầu vật chất và tinh thần chính đáng của họ thực sự được tôn trọng. Hơn 20 triệu đồng bào có đạo nếu hoạt động có định hướng đúng đắn theo pháp luật là một lực lượng xã hội sẽ góp phần xứng đáng cho công cuộc đổi mới ở nước ta.

- Bảo lưu, gìn giữ, kế thừa và khai thác những mặt tích cực trong quần chúng thực hiện tự do tín ngưỡng có ý nghĩa góp phần gìn giữ được nhiều vốn qúy của bản sắc văn hoá dân tộc và đạo đức truyền thống, ngăn ngừa và đẩy lùi tệ nạn tiêu cực xã hội.

- Thường xuyên ngăn chặn kịp thời những biểu hiện lợi dụng tín ngưỡng để hoạt động mê tín dị đoan, mưu lợi bất chính và nhất là chặn đứng những thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội lợi dụng vấn đề tôn giáo để phá hoại an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội theo âm mưu "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta trong quá trình đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG XV

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử do giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá là một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung. Đây là lĩnh vực trọng yếu mà Đảng Cộng sản phải trực tiếp lãnh đạo, đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi không chỉ với mục tiêu phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa xã hội mà còn là xây dựng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xác lập vững chắc hệ tư tưởng và ý thức xã hội xã hội chủ nghĩa, giáo dục và đào tạo con người với đạo đức và lối sống mới, xây dựng nền văn hoá mới.

I. TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ

1. Khái niệm "*tư tưởng và văn hoá*", "*cách mạng tư tưởng và văn hoá*"

Để hiểu rõ khái niệm "Cách mạng xã hội chủ

nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá" (gọi tắt là "cách mạng tư tưởng và văn hoá") trước hết cần làm rõ khái niệm "tư tưởng và văn hoá" (mà không chủ yếu nói về *văn hoá tinh thần*).

Tư tưởng, hệ tư tưởng là mặt biểu hiện cơ bản nhất của ý thức xã hội trong một xã hội có giai cấp.

Hệ tư tưởng chính là ý thức xã hội ở trình độ tư tưởng, lý luận, có tính hệ thống và khái quát hoá cao, có tính tự giác.

Hệ tư tưởng là hệ thống các quan điểm lý luận được xây dựng theo một hệ thống chặt chẽ, thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, các nguyên tắc, quan điểm của giai cấp thống trị, được truyền bá vào trong xã hội một cách có mục đích và đóng vai trò chủ đạo cho mọi hoạt động của một chế độ xã hội.

Hệ tư tưởng bảo đảm về tư tưởng và lý luận cho giai cấp cầm quyền thực thi được các mục tiêu, bảo vệ được lợi ích và quyền lực của nó, hình thành đời sống tinh thần và văn hoá tinh thần của xã hội phù hợp với thể chế mà giai cấp cầm quyền tạo ra.

Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, mang bản chất khoa học và cách mạng. Đó là hệ tư tưởng tiên tiến nhất, thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, khát vọng cao cả của nhân loại trong cuộc đấu tranh xoá bỏ ách thống trị của giai cấp tư sản, tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học là thế giới quan, phương pháp luận đồng thời là hệ tư tưởng tiên tiến mà các Đảng Cộng sản không chỉ coi là kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình mà còn ra sức truyền bá nó trong xã hội, giác ngộ cho giai cấp công nhân và quần chúng lao động; là cơ sở tư tưởng và lý luận của cách mạng và đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản.

Văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người và loài người sáng tạo ra nhờ lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình. Văn hoá biểu hiện trình độ phát triển mà xã hội đạt được trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Theo nghĩa rộng, văn hoá bao gồm cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần. Theo nghĩa hẹp, văn hoá được hiểu *chủ yếu là văn hoá tinh thần*, trước hết là tư tưởng, lý luận và những gì được sáng tạo ra trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người. Tư tưởng cũng như văn học, nghệ thuật là những biểu hiện trực tiếp của văn hoá tinh thần.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ quan niệm về văn hoá bao hàm cả hai cấp độ rộng, hẹp đó. Người viết: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về

mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"[1].

Cách mạng tư tưởng và văn hoá - một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa - là sự biến đổi cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng và văn hoá nhằm xác lập hệ tư tưởng mới, xây dựng con người với đạo đức và lối sống mới, xây dựng nền văn hoá mới trong toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

2. Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hoá

Sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, cuộc *cách mạng chính trị* về cơ bản đã thắng lợi. Chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa được xác lập trên nền tảng kinh tế là sở hữu xã hội, mọi tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội đã thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đảm bảo địa vị và quyền làm chủ của công nhân và lao động *trên lĩnh vực kinh tế*.

Với hai tiền đề *kinh tế* và *chính trị* rất quan trọng đó, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được triển

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1995, t.3, tr.431.

khai trên quy mô rộng lớn với những nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực *tư tưởng và văn hoá*.

Thực hiện những biến đổi **cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá được đặt ra một cách tất yếu, xuất phát từ những căn cứ sau đây:**

- Cách mạng tư tưởng và văn hoá là cần thiết và tất yếu để *thay đổi phương thức sản xuất tinh thần*, làm cho phương thức sản xuất tinh thần của xã hội phù hợp với phương thức sản xuất mới xét về mặt kinh tế đã hình thành. Tư tưởng và văn hoá tinh thần thuộc về kiến trúc thượng tầng. Chỉ có thông qua cách mạng về tư tưởng và văn hoá mới có thể thay đổi được kiến trúc thượng tầng, làm cho kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng mới được xác lập trong chủ nghĩa xã hội. Cách mạng tư tưởng và văn hoá do đó trở nên cần thiết và tất yếu để thay đổi ý thức xã hội, xây dựng ý thức xã hội mới phù hợp với sự thay đổi về chất đã tạo ra với việc xác lập quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Chủ nghĩa xã hội hình thành với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới không chỉ dựa trên những tiền đề hiện thực về kinh tế và chính trị mà còn là *tiền đề văn hoá* nữa. Cách mạng văn hoá, bao hàm trong nó cả những cải biến cách mạng về tư tưởng

và hệ tư tưởng có nhiệm vụ giải quyết trực tiếp tiền đề văn hoá đó. Thực hiện cách mạng tư tưởng và văn hoá là thực hiện một trong những quy luật nội tại chi phối sự hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen: "giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối"[1].

"Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị"[2].

Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không chỉ bị giai cấp tư sản bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị mà còn bị nô dịch về tinh thần. Cách mạng đã giải phóng cho họ ra khỏi thân phận nô lệ bởi lao động làm thuê và bị tha hoá, xác lập quyền làm chủ tư liệu sản xuất, quyền tự do chính trị và bình đẳng về vị thế xã hội của họ. Cách mạng còn phải giải phóng họ về tư tưởng và ý thức, giành lại cho họ quyền làm chủ các tư liệu sản xuất tinh thần, trở thành chủ thể sản xuất và tiêu dùng, sáng tạo và cảm thụ các sản phẩm văn hoá, các giá

---

1. C. Mác và Ph.Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.3, tr.66.
2. C. Mác và Ph.Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.625.

trị văn hoá, xây dựng đời sống văn hoá tinh thần thực sự là của mình, xoá bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng, đạo đức và lối sống tư sản.

- Cách mạng tư tưởng và văn hoá là tất yếu trong quá trình cải tạo tâm lý, ý thức và đời sống tinh thần của chế độ cũ để lại, thanh toán triệt để những tư tưởng lạc hậu, lỗi thời và phản động của giai cấp thống trị cũ đã hằn sâu trong tư tưởng và ý thức các tầng lớp nhân dân, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực có trong những di sản truyền thống về phong tục, tập quán và lối sống.

Đây là một nhiệm vụ trọng yếu phức tạp và lâu dài của cách mạng tư tưởng và văn hoá. Về thực chất, đây là cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, đấu tranh giữa hai khuynh hướng tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong phát triển.

Đối với những nước lạc hậu, chậm phát triển, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thì ảnh hưởng của những tàn tích phong kiến và thực dân còn nặng nề không kém. Do đó, việc khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của hệ tư tưởng phong kiến, tiểu tư sản và tư sản cùng với những biểu hiện của nó trong tâm lý, ý thức, đạo đức, lối sống của các tầng lớp dân cư, kể cả trong giai cấp công nhân là đòi hỏi tất yếu để từng bước xây dựng hệ tư tưởng và ý thức xã hội xã hội chủ

nghĩa. Môi trường sống của chế độ cũ, nền giáo dục của phong kiến, thực dân... làm cho con người hấp thụ biết bao tư tưởng, đạo đức, lối sống của chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, những sự lệch lạc trong thế giới quan, nhân sinh quan. Trong số đó phải kể đến tác hại của hệ tư tưởng tư sản đã ảnh hưởng vào ý thức, thâm nhập vào lối sống của con người như chủ nghĩa dân tộc tư sản, thái độ kỳ thị và miệt thị các dân tộc khác, lối sống ăn bám, bóc lột, lấy sức mạnh của đồng tiền để chà đạp cả đạo đức, lương tâm và phẩm giá con người, biến tất cả các quan hệ thành quan hệ trao đổi đơn thuần, sòng phẳng, lạnh lùng, không tình nghĩa...

Cách mạng tư tưởng và văn hoá còn phải tất yếu thanh toán tình trạng bất bình đẳng, nhất là giữa nam và nữ; thất học và mù chữ trong đa số dân cư; những hủ tục mê tín dị đoan, những sự mê muội cuồng tín tôn giáo đẻ ra sự dốt nát, tăm tối. Đây là di sản nặng nề mà quá khứ để lại cho chế độ mới vừa hình thành.

Cách mạng tư tưởng và văn hoá ở những nước tiểu nông thì phải cải tạo đông đảo những người tiểu nông vốn có từ lâu đời bản chất tư hữu nhỏ thiển cận, bảo thủ do tư tưởng và tâm lý của những người sản xuất nhỏ.

V.I. Lênin đã từng nói: Thói quen là điều đáng sợ nhất. Và, một trong những khó khăn lớn nhất của chủ nghĩa xã hội là phải tổ chức đời sống và quản lý xã hội như thế nào để có thể lôi cuốn được hàng triệu triệu con người vừa mới thoát ra khỏi xiềng xích nô lệ tới mặt trận lao động, lao động với tư cách người chủ tự giác của xã hội mới vì lợi ích của mình và lợi ích chung của cộng đồng. Hình dung những khó khăn của việc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, C.Mác cũng nhấn mạnh rằng: Truyền thống của tất cả các thế hệ đã qua đè rất nặng lên đầu óc của những người đang sống.

Các ông cũng hình dung thấy, "cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa *đã phát triển* trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa *thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra"[1], và "cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét như một xã hội được thay đổi và cải tạo thường xuyên"[2].

- Cách mạng tư tưởng và văn hoá là tất yếu trong

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.19, tr.33.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1997, t.37, tr.618.

quá trình *khắc phục tình trạng thiếu thốn văn hoá*. Theo V.I. Lênin, sự thiếu thốn này là trở ngại lớn nhất đối với những người xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi họ đã giành được chính quyền.

V.I. Lênin cho rằng, đối với những con người bắt tay vào công cuộc kiến thiết chế độ mới, nếu họ chỉ có nhiệt tình và lòng dũng cảm không thôi thì không đủ. Họ cần phải có hiểu biết, học vấn và kinh nghiệm đấu tranh thực tiễn. Nói một cách khác, họ phải được *giáo dục và tự giáo dục về văn hoá*, sao cho quần chúng lao động nâng cao được *trình độ văn hoá*. Đó chính là sức mạnh cần thiết để giai cấp công nhân và đông đảo các tầng lớp dân chúng trong xã hội chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu. Chỉ có phát triển văn hoá, nâng cao trình độ và nhu cầu văn hoá của quần chúng mới có thể làm cho họ thực sự trở thành những người chủ của xã hội mới. Văn hoá *với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân* là cốt lõi trở thành *điều kiện* để xây dựng chủ nghĩa xã hội, là *động lực* và *mục tiêu* của chủ nghĩa xã hội. Con người với những phẩm chất và năng lực của nó *để hình thành và phát triển nhân cách*, xét đến cùng là giá trị cơ bản, sâu xa nhất, là sản phẩm đích thực nhất của văn hoá, của cách mạng văn hoá. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin hình dung thấy ba kẻ thù chính của chủ nghĩa xã hội là bệnh kiêu ngạo cộng sản, nạn mù chữ và nạn hối lộ[1]; đồng thời Người chỉ rõ rằng, chỉ có làm cho tất cả mọi người đều phải có văn hoá, phải nâng cao trình độ văn hoá của quần chúng lên mới có thể chiến thắng được những kẻ thù đó một cách căn bản nhất[2]. Cũng theo V.I. Lênin, chỉ phê phán và trách cứ bệnh quan liêu là không đủ. Phải biết cách làm thế nào để khắc phục chứng bệnh phổ biến này - đó là một nghệ thuật rất khó. Nếu không nâng cao văn hoá một cách rộng khắp, nếu không làm cho quần chúng công nông có trình độ văn hoá cao hơn hiện giờ thì không thể nào đạt được nghệ thuật đó[3].

Những tư tưởng của V.I. Lênin về tính tất yếu phải tiến hành cách mạng văn hoá được thể hiện nổi bật trong "Chính sách kinh tế mới" (NEP).

Trong bức thư gửi Môlôtốp ngày 23-3-1922 về việc chuẩn bị báo cáo chính trị cho Đại hội XI của Đảng Cộng sản (b) Nga, V.I. Lênin chỉ rõ: "Về mặt kinh tế và chính trị, *chính sách kinh tế mới* hoàn toàn đảm bảo cho chúng ta có khả năng xây dựng được nền móng cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tất cả "chỉ"

1, 2. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t. 44, tr. 217, 218.

3. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t. 44, tr.213 -215.

là tuỳ ở lực lượng văn hoá của giai cấp vô sản và của đội tiền phong của nó"[1].

Thực hiện các nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hoá giống như việc giải quyết một mâu thuẫn trong quá trình phát triển. V.I. Lênin hình dung như một cái vực sâu giữa sự vĩ đại mà những nhiệm vụ lịch sử đã được bắt đầu thực hiện và tình trạng nghèo nàn cả về mặt vật chất lẫn văn hoá[2].

Cần phải hướng công tác văn hoá vào nông thôn và trong nông dân mà công tác này lại nhằm vào mục tiêu kinh tế, thực hiện chế độ hợp tác xã. Điều này phụ thuộc vào điều kiện là trình độ văn hoá nhất định của nông dân. "Nếu không có cả một cuộc cách mạng văn hoá thì không thể nào thực hiện được việc hợp tác hoá hoàn toàn ấy"[3].

Chủ nghĩa xã hội hiện thực kể từ khi ra đời cho đến nay đã có một lịch sử hơn 90 năm. Nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng đã hơn 1/2 thế kỷ đối với miền Bắc và 35 năm đối với cả nước. Thời kỳ đổi mới để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đã được gần 25 năm. Đó cũng chính là những mốc thời gian mà các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, trong đó có nước ta tiến hành

---

1. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.74.
2. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.74.
3. V.I. Lênin: *Sđd*, 1978, t.45, tr.429.

cách mạng tư tưởng và văn hoá, cùng với những cải biến cách mạng trên lĩnh vực kinh tế và chính trị. Có thể coi đổi mới như là cuộc cách mạng còn đang tiếp diễn. Không thể trong một thời gian ngắn mà giải quyết thành công mọi nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội. Xã hội càng ít phát triển thì thời kỳ quá độ càng có thể lâu dài. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đương nhiên là gặp rất nhiều khó khăn phức tạp, cũng có thể vấp phải sai lầm và nhiều khi phải trả giá cho những sai lầm trầm trọng (như C. Mác nói). Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thuộc loại hình "phát triển rút ngắn" như con đường mà nước ta đang đi lại càng khó khăn phức tạp hơn. Với loại hình phát triển này, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá càng nổi bật *sự cần thiết và tầm quan trọng đặc biệt* của nó. Sức mạnh của tập quán mà V.I. Lênin gọi là sức mạnh duy trì chủ nghĩa tư bản đang cản trở sự phát triển chủ nghĩa xã hội. Có thể đập tan ngay được một thể chế, nhưng không bao giờ đập tan ngay được một tập quán...[1]. Chỉ có thông qua sự công phu của tổ chức, giáo dục, thuyết phục, phát triển học vấn, văn hoá cho quần chúng mới có thể thay đổi tập quán cũ. Mặt khác, trong điều kiện ngày nay, chỉ có thông qua cách mạng tư tưởng và văn hoá mới có thể giáo dục được sự kiên định về tư tưởng chính trị, giữ

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd*, 1977, t. 38, tr. 433.

vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, mới thúc đẩy phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ, mới đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng những đòi hỏi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh mà kinh tế tri thức và toàn cầu hoá đang gia tăng.

II. NỘI DUNG CỦA CÁCH MẠNG TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ

1. Xoá bỏ nạn mù chữ, thất học trong dân cư; giáo dục và phổ cập học vấn phổ thông cho toàn dân

Tình trạng tuyệt đại đa số nhân dân mù chữ, thất học là di sản nặng nề nhất về mặt tinh thần của chế độ cũ để lại. Đó là hậu quả mà chế độ thực dân phong kiến và tư bản chủ nghĩa gây ra bởi sự bóc lột và áp bức của chúng đối với công nhân, nông dân và nhân dân lao động. Đây chính là một trong những trở ngại lớn nhất khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với những nước nông nghiệp lạc hậu.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, theo chỉ thị của V.I. Lênin, một Uỷ ban đặc biệt về xoá nạn mù chữ đã được thành lập. Cũng tương tự như vậy, ở Việt Nam, ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, sau khi đọc *Tuyên ngôn độc lập* để khai sinh cho chế độ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

coi việc xoá mù chữ là một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính phủ. Hồ Chí Minh xác định việc xoá mù chữ, chống giặc dốt cũng quan trọng và cấp bách không kém việc chống giặc ngoại xâm. Người chỉ rõ: Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Người đã ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia diệt giặc dốt, coi đó như một thứ giặc nội xâm. Người đòi hỏi trong một thời gian ngắn phải làm cho tất cả mọi người dân của nước Việt Nam độc lập đều phải biết đọc, biết viết.

Xoá nạn mù chữ là việc cấp bách và có thể giải quyết được trong một thời gian ngắn. Nó là tiền đề, là điểm khởi đầu để tiến hành một công việc lâu dài và phức tạp là nâng cao trình độ dân trí cho toàn dân. Trang bị học vấn, học thức cho toàn dân phải thông qua con đường đẩy mạnh giáo dục, thực hiện phổ cập giáo dục, phát triển mạnh mẽ nền giáo dục quốc dân, phát triển khoa học, văn hoá, thông tin tuyên truyền để quảng bá tri thức trong xã hội. Trước hết cần phải trang bị tri thức và học vấn phổ thông, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học. Đó là cơ sở ban đầu, tối thiểu của trình độ dân trí nhất là việc bảo đảm cho các trẻ em trong tuổi đi học được đến trường.

Nâng cao dân trí là điều kiện không thể thiếu để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, để quần chúng tham gia trực tiếp vào quản lý nhà nước, đấu

tranh xây dựng và bảo vệ chế độ, bảo vệ và phát huy những thành quả của cách mạng, xây dựng cuộc sống văn minh. Mặt bằng và đỉnh cao dân trí được nâng cao sẽ góp phần thúc đẩy chất lượng nguồn nhân lực lao động, tạo ra tiềm lực trí tuệ và tinh thần của xã hội để phát triển nhân tài. Đó là nguồn vốn quý báu nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong bối cảnh hiện nay, đó là sức mạnh để đẩy nhanh sự phát triển, tạo ra những bứt phá nhanh, đưa dân tộc ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, vươn tới văn minh và hiện đại. Học vấn cũng như văn hoá nói chung phải thấm sâu vào trong kinh tế và chính trị, phải đem văn hoá soi đường cho quốc dân đi như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói. Người hy vọng với sức mạnh của học vấn, của văn hoá thì dân tộc ta sẽ trở thành một dân tộc thông thái, xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng phải là *một xã hội văn hoá cao*, việc học hành, thành đạt của thế hệ trẻ sẽ làm cho nước ta đủ sức sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Xoá nạn mù chữ và nâng cao *dân trí* để đào tạo *nhân lực* và bồi dưỡng *nhân tài* sẽ đem lại hiệu quả tổng hợp cả kinh tế - xã hội và chính trị, cả đạo đức, lối sống và văn hoá. Đây là một quan điểm phát triển mà cũng là *chính sách* và *chiến lược* phát triển, suy đến cùng đó là chiến lược văn hoá, chiến lược con người trong chủ nghĩa xã hội.

2. Cải cách, xây dựng nền giáo dục tiên tiến của chế độ mới xã hội chủ nghĩa

Giáo dục, trong đó giáo dục nhà trường là một trong những vấn đề *then chốt* của cách mạng tư tưởng và văn hoá. Nó trực tiếp góp phần xây dựng ý thức xã hội mới, làm cho thế giới quan khoa học và hệ tư tưởng cộng sản thấm nhuần trong đời sống tinh thần của xã hội, trong ý thức quần chúng, đặc biệt của thế hệ trẻ.

Triển khai cách mạng tư tưởng và văn hoá phải cải tạo căn bản giáo dục của nhà trường cũ. V.I. Lênin đã vạch trần thực chất dối trá của nhà nước tư sản trong vấn đề giáo dục và nhà trường. "Nhà nước tư sản càng văn minh thì nó càng nói dối một cách tinh vi, nó quả quyết rằng, nhà trường có thể đứng ngoài chính trị và phục vụ toàn thể xã hội"[1]. Sự thật là, dưới chủ nghĩa tư bản, "nhà trường đã hoàn toàn biến thành công cụ thống trị của giai cấp tư sản, nhà trường nhiễm đầy tinh thần đẳng cấp tư sản, nhà trường có mục đích là cung cấp cho bọn tư bản những tên đầy tớ ngoan ngoãn và những công nhân khéo léo"[2]. Theo V.I. Lênin, sự nghiệp xây dựng nền giáo dục mới và nhà trường cách mạng, đó cũng là sự nghiệp đấu tranh đánh đổ giai cấp tư sản. Nói nhà trường đứng ngoài cuộc sống, đứng ngoài chính trị là nói dối và lừa bịp. Nền giáo dục mới xã hội chủ nghĩa

---

1, 2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.37, tr.92.

phải phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đem đến cho họ tri thức và sự hiểu biết. Đó là cái cần thiết giúp cho họ chiến thắng, là vũ khí trong cuộc đấu tranh tự giải phóng của họ.

Không có sách thì không có tri thức, mà không có tri thức thì không thể có chủ nghĩa cộng sản. Nền giáo dục và nhà trường xã hội chủ nghĩa đã mang bản chất mới - bản chất giai cấp công nhân, và mục đích mới - đào tạo những người lao động kiểu mới phục vụ nhân dân lao động, đi tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Xây dựng nền giáo dục mới và nhà trường mới là xây dựng nền tảng văn hoá của xã hội mới làm cho giáo dục nhà trường và đội ngũ các nhà giáo trở thành lực lượng truyền bá tích cực nhất hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong xã hội. Chất lượng của nền giáo dục và nhà trường mới mà chúng ta xây dựng trong chủ nghĩa xã hội tuỳ thuộc một phần lớn và có tính chất quyết định ở chất lượng đội ngũ các nhà giáo. Công việc hệ trọng đó phải được xây dựng một cách cơ bản, có hệ thống qua từng bước, không thể hấp tấp vội vàng, không được chủ quan, giản đơn, duy ý chí.

Trong nhiệm vụ cải cách nền giáo dục xã hội và hệ thống các nhà trường, cần phải đặc biệt chú trọng tới việc *thay đổi nội dung và phương pháp giáo dục*, trong đó có nhiệm vụ cơ bản và trung tâm là *giảng dạy và học tập*.

Trong tác phẩm *Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên,* V.I. Lênin đã đặt vấn đề *giáo dục cộng sản và đạo đức cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ*, coi đó là vấn đề trung tâm của toàn bộ công tác giáo dục.

V.I. Lênin nhấn mạnh rằng, trong khi bài trừ hệ thống nhà trường của xã hội cũ, chúng ta tự đặt cho mình nhiệm vụ là chỉ lấy ở nhà trường cũ cái gì cần thiết cho chúng ta *để đạt được một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa chân chính mà thôi*. Cần phải làm cho thanh niên, thế hệ những người trẻ tuổi sẽ trực tiếp xây dựng xã hội mới thấu hiểu rằng, sẽ là một sai lầm khi nghĩ rằng, chỉ cần thấm nhuần những khẩu hiệu cộng sản, những kết luận của khoa học cộng sản chứ không cần phải thấm nhuần tổng số những kiến thức mà chính bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng là kết quả. Muốn tránh khỏi những sai lầm ấy, theo V.I. Lênin, phải biết hấp thụ những kiến thức đó một cách có phê phán, để cho đầu óc không phải chất đầy một mớ hổ lốn vô ích mà là để làm giàu trí óc bằng sự am hiểu những sự việc thực tế. Không có sự am hiểu những sự việc thực tế đó thì không thể trở nên một người hiện đại có học thức được[1].

Như vậy, giáo dục cộng sản chủ nghĩa trong và ngoài nhà trường phải đặc biệt chú trọng *giáo dục phương pháp tư duy khoa học* nhằm phát triển năng

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t. 41, tr.362.

lực trí tuệ gắn liền với *giáo dục và thực hành đạo đức cộng sản*, gắn liền lý thuyết với thực tiễn. Phải làm cho toàn bộ sự nghiệp giáo dục, rèn luyện và dạy dỗ thanh niên ngày càng trở thành sự nghiệp giáo dục đạo đức cộng sản trong thanh niên.

V.I. Lênin chỉ rõ rằng, người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra, đồng thời, chỉ khi nào cùng lao động với công nhân và nông dân, người ta mới trở thành *một người cộng sản chân chính được*[1].

Những luận điểm nêu trên của V.I. Lênin có giá trị và ý nghĩa định hướng tư tưởng, chính trị, đạo đức và văn hoá đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo con người trong chủ nghĩa xã hội mà cho tới nay vẫn còn nguyên tính thời sự của nó.

3. Phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ; xây dựng nền văn hoá nghệ thuật tiên tiến; đào tạo và sử dụng chuyên gia vừa "hồng", vừa "chuyên" vì sự tăng cường tiềm lực tư tưởng và tinh thần của chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của nhân dân

Cùng với giáo dục, khoa học bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học - kỹ thuật và công nghệ, và văn hoá nghệ thuật có vai trò rất to lớn trong việc tăng cường tiềm lực trí tuệ, cơ sở

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t. 41, tr.362-367.

vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát huy ảnh hưởng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân cách mạng trong đời sống xã hội. Nó tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Đây chính là nội dung không thể thiếu, không thể coi nhẹ trong cách mạng tư tưởng và văn hoá. Lực lượng thực hiện hoạt động này là đội ngũ trí thức khoa học và các văn nghệ sĩ. Có ảnh hưởng to lớn tới đời sống tinh thần và trạng thái ý thức xã hội là những trí thức khoa học và các văn nghệ sĩ nổi tiếng ở trình độ các chuyên gia hàng đầu mà chủ nghĩa xã hội phải ra sức đào tạo, sử dụng và phát huy những tài năng, sở trường của họ, tạo động lực cho họ phát triển và cống hiến ngày càng nhiều cho xã hội.

Khó khăn là ở chỗ, khi mới giành chính quyền, giai cấp công nhân và quần chúng lao động đã không thể có sẵn một trình độ phát triển cao về khoa học và văn hoá nghệ thuật. Đó là một thực tế và một thực tế khác không thể phủ nhận là, các chuyên gia tư sản lại thường có trình độ khoa học cao hơn nhiều so với những chủ nhân của chế độ mới.

Một tất yếu đặt ra là, phải *sử dụng những vật liệu mà thế giới tư bản cũ để lại cho chúng ta*, như V.I. Lênin nói[1].

Từ những chỉ dẫn đó của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, ta cần thấy rằng:

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.38, tr.65-72.

- Việc tiếp thu các thành tựu khoa học và văn hoá cũng như nghệ thuật mà chủ nghĩa tư bản tạo ra phải dựa trên nguyên tắc kế thừa lịch sử có chọn lọc và với tinh thần phê phán. Nó phải nhằm vào mục tiêu xây dựng và phát triển khoa học, văn hoá, nghệ thuật của chủ nghĩa xã hội, phù hợp với lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, nhằm phục vụ lợi ích cơ bản và lâu dài của quần chúng lao động.

- Việc sử dụng các chuyên gia tư sản, hướng họ hoạt động góp phần xây dựng xã hội mới là điều cần thiết. Cần phải sử dụng lao động của họ ở khắp nơi có thể sử dụng được. Song phải đặt họ vào những điều kiện nhất định để giai cấp vô sản có thể kiểm soát họ. Đồng thời cần phải học tập họ, *không mảy may nhượng bộ họ về chính trị*[1].

- Về cơ bản và lâu dài, để bảo đảm sự phát triển bền vững và sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng phải tập trung mọi cố gắng và sự nỗ lực bền bỉ để *đào tạo một đội ngũ chuyên gia thực sự là của mình*. Trên lĩnh vực này, tuyệt đối không được thua kém các chuyên gia tư sản. Xây dựng nền văn hoá mới tiên tiến có tính chất xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần nội dung và hình thức dân tộc, gắn với những yêu cầu của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ, đồng thời là một mục

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.38, tr.8.

tiêu quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hoá. Nền văn hoá đó mà V.I. Lênin gọi là văn hoá vô sản, văn hoá xã hội chủ nghĩa kết hợp được truyền thống với hiện đại, vừa giữ gìn và phát hủy được bản sắc, tinh hoa của dân tộc vừa kế thừa được những thành quả tốt đẹp, ưu tú nhất của văn hoá nhân loại qua các thời đại lịch sử. *Một mặt*, phải sáng tạo ra một nền văn hoá phong phú, đa dạng và hiện đại; *mặt khác*, phải làm cho giai cấp công nhân và quần chúng lao động tham gia tích cực vào quá trình sáng tạo văn hoá, trở thành chủ thể sản xuất, tiêu dùng và cảm thụ các giá trị văn hoá nghệ thuật, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh để giáo dục và đào tạo con người xã hội chủ nghĩa.

Phát triển khoa học, văn hoá nghệ thuật cùng với đội ngũ chuyên gia có tài năng, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị của giai cấp công nhân làm nòng cốt, đó là tạo ra tiềm lực hùng mạnh về trí tuệ, tư tưởng và tinh thần của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội có thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản.

4. Xây dựng con người phát triển toàn diện với đạo đức và lối sống văn hoá lành mạnh làm cho nguồn lực con người và nền văn hoá mới, thực sự là động lực phát triển và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Nhiệm vụ này được đặt ra như là sự phản ánh

kết quả tổng hợp của toàn bộ quá trình giáo dục văn hoá, xây dựng và phát triển văn hoá trong chủ nghĩa xã hội.

Đây chính là *tính hướng đích* của cách mạng tư tưởng và văn hoá phù hợp với bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Nó dẫn tới từng bước hình thành và phát triển chất lượng mới của con người, của các quan hệ xã hội và của đời sống văn hoá tinh thần trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Con người xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của xã hội mới được biểu hiện phổ biến trong quần chúng lao động: công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên. Đó là thế hệ những người được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng, là những người lao động đã trưởng thành, là các thế hệ trẻ kế tiếp. C. Mác từng nói: tương lai của chủ nghĩa cộng sản như thế nào, điều đó tuỳ thuộc vào việc giáo dục thế hệ trẻ đang lớn lên của giai cấp công nhân.

Những con người xã hội chủ nghĩa đó *thể hiện một mẫu nhân cách mới*: sống có lý tưởng, sống có trách nhiệm với công việc, với xã hội, với mọi người và với chính mình. Họ phải là những con người có học thức, có niềm tin khoa học, có năng lực hoạt động sáng tạo, làm việc với tính tổ chức, tính kỷ luật cao, đấu tranh cho lẽ phải, chân lý, cho sự công bằng, bình đẳng và

dân chủ. Đó là những con người có sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, sự phong phú về đời sống tinh thần.

Những con người và lối sống mới xã hội chủ nghĩa đó là sự thể hiện trình độ phát triển văn hoá cao của cá nhân và cộng đồng.

Đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh của xã hội vừa được biểu hiện ở đời sống văn hóa cá nhân, đời sống văn hoá gia đình lại vừa thúc đẩy mỗi cá nhân trở thành một *nhân cách văn hoá*, vừa tạo dựng các gia đình - những tế bào của xã hội thành *các gia đình văn hoá*. Như thế, đời sống văn hoá tinh thần của chủ nghĩa xã hội vừa như một môi trường xã hội với chất lượng cao về đạo đức, văn hoá và lối sống, lại vừa đồng thời là sự *tổng hợp phong phú các hoạt động văn hoá* của xã hội hướng vào sự phát triển cá nhân và cộng đồng nhằm tạo ra *văn hoá nhân cách của cá nhân, văn hoá gia đình và văn hoá của xã hội*. Chất lượng sáng tạo, cảm thụ văn hoá, giao tiếp văn hoá được tạo ra từ đó, như điều mà V.I. Lênin đã nói: phải làm cho những người lao động có thể thực sự hưởng được tất cả những phúc lợi của nền văn hoá, văn minh và dân chủ.

5. Đảng lãnh đạo cách mạng tư tưởng và văn hoá

Giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản trực tiếp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá cũng

như toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố quyết định trước tiên đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Đây cũng là sự bảo đảm về chính trị, tư tưởng và tổ chức để cách mạng tư tưởng và văn hoá do Đảng lãnh đạo đi đúng con đường và mục tiêu đã lựa chọn.

Mặt khác, những bước phát triển và những thành tựu đạt được trong cách mạng tư tưởng và văn hoá chẳng những nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, của xã hội mà còn góp phần phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là năng lực trí tuệ mà nhờ đó Đảng có sự trưởng thành thực sự về văn hoá chính trị, văn hoá của Đảng cầm quyền.

Vậy, nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng tư tưởng và văn hoá được thể hiện như thế nào? Để không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo đó, Đảng và đặc biệt là các cán bộ Đảng hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng và văn hoá cũng như đội ngũ đảng viên trí thức nói chung cần phải thường xuyên trau dồi những năng lực và phẩm chất nào?

Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã để lại cho chúng ta những chỉ dẫn quý báu về các vấn đề đó mà chúng ta cần vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác văn hoá hiện nay:

- Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình bằng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, bằng cương lĩnh, đường lối cách mạng và chủ trương, chính sách cùng sự chỉ đạo thực tiễn của mình trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá.

Cương lĩnh, đường lối, chính sách văn hoá của Đảng phải thấm nhuần và thể hiện sinh động thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Trong công tác lãnh đạo tư tưởng và văn hoá, Đảng phải thể hiện bản chất khoa học, cách mạng và sáng tạo.

Điểm nổi bật của các chính sách văn hoá của Đảng là tạo môi trường, khả năng và điều kiện để phát huy tối đa khả năng sáng tạo cách mạng của quần chúng, làm cho quần chúng tham gia thực sự vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hoá, khuyến khích năng lực sáng tạo văn hoá của các chuyên gia, tạo động lực phát triển văn hoá để đến lượt nó, văn hoá trở thành động lực phát triển và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

- Thể chế hoá sự lãnh đạo của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách. Nhà nước tiến hành các hoạt động quản lý văn hoá theo đúng các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản.

Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới Chính quyền xôviết, Hội đồng dân uỷ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của V.I. Lênin đã từng ban hành các sắc lệnh, chỉ thị về giáo dục, báo chí, xuất bản; về quản lý

nhà nước hệ thống bảo tàng, thư viện, coi đó là tài sản văn hoá chung, phục vụ nhu cầu văn hoá tinh thần của quảng đại quần chúng cũng như tạo điều kiện ưu đãi các chuyên gia, các trí thức bác học danh tiếng để họ đem hết tài năng phục vụ xã hội. Đó là những ví dụ tiêu biểu phản ánh tinh thần dân chủ, công bằng xã hội, quý trọng các tài năng khoa học, văn hoá nghệ thuật của Đảng trong lãnh đạo công tác văn hoá.

Đảng và Nhà nước cần phải đầu tư vật chất và tinh thần một cách có hiệu quả vào việc đào tạo cán bộ, đặc biệt là đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, có chính sách nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, đặc biệt là phát triển văn hoá ở nông thôn trong những nước mà nông dân chiếm đa số dân cư.

Đảng và Nhà nước cũng không ngừng chăm lo xây dựng nền văn hoá dân tộc và phát huy bản sắc văn hoá của từng dân tộc, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá dân tộc. Có chính sách nhằm nâng cao trình độ văn hoá của công nhân, làm cho giai cấp công nhân vừa xứng đáng là lực lượng sản xuất cơ bản và tiên tiến, vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng lãnh đạo công tác văn hoá bằng những phương pháp văn hoá, bằng sự am hiểu những đặc điểm của văn hoá và hoạt động sáng tạo văn hoá,

bằng chính sách linh hoạt, mềm dẻo đối với các chuyên gia, bằng sức mạnh của giáo dục thuyết phục và sự công phu, khoa học của công tác tổ chức.

Đây chính là sự kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật trong lãnh đạo chính trị của Đảng thể hiện trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Do tính đặc thù độc đáo của văn hoá, nhất là văn hoá tinh thần, việc giải quyết các nhiệm vụ văn hoá, đặc biệt trên lĩnh vực tâm lý xã hội, phong tục tập quán, lối sống... không thể hấp tấp, vội vàng. Nó có những yêu cầu riêng, những nét tinh tế riêng, nên lãnh đạo và quản lý văn hoá không giống như việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, quân sự. Sự khó khăn, phức tạp này đòi hỏi phải giải quyết các nhiệm vụ văn hoá một cách thường xuyên, lâu dài.

Mấu chốt của vấn đề là tuỳ thuộc ở trình độ, năng lực văn hoá của Đảng Cộng sản thể hiện thành phương pháp và các biện pháp sáng tạo đúng đắn trong vai trò lãnh đạo đất nước.

III. CÁCH MẠNG TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ Ở NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Vai trò của cách mạng tư tưởng và văn hoá trong tiến trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác-

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi hết sức quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (năm 1960) của Đảng đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đồng thời tiếp tục thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (năm 1976) trở đi, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được triển khai trên quy mô cả nước, đặc biệt là từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) cho tới nay, cả nước bước vào thời kỳ đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta luôn luôn khẳng định *sự cần thiết tất yếu của cách mạng tư tưởng và văn hoá, coi đó là một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), Đảng ta đã khẳng định cách mạng tư tưởng và văn hoá là một trong những phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời những mục tiêu của cuộc cách mạng này là "có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và "con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện" - đây là những đặc trưng

trong 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng[1]... Ngoài ra, các vấn đề về công tác tư tưởng và lý luận, giáo dục và đào tạo, khoa học-kỹ thuật và công nghệ, xây dựng con người mới với đạo đức mới và lối sống mới, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng đã nhiều lần được đề cập và nhấn mạnh trong các nghị quyết của Bộ Chính trị, trong các Nghị quyết Hội nghị Trung ương và Nghị quyết Đại hội VII (năm 1991), Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006).

Điều đó chứng tỏ tầm quan trọng đặc biệt của cách mạng tư tưởng và văn hoá trong sự nghiệp cách mạng và đổi mới ở nước ta. Trong thực tiễn đổi mới đã hình thành quan điểm coi *con người và văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực* của sự phát triển xã hội, của chủ nghĩa xã hội.

Nói tới cách mạng tư tưởng và văn hoá là nói tới việc thực hiện hàng loạt những nhiệm vụ nhằm xây dựng con người, xây dựng nền văn hoá mới. Không thực hiện được những nội dung và mục tiêu ấy không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Đối với nước ta cũng như những nước có đặc điểm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9.

và hoàn cảnh tương tự, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, thì cách mạng tư tưởng và văn hoá *càng có tầm quan trọng đặc biệt.* Càng đi vào kinh tế thị trường, hội nhập mở cửa với thế giới bên ngoài, nhất là trong xu hướng đang gia tăng của kinh tế tri thức và toàn cầu hoá như hiện nay, cách mạng tư tưởng và văn hoá càng nổi bật vai trò quan trọng.

Vai trò đó thể hiện ở những điểm chủ yếu dưới đây:

- Nước ta bước vào thời kỳ quá độ với điểm xuất phát thấp. Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu với những tàn tích nặng nề của chế độ thực dân nửa phong kiến và những hậu quả nghiêm trọng của chiến tranh, chúng ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải cải tạo triệt để những tàn tích của chế độ cũ để lại, đặc biệt là tư tưởng và ý thức xã hội; đồng thời phải xây dựng từ đầu cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, chính trị đến văn hoá, tư tưởng, xã hội và con người. Chỉ có đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá mới có thể thay đổi được ý thức xã hội của giai cấp công nhân và đông đảo dân chúng đã từng chịu ảnh hưởng nặng nề của hệ tư tưởng phong kiến, tiểu tư sản và tư sản; mới có thể thay đổi được

phong tục tập quán, lối sống và những thói quen cũ, lạc hậu; từ đó mới từng bước xây dựng được tư tưởng, ý thức xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ *tư tưởng mới* - chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - trở thành hệ tư tưởng chủ đạo phổ biến trong xã hội, trở thành nền tảng tinh thần của xã hội mới.

Chỉ có tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá, chúng ta mới có thể cách mạng hoá toàn bộ đời sống tinh thần từ trong giai cấp công nhân và Đảng của nó tới toàn xã hội, tạo ra sự thay đổi về chất các quan hệ tinh thần, phương thức sản xuất tinh thần, xây dựng những định hướng giá trị và những chuẩn mực giá trị mới về tinh thần, đạo đức, lối sống.

Đối với nước ta, cách mạng tư tưởng và văn hoá không chỉ là một bộ phận cấu thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà nó còn nổi bật ở vị trí *ưu trội* và nó diễn ra *thường xuyên, lâu dài* đối với *cả xã hội*, với từng tổ chức thiết chế, từng gia đình và từng con người trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đặt vấn đề là đổi mới xã hội trước hết phải đổi mới tư duy, ý thức là vì vậy.

- Do những đặc điểm và hoàn cảnh đặc thù của nước ta, cách mạng tư tưởng và văn hoá không chỉ đóng vai trò trực tiếp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá mà cuộc cách mạng này còn góp phần mạnh mẽ vào việc *tạo ra động lực để phát triển kinh tế và*

xây dựng các quan hệ xã hội mới, môi trường xã hội mới phù hợp với yêu cầu của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Nhờ việc xác lập những tư tưởng mới tiến bộ, khoa học và cách mạng, làm cho những tư tưởng, đạo đức, tình cảm cách mạng thấm sâu vào đời sống tinh thần của xã hội mà những sức mạnh tinh thần ấy có thể trở thành sức mạnh vật chất thúc đẩy xã hội cũng như con người phát triển. Đó là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là ý thức tự giác, tính tích cực chủ động, các năng lực sáng tạo được phát huy tạo thành *năng lực xã hội* của những người làm chủ chế độ mới. Với việc nâng cao dân trí, phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ, phát triển văn hoá, cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá sẽ tạo điều kiện để phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội đồng thời góp phần phát triển *ý thức dân chủ, trau dồi năng lực thực hành dân chủ* trong dân chúng. Chỉ như vậy, đông đảo quần chúng mới có điều kiện thực hiện *quyền* và *nghĩa vụ* làm chủ của mình, mới chủ động tham gia vào các công việc quản lý, vào đời sống chính trị mà trực tiếp nhất là tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng các đoàn thể, tổ chức chính trị *thực sự là của mình.* Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, có thực hành dân chủ rộng rãi thì mới phát huy được mọi tài năng,

sáng kiến của quần chúng, mới có *chiếc chìa khoá vạn năng* để giải quyết mọi khó khăn, thúc đẩy tiến bộ và phát triển.

- Cách mạng tư tưởng và văn hoá *còn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch, vững mạnh và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.* Trước hết, cách mạng tư tưởng và văn hoá được tiến hành sâu rộng trong toàn xã hội sẽ góp phần quyết định để nâng cao bản chất giai cấp công nhân, tính tiền phong gương mẫu và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường năng lực trí tuệ, trình độ tư tưởng, bản lĩnh chính trị của Đảng làm cho Đảng vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng đồng thời nâng cao dân trí về nhiều mặt. Thể chế nhà nước, đội ngũ công chức nhà nước nhờ tác động của cuộc cách mạng này, nhất là tác động giáo dục về đạo đức và pháp luật mà có thể ngăn chặn và khắc phục được những sự biến dạng, tha hoá về quyền lực, xa rời nguyên tắc uỷ quyền của dân, tận tụy phục vụ dân.

Văn hoá đạo đức, ở đây là đạo đức cách mạng: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nhất quán giữa lời nói với việc làm, thực hiện "Chính tâm" và "Thân dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy sẽ giúp cho Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị - cả tổ chức bộ máy lẫn con người - có thể đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu, tham

nhũng. Nhờ đó, mới có thể phát huy được uy tín và ảnh hưởng tốt đẹp của chế độ đối với xã hội, mới củng cố bền chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Đây lại là *cơ sở xã hội* bảo đảm cho chế độ xã hội chủ nghĩa vượt qua mọi thử thách. Theo đó, cách mạng tư tưởng và văn hoá đem lại một trong những đảm bảo cần thiết nhất cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, nó như một nhân tố bên trong làm cho cách mạng có khả năng *tự phát triển* và *tự bảo vệ*. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong tình hình hiện nay trước những thách thức và nguy cơ ngày càng gay gắt trên con đường phát triển với kinh tế thị trường, hội nhập và mở cửa.

- Cách mạng tư tưởng và văn hoá với nội dung và mục tiêu chủ yếu của nó là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa và nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chính là cuộc cách mạng *trực tiếp sản sinh* ra nguồn nhiên liệu của chủ nghĩa xã hội, như V.I. Lênin nói, *tạo ra nội lực quan trọng nhất, quyết định nhất* đối với sự phát triển của nước ta. Phải có những lực lượng con người thực sự là con người xã hội chủ nghĩa có đủ cả đức lẫn tài mà *đức là gốc,* để có sức mạnh chiến thắng chủ nghĩa cá nhân - thứ giặc nội xâm nguy hiểm nhất ở ngay trong lòng mình - thì mới xây dựng được thành công chủ nghĩa xã hội. Phải đem ánh sáng văn hoá soi đường cho quốc dân đi, làm cho văn hoá thấm sâu vào trong kinh tế và chính trị,

thấm sâu vào đời sống dân gian như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói. Chỉ như vậy mới có thể làm cho văn hoá, đặc biệt là các giá trị văn hoá tinh thần, mà con người luôn ở giá trị hàng đầu trong bảng giá trị văn hoá đó trở thành động lực, nội lực đẩy nhanh sự phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo được Đảng ta khẳng định là lĩnh vực ưu tiên xã hội, lĩnh vực đầu tư cho phát triển, đầu tư theo chiều sâu chính bởi vì sản phẩm mà nó cung ứng cho xã hội là con người, là chất lượng của nguồn lực con người. Chất lượng cao của nguồn nhân lực xét trên phương diện *từng cá thể* phải là sự *phát triển hài hoà cả thể lực, trí lực và tâm lực:* xét trên phương diện *xã hội* phải là *tổng hoà* các chất lượng cá thể ấy, sự liên kết, sự thúc đẩy lẫn nhau, sự quy tụ thành sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc *nhờ hợp lực và đồng thuận trong phát triển*. Sức mạnh căn bản ấy của chủ nghĩa xã hội được tạo ra từ *sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội.*

Sự phát triển này quy tụ mọi sự phát triển của con người, của văn hoá, bao hàm trong đó mọi sự phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội... - những sự phát triển *hướng tới* con người, những sự phát triển *trở thành* văn hoá.

Cách mạng tư tưởng và văn hoá ở nước ta có sứ

mệnh giải quyết những nhiệm vụ lớn lao như thế, đạt tới những mục tiêu nhân văn như thế của sự phát triển bền vững. Vai trò của cách mạng tư tưởng và văn hoá với những biểu hiện nêu trên cho thấy, cuộc cách mạng này ở tầm vóc chiến lược sâu xa và căn bản nhất trong toàn bộ chiến lược xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2. Nội dung và biện pháp thực hiện cách mạng tư tưởng và văn hoá ở nước ta hiện nay

Cách mạng tư tưởng và văn hoá có nội dung hết sức phong phú và rộng lớn mà đối tượng tác động của nó là con người và xã hội: từ tư tưởng, ý thức, đạo đức, lối sống đến năng lực sáng tạo, tiêu dùng, cảm thụ văn hoá trên lĩnh vực đời sống tinh thần. Tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá không thể không bắt đầu từ lĩnh vực giáo dục và nhà trường, gắn liền với giáo dục trong gia đình và giáo dục ngoài xã hội. Giáo dục tư tưởng và văn hoá là giáo dục có chủ đích và định hướng về thế giới quan và nhân sinh quan, đồng thời là giáo dục đạo đức để hình thành và phát triển nhân cách. Do đó, tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá tất yếu phải coi trọng nhiệm vụ phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ, trong đó bao hàm *phát triển lĩnh vực nghiên cứu lý luận và khoa học xã hội - nhân văn*. Xây dựng đời sống văn hoá tinh thần cũng đồng thời là một nội dung trọng

yếu của xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, của cách mạng tư tưởng và văn hoá nói chung. Chủ thể lãnh đạo cuộc cách mạng này và chủ thể quản lý văn hoá và mọi hoạt động văn hoá là Đảng và Nhà nước. Hoạt động lãnh đạo và quản lý của các chủ thể này lại đòi hỏi phải nâng lên *trình độ văn hoá lãnh đạo, quản lý,* đó lại là một phương diện hợp thành văn hoá chính trị. Giáo dục phải chuyển hoá thành tự giáo dục bằng cách làm hình thành và phát triển nhu cầu văn hoá ở mỗi người, đặc biệt là văn hoá đạo đức, văn hoá pháp luật để hình thành văn hoá dân chủ của cá nhân và của cộng đồng xã hội. Trên quan điểm thực tiễn, giáo dục tư tưởng và văn hoá phải làm cho con người, cá nhân cũng như tập thể, cộng đồng và xã hội hướng vào *thực hành văn hoá* trong văn hoá tư duy, văn hoá ứng xử và giao tiếp, văn hoá lao động và văn hoá lối sống đối với tự mình cũng như quan hệ giữa mình với mọi người, giữa con người với tổ chức và thể chế. Những hoạt động ấy phải ở trong môi trường văn hoá thì con người mới phát triển được nhân tính, tức trình độ người của mình, trở thành chủ thể văn hoá tham gia vào xây dựng và phát triển đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh của xã hội. Trên tất cả những phương diện và những yêu cầu như thế có thể nhận thấy sự phức tạp và chuyển hoá tinh tế giữa nội dung với những biện pháp văn hoá, trong đó có cái cốt lõi là

lý luận, tư tưởng. Sự phân biệt nội dung tư tưởng - văn hoá với biện pháp thực hiện tư tưởng - văn hoá ở đây là có tính tương đối. Trong nhiều trường hợp, chúng thống nhất, đồng nhất với nhau.

Để làm rõ nội dung và biện pháp của cách mạng tư tưởng và văn hoá ở Việt Nam hiện nay, chúng ta tập trung vào hai vấn đề nổi bật: *Xây dựng con người* và *xây dựng văn hoá*.

Về xây dựng con người xã hội chủ nghĩa:

Đó là những con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Đây là đặc trưng thứ tư trong 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa đã được ghi trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991). Đặc trưng này cho thấy *bản chất* và *mục tiêu* của chủ nghĩa xã hội trên phương diện con người. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, phải đặt vấn đề phát triển con người, đem lại hạnh phúc vật chất và tinh thần cho con người, chuẩn bị những điều kiện cho sự phát triển của con người là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là tính hiện thực phù hợp với chủ nghĩa xã hội - giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản.

Theo quan điểm của Đảng ta và tinh thần cơ bản của các Văn kiện Đảng đã xác định, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa phải chú trọng tới đầy đủ những nội dung của nó. Trước hết phải làm cho con người có *thể lực tốt,* vì điều đó vừa bảo đảm cho con người có hạnh phúc trong cuộc sống riêng của họ, vừa bảo đảm chất lượng sinh thể của các thế hệ người Việt Nam trong tương lai trong quá trình tái sản xuất nòi giống. Hơn nữa, thể lực tốt là tiêu chí đầu tiên của chất lượng nguồn lực lao động nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội công nghiệp hiện đại đối với con người: sự dẻo dai trong lao động, sự khẩn trương tháo vát trong nhịp độ, cường độ lao động theo phương thức công nghiệp. Thể lực chính là tiền đề sinh học để phát triển trí tuệ, trí thông minh và nhân cách nói chung của mỗi cá thể. *Sự phát triển trí tuệ,* sự nâng cao trình độ học vấn, học thức, có thói quen học tập, nảy nở nhu cầu học tập, tự đào tạo trong một xã hội học tập và một xã hội lao động - đây là điều mấu chốt để thoả mãn yêu cầu nhân lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế tri thức. Sự phát triển năng lực trí tuệ phải được đo bằng năng lực tư duy khoa học sáng tạo, năng lực làm chủ các phương pháp, đem lại kết quả, hiệu quả trong lao động. Con người xã hội chủ nghĩa còn phải có *tư cách đạo đức tốt* - mà

đây là đạo đức gắn liền với năng lực, đạo đức hành động; là sự thực hành đạo đức qua lao động, qua việc làm, qua lối sống. Đạo đức ấy gắn liền lập trường chính trị với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, biết phát huy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tập thể và gắn bó cộng đồng. Như một giá trị văn hoá, con người xã hội chủ nghĩa phải có lối sống đẹp, lành mạnh, phát huy mọi tinh hoa của dân tộc và thời đại, làm phong phú cuộc sống tinh thần, thế giới tinh thần của mình. Lại phải ra sức giáo dục cho con người có hiểu biết về văn hoá khoan dung, văn hoá ứng xử, giao tiếp, thể hiện sự tôn trọng nhân cách con người như *một thước đo văn hoá*. Ngày nay trong sự nghiệp đổi mới, con người phải tỏ rõ năng lực sáng tạo, có tinh thần đổi mới, thích ứng với cái mới hiện đại, có những phẩm chất như sự năng động, nhạy bén, có ý thức và bản lĩnh chính trị, khắc phục sự trì trệ, bảo thủ, giáo điều, chống thái độ hư vô chủ nghĩa, cực đoan, tự do vô chính phủ, có tinh thần dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng chịu trách nhiệm, phòng tránh được những mặt trái của cơ chế thị trường, những tiêu cực và tệ nạn xã hội. Đó còn là con người ý thức rõ về vị trí, nghĩa vụ, bổn phận của mình đối với xã hội, gắn bó với cộng đồng một cách tích cực, không thụ động, ỷ lại, kết hợp hài hoà giữa cá nhân với xã hội, tôn trọng lẽ phải và sự công

bằng, có ý thức dũng cảm đấu tranh bảo vệ chân lý, sự thật, đồng thời trau dồi lòng nhân ái, vị tha, vị nghĩa. Tựu trung lại đó là một *mẫu nhân cách mới, hiện đại,* trong đó định hướng đạo đức chủ đạo là khắc phục chủ nghĩa cá nhân, xây dựng đạo đức cách mạng. Nền tảng vững chãi của nhân cách để *làm người* và *ở đời* là như vậy. Với những phẩm chất và năng lực đó, con người sẽ thể hiện mình như một công dân, một người lao động kiểu mới, một nhân cách văn hoá, kết hợp được hài hoà các yêu cầu chính trị, khoa học, đạo đức, văn hoá. Những người xã hội chủ nghĩa với những tiêu chí trên đây không phải chỉ là một số nhỏ ưu tú nào đó mà phải trở thành một đa số phổ biến trong xã hội, trước hết là ở đội ngũ cán bộ, đảng viên làm gương cho quần chúng, ở thế hệ trẻ (lực lượng kế thừa sự nghiệp của cha anh) ở tính tiền phong đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá của giai cấp công nhân, và phát triển dần thành một chất lượng xã hội phổ biến của con người Việt Nam. Sự công phu, khó khăn, lâu dài của việc thực hiện chiến lược "trồng người" là ở đó. Từng bước để đạt được yêu cầu đó phải chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức, giáo dục tư tưởng chính trị và giáo dục truyền thống, thực hiện cải cách giáo dục trong hệ thống các nhà trường, thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động

sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội"[1]... Trong nền kinh tế thị trường, giáo dục là vấn đề xung yếu của cách mạng tư tưởng và văn hoá. Cần phải có những bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu lý luận và khoa học xã hội nhân văn nói chung. Không làm tốt công tác này không thể có tiềm lực mạnh mẽ để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh ý thức hệ hiện nay cũng như giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan cho con người, ở trong Đảng cũng như ngoài xã hội. Để đào tạo, giáo dục con người xã hội chủ nghĩa còn phải đặc biệt chú trọng tới các chính sách kinh tế - xã hội và văn hoá hướng trực tiếp vào phát huy vai trò nguồn lực con người, tạo động lực cho sự phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn lực con người.

Về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng bàn về xây dựng văn hoá đã đề ra những nội dung cơ bản của văn hoá cần xây dựng là tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.35.

văn hoá tinh thần. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII bàn về xây dựng và chỉnh đốn Đảng cũng đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, lối sống, đã hình thành tư tưởng về *văn hoá của cán bộ, đảng viên; văn hoá của Đảng Cộng sản cầm quyền,* đấu tranh chống lại tình trạng thoái hoá biến chất của một bộ phận trong Đảng, chống quan liêu tham nhũng đã trở thành quốc nạn. Như vậy, con người và văn hoá cũng như văn hoá và con người trong đổi mới gắn liền mật thiết với nhau. Xây dựng được con người là xây dựng được cái cốt lõi, cái giá trị căn bản, sâu xa nhất của văn hoá.

Nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó phải là nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, một nền văn hoá có tính chất tiên tiến và hiện đại. Các lĩnh vực của đời sống tinh thần như văn hoá, nghệ thuật, giáo dục và khoa học, tri thức và phẩm chất đạo đức, ý thức và năng lực làm chủ của con người Việt Nam phải phát triển ở trình độ tiên tiến của nhân loại. Nền văn hoá đó còn phải thể hiện đậm nét sắc thái, bản sắc dân tộc. Bản sắc dân tộc nói ở đây không phải chỉ là hình thức mà chủ yếu là nội dung. Phải làm sao chăm lo giữ gìn và phát huy được bản sắc đó trong điều kiện kinh tế thị trường,

giao lưu văn hoá, hội nhập quốc tế và mở cửa với bên ngoài.

Xây dựng một nền văn hoá như vậy là góp phần giáo dục văn hoá để hình thành và phát triển *bản lĩnh văn hoá,* trong đó bao gồm cả *bản lĩnh chính trị* của Đảng, của dân tộc ta, nâng cao phẩm giá, trí tuệ với cốt cách tinh thần của các thế hệ người Việt Nam. Yêu cầu này đặt ra với tất cả tính cấp thiết, hệ trọng đối với nước ta để chống lại tình trạng thương mại hoá văn hoá trong kinh tế thị trường, tình trạng xuống cấp của các công trình văn hoá, các di tích văn hoá và lịch sử, tình trạng suy đồi đạo đức và lối sống cũng như nguy cơ môi trường xã hội - nhân văn bị ô nhiễm với sự lan tràn các tội ác, tệ nạn và tiêu cực xã hội.

Các thế lực đế quốc chủ nghĩa, chống chủ nghĩa xã hội thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" bằng những thủ đoạn tinh vi, hiểm độc làm suy yếu hệ tư tưởng cách mạng, làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa, làm lệch lạc những định hướng giá trị, đặc biệt là trong *lẽ sống* và *lối sống* của thế hệ trẻ, thông qua những tác động phản văn hoá, những sự thẩm thấu dần dần của những dòng văn hoá ngoại lai mà ta gọi là sự xâm lăng văn hoá.

Để kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc mà vẫn tiếp thu được những tinh hoa văn hoá của thế giới trên tinh thần chọn lọc và phê phán, cần phải

thường xuyên chăm lo bản lĩnh văn hoá, nhất là của chủ thể lãnh đạo và quản lý. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc còn phải chú trọng tới chính sách đầu tư phát triển văn hoá, nhất là văn hoá tinh thần, đào tạo cán bộ và chuyên gia trong các loại hình văn hoá, tăng cường quản lý nhà nước về văn hoá.

Bảo đảm công bằng xã hội trong việc thụ hưởng các thành quả giá trị văn hoá, công bằng giáo dục, y tế và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác; làm cho đông đảo quần chúng nhân dân được thực sự làm chủ, trở thành chủ thể trong sáng tạo, tiêu dùng, cảm thụ văn hoá. Đó cũng là bảo đảm *công bằng trong phát triển*.

Theo V.I. Lênin, chỉ có cái gì đã ăn sâu vào đời sống văn hoá, vào phong tục, tập quán, mới có thể coi là đã được thực hiện.

Những nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hoá nhằm xây dựng con người, xây dựng văn hoá cần phải được thực hiện một cách công phu, bền bỉ, thận trọng thấm nhuần tinh thần sáng tạo và đổi mới. Muốn được như vậy, cần phải tăng cường và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng đã vạch ra với tư cách là một chiến lược phát triển con người, phát triển văn

hoá, hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" sẽ bảo đảm cho con người và văn hoá trở thành *động lực* và *mục tiêu* của phát triển bền vững ở nước ta.

CHƯƠNG XVI

BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong những quy luật chung và là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; của Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm giữ vững những thành quả cách mạng và bảo đảm cho đất nước có điều kiện hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cục diện thế giới hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội thế giới đang thoái trào tạm thời nhưng nghiêm trọng, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế lợi dụng tình thế đó đang có nhiều âm mưu, thủ đoạn tấn công quyết liệt vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại thì vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở các nước này càng quan trọng và phức tạp hơn bao giờ hết.

I. BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - QUY LUẬT CHUNG CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Sự ra đời của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tổ quốc là một ý niệm đã từng xuất hiện rất sớm

trong lịch sử nhân loại. Tổ quốc không phải là một khái niệm trừu tượng, nhất thành bất biến mà là một phạm trù lịch sử, có nhiều nội dung: kinh tế, chính trị, văn hoá, địa lý, ngôn ngữ...; các nội dung đó phát triển biến đổi không ngừng. Tổ quốc là chế độ kinh tế và chính trị, gắn với nhà nước khi có giai cấp. Do vậy, trong điều kiện của xã hội có đối kháng giai cấp thì không có một Tổ quốc chung cho kẻ thống trị và người bị trị. Trên ý nghĩa ấy mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có"[1]. Lênin chỉ ra rằng, giai cấp vô sản khi chưa giành được chính quyền vẫn có Tổ quốc của mình, dĩ nhiên ý niệm về Tổ quốc của giai cấp vô sản không giống ý niệm về Tổ quốc của giai cấp tư sản. V.I. Lênin viết: "Đối với chúng ta, những người vô sản Đại Nga giác ngộ, lòng tự hào dân tộc có phải là xa lạ không? Dĩ nhiên là không! Chúng ta yêu mến ngôn ngữ và Tổ quốc chúng ta"[2].

Tổ quốc hình thành khi diễn ra sự phân công lao động, xuất hiện giai cấp và nảy sinh nhà nước. Từ đó, quan niệm Tổ quốc cũng gắn liền với khái niệm "quốc gia", và sau đó với cả khái niệm "dân tộc".

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Sđd,* 1995, t.4, tr.623.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, t.26, tr.128.

Các Tổ quốc ngày nay thường là những quốc gia dân tộc, quốc gia đa dân tộc. Cũng còn cả những Tổ quốc gắn với những hình thái cộng đồng chưa hình thành dân tộc.

Bản chất chính trị - xã hội của Tổ quốc chủ yếu được quy định bởi: giai cấp nào thống trị xã hội thì giai cấp đó là người đại diện cho Tổ quốc. Ở trong môi trường chính trị - xã hội đầy rẫy những mâu thuẫn, sự đối kháng giữa các giai cấp, cuộc đấu tranh gay gắt giữa các lực lượng chính trị, sự có mặt của "hai nền văn hoá" trong nền văn hoá dân tộc, các giai cấp khác nhau có ý niệm khác nhau về khái niệm Tổ quốc. Nếu như trong ý thức của người tư sản, Tổ quốc gắn bó với chế độ và địa vị thống trị của họ, thì đối với giai cấp công nhân, về mặt nhà nước và xã hội, Tổ quốc ấy lại trở nên xa lạ, nhà nước tư sản xây dựng và củng cố chế độ bóc lột, luôn là một lực lượng thù địch với giai cấp công nhân và đông đảo quần chúng lao động.

Những người chống chủ nghĩa xã hội khoa học đã xuyên tạc và vu cáo cho rằng, giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó không có lòng tự hào dân tộc, thiếu trách nhiệm với vận mệnh của dân tộc, của Tổ quốc. Sự thực của lịch sử chứng minh rằng, những người cộng sản, hơn ai hết, đã biểu hiện lòng yêu nước cao cả của mình đối với vận mệnh của dân tộc, của Tổ quốc và điều đó càng được chứng minh rõ ràng

ở cách mạng Việt Nam. Đã có biết bao tấm gương phấn đấu gian khổ, hy sinh oanh liệt của những người cộng sản phấn đấu cho Tổ quốc mình được tự do, dân tộc mình được độc lập, truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước mình được bảo vệ và phát triển.

Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhà nước nhân dân được thiết lập thì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa bắt đầu hình thành và không ngừng phát triển cùng với thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Tổ quốc chân chính gắn liền làm một với chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cơ sở kinh tế của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa được hình thành và ngày càng hoàn thiện; cơ sở chính trị - xã hội của nó là sự liên minh bền vững của giai cấp công nhân với nhân dân lao động, là Nhà nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức chính trị-xã hội khác do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tất nhiên, với tính cách là một hiện tượng chính trị-xã hội mang tính lịch sử, rồi đây, ý niệm về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa sẽ phải từng bước hoà nhập vào một ý niệm rộng hơn là cộng đồng nhân loại. Nhưng điều đó thuộc về tương lai rất xa, chỉ có thể xuất hiện khi chủ nghĩa cộng sản thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới. Còn trong giai đoạn lịch sử hiện nay, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại và phát triển như một nhân tố mạnh mẽ trong cuộc

đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc lâu dài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Không nhận rõ điều này là mơ hồ, mất cảnh giác, dễ rơi vào những ảo tưởng của một thế giới đại đồng tư sản trong quá trình toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa; dễ bị những luận điệu phản động lung lạc như: "đặt lợi ích nhân loại cao hơn lợi ích dân tộc và giai cấp"; "nhân quyền cao hơn chủ quyền", v.v. nhằm phục vụ cho mưu đồ chống lại độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, chống chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa đế quốc.

2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ chiến lược thường xuyên của các nước xã hội chủ nghĩa

Nhiệm vụ chủ yếu của nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ bản chất của mình, chủ nghĩa xã hội không cần đến chiến tranh, đến bạo lực để hình thành và phát triển, mà cần hoà bình để xây dựng, phát triển. Song, vấn đề dùng bạo lực vũ trang để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lại được đặt ra hết sức gay gắt. Do tính chất sâu sắc và triệt để của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nó không chỉ xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản mà còn xoá bỏ mọi sự bóc lột, xây dựng một xã hội không còn áp bức, bóc lột. Vì vậy, chủ

nghĩa xã hội gặp phải sự phản ứng điên cuồng của tất cả các giai cấp bóc lột. Chủ nghĩa đế quốc và các giai cấp bóc lột tập hợp tất cả mọi lực lượng thế giới cũ để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội với quyết tâm cao độ và lòng căm hờn dữ dội.

C. Mác và Ph. Ăngghen là những người đã vạch ra những quan điểm khoa học về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai ông chỉ ra rằng, trong điều kiện của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân mất Tổ quốc chân chính của mình, tuy vậy họ tuyệt nhiên không thờ ơ với số phận của đất nước thân yêu của họ; rằng, sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã thay thế cho tổ quốc tư sản, giai cấp công nhân có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

V.I. Lênin là người có công lao to lớn phát triển học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, một bộ phận của chủ nghĩa xã hội khoa học gắn liền với thực tiễn bảo vệ Chính quyền Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười, gắn liền với sự ra đời của các lực lượng vũ trang Liên Xô và việc tổ chức phòng thủ nước Cộng hoà Xôviết trẻ tuổi. Lý luận và thực tiễn đó gắn liền với lý luận về cách mạng vô sản của V.I. Lênin. Nếu như C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể thắng lợi đồng thời ở nhiều nước tư bản phát triển thì V.I. Lênin lại cho rằng cách mạng vô sản không thể thắng lợi đồng thời mà chỉ có thể ở

mắt khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc, thậm chí ở một nước riêng lẻ. Xuất hiện một tình hình rất mới là một quốc gia xã hội chủ nghĩa tách ra khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong vòng vây của hệ thống đó và phải chống đỡ với các cuộc tiến công và phản kích điên cuồng. Người viết: "Kể từ ngày 25-10-1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành "bảo vệ Tổ quốc", nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới, là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc, bảo vệ nước Cộng hoà Xôviết với tính cách là *một đơn vị* trong đạo quân thế giới của chủ nghĩa xã hội"[1].

V.I. Lênin đặt sự thống nhất hữu cơ giữa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với nhiệm vụ quốc tế của giai cấp công nhân. Người viết: "Chính vì lợi ích "củng cố mối liên hệ" với chủ nghĩa xã hội quốc tế nên *nhất thiết phải* bảo vệ Tổ quốc *xã hội chủ nghĩa*. Nếu ai có thái độ khinh suất đối với việc quốc phòng của một nước mà trong đó giai cấp vô sản đã thắng, thì người đó phá hoại mối liên hệ với chủ nghĩa xã hội quốc tế"[2]. Điều này khác về nguyên tắc với khẩu hiệu "bảo vệ Tổ quốc" mà chủ nghĩa đế quốc và bọn xã hội -

---

1, 2. V.I. Lênin: *Sđd,* 1977, t.36, tr.102, 358.

sôvanh trước đó đã dùng để biện hộ cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, nhằm chia rẽ và đẩy những người vô sản vào cuộc chém giết lẫn nhau phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản.

Ý thức được tầm quan trọng đặc biệt của công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, V.I. Lênin đã kêu gọi tăng cường sức mạnh của các lực lượng vũ trang Xôviết. Người chỉ rõ: "... Hãy chăm lo đến khả năng quốc phòng của nước ta và của Hồng quân ta như chăm lo đến con ngươi trong mắt mình, hãy nhớ rằng chúng ta không được phép lơ là một giây phút nào trong việc bảo vệ công nhân và nông dân của ta và bảo vệ những thành quả của họ"[1].

Sự thật lịch sử đã chứng minh rằng, từ khi chủ nghĩa xã hội hiện thực xuất hiện, các nước xã hội chủ nghĩa đã phải không ngừng chống trả những âm mưu và hành động lật đổ, xâm lược của đủ loại thù trong, giặc ngoài. Đầu tiên là nhân dân Xôviết phải đứng lên bảo vệ Tổ quốc trong những năm Nội chiến có sự can thiệp của nước ngoài (1918-1920). Sau này là trong thời kỳ chiến tranh vệ quốc vĩ đại chống lại những lực lượng xung kích của chủ nghĩa đế quốc là phátxít Đức và đồng minh của chúng (1941 - 1945).

Khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống

---

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1978, t.44, tr.368-369.

thế giới thì cuộc đương đầu với các thế lực thù địch cũng vô cùng quyết liệt và diễn ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa như: cuộc chiến tranh Triều Tiên, các cuộc bạo loạn phản cách mạng để lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Hunggari, Tiệp Khắc, Ba Lan cứ khoảng 12 năm lại diễn ra một lần, cuộc tiến công xâm lược hòn đảo tự do Cuba. Ở nước ta, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được đặt ra ngay từ sau cuộc Cách mạng Tháng Tám, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Để bảo vệ thành quả cách mạng, chúng ta đã phải tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống đế quốc Pháp và Mỹ xâm lược. Sau đó lại buộc phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu đất nước.

Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chứng minh một quy luật khắc nghiệt là: nếu không cảnh giác cao độ, nếu không chuẩn bị thường xuyên chống lại các âm mưu và hành động xâm lược, lật đổ của các thế lực thù địch thì chủ nghĩa xã hội không thể đứng vững, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không thể tồn tại được. Bài học đắt giá trên đây chứng minh các luận điểm sau của V.I. Lênin là hoàn toàn đúng: *Một là,* giành chính quyền đã khó nhưng giữ chính quyền còn khó khăn hơn; *hai là,* một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ.

II. NHẬN RÕ ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN XÂM LƯỢC, LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH

1. Những âm mưu, thủ đoạn gây nội chiến và vũ trang xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động

Gây nội chiến là hình thức chiến tranh do giai cấp tư sản phản cách mạng gây ra để mưu toan phục hồi ách thống trị của chúng. Đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nội chiến là hình thức đấu tranh vũ trang bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đè bẹp sự kháng cự của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ nhưng chưa bỏ vũ khí, chưa từ bỏ những âm mưu phục hồi "thiên đường" đã mất của chúng. Gắn với cuộc nội chiến thường diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt trên trường quốc tế, bọn phản động quốc tế thường dùng thủ đoạn can thiệp công khai, ra sức giúp đỡ bọn phản cách mạng trong nước. Trong trường hợp ấy, V.I. Lênin coi nội chiến là cuộc chiến tranh mang tính quốc tế, là "cuộc chiến tranh thiêng liêng của những người bị áp bức chống lại bọn áp bức để lật đổ chúng, để giải phóng những người lao động khỏi mọi áp bức"[1].

Sự xuất hiện một nước xã hội chủ nghĩa ở bất cứ

1. V.I. Lênin: *Sđd,* 1976, t.35, tr.229.

đâu cũng làm cho bọn đế quốc hằn học, căm ghét. Khi có điều kiện, chúng không ngần ngại gây ra cuộc chiến tranh xâm lược với những quy mô khác nhau, với những nguyên cớ khác nhau để bào chữa cho hành động xâm lược của chúng. Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc thường tổ chức ra chính phủ và quân đội bù nhìn là người bản xứ, rồi núp dưới danh nghĩa "quốc gia", "dân tộc" chống lại cộng sản để tiến hành xâm lược.

Từ sau khi Liên Xô sụp đổ và hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã đến nay, tưởng như từ một thế giới lưỡng cực bên miệng hố chiến tranh sang thế giới một siêu cường hoặc đa cực thì nhân loại sẽ được sống yên ổn trong hoà bình hơn. Thế nhưng tình hình diễn ra không phải như vậy. Các cuộc chiến tranh tôn giáo, sắc tộc... diễn ra ngày càng nhiều hơn. Thị trường vũ khí thế giới chưa bao giờ nhộn nhịp như ngày nay. Chủ nghĩa đế quốc vẫn là kẻ dung dưỡng hoặc gây ra các cuộc xung đột vũ trang. Một loạt sự kiện chính trị và quân sự ở Irắc, ở Nam Tư cũ, ở Inđônêxia, ở Checxnia (Nga)... chứng tỏ rằng, các thế lực đế quốc và bá quyền lợi dụng ngọn cờ nhân quyền, cổ vũ phong trào ly khai, gây rối, thực hiện chính sách cổ truyền "chia để trị". Một khi biện pháp chính trị, kinh tế... không đạt được mục đích thì chúng sẵn sàng chuyển sang tiến công quân sự bằng vũ khí công

nghệ cao như ở Irắc hay ở Nam Tư cũ. Hiện nay, sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại chưa gặp chiến tranh xâm lược vũ trang của chủ nghĩa đế quốc nhưng phải rất đề phòng sự can thiệp quân sự và chiến tranh xâm lược của chúng sau khi chúng đã chuẩn bị dư luận, dựng được phong trào ly khai bên trong, tạo "cớ" nào đó để triển khai tiến công quân sự từ trên không, hoặc cả trên bộ bằng vũ khí công nghệ cao...

Từ thực tiễn phong phú bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội khoa học đã khái quát những nhân tố bảo đảm thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những nhân tố cơ bản là: xác định vai trò lãnh đạo của Đảng mácxít-lêninnít và xây dựng Đảng đó có khả năng động viên được đông đảo quần chúng lao động đấu tranh vũ trang chống kẻ thù; xây dựng một đội quân có khả năng chiến đấu cao, có kỷ luật và kỹ thuật vững, có lòng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa; tổ chức hậu phương vững mạnh phục vụ cho nhu cầu của chiến đấu; kiên quyết trấn áp những cuộc bạo loạn, những âm mưu phản cách mạng ở hậu phương; lôi kéo lực lượng vũ trang của kẻ thù về phía cách mạng; phân hoá, cô lập kẻ địch; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và

công nhân quốc tế, của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Vận dụng học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác-Lênin, kết hợp với những kinh nghiệm đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng đường lối quân sự đúng đắn, phong phú và sáng tạo chỉ đạo hai cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc chống đế quốc Pháp và Mỹ thắng lợi oanh liệt. Những tư tưởng quân sự lớn có thể khái quát trên những luận điểm như sau:

- Nắm vững quan điểm "dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng", trước họa xâm lăng của đế quốc phải kiên quyết chiến đấu đến cùng tiêu diệt lực lượng địch, đè bẹp ý chí xâm lược của chúng, giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước âm mưu và hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, mọi ảo tưởng cải lương, xét lại, hoà bình chủ nghĩa đều bị thực tế lịch sử Việt Nam bác bỏ. Trong quá trình đấu tranh, phải nắm vững quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", xây dựng các lực lượng cách mạng bắt nguồn từ nhân dân, gắn bó với nhân dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện. "Then chốt thắng lợi của kháng chiến là *củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất*, củng cố công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển

quân đội, củng cố Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt"[1].

- Nòng cốt của chiến tranh nhân dân là các lực lượng vũ trang nhân dân. Phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân toàn diện về tư tưởng, tổ chức, kỷ luật, kỹ thuật, chiến thuật, thể lực... Song, điều quan trọng trước hết là xây dựng bản chất cách mạng của các lực lượng vũ trang: "trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội"[2]. Tổ chức lực lượng vũ trang với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân; phối hợp chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích; phối hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; tiến công địch mọi lúc, mọi nơi.

- Phát huy truyền thống đánh giặc của ông cha lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ thắng lớn, áp dụng chiến lược đánh lâu dài, giành thắng lợi từng bước để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Trong khi chuẩn bị đánh lâu dài, luôn tạo thời cơ, lợi dụng thời cơ, chớp lấy thời cơ để giành thắng lợi càng sớm càng tốt. Trên tinh thần chủ động tiến công, sử dụng tổng hợp nhiều hình thức đấu tranh: đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị; đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao; đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận..., kết hợp

1. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.7, tr.179.
2. Hồ Chí Minh: *Sđd,* 1996, t.11, tr.350.

các hình thức đấu tranh ấy tiến công địch cả trên ba vùng chiến lược: đồng bằng, đô thị và miền núi.

- Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, phân hoá và cô lập chúng, làm chúng tê liệt và suy yếu. Với ta thì đoàn kết tất cả các lực lượng có thể đoàn kết được, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, lực lượng nào không tranh thủ được nhưng có khả năng trung lập thì trung lập, nhằm "thêm bạn bớt thù", trên tinh thần kết hợp chặt chẽ tính cứng rắn về nguyên tắc với tính mềm dẻo về sách lược.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam với sức mạnh của cách mạng thế giới, sức mạnh tổng hợp của dân tộc với sức mạnh của thời đại, đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, các lực lượng hoà bình và dân chủ về phía ta để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Tư tưởng quân sự của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc là tài sản quý báu của dân tộc ta, cần được nghiên cứu và vận dụng trong tình hình mới nhằm không ngừng phòng thủ đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

2. Chiến lược "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc

Ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chiến lược "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đã trải qua những tên gọi khác nhau, tuỳ theo đối tượng tác động cụ thể trong từng thời kỳ như: "chiến thắng không cần chiến tranh", "vượt trên ngăn chặn" và gần đây là "triệt tiêu kẻ thù"...

Nội dung cơ bản của chiến lược "diễn biến hoà bình" là dùng mọi cách tác động vào các nước xã hội chủ nghĩa, làm xuất hiện các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội và Đảng Cộng sản từ bên trong. Ủng hộ, giúp đỡ, nuôi dưỡng những nhân tố xa lạ và chống đối ngày càng lớn mạnh dẫn đến nước bị tác động tự diễn biến, tự chuyển hoá thành chủ nghĩa tư bản. Đó là sự tiến công nhằm làm cho chủ nghĩa xã hội suy yếu, mất dần bản chất của mình để rồi bị hoà tan trong thế giới tư bản.

Những thủ đoạn dùng để thực hiện "diễn biến hoà bình" còn nhiều, nhưng nhìn chung tập trung vào mấy hướng như sau:

- Dùng hệ thống truyền thông, tin học toàn cầu tác động liên tục, bền bỉ vào các nước xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc hệ tư tưởng, phủ nhận những thành tựu, cường điệu những khuyết điểm, tuyên truyền những giá trị của chủ nghĩa tư bản. Từ đó đầu độc về tư

tưởng, làm đảo lộn nhiều tư duy, khái niệm, làm chuyển hoá dần tư tưởng của nhân dân nhất là của tầng lớp trẻ và cả tư tưởng của một bộ phận lãnh đạo.

Xây dựng, tiếp tay cho các lực lượng phản động, liên lạc với bọn phản động đội lốt tôn giáo, dân tộc... những phần tử bất mãn, đầu cơ chính trị, cài cắm gián điệp, nội gián... để hình thành lực lượng chống đối từ bên trong. Thông qua các cơ quan đại diện và nhiều con đường khác đưa người vào các nước xã hội chủ nghĩa để trực tiếp giúp đỡ, chỉ đạo hoạt động, tạo dựng "ngọn cờ" của các lực lượng chống đối Đảng và Nhà nước. Tuyển chọn những người vào làm việc như giám đốc, quản lý xí nghiệp... ở các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài, tuyển chọn học sinh, sinh viên đi học nước ngoài (đặc biệt chú ý con cháu cán bộ lãnh đạo cao cấp), tìm cách tuyên truyền, mua chuộc, tạo ra một đội ngũ chống đối, chuyển hoá chế độ về lâu dài.

Dùng đầu tư, viện trợ về kinh tế và sử dụng ưu thế về khoa học và công nghệ tiến hành thay đổi nền kinh tế, gây sức ép đẩy nhanh quá trình tự do hoá, tư nhân hoá kinh tế, thông qua kinh tế để chuyển hóa chính trị. Dùng hệ thống tài chính, tiền tệ mạnh xâm nhập vào trong nước, làm công cụ khống chế, cải tổ hệ thống tài chính-tiền tệ theo hướng tư bản chủ nghĩa. Nếu chống đối lại thì tiến hành trừng phạt, lật đổ thông qua biện pháp làm rối loạn hệ thống tài

chính, tiền tệ, từ đó kích động nhân dân biểu tình chống chính phủ, tạo cơ hội cho những kẻ theo chúng đứng ra nắm ngọn cờ, tiến hành lật đổ chế độ.

Tác động trực tiếp vào lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, ủng hộ những con người cụ thể, có khả năng hợp tác với phương Tây. Trên hướng này, chủ nghĩa đế quốc lợi dụng triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ lãnh đạo các nước, phân hoá, cô lập những người tốt, khuyến khích, ủng hộ những người có quan điểm hữu khuynh, có xu hướng "cấp tiến" theo hướng dân chủ đa nguyên chính trị và kinh tế thị trường dựa trên cơ sở tư nhân hoá. Khi những phần tử cơ hội hữu khuynh thắng thế, tiếp tục tác động làm cho họ ngày càng xa rời những nguyên tắc của Đảng, của chủ nghĩa xã hội, phạm những sai lầm ngày càng nghiêm trọng hơn. Lúc đó, những tác động khác nhau mà chủ nghĩa đế quốc đã tiến hành, sẽ "cộng hưởng với nhau" và với những khó khăn hiện có trong nước, sẽ biến thành sức mạnh công phá, đánh quỵ Đảng Cộng sản và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội.

Thực chất chiến lược "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc là sử dụng tổng hợp các biện pháp tư tưởng, tổ chức, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao và hoạt động ngầm để tiến công chủ nghĩa xã hội trong lòng các nước xã hội chủ nghĩa. Các biện pháp tư tưởng, kinh tế, ngoại giao được đặc biệt coi trọng như là công cụ để "mở cửa" đi vào trong nước, kích

động các nhân tố bên trong nổi dậy thủ tiêu chủ nghĩa xã hội.

Đây thật sự là cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc quyết liệt với những thủ đoạn phối hợp hoạt động trong và ngoài vô cùng xảo quyệt và hết sức nguy hiểm của chủ nghĩa đế quốc. Nếu các nước xã hội chủ nghĩa lơ là cảnh giác và không đánh bại âm mưu và hoạt động của chúng kịp thời thì có khả năng làm tan rã Đảng Cộng sản, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Song, khả năng đó thành hiện thực hay không còn tuỳ thuộc vào sự vững vàng của mỗi Đảng, tuỳ thuộc vào mức độ và quy mô của các sai lầm mà các Đảng phạm phải. Điểm mấu chốt của chiến lược "diễn biến hoà bình" là dựa vào các yếu tố chống chủ nghĩa xã hội ở bên trong các nước xã hội chủ nghĩa. Chỗ dựa ấy của chủ nghĩa đế quốc có thực hiện được hay không hoàn toàn phụ thuộc nhân tố chủ quan của các nước xã hội chủ nghĩa, tức là phụ thuộc vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, tinh thần làm chủ của nhân dân. Nếu nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh; giữ vững mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, chuyên chính với kẻ thù giai cấp; nâng cao cảnh giác, đánh bại kịp thời

mọi âm mưu và hoạt động của kẻ địch thì chủ nghĩa đế quốc hoàn toàn không thể làm nổi "diễn biến hoà bình" đối với chủ nghĩa xã hội.

III. BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

1. Những yếu tố tác động đến quốc phòng và an ninh và mục tiêu tổng quát của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Sau nhiều năm phải tiến hành chiến tranh chống xâm lược, nước ta mới giành được hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được đặt trên cơ sở của chủ nghĩa xã hội với những đặc điểm mới.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới ở vào thời kỳ thoái trào, nền quốc phòng và an ninh của chúng ta không còn chỗ dựa quốc tế là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là xây dựng đất nước, nhưng các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta bằng những âm mưu và thủ đoạn mới, mà nổi lên là âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa nước ta đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Do ở vào vị trí địa lý, chính trị, kinh tế, quân sự...

quan trọng trong khu vực Đông Nam Á, các nước đều quan tâm tới việc lôi kéo, khuất phục nước ta để tìm cách khống chế khu vực này. Họ đã và đang điều chỉnh chính sách đối với Việt Nam nhằm thực hiện ý đồ chính trị của mình. Các thế lực thù địch đang tìm cách tranh thủ, lôi kéo, chia rẽ các nước láng giềng với ta ở phía Tây để làm bàn đạp chống phá ta. Về phía Đông, việc tranh chấp chủ quyền về biển, đảo của một số nước cũng đang chứa đựng những nhân tố có thể bùng nổ xung đột, tác động đến quốc phòng và an ninh nước ta.

Thực hiện âm mưu làm bá chủ toàn cầu, gần đây Mỹ mở rộng NATO sang phía Đông, từng bước biến NATO thành liên minh quân sự xâm lược, sử dụng vấn đề thuần tuý nội bộ của một quốc gia có chủ quyền làm cớ gây chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, từ đó tách một phần lãnh thổ của họ đi theo quỹ đạo của Mỹ và phương Tây. Việc làm đó đang tác động mạnh đến an ninh thế giới và các quan hệ, buộc ta phải có suy nghĩ mới về củng cố quốc phòng, an ninh.

Đối với trong nước, các thế lực thù địch đang đẩy mạnh những hoạt động xâm hại trực tiếp đến an ninh quốc gia. Các trung tâm phá hoại tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc đang tăng cường quy mô hoạt động, tuyên truyền chống phá ta bằng nhiều phương tiện, thủ đoạn khác nhau. Điều chúng làm tập trung

là: phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; mở nhiều chiến dịch tuyên truyền vu cáo ta vi phạm "dân chủ", "nhân quyền", "đàn áp tôn giáo"; lợi dụng chiêu bài "chống tham nhũng" gây chia rẽ trong Đảng, gây hoang mang nghi ngờ và mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ.

Hoạt động chống phá tư tưởng luôn gắn liền với triển khai lực lượng dưới nhiều hình thức, đưa người thâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường, đẩy mạnh hoạt động thu thập tình báo, tuyển lựa, cài cắm cơ sở tình báo nội gián, phát triển lực lượng vào các tôn giáo, các vùng dân tộc, móc nối với các phần tử bất mãn, cơ hội chính trị... nhằm xây dựng lực lượng, tạo dựng "ngọn cờ", hình thành tổ chức, đảng phái đối lập, từng bước công khai hoá, hợp thức hoá để chống phá ta.

Trên lĩnh vực kinh tế, thông qua các chương trình viện trợ, các chương trình đầu tư có chủ định, các chương trình hợp tác thương mại..., các thế lực đế quốc đang gây sức ép với ta thúc đẩy nhanh quá trình tự do hoá, tư nhân hoá nền kinh tế, thông qua kinh tế để chuyển hoá chính trị.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn phức tạp, công tác quốc phòng, an ninh của ta đã bước đầu làm thất bại các âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ thành quả của cách mạng; giữ vững

độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; tạo môi trường thuận lợi để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của chúng ta còn nhiều tồn tại, yếu kém, nếu không được khắc phục tốt có thể gây nên tình trạng mất ổn định từ bên trong. Đáng chú ý là:

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch đối với nước ta còn mơ hồ. Chỉ đạo cuộc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch của các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế. Công tác bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hoá, đối ngoại, biên giới, biển đảo, bảo vệ bí mật quốc gia, quản lý cán bộ còn nhiều sơ hở.

- Kỷ luật của Đảng, pháp chế, kỷ cương của xã hội có nơi, có lúc chưa nghiêm minh. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tuy đã từng bước được củng cố, kiện toàn nhưng còn không ít nơi đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, nhất là cấp cơ sở. Nạn tham nhũng chưa bị đẩy lùi, một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức có quyền thoái hoá, biến chất nghiêm trọng về tư tưởng, đạo đức và lối sống. Bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, mất đoàn kết nội bộ khá phổ biến. Tình

trạng ấy đang làm tổn thương đến uy tín của Đảng và Nhà nước, gây bất bình trong nhân dân.

- Mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân phát triển phức tạp, một số địa phương xuất hiện "điểm nóng", nhiều địa phương đã diễn ra tranh chấp, khiếu kiện tập thể, ảnh hưởng xấu đến an ninh nông thôn, an toàn xã hội. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội diễn ra khá nghiêm trọng, đang trở thành nỗi lo lắng của nhân dân, tác động xấu đến trật tự an ninh.

- Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội xuất hiện những vấn đề phức tạp mới. Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính ở châu Á đã và đang tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội nước ta. Các nguy cơ tụt hậu về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa và tham nhũng chưa bị đẩy lùi, đang trở thành những thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh - xã hội nước ta.

- Về mặt xã hội, bên cạnh những tiến bộ cũng xuất hiện những vấn đề bức xúc mới: phân hoá giàu - nghèo, giải quyết việc làm, công bằng xã hội... Đáng chú ý là đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, vùng biên giới, hải đảo đời sống rất nghèo. Tình trạng du canh, du cư, di dân tự do, kể cả người từ nông thôn ra thành phố đang gia tăng. Tình trạng trên đang chứa đựng những nhân tố có thể gây mất ổn định đối với an ninh chính trị - xã hội.

Những yếu tố tác động đến an ninh quốc gia trên

đây dù từ bên ngoài hay bên trong đều nguy hiểm, nhưng phải đặc biệt chú trọng đẩy lùi những yếu tố bên trong vì điểm mấu chốt của chủ nghĩa đế quốc là dựa vào các yếu tố bên trong để thực hiện "diễn biến hoà bình". Những yếu tố đe dọa an ninh quốc gia sẽ chuyển hoá trong quá trình phát triển của đất nước. Chúng ta có nhiều khả năng và những thuận lợi to lớn để làm giảm dần từng bước và xoá bỏ những yếu tố đó. Tuy nhiên phải cảnh giác, sẵn sàng đề phòng để chủ động đối phó với những tình huống xấu xảy ra.

Mục tiêu tổng quát của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhằm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong những năm tới là: "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị - xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn có hiệu quả và nghiêm trị mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội"[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ: "Bảo vệ Tổ quốc xã

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.40.

hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc"[1].

Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ"[2].

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trên, trong thời gian tới chúng ta phải chủ động ngăn ngừa, đẩy lùi và loại trừ các mối đe dọa đến an ninh quốc gia là:

- Đẩy lùi và làm thất bại âm mưu và hoạt động "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.117.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.108-109.

- Tập trung khắc phục những biểu hiện suy thoái về quan điểm tư tưởng và phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên; củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và hệ thống chính trị nói chung.

- Chấn chỉnh kịp thời những sở hở, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, không để các thế lực thù địch lợi dụng phá hoại.

- Giữ vững ổn định chính trị trong nước; cảnh giác với thủ đoạn dùng quân sự của các thế lực thù địch; đặc biệt đề phòng âm mưu lợi dụng các vấn đề nội bộ như: tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền... để chống phá và tạo cớ can thiệp thô bạo vào nước ta.

2. Mục tiêu cụ thể và những quan điểm tư tưởng chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cần nắm vững những mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

Về chính trị: Giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng của Đảng và Nhà nước, của các lực lượng vũ trang; bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, xã hội, kiên định con đường xã hội chủ

nghĩa; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại nội bộ ta, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Về kinh tế - xã hội: Bảo đảm vững chắc sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa; làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch thông qua kinh tế để chuyển hoá chính trị. Kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách giàu - nghèo, giải quyết tốt nạn thất nghiệp ở thành phố, tình trạng nông dân mất ruộng đất và thiếu việc làm ở nông thôn. Hạn chế những tiêu cực của kinh tế thị trường, đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm kinh tế; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Về tư tưởng, văn hoá: Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa, phát huy truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại; làm thất bại âm mưu hoạt động xuyên tạc chủ nghĩa xã hội, phủ nhận lịch sử, tuyên truyền những giá trị tư sản về tự do, dân chủ, nhân quyền, đa nguyên, đa đảng của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bài trừ các nọc độc văn hoá phản động, đồi trụy.

Về đối ngoại: Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá của Đảng,

thực hiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới vì sự phát triển và bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ, lợi ích dân tộc; tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, củng cố và nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới.

Về quốc phòng, an ninh: Xây dựng vững chắc nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân; xây dựng lực lượng công an nhân dân và quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chống âm mưu của các thế lực thù địch phi chính trị hoá và chia rẽ lực lượng vũ trang.

Dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn những năm qua và yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, cần nắm vững ***những quan điểm, tư tưởng sau đây trong chỉ đạo công tác quốc phòng, an ninh***:

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đây là tư tưởng chỉ đạo bao trùm, quy định các mối quan hệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Sự kết hợp này được đúc kết từ nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội, và từ kinh nghiệm lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc ta: dựng nước phải đi đôi với giữ nước.

Hai nhiệm vụ này quan hệ mật thiết với nhau, là điều kiện và cơ sở của nhau, nếu được kết hợp chặt chẽ sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo đảm cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội phát triển nhanh và vững chắc.

- Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội.

Xác định phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, song không được xem nhẹ, buông lơi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Phải lấy việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước làm nền tảng giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng và an ninh; và đồng thời lấy việc ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh làm điều kiện để giữ vững ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội phải được thể hiện trong quy hoạch tổng thể cũng như trong từng ngành và vùng lãnh thổ, sao cho mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội là một bước tăng thêm tiềm lực quốc phòng, an ninh. Ngược lại, quốc phòng, an ninh ngày càng vững chắc lại tạo thêm môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn nhiệm vụ an ninh với nhiệm vụ quốc phòng; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

An ninh và quốc phòng là hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc,

vì các thế lực thù địch ở bên trong và bên ngoài luôn cấu kết với nhau chống phá cách mạng. Sự kết hợp này phải được thể hiện trong việc xây dựng tiềm lực vật chất và tinh thần của quốc phòng, an ninh, trong cơ chế phối hợp xây dựng nền an ninh và thế trận an ninh nhân dân với xây dựng nền quốc phòng và thế trận quốc phòng toàn dân.

Sự phối hợp giữa hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại được đặt ra một cách khách quan trong điều kiện mở rộng giao lưu, hội nhập với thế giới. Trong quan hệ đối ngoại phải bảo đảm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không để nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, không để các thế lực thù địch lợi dụng để thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình". Ngược lại, cũng không vì yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh mà hạn chế quan hệ đối ngoại, bỏ lỡ thời cơ hội nhập và sự phân công lao động quốc tế, nhưng luôn phải lấy sự ổn định bên trong làm nền tảng, làm điều kiện để nâng cao hiệu quả và mở rộng quan hệ quốc tế.

- Củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân.

Bảo vệ an ninh quốc gia, chống "diễn biến hoà bình", củng cố quốc phòng, chống họa xâm lăng của các thế lực thù địch không phải là nhiệm vụ riêng của công an và quân đội. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, của khối đại

đoàn kết toàn dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của Nhà nước, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng. Nhiệm vụ này cũng không phải chỉ đặt ra trong tình huống có chiến tranh hay bạo loạn lật đổ, mà là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh.

Nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang và sự nghiệp quốc phòng, an ninh là *lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện.* Bảo đảm sự lãnh đạo như trên sẽ xây dựng được các lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, trung thành với sự nghiệp cách mạng và phát huy được sức mạnh tổng hợp xây dựng nền an ninh và quốc phòng của đất nước.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang và sự nghiệp quốc phòng, an ninh thể hiện ở nhiều mặt nhưng chủ yếu là: không ngừng hoàn thiện đường lối chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt; thông qua Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, thể chế hoá và hiện thực hoá các chủ trương chính sách của Đảng đối với các lực lượng vũ trang và công tác quốc phòng, an ninh;

nâng cao lòng tin tưởng của các lực lượng vũ trang đối với sự lãnh đạo của Đảng, đánh bại âm mưu "phi chính trị hoá" các lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch.

- Quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm hại đến an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Trong tiến công thế lực thù địch phải kết hợp chặt chẽ chủ động tiến công với chủ động phòng ngừa, lấy chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong là chính; phát hiện và khắc phục kịp thời mọi sơ hở, không để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta; giữ vững nguyên tắc chiến lược cứng rắn nhưng có sách lược mềm dẻo, linh hoạt để tranh thủ được sự đồng tình rộng rãi, phân hoá, cô lập kẻ thù; chủ động phát hiện, ngăn chặn âm mưu của các thế lực thù địch, vô hiệu hoá hoạt động của chúng ngay từ đầu, từ nơi xuất phát.

- Kết hợp sức mạnh tổng hợp của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN MINH
ThS. NGUYỄN QUỲNH MAI
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN QUỲNH MAI

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty in Tiến Bộ.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 23-2010/CXB/669-94/NXBCTQG.
Quyết định xuất bản số: 4594-QĐ/NXBCTQG, cấp ngày 24-8-2010.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2010.